TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

SỐ 3-2014 (126)
NĂM THỨ 24

HƯỚNG VỀ ĐẠI LỄ VESAK LIÊN HIỆP QUỐC 2014

PHẬT TỬ TRẺ VÀ NIỀM KỲ VỌNG

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

VÀO CÁC MỤC TIÊU THIÊN NIÊN KỶ CỦA LIÊN HỢP QUỐC

Khai thị của Hòa thượng

THÍCH TRÍ TỊNH

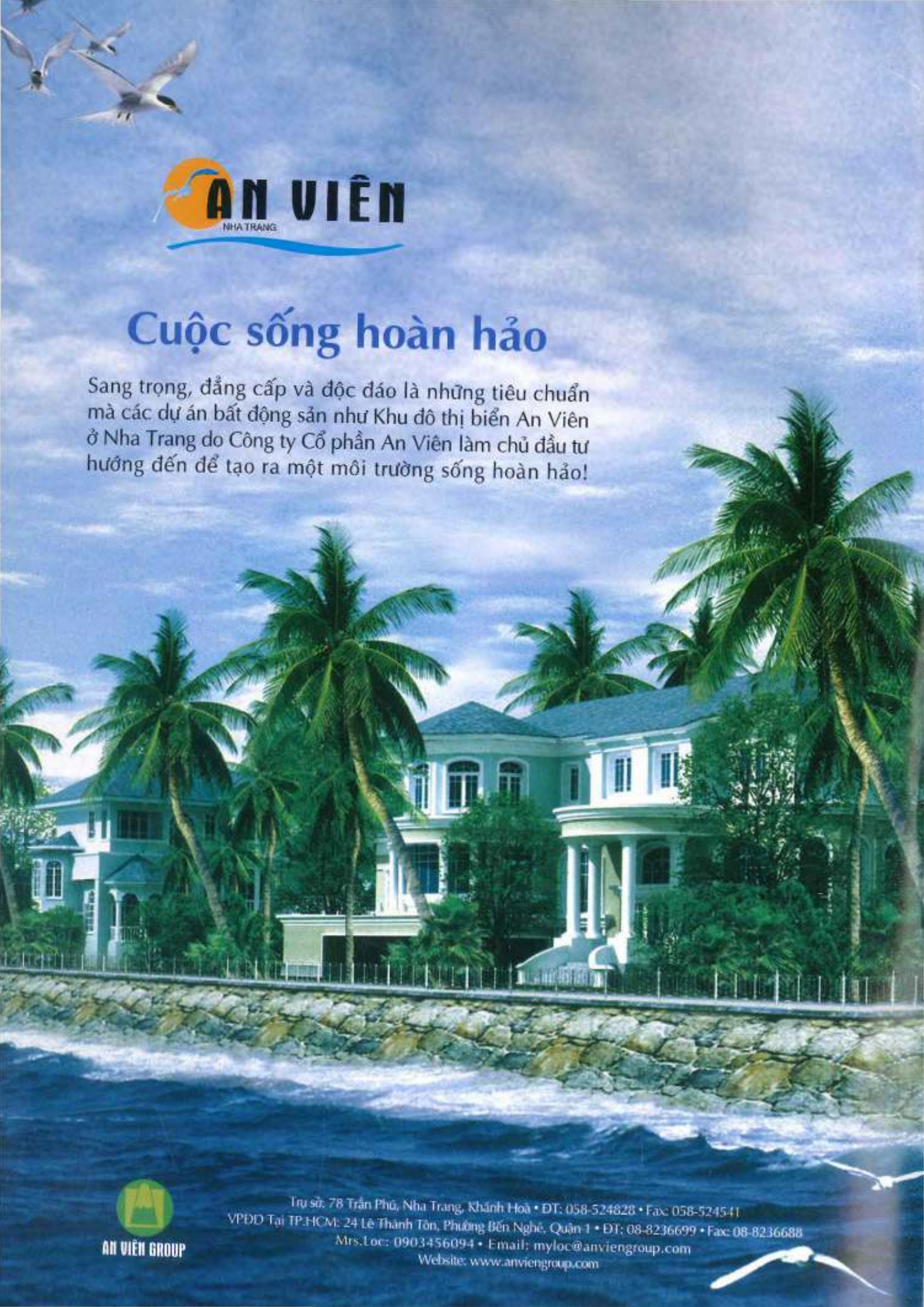
AN VIÊN
NHA TRANG
Cuộc sống hoàn hảo
Sang trọng, đẳng cấp và độc đáo là những tiêu chuẩn mà các dự án bất động sản như Khu đô thị biển An Viên ở Nha Trang do Công ty Cổ phần An Viên làm chủ đầu tư hướng đến để tạo ra một môi trường sống hoàn hảo!
AN VIÊN GROUP
Trụ sở: 78 Trần Phú, Nha Trang, Khánh Hoà • ĐT: 058-524828 • Fax: 058-524541
VPĐD Tại TP.HCM: 24 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1 • ĐT: 08-8236699 • Fax: 08-8236688
Mrs.Loc: 0903456094 • Email: myloc@anviengroup.com
Website: www.anviengroup.com

Hội đồng cố vấn
Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
Giáo sư VŨ KHIÊU
Giáo sư HÀ VĂN TẤN
Giáo sư PHẠM MINH HẠC
Cư sĩ TRẦN KHÁNH DƯ
Ông BÙI HỮU DƯỢC

Tổng Biên tập
Hòa thượng THÍCH GIA QUANG

Phó Tổng Biên tập
Hòa thượng THÍCH THANH NHIỀU
Đại đức THÍCH ĐỨC THIỆN
Cư sĩ PHẠM NHẬT VŨ

Trưởng Ban Biên tập
GIỚI MINH

Biên tập
THÍCH ĐÀM HINH
BẢO CHÂN

Trình bày
LÊ MẠNH THẮNG

Phụ trách hình ảnh
PHÙNG ANH TUẤN

Toà soạn và trị sự
CHÙA QUÁN SỨ
Số 73 phố Quán Sứ, Hà Nội
Điện thoại: 04. 39423887
Email: phathocvietnam@gmail.com
Tài khoản: 102010000032825 - Sở Giao dịch I
Ngân hàng Công thương Việt Nam

Đại diện phía Nam
CHÙA VĨNH NGHIÊM
Số 339, Nam Kỳ khởi nghĩa, P.7, Q.3, TP. HCM
Đại đức THÍCH THANH PHONG
Điện thoại: 08. 38 483 153
Email: vinhnghiemvn@yahoo.com

Giấy phép xuất bản
Số 01/GP-BVHTT ngày 02/01/2002

Chế bản và in tại
Công ty Cổ phần In nhanh Hoàng Minh
Giá: 30.000đ

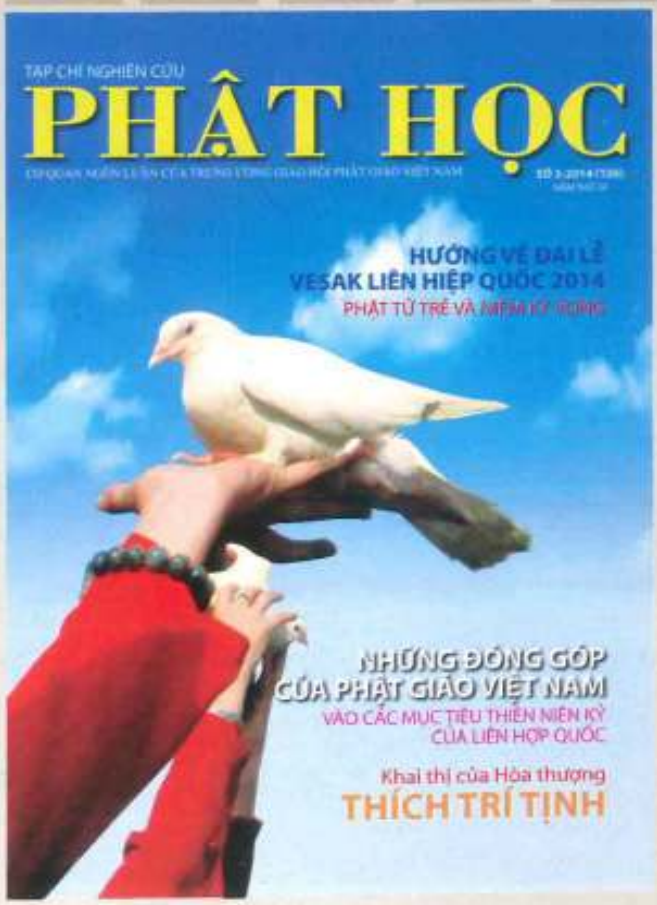

Ảnh bìa 1: PHÙNG ANH TUẤN

TRONG SỐ NÀY

Lời Phật dạy 3

HƯỚNG VỀ ĐẠI LỄ

Hướng về Đại lễ Vesak LHQ 2014, phật tử trẻ và niềm kỳ vọng 4

Ấn tượng Đại lễ Phật đản Vesak 2008 6

Những đóng góp của PGVN vào các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc 8

Trước thềm Vesak năm 2014, thăm Kinh đô Phật giáo Việt Nam 11

GIÁO LÝ

Giáo lý đạo Phật và đời sống gia đình qua Kinh tạng Nikàya 12

Tiểu sử Đại lão Hoà thượng Thích Trí Tịnh 15

Khai thị của Hòa thượng Thích Trí Tịnh 18

Hoà thượng Thích Đức Nhuận và quá trình thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam 21

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

Thi pháp thơ Thiền 25

Đức Phật với điển tích "Du quán tứ môn" 30

Hệ thống tổ chức Hệ phái Khất sĩ 32

Tín ngưỡng thờ cúng âm hồn của cư dân Nam Trung bộ 36

Nguồn gốc lịch sử ra đời & phát triển của Tịnh độ tông 40

Khởi nguyên tư tưởng Tịnh độ và Tha lực 43

TRAO ĐỔI

Thiền chánh niệm và não bộ 45

Ảnh hưởng giáo lý Phật giáo qua ca dao - tục ngữ 48

PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG

Từ thiện xã hội tôn giáo những vấn đề đặt ra với công tác quản lý nhà nước tại Việt Nam hiện nay 52

Đức Phật thành đạo đem lại cuộc sống an lạc cho nhân loại 57

Sư trưởng giáo huấn tri ân 59

TRUYỆN ĐẠO - TRUYỆN ĐỜI

Đó là mẹ 61

Dấu chân 61

Tình anh em 62

TRUYỆN BÁCH DỤ

Nhẫn được an vui 63

Chuyển họa thành phúc 64

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Cảm hứng Thiền Phật trong thơ Quách Tấn 65

Hiện thân 69

Thơ 70

Phật Đản ca 72

Viết là một cách tu tập 73

SƯU TẦM TRỌN BỘ 74

THƯ KẾT NỐI 75

PHẬT GIÁO TRONG NƯỚC 76

PHẬT GIÁO THẾ GIỚI 78

PHƯƠNG DANH CÚNG DÀNG 80

Lời Phật dạy *qua kinh Pháp Cú*

Hoa chiên đàn, già la
Hoa sen, hoa vũ quý
Giữa những hương hoa ấy
Giới hương là vô thượng.

Đệ tử Gotama
Luôn luôn tự tỉnh giác
Vô luận ngày hay đêm
Ý vui niềm bất hoại.

Bỏ quá hiện, vị, lai
Đến bờ kia cuộc đời
Ý giải thoát tất cả.
Chớ vướng lại sanh già.

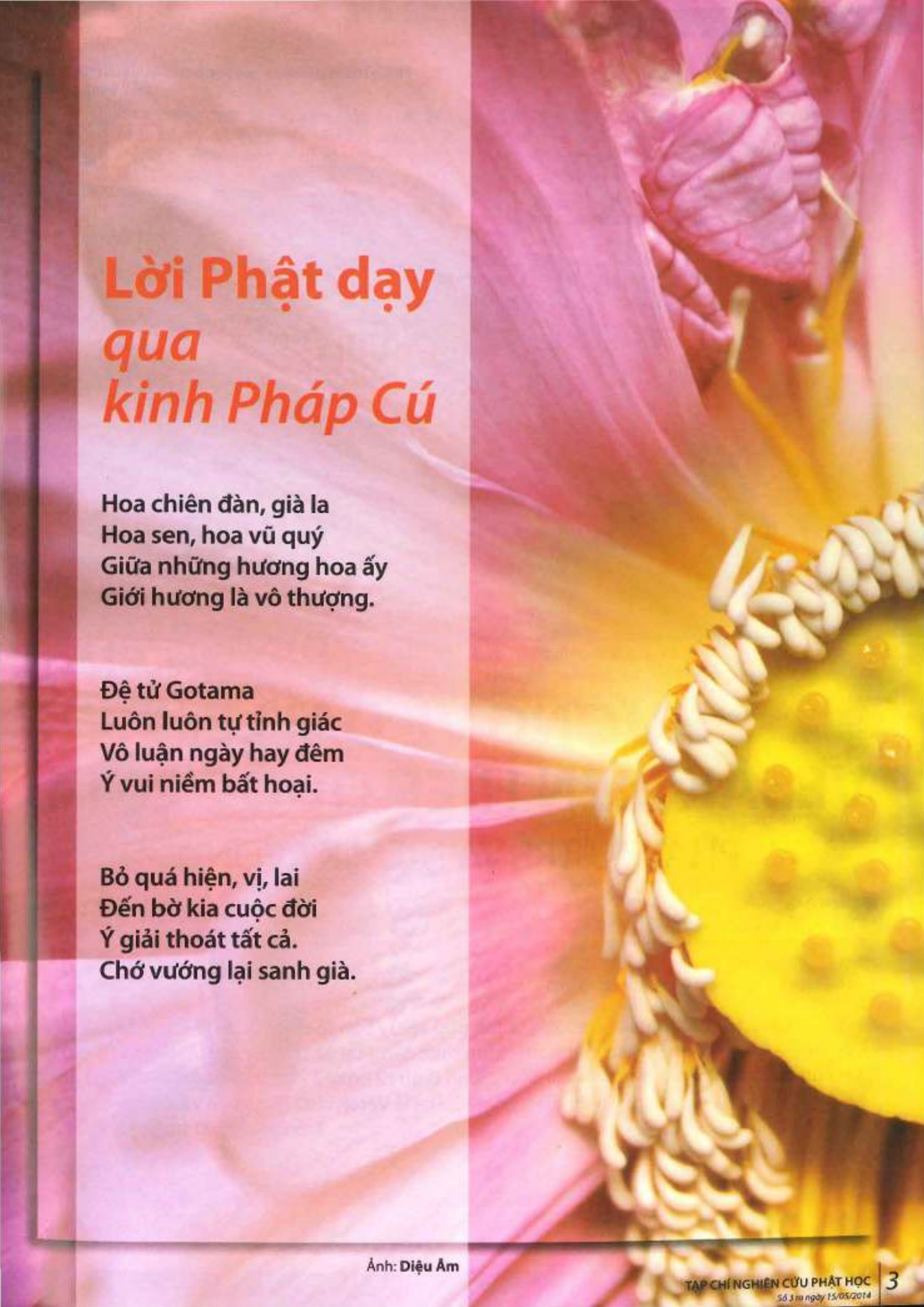

Ảnh: **Diệu Âm**

Phật tử trẻ Hà Nội tham gia trong các Đại lễ của Phật giáo
Ảnh: **Minh Thiện**

HƯỚNG VỀ ĐẠI LỄ VESAK LIÊN HIỆP QUỐC 2014

PHẬT TỬ TRẺ VÀ NIỀM KỲ VỌNG

● **Diệu Hòa**
Tình nguyện viên Vesak 2014

Được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak Liên hợp quốc, Giáo hội Phật giáo Việt Nam chính thức đăng cai và tổ chức Đại lễ Vesak LHQ 2014 tại khu du lịch văn hóa tâm linh Bái Đính, Ninh Bình từ ngày 7 - 12/05/2014. Đối với các phật tử, đặc biệt là các thanh thiếu niên phật tử, Đại lễ Vesak LHQ là sự kiện văn hóa - tâm linh trọng đại nhất trong năm 2014.

Nhiều tháng trước khi sự kiện diễn ra các bạn phật tử trẻ đã tham gia vào các công việc chuẩn bị, như chuẩn bị tờ gấp truyền thông Vesak, thiết kế thiệp chúc *"Happy Vesak 2014"* (Hoan hỷ Vesak 2014) với tranh ảnh phong phú về đức Phật, chùa chiền, in chương trình lễ Vesak 2014 gửi tới các chùa, từng địa phương là một hình thức cổ động thích hợp cho ngày lễ; chuẩn bị thuyền hoa, băng-rôn...

Từ 27/3/2014, BTC Đại lễ Vesak LHQ 2014 kết hợp với Trung tâm tình nguyện Quốc gia đã bắt đầu tuyển chọn tình nguyện viên phục vụ Đại lễ Vesak, tại Hội trường chùa Quán Sứ.

Công tác phỏng vấn tuyển chọn tình nguyện viên cho thấy sự kĩ càng trong khâu tổ chức của BTC Đại lễ Vesak hàng năm. Đó là những hoạt động hậu cần chuẩn bị cho việc tổ chức Đại lễ đã cho thấy sự hi vọng về một Đại lễ Phật giáo thành tựu viên mãn, thêm phần khẳng định tương lai Phật giáo khởi sắc và hưng thịnh ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung.

Các bạn trẻ mến mộ đạo Phật đang kì vọng qua Vesak 2014 lần này công tác hậu cần của các bạn tình nguyện viên sẽ để lại dấu ấn tốt đẹp trong con mắt của các vị sứ giả Phật giáo quốc tế.

Thanh niên tình nguyện trong Đại lễ Vesak 2008
Ảnh: **Minh Thiện**

Để làm được điều đó, trước hết đối với các tiểu ban phục vụ, như tiếp đón, hậu cần, hướng dẫn giao thông luôn phải nỗ lực hết mình. Công việc sẽ có cường độ cao, không phải tất cả các bạn trẻ có tâm hướng đạo đều đã thạo việc, nên có thể có lúc sẽ có những tình huống va chạm nho nhỏ. Nhưng các bạn trẻ tình nguyện viên luôn và trước hết là tinh thần phục vụ trong niềm hoan hỷ khôn cùng vì được góp phần mình vào thành công chung của Đại lễ.

Việt Nam tự hào có Phật Hoàng Trần Nhân Tông, một vị Vua vĩ đại đã 2 lần lãnh đạo quân dân đánh bại quân Nguyên Mông xâm lược, khi đất nước hòa bình, Ngài lại từ bỏ ngai vàng để lên núi Yên Tử tu thành đạo và sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Câu chuyện về Phật Hoàng gợi cho chúng ta nhớ về Đức Phật năm xưa cũng từ bỏ danh vị, ngai vàng, vợ đẹp con khôn để thực hành Bồ tát đạo cho đến khi thành đạo và cứu khổ cho nhân sinh. Chính vì sự thật vĩ đại ấy, Phật Hoàng Trần Nhân Tông đã được vinh danh với giải thưởng về Hòa bình tại Đại học Harvard (Mỹ).

Vì sao Ngài lại được tôn vinh. Bởi vì tâm nguyện của Ngài không hề mong muốn chiến tranh, Ngài chỉ muốn giữ gìn độc lập và hòa bình về cho quê hương đất nước được bình yên, Ngài nhường Ngai vàng cho hậu thế để đi theo con đường Đức Phật đã đi.

Để ngàn năm sau, lớp lớp thế hệ người Việt đã và đang noi theo nếp sống Thiền môn của Ngài.

Việt Nam là một dân tộc ưa chuộng hòa bình, vì thế bạn bè thế giới đến Việt Nam cũng vậy, đều hy vọng thế giới sẽ luôn sống trong bình yên và yêu thương, hòa hiếu.

Vậy nên, một lễ hội văn hóa - tâm linh tầm vóc quốc tế như Vesak LHQ 2014 được tổ chức tại Việt Nam chính là một trong những cơ hội quý báu để có thêm nhiều bạn hiền nếu chúng ta tổ chức thành công, nếu như tất cả chúng ta đều nỗ lực, trong đó có tâm sức chính thiết của các bạn phật tử trẻ.

Đại lễ Vesak LHQ 2014 trong tâm khảm mỗi người con của Phật thật là thiêng liêng, Đại lễ được kì vọng như một bước ngoặt cho Phật giáo Việt Nam hướng đến một tương lai khởi sắc hơn, nơi đó, mọi tùng lâm, tự viện đều có minh sư trụ trì để truyền bá giáo lý đạo Phật cho phật tử, đặc biệt là thanh thiếu niên.

Tuổi trẻ là tương lai của đất nước, dân mộ đạo, hiểu đạo là điềm thịnh của xã tắc, sinh viên trẻ là nguồn nhân lực dồi dào, là trí tuệ tương lai của đất nước, hi vọng qua 5 ngày làm tình nguyện viên sát cánh cùng Đại lễ, sinh viên Việt Nam sẽ ngày càng yêu mến đạo Phật hơn. Từ đó các bạn sẽ thích được đến thư viện chùa đọc sách và làm công quả, để được học và hành toàn diện những giá trị cuộc sống tốt đẹp trong đạo Phật.

"Rủ nhau sớm biết đi chùa
Trẻ trung dễ học, già nua khó hành".

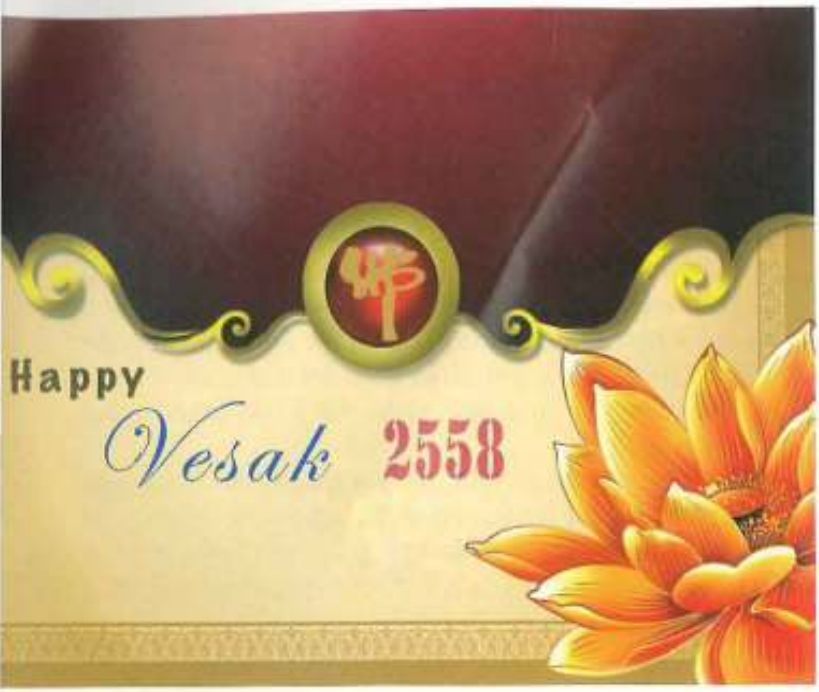

Cứ mỗi mùa sen nở, mùa Đại lễ Phật đản lại về, ở những thời điểm khác nhau, cách tổ chức cũng khác nhau, nhưng ấn tượng, đầy niềm tự hào, không thể nào quên: đó là Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc Vesak 2008, PL.2552 tổ chức tại Trung tâm Hội nghị Quốc Gia Mỹ Đình *(National Convention Center - NCC)*, Thủ đô Hà Nội, từ ngày 14/5 đến ngày 16/5/2008.

ẤN TƯỢNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN VESAK 2008

● **Trí Bửu**
Uv Ban Thông tin Truyền thông TƯ, GHPGVN

Đại lễ Phật đản LHQ Vesak 2008 - PL.2552 là một sự kiện đầy ắp những kỷ niệm thật đáng trân trọng, tự hào, đáng nhớ đối với người con Phật và những người tin, yêu đức Phật trên toàn thế giới, như Đức Pháp chủ Thích Phổ Tuệ đã trả lời phỏng vấn Bản tin Đại lễ Phật đản LHQ 2008 *(The UN day of Vesak News)*: *"Đại lễ Phật đản quốc tế Vesak 2008 được tổ chức tại nước ta là một phúc duyên rất lớn. Trên nhờ sự gia hộ của chư Phật, chư Bồ tát, chư Tổ và sự hộ trì của chư thiên hộ pháp; dưới nhờ sự nỗ lực chuẩn bị của các cấp ngành với tâm vô quái ngại mà hàng ngàn vị khách quốc tế đặc biệt, với hàng trăm các bậc thượng thủ Tăng già của cả thế giới câu hội, vân tập về Hà Nội. Sự hiện diện của chư vị khách quý đông đảo và đặc biệt như vậy, tạo nên một sự cảm ứng to lớn và sẽ tác động tích cực với đất nước ta, dân tộc ta..."*

Vesak 2008 PL.2552 một trong những ngày lễ tôn giáo và văn hoá lớn của Liên hợp quốc đã được tổ chức trọng thể tại Việt Nam, một đất nước thanh bình, thân thiện, văn minh và mến khách. Tại đây, quan khách đã được gặp gỡ những người phật tử Việt Nam giàu lòng vị tha, yêu đạo, yêu đời cùng với một kho tàng di sản Phật giáo đồ sộ từ chùa chiền cho đến kinh sách, văn bia... mà Phật giáo Việt Nam đã dày công xây dựng và tích luỹ được qua gần 2000 năm hình thành và phát triển.

Đại lễ Phật đản Vesak 2008 PL 2552 long trọng tổ chức tại Trung tâm Hội nghị quốc gia - Mỹ Đình *(National Convention Center - NCC)* từ ngày 14/5 đến ngày 16/5/2008, Hội trường hôm ấy chật kín cả người, đã quy tụ khoảng 100 quốc gia với 600 đoàn Phật giáo và hơn 50.000 người tham dự. Lễ khai mạc bắt đầu bằng lễ thượng kỳ *(Quốc kỳ và Phật kỳ)*, cử hành Quốc ca và Phật ca. Lễ Tam bảo, múa lục cúng, hát ca khúc Vesak thiêng liêng. Tại buổi lễ khai mạc: quý đại biểu đã nghe Diễn văn khai mạc của Chủ tịch Ủy ban Tổ chức quốc tế. Diễn văn chào mừng của Chủ tịch HĐTS GHPGVN HT. Thích Trí Tịnh, Diễn văn của Chủ tịch nước CHXHCNVN Nguyễn Minh Triết, Thông điệp của Đức Pháp chủ GHPGVN Thích Phổ Tuệ, Thông điệp của các nguyên thủ quốc gia và các đại sứ. Thông điệp của lãnh đạo các Giáo hội Phật giáo thế giới...

Hầu hết các diễn văn chúc mừng và thông điệp gửi đến Đại lễ Phật đản Vesak 2008 tại Hà Nội đã nêu bật sự *"Đóng góp của Phật giáo trong việc xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh"*...

Đặc biệt diễn văn của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Nguyễn Minh Triết tại buổi khai mạc Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc 2008 khẳng định: *"Việt Nam là đất nước đa tôn giáo mà đạo Phật là tôn giáo có mặt rất sớm từ gần hai ngàn năm trước. Ngay từ buổi đầu tiên, với tư tưởng Từ*

Bi, Hỷ Xả, Phật giáo đã được nhân dân Việt Nam đón nhận, luôn đồng hành cùng dân tộc với phương châm nhập thế, gắn bó giữ đạo và đời phấn đấu vì hạnh phúc và an vui cho con người. Trong các thời đại, thời đại nào lịch sử Việt Nam cũng ghi nhận những nhà sư đại đức, đại trí đứng ra giúp đời hộ quốc an dân. Đặc biệt lịch sử Việt Nam mãi mãi ghi nhớ công lao của vị vua anh minh Trần Nhân Tông có công lớn lãnh đạo nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Khi đất nước thanh bình, Người nhường ngôi từ bỏ giàu sang, quyền quý, tìm đến nơi non cao Yên Tử để học Phật, tu hành, sáng lập nên Thiền phái Trúc Lâm- một dòng Thiền riêng của Việt Nam tồn tại mãi tới ngày nay..."

Ngoài những buổi hội thảo chính tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Mỹ Đình, trong những ngày diễn ra Đại lễ có những hoạt động văn hoá văn hoá như triển lãm nghệ thuật, triển lãm thực phẩm, trình diễn vở cải lương Cuộc đời Đức Phật và biểu diễn các đoàn xe hoa hoành tráng, những lồng đèn được thả nổi trên sông và trong không gian, lễ thả bong bóng...lung linh đầy màu sắc.

Đặc biệt, tại Đại lễ có buổi hoà nhạc chào mừng do Đại đức Thích Minh Hiển chịu trách nhiệm thực hiện. Với đặc thù một chương trình nghệ thuật mang tinh thần Phật giáo của Việt Nam dành cho khán giả quốc tế, nên các ngôn ngữ trình diễn được sử dụng gồm múa và âm nhạc.

Tác phẩm giao hưởng - hợp xướng mang tên *"Khai giác"* của nhà soạn nhạc Nguyễn Thiện Đạo viết để trình diễn tại Đại lễ sẽ là một tác phẩm có một không hai trong lịch sử Phật giáo Việt Nam với sự tham gia biểu diễn của 450 ca sĩ, vũ công, nhạc công và 50 Tăng sinh Học viện Phật giáo Việt Nam.

Bản giao hưởng hợp xướng gồm 7 chương kéo dài 40 phút, dựa trên lịch sử 7 tuần thái tử Shiddarta giác ngộ thành Phật, tìm ra chân lý cứu khổ, giác ngộ, giải thoát, đem lại hòa bình và an lạc cho nhân loại.

Sau 3 ngày làm việc *(từ ngày 14/5 đến 16/5/2008)*, kết thúc Đại lễ đã có một buổi lễ thắp nến kỷ lục với sự tham dự của gần 20 nghìn người. 20.000 ngọn nến lung linh, huyền diệu đã được thắp sáng đêm 16/5/2008 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Mỹ Đình để cầu nguyện cho thế giới hòa bình mang theo thông điệp tình thương và tuệ giác của đức Phật.

Đại lễ Phật đản LHQ 2008 tại Việt Nam, Ban Tổ chức Đại lễ và Trung tâm Sách kỷ lục Việt Nam *(Vietkings)* đã công bố 12 kỷ lục Phật giáo Việt Nam.

1. Đại lễ Phật đản lớn nhất do Ban điều phối quốc gia, Giáo hội phật giáo Việt Nam, Ủy ban Tổ chức quốc tế (IOC) tổ chức. Đại lễ diễn ra trọng thể tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia từ ngày 14 - 17/5 với sự tham dự của 3.500 đại biểu chính thức đến từ 75 quốc gia và vùng lãnh thổ *(tính đến ngày 15/5)* trên thế giới.

2. Hội thảo quốc tế về Phật giáo lớn nhất diễn ra trong thời gian Đại lễ với 7 chủ đề, thu hút 5.000 đại biểu tham dự.

3. Số lượng người ăn chay lớn nhất từ trước tới nay. Toàn bộ thức ăn chay do Công ty TNHH sản xuất - kinh doanh thức ăn chay Âu Lạc cung cấp miễn phí với tổng kinh phí khoảng 10 tỷ đồng.

4. 30.000 đĩa DVD về vở cải lương *"Cuộc đời Đức phật"* thực hiện trong kỳ Đại lễ Vesak 2008. Chương trình do nhóm Pháp âm Đạo Phật ngày nay thực hiện, kịch bản Tuệ Quang, đạo diễn CD Hồ Ngọc Xum, đạo diễn sân khấu Trần Ngọc Giàu.

5. Cặp đèn *"Chùa Hoằng Pháp"* đạt kỷ lục cặp đèn lớn nhất. Đây là cặp đèn của huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh *(mỗi đèn cao 12m, nặng 10 tấn, sườn bằng sắt bọc vải)*

6. Khinh khí cầu Đức Phật đản lớn nhất do IOC, Công ty XD và Đầu tư Nam Việt Á làm, với chiều dài 26,23m *(ứng với năm Phật đản 2623)*, rộng 18m, nặng khoảng 60kg, diện tích 473,76m^2 cũng sẽ được ghi vào Guiness Việt Nam.

7. Lá cờ Phật giáo tại Đại lễ Vesak đã trở thành lá cờ Phật giáo lớn nhất *(phá kỷ lục Việt Nam)*.

8. Cuộc triển lãm ảnh Phật lớn nhất với 1.000 tấm ảnh về các chủ đề: các ngôi chùa Việt Nam trong 20 thế kỷ, kỷ lục Phật giáo Việt Nam, Phật tích Nepal và Ấn Độ, Đạo Phật và cuộc sống, sinh hoạt Phật sự... của nhà nhiếp ảnh Võ Văn Tường và các nhà nhiếp ảnh khác trong cả nước, khai mạc ngày 13/5.

9. Chương trình hòa nhạc giao hưởng Phật giáo lớn nhất với chủ đề *"Khai giác"* diễn ra vào chiều 16/5 có sự tham gia của 500 nghệ sỹ.

10. Lễ thắp nến cầu nguyện thế giới hòa bình lớn nhất diễn ra lúc 20h 30 ngày 16/5, tại TT Hội nghị Quốc gia, với khoảng 20.000 cây nến được Giáo hội Việt Nam thắp sáng.

11. Lễ trồng cây bồ đề nhiều nhất vào lúc 11h, ngày 17/5 tại chùa Bái Đính *(Ninh Bình)*. Các đại biểu sẽ trồng tại đây khoảng 100 cây bồ đề, chiết từ cây bồ đề Ấn Độ.

12. Ngôi chùa thả hoa đăng chào mừng Đại lễ Phật đản nhiều nhất Việt Nam, với số lượng 10.000 hoa đăng. chùa Thành *(Diên Khánh tự)* ở Lạng Sơn. Vào tối 18/5, đã có khoảng 10.000 hoa đăng được các tăng ni, phật tử thả xuống sông Kỳ Cùng.

Chùa Thành tên chữ là Diên Khánh tự *(do chùa nằm cạnh Đoàn Thành phía Bắc lên từ xưa mọi người vẫn quen gọi là chùa Thành)* có từ khoảng thế kỷ XV, trước kia thuộc Châu Ôn, có tên là Hương Lâm tự. Năm 1796, chùa được trùng tu và đổi tên thành Diên Khánh tự. Chùa Thành là Di tích lịch sử văn hóa Quốc gia từ năm 1993, trung tâm của Phật giáo tỉnh Lạng Sơn. Trong chùa hiện lưu giữ quả chuông được đúc từ năm 1671 triều vua Lê Hiển Tông, nặng 600kg.

Qua việc công bố 12 kỷ lục Phật giáo Việt Nam trong Đại lễ Vesak 2008 đã tạo nên hình ảnh và ấn tượng tốt đẹp về đất nước, con người và nâng cao vị thế Phật giáo Việt Nam với bạn bè quốc tế. Đồng thời khẳng định truyền thống văn hóa Phật giáo lâu đời, đã đi sâu vào đời sống dân tộc Việt Nam.

Hướng về Đại lễ Phật đản Vesak 2014, tổ chức tại Trung tâm Bái Đính, Ninh Bình nhớ lại mùa Đại lễ Phật đản Vesak 2008 để chúng ta tự khẳng định mình mỗi người con Phật phải tự hào góp một phần tích cực của mình cho sự thành công của Đại lễ Phật đản Vesak PL.2558, DL. 2014

Thật đúng là:

"Dù ai đi đâu về đâu
Đến ngày Phật đản năm châu đều về
Dù ai bận rộn trăm bề
Nhớ ngày Phật đản ta về chùa ta"

Hoà thượng Thích Quảng Tùng, Trưởng ban Từ thiện Xã hội trao quà cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã Đàm Thuỷ - Trùng Khánh - Cao Bằng
Ảnh: **Nguyễn Tuấn**

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM VÀO CÁC MỤC TIÊU THIÊN NIÊN KỶ CỦA LIÊN HỢP QUỐC

● Hòa thượng **Thích Gia Quang**
Phó Chủ tịch HĐTS - GHPGVN

Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc (LHQ), hay còn gọi là Đại lễ Tam hợp kỷ niệm 3 sự kiện lớn trong cuộc đời đức Phật; đó là ngày Phật đản sinh (8/4), ngày Phật thành đạo (8/2), và ngày Phật nhập Niết Bàn (8/12) (1).

Kể từ năm 2000 đến nay, hàng năm LHQ đã tổ chức trọng thể Chương trình Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc nhằm tôn vinh những giá trị nhân văn của tư tưởng hòa bình và nền giáo dục trí tuệ mà đức Phật đã để lại cho nhân loại. Trong đó LHQ đặc biệt đề cao việc ứng dụng những giá trị nhân bản cao quý của đạo Phật vào việc thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ của LHQ. Thật là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, thú vị, con số 8 mục tiêu thiên niên kỷ của LHQ lại trùng hợp với số 8 trong lễ Đại lễ Tam hợp thiêng liêng. 8 mục tiêu thiên niên kỷ của LHQ với kỳ hạn đến năm 2015, bao gồm ba mục tiêu hàng đầu: xóa đói giảm nghèo, phổ cập giáo dục & an sinh xã hội, và bình quyền nam nữ đã được Việt Nam hoàn thành sớm trước kỳ hạn.

Trong bài viết này, chúng con xin được tập trung làm rõ sự đóng góp của những giá trị tư tưởng của Phật giáo đối với 3 mục tiêu tối quan trọng trên.

Những đóng góp của Phật giáo với mục tiêu xóa đói giảm nghèo

Người Việt Nam có truyền thống *"Lá lành đùm lá rách"*, tinh thần đó của người Việt được nâng lên khi tiếp ứng tinh thần Từ - Bi - Hỷ - Xả của đạo Phật. Biểu hiện của lòng Từ là sự cho đi mà không mong đợi được đền đáp, hay còn gọi là Pháp Bố thí. Trong Phật Pháp, Pháp Bố thí luôn là Pháp đứng đầu của ba Pháp tu căn bản của phật tử, như Tứ nhiếp Pháp *(Bố thí - ái ngữ - Lợi hành - Đồng sự)*, Lục Độ Ba La Mật *(Bố thí - trì giới - tinh tấn - nhẫn nhục - thiền định - trí tuệ)*.

Tại sao Pháp Bố thí lại được tôn trọng như vậy? Đức Thế Tôn vì từ bi thương chúng sinh mà xuất gia tìm đạo cứu khổ cho chúng sinh, vậy người phật tử khi noi theo con đường cao thượng của Đức Thế Tôn, cần ban vui cứu khổ cho những người kém may mắn trong cuộc sống, từ đó họ tìm được Tam Bảo nơi để nương tựa về tinh thần, chỉ như thế họ mới có thể cùng ta quay về bờ Giác.

Nếu được như thế, phật tử đã và đang làm lợi ích cho Phật Pháp. Đó là ý nghĩa của lời Phật dạy: *"Phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật"*. Chính vì như thế, mà *"công đức cứu một người cũng ngang với công đức xây chín ngôi chùa"*. Thật vậy, công đức xây chùa được miêu tả trong kinh Nhân Quả:

Ai mà tu tạo chùa chiền
Tấm thân đài các ở miền thanh cao.

Trong khi công đức cứu người là:

Thấy người đói khát ở đâu
Bây giờ thí một sau hầu được trăm
Tu hành nhân kết càng thâm
Thí một được vạn phúc thẩm ai hay.

Pháp Bố thí là nhân lành của quả phúc ở thế gian. Cho đi là điều tương đối dễ làm, vì trong Tâm có chút tình thương, đó là hành trang để hành động, công đức lợi lạc cho người nhận và cả cho kẻ cho.

Cuộc đời không mấy đầy đủ, kẻ được phần này thì thiếu phần khác: Kẻ được vật chất thì thiếu về tinh thần, kẻ đầy đủ tinh thần lại thiếu thốn vật chất. Kẻ đang thiếu thức ăn mà được ăn, kẻ thiếu mặc mà được mặc, kẻ đang đau xót mà được vỗ về an ủi, kẻ đang lo sợ mà được đùm bọc che chở, thì thật là may mắn.

Trong một xã hội, có được nhiều người giàu lòng từ bi bác ái, luôn tìm cách giúp người, xã hội ấy chắc chắn được an vui thịnh đạt. Biết bao chương trình từ thiện mang áo ấm, lương thực, vật dụng thiết yếu do các đạo tràng, câu lạc bộ Phật tử tại các chùa trên mọi miền đất nước đã nhận được nhiều sự ủng hộ quyên góp của người dân, để dành cho đồng bào miền Trung và bà con dân tộc thiểu số, bà con ở vùng sâu, vùng xa và vùng hải đảo trên mọi miền đất nước.

Nhờ đó tỷ lệ người nghèo từ năm 1993 đang ở mức 58,1% giảm xuống còn 10,7% năm 2010, tính theo chuẩn nghèo mới của Chính phủ giai đoạn 2011-2015, tỷ lệ người nghèo giảm đáng kể từ 14,2% năm 2010 xuống còn 9,6% năm 2012, và giảm xuống còn...trong năm 2013.

Những đóng góp của Phật giáo với vấn đề phổ cập giáo dục

Phật giáo là nền giáo dục trí tuệ để hướng con người về cái Thiện với kim chỉ nam *"Duy tuệ thị Nghiệp"*, có nghĩa là duy trì và phát triển trí tuệ là sự nghiệp duy nhất của Phật giáo; ý nghĩa đó nhắc nhở người con Phật không những thực hành theo giáo lý Phật để tu tâm, mà còn đóng vai trò *"hoằng pháp viên"* giảng giải truyền bá đạo lý đến với những người khác, để giúp họ ứng dụng vào cuộc sống và có được an lạc.

Trước khi giảng giải đạo lý đến với người khác, nối tiếp truyền thống thế hệ Cao Tăng đi trước từ thời Lý - Trần, các quý Thầy vẫn mở những lớp học tình thương, xóa mù chữ cho trẻ em vùng cao, tạo điều kiện tốt nhất để cùng các thầy cô giáo khác dạy cái chữ và đạo làm người đến các cháu.

Không dừng lại ở đó, các Thầy còn khuyến khích các đạo tràng, các câu lạc bộ, phật tử và những người yêu mến đạo Phật thực hiện nhiều chương trình từ thiện trên khắp cả nước, trong số đó có không ít chương trình ủng hộ cho giáo dục, như xây trường, mua tặng sách vở, tặng đồ dung học tập...

Kết quả của những sự cố gắng nỗ lực không mệt mỏi vì tha nhân của những người con Phật đã và đang chung tay cùng xã hội dẹp giặc dốt, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong công tác phổ cập giáo dục: Năm 2009, tỉ lệ nhập học tiểu học đúng độ tuổi là 97%, và tỷ lệ trẻ em đi học hoàn thành năm năm tiểu học là 88%, và 90% trong số đó vẫn tiếp tục được học lên cao.

Phật giáo là nền giáo dục trí tuệ, nên ngoài việc chú trọng phổ cập giáo dục văn hóa phổ thông cho nhân dân gặp khó khăn, Phật giáo quan tâm nhất đến quá trình chuyển hóa nội tâm, cải tạo cái xấu, bồi dưỡng phát huy cái tốt, trang bị cho mỗi cá nhân những nhận thức có chính kiến, đức tin chân chính, những phẩm chất tâm linh, ý chí và đạo đức nhân bản, để họ làm hành trang tư lương cho đời sống an lạc.

Biết bao quý thầy đã vào thăm hỏi và giảng giáo lý cho các tù nhân mang trọng án với chủ đề *"Quay đầu lại là bờ"*, cốt để mang lại cho họ niềm tin, và quyết tâm cải tạo thành người lương thiện, để sớm được hòa nhập với xã hội; các tổ chức cơ sở Phật giáo đã cưu mang chăm sóc những nạn nhân HIV/AIDS.

Những đóng góp của Phật giáo với vấn đề bình quyền nam nữ

Phật giáo có những giá trị tư tưởng với truyền thống của người Việt Nam, trong đó quan trọng nhất là Phật giáo tôn vinh sự hiếu thảo của con cái với cha mẹ, đặc biệt là với người Mẹ. Điều này thể hiện toàn diện trong kinh Vu Lan - Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân; trong kinh này, Phật ca ngợi công lao sinh thành & dưỡng dục với bao nhiêu khổ sở nhẫn nại, và hy sinh đầy cao đẹp của người phụ nữ đối với con mình, từ đó mỗi người con đều cảm động trước lời Phật dạy mà biết tôn trọng yêu thương Mẹ mình nhiều hơn.

Phật giáo đề cao vị thế của người nữ với vai trò người Mẹ, và còn hướng dẫn người dân Việt Nam biết trân quý mẹ mình nói riêng trước tiên, rồi sau đó biết tôn trọng những người phụ nữ khác nói chung, phụ nữ họ đều làm

mẹ của nhân loại.

Bên cạnh việc tôn vinh tình mẫu tử của phái nữ, đức Phật và Tăng đoàn đã chấp nhận sự có mặt của Tỳ kheo Ni và cận sự nữ ngày từ năm thứ 2 sau khi Tăng đoàn thành lập, trong bối cảnh xã hội Ấn Độ cổ cũng như các nước châu Á khác vẫn còn đang trong thời kỳ của tư tưởng trọng nam khinh nữ.

Tỳ kheo Tăng thọ giữ 250 giới, tỳ kheo ni thọ giữ 350 giới. Giới luật đối với Phật tử được coi như là vị Thầy thứ 2 sau Đức Bản Sư. Cho nên đức Phật đã thẳng thắn chỉ dạy cho hàng đệ tử phải giữ gìn giới luật như thế nào, và Tỳ kheo Tăng cần giữ bao nhiêu, và Tỳ kheo ni cần giữ bao nhiêu là đủ, để đạt được trí tuệ và đạo quả Giải thoát.

Ngài đã có sự cân nhắc hết sức tường tận và tinh tế. Vì những người nữ đầu tiên xin xuất gia là Dì ruột và 499 người thân trong dòng tộc Sakya của Ngài, nên chắc chắn Ngài không phải chịu sức ép của xã hội, phong tục, hay bất cứ thế lực nào. Đứng ở góc độ này, Việt Nam có câu ca dao khá giống cách làm của đức Phật *"thương con cho roi cho vọt, ghét con cho ngọt cho bùi"*. Như thế giới luật của Ngài cho Tăng giới và Ni giới là cả một tấm lòng từ bi bình đẳng của đức Từ sinh chi Từ Phụ đối với tất cả các *"con"*, vì Ngài muốn Ni giới cũng đạt đến quả vị tu hành an lạc giải thoát như chư Tăng, dù có sự khác biệt về tâm sinh lý.

Cuối năm 2009 đầu năm 2010, GHPGVN đã đăng cai tổ chức thành công Hội nghị Phật giáo Nữ giới Thế giới lần thứ XI, đây là sự kiện quan trọng, qua đó nâng cao vai trò của Ni giới Phật giáo tại Việt Nam nói riêng, trên thế giới nói chung. Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, với tấm lòng từ bi, Ni giới Phật giáo Việt Nam đã luôn đồng hành mọi mặt trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, từ việc thực thi đạo hạnh đến tham gia đấu tranh giải phóng dân tộc thống nhất đất nước, bảo vệ hòa bình, trùng tu chùa chiền. Cho đến những việc hoạt động từ thiện, với lòng bi mẫn của Từ mẫu, nhiều vị ni sư luôn mở rộng vòng tay nuôi nấng dạy dỗ các em bé mồ côi cơ nhỡ hoặc bị để lại trước cổng chùa, bên cạnh đó, Ni giới giúp đỡ các cháu bị ảnh hưởng chất độc da cam, các hộ nghèo trên mọi miền đất nước.

Hạnh Từ bi ban vui cứu khổ, luôn an ủi, khuyên lơn đã nhẹ nhàng xoa dịu nỗi đau khổ của thế nhân, lại gần với tình thương của người Mẹ, nên Đức Quán Thế Âm Bồ tát trong tín ngưỡng của các nước Đông Nam Á mới mang hình tướng nữ; cũng như Ni giới trong Tăng đoàn có vai trò như một hình ảnh biểu trưng cho hạnh Từ Bi của đạo Phật.

Việt Nam vốn tôn sùng đạo Phật, nên vị thế của Ni giới trong Tăng già được trân trọng như thế nào, vị trí của người phụ nữ ngoài xã hội càng được nâng cao hơn thế.

Trong lĩnh vực kinh doanh, không ít những vị lãnh đạo nữ thành công nam giới nhờ sự mềm mỏng khéo léo mà vẫn quyết đoán. Điều này giúp Việt Nam trở thành trong một trong năm nước châu Á có tỷ lệ đại biểu nữ trong Quốc Hội cao nhất, và con số lao động nữ chiếm hơn 50% tổng số lao động cả nước.

LỜI KẾT

Ngoài 3 mục tiêu quan trọng trên, các mục tiêu còn lại của LHQ cũng được Việt Nam quyết tâm thực hiện với sự đóng góp của Phật giáo như sau:

Mục tiêu 4: Việt Nam đã đạt được các mục tiêu về giảm tỉ lệ tử vong ở trẻ dưới năm tuổi và trẻ sơ sinh, cả hai tỉ lệ này đều giảm một nửa từ năm 1990 đến 2006. Tỉ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh đã giảm từ 44,4 trên 1.000 ca sinh năm 1990 xuống còn 16 trên 1.000 ca sinh năm 2009.

Mục tiêu 5: Ở Việt Nam, tỷ lệ tử vong bà mẹ đã giảm một cách đáng kể trong vòng hai thập kỷ qua, từ 233 ca tử vong trên 100.000 ca sinh vào năm 1990 xuống còn 69 ca tử vong trên 100.000 ca sinh vào năm 2009, giảm khoảng 2/3 số ca tử vong.

Mục tiêu 6: Việt Nam đã có tiến bộ đáng kể trong việc xây dựng khung pháp lý và chính sách trong những năm gần đây. Việt Nam có một chiến lược quốc gia tốt và 9 kế hoạch để ứng phó với HIV. Tỷ lệ nhiễm HIV trong tất cả các nhóm tuổi vào năm 2010 ước tính là 0,28%. Độ bao phủ của dịch vụ điều trị kháng virus đã tăng từ khoảng 30% năm 2007 lên đến 53,7% vào năm 2009.

Mục tiêu 7: Việt Nam cam kết giải quyết các vấn đề môi trường ở cấp quốc tế và chính sách, và đã đạt được những thành tích đáng kể. Diện tích rừng bao phủ tăng từ 27,8% năm 1990 lên khoảng 40% năm 2010.

Mục tiêu 8: Việt Nam đã đạt được nhiều bước tiến lớn trong việc xây dựng các mối quan hệ đối tác toàn cầu cho phát triển kể từ năm 2000, trong đó có việc gia nhập WTO, mở rộng hợp tác với ASEAN và tham gia trong một số hiệp định thương mại tự do mới. Về phía Phật giáo VN, năm 2008, lần đầu tiên Việt Nam đăng cai tổ chức thành công Đại lễ Vesak LHQ. Từ 11-15/03/2014 Lễ hội Phật giáo Ấn Độ Boudh Mahotsava được tổ chức tại chùa Phật Tích *(Tiên Du, Bắc Ninh)*. Lễ hội Phật giáo Ấn Độ Boudh Mahotsava là một trong những sự kiện lớn và quan trọng của GHPGVN, mở đầu cho các sự kiện phật sự trong năm, nhằm tiến tới chào mừng Đại lễ Vesak Liên hợp quốc 2014. Giải pháp của Phật giáo góp phần thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ sẽ không đi sâu vào các khía cạnh kinh tế, kỹ thuật hay đường lối chính sách quốc gia, mà để cập nhiều hơn khía cạnh con người, vì chính *"con người là chủ nhận của Nghiệp, là kẻ thừa tự của Nghiệp"*.

Vậy nên các giải pháp của Phật giáo đã và đang góp phần giải quyết tận gốc các vấn đề nan giải của nhân loại.

Đức Đệ Tam Pháp Chủ GHPGVN đã dạy: *"Nếu tinh thần lục hòa của Phật giáo mà được đem áp dụng vào đời, thì trên thế giới từ quốc gia đến gia đình khắp nơi đều an lạc vui vầy, làm gì có tranh chấp nhau. Nếu giữa các nước mà cũng tôn trọng theo tinh thần lục hòa thì sẽ là thế giới đại đồng"* (2).

CHÚ THÍCH:

(1) Các sự kiện thời gian là tính theo Âm lịch

(2) Lời dạy của đức Đệ tam Pháp chủ GHPGVN - Hòa thượng Thích Phổ Tuệ

TRƯỚC THỀM VESAK NĂM 2014
THĂM KINH ĐÔ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

● Hoàng Anh

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, trong só bốn nhà truyền giáo đầu tiên đặt chân lên Việt Nam, thì ba nhà sư là người Ấn Độ, đi qua Trung Hoa và tới Việt Nam. Một trong những Kinh đô Phật giáo xưa phải kể đến Luy Lâu *(hiện thuộc tỉnh Bắc Ninh)*, trung tâm Luy Lâu được hình thành sau quá trình du hóa của những tăng sĩ Ấn Độ.

Các vị tăng sĩ này tới viếng Việt Nam bằng đường biển, theo các thuyền buôn người Ấn. Nhưng trước khi các vị tăng sĩ Ấn Độ tới Việt Nam, các thương gia Ấn Độ cũng đã tới Việt Nam rồi và cũng đã mang theo sinh hoạt Phật Giáo tới xứ ta.

Chùa Dâu *(huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)* một trong những danh lam cổ tự bậc nhất của Việt Nam và lễ hội Dâu một sinh hoạt Phật giáo và hoạt động văn hóa dân gian tiêu biểu và đặc sắc của vùng quê Kinh Bắc, đã và đang trở thành điểm hẹn linh thiêng và hấp dẫn đối với đông đảo tín đồ phật tử và quý khách thập phương trên con đường hành hương về kinh đô Phật giáo Việt Nam.

Trước thềm Vesak 2014, chúng tôi dẫn mấy người bạn từ đất phương Nam đi thăm chùa Dâu. Ngôi chùa đã được Trung tâm Sách Kỷ lục Việt Nam xác lập kỷ lục là ngôi chùa phát xuất dòng thiền đầu tiên của Việt Nam.

Ngôi chùa nổi tiếng, vì thế mà có câu thơ lưu truyền dân gian:

Dù ai đi đâu về đâu
Hễ trông thấy tháp Chùa Dâu thì về
Dù ai buôn bán trăm bề
Nhớ ngày mùng tám thì về Chùa Dâu.

Dạo quanh khuôn viên chùa Dâu, chúng tôi gặp một vị sư ni, đang ngồi bên chiếc bàn dài đọc quyển *"Kinh chú thường tụng"*. Chúng tôi quan sát thì chỉ có một tấm biển ghi lời giới thiệu về chùa Dâu, một tấm biển vẽ sơ đồ chùa Dâu và hệ thống các chùa thờ Tứ Pháp.

Muốn biết thêm thông tin về các cổ vật cũng như giá trị văn hóa tín ngưỡng từ các pho tượng trong chùa, bởi trước khi đi, chúng tôi cũng đã có đọc qua trên mạng về các cổ vật, lịch sử của ngôi chùa cổ nhất Việt Nam, nhưng chúng tôi chỉ nhớ được một ít thông tin. Bởi nếu được nghe, được nhìn tận mắt, chắc chắn dữ liệu sẽ lưu lại trong trí nhớ của chúng tôi sẽ lâu hơn, ý nghĩa hơn rất nhiều. Chúng tôi tiến đến hỏi thăm vị sư ni. Được biết Thầy ở tại chùa này cũng đã lâu. Chúng tôi hỏi về lịch sử ngôi chùa, về bản Kinh khắc còn để trong tủ kính, về tháp Hòa Phong. Xong, câu trả lời cũng chỉ chung chung, không được như chúng tôi mong muốn,...

Nhận thấy điều đó, nên chúng tôi cũng không tiện hỏi thêm, mà chỉ cảm ơn Thầy và đi vãn cảnh tiếp. Cũng trên cung đường, cách chùa Dâu khoảng chừng 4km đó là chùa Bút Tháp, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành nơi lưu giữ pho tượng Quan Thế Âm Bồ tát nghìn mắt nghìn tay mang nhiều giá trị lịch sử, văn hóa. Chúng tôi vào mà không thấy vị sư thầy nào cả, chỉ có mấy cụ già ngồi nói chuyện với nhau ngoài cổng. Có thể do chùa đang trùng tu, nên công việc cũng bận hơn, vì thế các Thầy phải lo làm tròn việc của mình. Trên đường ra cổng, chúng tôi gặp nhiều tốp học sinh, khách du lịch vào viếng thăm mặc dù trời cũng đã về chiều.

Sau khi chụp vài bức ảnh làm tư liệu, chúng tôi trở về Hà Nội khi mặt trời đang xuống dần thấp hơn những ngôi nhà tầng cao nơi chốn quê bình yên. Một ngày đi *"thu thập"* thông tin, nhưng chẳng được là bao. Chúng tôi nghĩ cũng có thể mình chưa hỏi đúng người, đúng việc. Nhưng, qua đây, chúng tôi thiết nghĩ các chùa nên có bàn hướng dẫn thông tin, người hướng dẫn viên của chùa đó.

Trên đây là hai ngôi chùa nổi tiếng, có nhiều giá trị lịch sử, văn hóa của đạo Phật tại Việt Nam, bởi vậy sẽ có rất nhiều phái đoàn viếng thăm, tìm hiểu về chùa.

Ít nhất là vị trụ trì phải nắm rõ được lịch sử, giá trị của các cổ vật nơi ngôi chùa mình ở. Hoặc có thể vị tăng, ni hay ban hộ tự nên tìm hiểu sâu về lịch sử ngôi chùa, về giá trị các cổ vật trong chùa. Như vậy mới có thể gây ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách thập phương khi về chiêm bái chùa. Qua đó cũng để du khách hiểu hơn về lịch sử ngôi chùa nói riêng và lịch sử Phật giáo Việt Nam nói chung. Đó cũng là một cách hoằng pháp thiết thực, bổ ích, hiệu quả.

Mong rằng cú hích của Vesak 2014 thì không khí Vesak không chỉ ở Hội trường, không chỉ trung tâm Hội nghị, và không chỉ có dịp khởi sắc ở những ngôi chùa lớn, gần trung tâm thành phố... mà Vesak phải lan tỏa vào từng ngôi chùa ở mọi miền tổ quốc, trước hết nó phải có không khí và sức sống tại nơi đã từng là Kinh đô của Phật giáo Việt Nam.

GIÁO LÝ ĐẠO PHẬT VÀ ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH QUA KINH TẠNG NIKÀYA

● Phan Minh Đức

Gia đình được xem là tế bào của xã hội; cá nhân, gia đình và xã hội có sự tương thuộc lẫn nhau. Có thể nói gia đình là một tổ chức thu nhỏ của xã hội, các mối quan hệ chính trong một gia đình là quan hệ giữa chồng và vợ, giữa ông bà cha mẹ và con cháu (nếu là tam tứ đại đồng đường), giữa anh chị em với nhau. Ngoài trách nhiệm đối với bản thân ra, mọi thành viên trong gia đình đều có trách nhiệm đối với những thành viên khác và có trách nhiệm xây dựng, phát triển cuộc sống chung của gia đình. Khi gia đình được xây dựng và phát triển ổn định, bền vững thì xã hội, quốc gia mới hưng thịnh. Vì thế vai trò của mọi cá nhân trong việc nỗ lực xây dựng gia đình vô cùng quan trọng.

Ảnh: Thích Giác Thông

Việc xây dựng gia đình được thực hiện trên nhiều phương diện của đời sống vật chất và đời sống tinh thần, gồm có nền nếp sinh hoạt, tình cảm, văn hóa, đạo đức, kinh tế, tài chính, truyền thống gia đình, sự nghiệp của từng cá nhân và sự nghiệp chung của gia đình, việc gìn giữ các trách nhiệm, bổn phận của mỗi thành viên v.v... Trong kho tàng kinh tạng Nikàya có rất nhiều bài Kinh Đức Phật dạy về đời sống gia đình.

Trong kinh Điềm lành lớn[1], Đức Phật tuyên bố: *"Hiếu dưỡng cha và mẹ/Nuôi dưỡng vợ(chồng) và con/Làm nghề không rắc rối/ Là điềm lành tối thượng"*.

Ở đây Đức Phật cho biết việc nuôi dưỡng, thương yêu, chăm sóc cho những người thân trong gia đình, xây dựng tốt các mối quan hệ trong gia đình, có nghề nghiệp lương thiện ổn định cuộc sống gia đình là một hạnh phúc lớn lao, là điềm lành tối thượng.

Đối với cha và mẹ là hai đấng sinh thành, Đức Phật dạy bổn phận làm con phải hiếu kính, phụng dưỡng, xem cha mẹ như vị trời Phạm thiên[2].

Trong kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt[3], Đức Phật dạy như sau: Bổn phận của con đối với cha mẹ là kính yêu, phụng dưỡng cha mẹ, giúp những việc cha mẹ cần làm, giữ danh dự và truyền thống gia đình, giữ gìn tài sản, sự nghiệp của cha mẹ. Cha mẹ cũng có bổn phận nuôi nấng con khôn lớn và giáo dục con nên người, giúp con có nghề nghiệp, hướng con theo đường lành, dựng vợ gả chồng cho con, trao của thừa tự cho con đúng lúc.

Bên cạnh quan hệ giữa cha mẹ và con cái còn có quan hệ chồng vợ, quan hệ anh chị em. Về quan hệ chồng đối với vợ phải yêu thương, tôn trọng và chung thủy, quan tâm chăm sóc chu đáo đời sống vật chất lẫn tinh thần, thường tặng quần áo, trang sức cho vợ; Vợ đối với chồng phải thương yêu, kính trọng và trung thành, quản lý tốt nhà cửa, gìn giữ tài sản, sự nghiệp của chồng[4].

Người vợ vừa là vợ, vừa là người yêu, vừa là bạn tri kỷ, và cũng cần có những đức tính như mẹ hoặc em gái[5].

Đây quả là tư tưởng rất tiến bộ trong xã hội Ấn Độ cổ đại. Không chỉ ở Ấn Độ mà còn nhiều quốc gia khác trên thế giới, phương Đông lẫn phương Tây từ xưa đã có mặt tư tưởng bất bình đẳng trong quan hệ nam nữ, người vợ trong gia đình mất hết quyền làm chủ bản thân, phải lệ thuộc người chồng về mọi mặt.

Quan niệm về tình yêu, hôn nhân của Đức Phật cũng hết sức tiến bộ *(vợ chồng vừa có tình, vừa có nghĩa; trong mối quan hệ vợ chồng phải có tình yêu, tình bạn tri âm tri kỷ, phải có sự tôn trọng lẫn nhau và có trách nhiệm, bổn phận đối với nhau)*, cho đến nay sau hơn hai mươi lăm thế kỷ, người ta mới nhận ra ý nghĩa giá trị của nó.

Những đổ vỡ, bất ổn trong đời sống gia đình dẫn đến mất hạnh phúc, tình trạng ly dị, ly thân, ngoại tình, gây ảnh hưởng tiêu cực cho xã hội, làm giảm chất lượng cuộc sống đã khiến cho người ta nhìn lại, xem xét lại và tìm thấy những giá trị tích cực trong lời Phật dạy.

Về kinh tế gia đình và đời sống vật chất. Để xây dựng cuộc sống gia đình ấm no, hạnh phúc, những thành viên trong gia đình cần siêng năng tháo vát trong việc tạo ra tài sản, biết sử dụng tài sản một cách hợp lý và quan tâm giữ gìn tài sản, không để tài sản thất thoát, tiêu tán.

Những điều này đã được Đức Phật dạy rất rõ trong nhiều bài kinh.

Tăng Chi Bộ III, chương Tám pháp, Đức Phật dạy: Dù làm bất cứ nghề nghiệp gì cũng cần phải thiện xảo *(giỏi, khéo léo, tinh chuyên)*, lương thiện *(có đạo đức, được pháp luật cho phép)*, phải làm với tinh thần trách nhiệm, siêng năng không mệt mỏi, biết suy tư *(xem xét, tính toán, nghĩ tới chỗ lợi và hại, được và mất, thành công và thất bại)*, làm việc có phương pháp, tìm những phương thức mang lại hiệu quả tối ưu, biết tự làm và quản lý, điều hành người khác; phải có đầy đủ sự tháo vát, thông minh, năng động, biết làm những việc thích hợp với điều kiện bản thân và hoàn cảnh xã hội nhằm tạo ra của cải cung ứng cho đời sống cá nhân, gia đình và xã hội.

Nguyên văn đoạn kinh như sau: *"Thiện nam tử làm nghề gì để sống, hoặc nghề nông, hoặc đi buôn, hoặc nuôi bò, hoặc làm người bắn cung, hoặc làm việc cho vua, hoặc bất cứ nghề gì, trong các nghề ấy, người ấy thiện xảo, không biết mệt, biết suy tư hiểu phương tiện vừa đủ để tự làm và điều khiển người khác làm; này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ sự tháo vát"*- (ĐTKVN, Tăng Chi Bộ kinh III, chương Tám pháp, phẩm Gotami, kinh Dìghajanu, VNCPHVN, 1996).

Đức Phật dạy có năm nghề nghiệp không được làm, đó là: đồ tể *(giết mổ, sát sinh)*, buôn bán vũ khí *(gươm đao, súng đạn; vũ khí sinh học, hạt nhân, nguyên tử, nói chung là các phương tiện giết người, gây khổ đau, thương tổn cho người khác)*, buôn bán người *(buôn bán nô lệ, nô tỳ lao động, phục dịch, kể cả mua bán trẻ em, mua bán phụ nữ làm nô lệ tình dục)*, buôn bán chất gây say, gây nghiện *(rượu, ma túy)* và buôn bán thuốc độc *(các loại dược liệu, hóa chất độc hại)* - ĐTKVN, Tăng Chi Bộ kinh II, chương Năm pháp, phẩm Nam cư sĩ, VNCPHVN ấn hành, 1996.

Đức Phật dạy: *"Vì hạnh phúc nhiều người, hãy gầy dựng tài sản"*, *"Này gia chủ, có năm lý do để gầy dựng tài sản. Thế nào là năm? Ở đây, này gia chủ, được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh của bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi, thâu được một cách hợp pháp. Tự mình làm an lạc, hoan hỷ. Làm cho cha mẹ, vợ con, người phục vụ, người làm công được an lạc, hoan hỷ. Đây là lý do thứ nhất để gầy dựng tài sản. Lại nữa, này gia chủ, vị này làm cho bạn bè, thân hữu an lạc, hoan hỷ. Đây là lý do thứ hai để gầy dựng tài sản. Vị ấy chặn đứng các tai họa có thể khiến vị ấy trở thành trắng tay, vị ấy giữ được tài sản an toàn. Đây là lý do thứ ba để gầy dựng tài sản. Vị ấy có thể hiến cúng cho bà con (cho, biếu, tặng, giúp đỡ, chia sẻ, tương trợ về vật chất), cho khách (thết đãi bạn bè, tổ chức tiệc tùng, cho, biếu, tặng), cho hương linh người quá cố (cúng tế), hiến cúng cho vua (đóng thuế, cống nạp) và chư thiên (cúng dường). Đây là lý do thứ tư để gầy dựng tài sản. Vị ấy cúng dường các bậc sa môn, Bà la môn, sự cúng dường tối thượng này đưa đến phước báo vô lượng ở cõi người, cõi trời. Đây là lý do thứ năm để gầy dựng tài sản"* (ĐTKVN, Tăng Chi Bộ kinh II, chương Năm pháp, phẩm vua Munda, VNCPHVN ấn hành, 1996).

Việc tạo ra tài sản đã khó, việc gìn giữ và phát triển lại càng khó hơn. Đức Phật đã chỉ ra một số nguyên nhân

gây ra sự thất thoát, phá tán tài sản như sau: *"Có bốn cửa xuất để tài sản bị tiêu phí, đó là: đam mê đàn bà, đam mê rượu chè, đam mê cờ bạc; giao du với bạn bè, thân hữu ác. Ví như một hồ nước lớn có bốn cửa nước chảy vào và bốn cửa nước chảy ra. Có người đóng các cửa nước chảy vào và mở các cửa nước chảy ra. Như vậy, nước hồ ấy ngày càng bị giảm thiểu, không tăng trưởng".* (Kinh Tăng Chi Bộ III, chương Tám pháp, phẩm Gotamì, phần Dìghajànu). Vấn đề này còn được Đức Phật đề cập đến trong kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt (thuộc Trường Bộ kinh II): *"Này gia chủ, có sáu nguyên nhân phung phí tài sản: Đam mê rượu chè là nguyên nhân phung phí tài sản. Du hành đường phố phi thời (đi chơi đêm hoặc ra ngoài trong giờ làm việc) là nguyên nhân phung phí tài sản. La cà hí viện đình đám (những nơi vui chơi, đàn ca múa hát mua vui; trà đình tửu điếm, lầu xanh; ngày nay là quán bar, vũ trường,casino (sòng bạc) và những nơi mua hương bán phấn, hưởng thụ trụy lạc ...) là nguyên nhân phung phí tài sản. Đam mê cờ bạc là nguyên nhân phung phí tài sản. Giao du với bạn ác là nguyên nhân phung phí tài sản. Quen thói lười biếng là nguyên nhân phung phí tài sản".*

Ở đây Đức Phật bổ sung thêm hai nguyên nhân phung phí tài sản nữa là ham chơi *(du hành phi thời)* và lười biếng *(ăn không ngồi rồi, tọa thực sơn băng-ngồi không ăn núi lở).*

Tác hại của việc *"du hành phi thời"*, nhất là du hành vào ban đêm cũng được Đức Phật phân tích hết sức đầy đủ và chi tiết trong kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt: *"Du hành đường phố phi thời có sáu nguy hiểm: tự mình không được che chở, hộ trì; vợ con không được che chở hộ trì; tài sản không được che chở hộ trì; bị tình nghi là tác giả các ác sự; nạn nhân các tin đồn thất thiệt, tự rước vào thân nhiều khổ não".* Tóm lại du hành phi thời là việc đi lại không an toàn có thể xảy ra nhiều hiểm hoạ cho mình, những người thân và tài sản sở hữu, danh dự.

Về quản lý chi tiêu tiền bạc cũng được Đức Phật đề cập đến trong kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt: *"Tài sản cần chia bốn/ Để kết hợp bạn bè/ Một phần mình an hưởng/ Hai phần dành công việc/ Phần tư, phần để dành/ Phòng khó khăn hoạn nạn".* Có lẽ không ai ngờ từ mấy ngàn năm trước Đức Phật đã lưu tâm đến tầm quan trọng của việc quản lý chi tiêu trong đời sống. Chi tiêu hợp lý, thích đáng là một vấn đề khá đau đầu, nó đòi hỏi sự thông minh và khéo léo, trong đó những phẩm chất đạo đức cũng góp phần ảnh hưởng đến cách chi tiêu.

CHÚ THÍCH:

(1)Thuộc ĐTKVN, Tiểu Bộ kinh tập I, kinh Tập, NXB. Tp.HCM, 1999

(2) ĐTKVN, Tăng Chi Bộ kinh I, chương Ba pháp, phẩm Sứ giả của Trời, kinh Ngang bằng với Phạm thiên, VNCPHVN ấn hành, 1996.

(3) ĐTKVN, Trường Bộ kinh II, kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt, NXB. TP.HCM, 1991.

(4)Theo kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt

(5) ĐTKVN, Tăng Chi Bộ kinh III, chương Bảy pháp, kinh Bảy hạng vợ, VNCPHVN, 1996.

Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh - Đệ nhất Phó Pháp chủ kiêm Giám luật Hội đồng Chứng minh, Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thu thần viên tịch vào lúc 09h15 phút ngày 28/03/2014 *(28/02/Giáp Ngọ)* tại chùa Vạn Đức, số 502 đường Tô Ngọc Vân, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. Tang lễ của Đại lão đã được tổ chức tại Chùa Vạn Đức, quận Thủ Đức từ ngày 29/3/2014 đến hết ngày 02/4/2014 *(từ ngày 29/02 đến ngày 03/3/Giáp Ngọ)*. Lễ Truy điệu và nhập Bảo tháp Đại lão Hòa thượng được tổ chức vào lúc 08h00 ngày 03/04/2014 *(04/03/Giáp Ngọ)*.

Để tưởng nhớ công lao to lớn của Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh đối với Đạo pháp và Dân tộc, Tạp chí Nghiên cứu Phật học trân trọng tuyên đăng:

TIỂU SỬ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH

Năm 1984, sau khi Hòa thượng Trí Thủ - Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN viên tịch vào tháng 4/1984, Đại lão Hòa thượng được suy cử Quyền Chủ tịch Hội đồng Trị sự, rồi Chủ tịch Hội đồng Trị sự nhiệm kỳ II và những nhiệm kỳ tiếp theo cho đến ngày về cõi Phật.

TIỂU SỬ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH

- Phó Pháp chủ kiêm Giám luật Hội đồng Chứng minh
- Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- Trưởng Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN
- Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQVN
- Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN Tp. Hồ Chí Minh
- Viện chủ Chùa Vạn Đức, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Chùa Vạn Linh, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

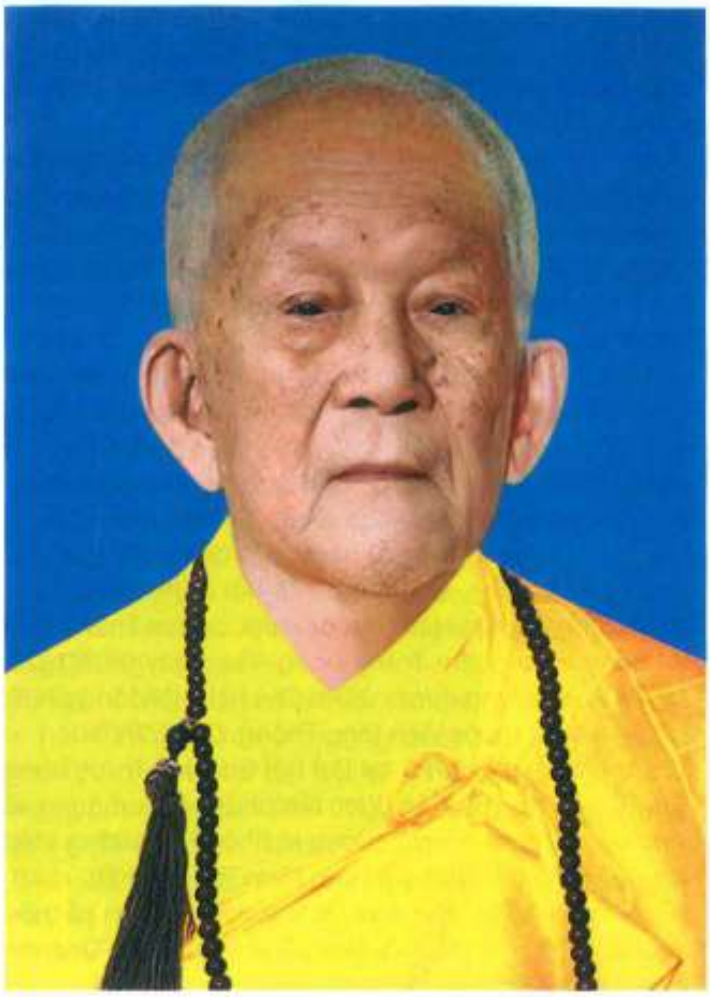

ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG
THÍCH TRÍ TỊNH

● Viên Trí

I. THÂN THẾ

Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh, thế danh Nguyễn Văn Bình, sinh năm Đinh Tỵ (1917), tại làng Mỹ Luông, quận Cái Tàu Thượng, tỉnh Sa Đéc *(nay là huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp)*. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Cân và thân mẫu là cụ bà Võ Thị Truyện. Đại lão Hòa thượng có 7 anh em, 2 trai, 5 gái và Đại lão Hòa thượng là người con thứ 7 trong gia đình.

Đại lão Hòa thượng được trưởng trong một gia đình trung nông, phúc hậu, nhơn từ, có nề nếp đạo đức vững chắc và kính tin Tam bảo. Khi lớn lên, Đại lão Hòa thượng đã mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống với các anh chị và học hết chương trình Trung học Pháp tại tỉnh nhà.

II. THỜI GIAN XUẤT GIA HỌC ĐẠO

Nhờ đã gieo căn lành từ nhiều kiếp, sớm giác ngộ cõi đời là huyễn, thế sự phù du, nên sau một thời gian đi chiêm bái khắp chốn Thiền môn trong tỉnh. Năm 1937, Đại lão Hòa thượng lên núi Cấm, đến chùa Vạn Linh, cầu xin Hòa thượng Trụ trì Pháp húy Hồng Xứng cầu thế độ xuất gia, khi trông thấy Hòa thượng, Tổ liền ấn chứng: *"Các ông đừng khinh ông này, đời trước ổng đã từng làm Hòa thượng..."*. Sau khi được Tổ cho phép xuất gia, ban Pháp húy là Nhựt Bình, hiệu Thiện Chánh tiếp nối dòng pháp Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41.

Sau khi xuất gia, Đại lão Hòa thượng đã đi tham học Phật pháp với chư sơn Thiền đức ở trong và ngoài tỉnh, và lần lượt nghiên cứu tài liệu Phật học in trong Tạp chí Từ Bi Âm, do Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học, chùa Linh Sơn - Sài gòn ấn hành và tham học tại chùa Bích Liên, Liên Tôn - Bình Định.

Năm 1940, Đại lão Hòa thượng cùng với quý Hòa thượng Thích Thiện Hòa, Thích Thiện Hoa tiếp tục ra Huế học. Trước tiên, Đại lão Hòa thượng theo học Lớp Trung đẳng tại Phật học đường Tây Thiên, do Ngài Thiền Tôn làm Giám đốc. Sau đó học lớp Cao đẳng tại Phật học đường Báo Quốc, do Ngài Tường Vân làm Giám đốc, Hòa thượng Thích Trí Độ là Đốc giáo.

Năm 1941, Đại lão Hòa thượng đăng đàn thọ Sa di giới tại chùa Quốc Ân và được Sư cụ Trí Độ đặt cho Pháp hiệu là Trí Tịnh. Sau khi mãn khóa Cao đẳng Phật học năm 1945, Đại lão Hòa thượng trở về miền Nam để tiếp tục tu học và hành đạo.

III. THỜI GIAN HÀNH ĐẠO

Năm 1945, Đại lão Hòa thượng đã cùng với Hòa thượng Thích Thiện Hoa, thành lập Phật học đường Phật Quang, Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ *(nay là tỉnh Vĩnh Long)*, do Hòa

thượng Thích Thiện Hoa làm Giám đốc, Hòa thượng làm Đốc giáo kiêm Giáo thọ. Để viên mãn tam đàn Giới Pháp, năm 1946, Đại lão Hòa thượng được đăng đàn thọ Tỳ kheo và Bồ tát Giới tại chùa Long An, Sa Đéc, do Hòa thượng Chánh Quả làm Đàn đầu Hòa thượng.

Năm 1948, Đại lão Hòa thượng về Sài gòn và thành lập Phật học đường Liên Hải, tại chùa Vạn Phước, xã Bình Trị Đông, huyện Long Hưng Thượng, tỉnh Chợ Lớn *(nay là huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh)*, do Hòa thượng làm Giám đốc, Hòa thượng Thích Huyền Dung làm Đốc giáo.

Năm 1950, Đại lão Hòa thượng nhập thất tịnh tu tại chùa Linh Sơn - Vũng Tàu.

Năm 1951, Đại lão Hòa thượng cùng Hòa thượng Thích Thiện Hòa sáp nhập 03 Phật học đường Liên Hải, Mai Sơn, Sùng Đức thành Phật học đường Nam Việt, trụ sở đặt tại chùa Ấn Quang, quận 10, tỉnh Chợ Lớn *(nay là quận 10, Tp. Hồ Chí Minh)*. Từ năm 1951 - 1956, Đại lão Hòa thượng tham gia Ban Giảng huấn và giảng dạy cho Lớp Cao Đẳng Phật học.

Năm 1953, Đại lão Hòa thượng khởi công xây dựng chùa Vạn Đức, Thủ Đức.

Năm 1955, Đại lão Hòa thượng sáng kiến thành lập Hội Cực Lạc Liên hữu tại chùa Vạn Đức, quận Thủ Đức do Đại lão Hòa thượng làm Liên trưởng, Thượng tọa Thích Huệ Hưng làm Liên phó.

Năm 1957, Đại lão Hòa thượng được Đại hội Giáo hội Tăng già Nam Việt cử làm Trị sự phó và kiêm Trưởng ban Giáo dục Giáo hội Tăng già Nam Việt. Đồng thời, hợp tác với Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Thiện Hòa mở các khóa Như Lai Sứ Giả tại chùa Pháp Hội, chùa Tuyền Lâm, chùa Dược Sư... để đào tạo cán bộ Trụ trì và Giảng sư cho Giáo hội.

Năm 1959, trong Đại hội Giáo hội Tăng già toàn quốc Việt Nam kỳ II, vào 02 ngày 10, 11/9/1959 tại chùa Ấn Quang, Đại lão Hòa thượng được Đại hội suy cử làm Trị sự Phó Giáo hội Tăng già toàn quốc Việt Nam.

Năm 1960 - 1962, Đại lão Hòa thượng làm Giới Luật sư trong các Đại Giới đàn, tổ chức tại chùa Ấn Quang, Pháp Hội... để truyền trao giới pháp cụ túc cho chư Tăng.

Năm 1962, Đại lão Hòa thượng được Giáo hội Phật giáo Trung phần cung thỉnh vào cương vị Phó Viện trưởng Phật học Viện Trung phần Hải Đức - Nha Trang.

Năm 1964, Đại lão Hòa thượng làm Trưởng đoàn Đại biểu Giáo hội Tăng già Nam Việt tham dự Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam, được tổ chức tại chùa Xá Lợi trong những ngày 30, 31/12/1963 và 01/01/1964 để thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Tại Đại hội này, Đại lão Hòa thượng được suy cử vào cương vị Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Tăng sự.

Năm 1964, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị làm Tuyên Luật sư trong Đại Giới đàn Quảng Đức, tổ chức tại Việt Nam Quốc Tự - Sài gòn.

Năm 1965, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Yết ma Tiểu giới đàn Quảng Đức tại Phật học viện Huệ Nghiêm - Gia Định và Tuyên Luật sư Đại Giới đàn Từ Hiếu - Thừa Thiên Huế.

Năm 1966, Đại lão Hòa thượng là Tuyên Luật sư Đại Giới đàn Quảng Đức, tại Phật học viện Huệ Nghiêm.

Năm 1966 - 1968, tại Đại hội kỳ II Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, Đại lão Hòa thượng được suy cử vào cương vị Chánh Thư ký Viện Tăng Thống.

Năm 1968 - 1971, Đại lão Hòa thượng tham gia Ban Giảng huấn Phật học viện Huệ Nghiêm và giảng dạy Phật pháp cho lớp Chuyên khoa Phật học trong ba năm.

Năm 1969, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Tuyên Luật Sư trong Đại Giới đàn Quảng Đức, tổ chức tại Phật học viện Huệ Nghiêm.

Năm 1970, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Khoa trưởng Phân Khoa Phật học tại Đại học Vạn Hạnh - Sài gòn đến năm 1975.

Năm 1971, sau khi Giáo hội thành lập Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm - Gia Định, Đại lão Hòa thượng được cử làm Viện trưởng từ năm 1971 đến năm 1991.

Năm 1973, trong phiên họp của Hội đồng Giáo phẩm Trung ương, Đại lão Hòa thượng được cử làm Thành viên Hội đồng Giáo phẩm Trung ương. Vào ngày 05/7/1973, Đại lão Hòa thượng được cử làm Chủ tịch Hội đồng phiên dịch Tam tạng thuộc Viện Tăng Thống, GHPGVNTN.

Cũng trong năm 1973, tại Đại hội Giáo hội Trung ương kỳ 4, Đại lão Hòa thượng được tấn phong Hòa thượng và được suy cử đảm nhiệm cương vị Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Cuối năm 1974, Đại lão Hòa thượng được cố Hòa thượng Thích Thiện Hòa cử làm Cố vấn Hội đồng Quản trị Tổ đình Ấn Quang và các cơ sở trực thuộc Tổ đình.

Năm 1975, Đại lão Hòa thượng được Hội đồng Giáo phẩm Trung ương cử làm Trưởng ban Kiến thiết Pháp Bảo Viện tại xã Linh Xuân Thôn, Thủ Đức - Gia Định.

Năm 1976, Đại lão Hòa thượng được mời làm Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Năm 1980, Đại lão Hòa thượng được cử làm Tuyên Luật Sư và Chánh Chủ khảo trong Đại Giới đàn Thiện Hòa, tổ chức tại chùa Ấn Quang.

Đặc biệt, vào đầu xuân Canh Thân năm 1980, khi đất nước đã hoàn toàn độc lập, giang sơn nối liền một dãy, Bắc Nam sum họp một nhà, tất cả sự sinh hoạt, từ phương diện kinh tế, chính trị, xã hội... đều thống nhất trong phạm vi cả nước, và đấy cũng là một thuận duyên cho Phật giáo Việt Nam có đầy đủ cơ duyên thống nhứt thành một mối, trong phạm vi cả nước. Do đó, trong phiên họp hiệp thương của chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Cư sĩ của các Tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh để thảo luận chương trình thống nhất Phật giáo nước nhà. Kết quả một Ban Vận động Thống nhất Phật giáo ra đời, do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Trưởng ban và Đại lão Hòa thượng được cử làm Phó ban Vận động kiêm Trưởng Tiểu ban Nội dung.

Tại Hội nghị Đại biểu Thống nhất Phật giáo Việt Nam, tổ chức tại Thủ đô Hà Nội, từ ngày 04 - 07/11/1981, Đại lão Hòa thượng được Đại hội suy tôn ngôi vị Thành viên Hội đồng Chứng minh, suy cử cương vị Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự kiêm Trưởng Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Năm 1982, tại Đại hội Đại biểu Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh, nhiệm kỳ I, Đại lão Hòa thượng được cử làm Trưởng Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh đến năm 1987.

Năm 1984, sau khi Hòa thượng Trí Thủ - Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN viên tịch vào tháng 4/1984, Đại lão Hòa thượng được suy cử Quyền Chủ tịch Hội đồng Trị sự, rồi Chủ tịch Hội đồng Trị sự nhiệm kỳ II và những nhiệm kỳ tiếp theo cho đến ngày về cõi Phật.

Từ năm 1984 đến năm 2013, Đại lão Hòa thượng được cung thỉnh làm Đàn Đầu Hòa thượng Đại Giới đàn đầu tiên và những Giới đàn tiếp theo của Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh được tổ chức tại chùa Ấn Quang.

Tháng 12/1984, tại Đại hội UBMTQVN Tp. Hồ Chí Minh lần thứ 4, Đại lão Hòa thượng được Đại hội cử làm Phó Chủ tịch UBMTTQVN Tp. HCM.

Tại Đại hội Kỳ III - 1992, Đại lão Hòa thượng được Đại hội suy tôn lên ngôi vị Phó Pháp chủ kiêm Giám luật Hội đồng Chứng minh GHPGVN.

Từ Đại hội Mặt trận toàn quốc lần thứ II (1983) cho đến Đại hội VII, Đại lão Hòa thượng được bầu làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch và tại Đại hội VI, VII (2009), Đại lão Hòa thượng được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Năm 2004, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Đàn đầu Hòa thượng Đại giới đàn Trí Tấn do Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương tổ chức.

Đặc biệt, Đại lão Hòa thượng đã được Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Bà Rịa - Vũng Tàu cung thỉnh đảm nhiệm cương vị Hòa thượng Đàn đầu truyền giới Tỳ kheo tại các Đại giới đàn Thiện Hòa I (1993), Thiện Hòa III (2000), Thiện Hòa IV (2003), Thiện Hòa V (2006), Thiện Hòa VII (2013).

IV. BIÊN SOẠN VÀ PHIÊN DỊCH

Mặc dù bận rộn nhiều công việc cho Giáo hội, Đại lão Hòa thượng Hòa thượng vẫn dành thời gian để dịch kinh và giảng kinh. Những tác phẩm Hòa thượng đã biên soạn, phiên dịch và phổ biến như:

1. Kinh Pháp Hoa : 08 quyển
2. Kinh Hoa Nghiêm : 08 quyển
3. Kinh Đại Bát Niết Bàn : 02 quyển
4. Kinh Đại Bát Nhã : 03 quyển
5. Kinh Đại Bảo Tích + Đại Tập : 12 quyển
6. Kinh Phổ Hiền hạnh nguyện : 01 quyển
7. Kinh Địa Tạng bổn nguyện : 01 quyển
8. Kinh Tam Bảo : 01 quyển
9. Tỳ kheo giới bổn : 01 quyển
10. Bồ Tát giới bổn : 01 quyển
11. Kinh Pháp Hoa cương yếu : Tóm tắt
12. Kinh Pháp Hoa thông nghĩa : Tóm tắt
13. Cực Lạc liên hữu tập : 01 quyển
14. Đường về Cực Lạc : Trọn bộ
15. Ngộ tánh luận : 01 quyển

V. XÂY DỰNG

Năm 1995, Đại lão Hòa thượng Hòa thượng đã khởi công xây dựng lại chùa Vạn Linh và Tháp Tổ Hồng Xứng - Núi Cấm, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Năm 2000, với tư cách Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN, Đại lão Hòa thượng Hòa thượng đã ký quyết định thông qua dự án và bổ nhiệm Ban Trùng tu cơ sở Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội - Thiền viện Quảng Đức, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Năm 2001, Đại lão Hòa thượng Hòa thượng trùng tu Giảng đường chùa Vạn Đức, Phật đài Quan Âm, Thư viện, Thiền thất, phòng sách v.v...

Năm 2002, Đại lão Hòa thượng Hòa thượng là Chủ đầu tư xây dựng lại cơ sở Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội – Thiền viện Quảng Đức, quận 3.

Năm 2004, Đại lão Hòa thượng Hòa thượng khởi công xây dựng lại Chánh điện, Nhà Tổ chùa Vạn Đức với quy mô lớn, trang nghiêm tú lệ, đã thành tựu viên mãn, xứng đáng là cơ sở Giáo hội tại địa phương.

Với những công đức mà Đại lão Hòa thượng Hòa thượng đã đóng góp cho Đạo Pháp và Dân Tộc, nên Hòa thượng đã được Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng thưởng:

-Huân chương Hồ Chí Minh
-Huân chương Độc Lập hạng Nhất
-Huy chương Vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân.
-Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Bằng Tuyên dương Công đức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và nhiều phần thưởng cao quý khác.

VI. THỜI GIAN VIÊN TỊCH

Là một trong những cao tăng cống hiến trọn đời cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh, Đại lão Hòa thượng Hòa thượng đã có những đóng góp, những công đức to lớn trong công cuộc chấn hưng, thống nhất và hòa hợp Phật giáo, góp phần xây dựng và bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc, phụng sự đất nước.

Đại lão Hòa thượng Hòa thượng là một bậc Tôn sư khả kính đã có nhiều công lao súc dưỡng và dìu dắt hàng trăm môn đồ đệ tử đã trưởng thành, noi gương từ bi hỷ xả, tự giác giác tha của Hòa thượng để bền vững đạo tâm và trang nghiêm Giáo hội.

Ngày nay, khi hạnh nguyện hoằng dương Phật pháp, tế độ chúng sinh của Đại lão Hòa thượng Hòa thượng đã viên mãn, thì cũng chính là lúc luật vô thường đưa Đại lão Hòa thượng Hòa thượng trở về Tây phương kiến Phật vào lúc 09 giờ 15 phút, ngày 28/3/2014 *(28/02 năm Giáp Ngọ)*. Trụ thế 98 năm, hạ lạp 69 năm.

Thế là Đại lão Hòa thượng Hòa thượng đã viên thành đại nguyện, Giác linh Đại lão Hòa thượng Hòa thượng đã trở về thế giới Niết bàn vô tung bất diệt, nhưng công đức và đạo hạnh của Đại lão Hòa thượng Hòa thượng mãi mãi lưu lại trong tâm tư, trong ký ức của hàng Tăng, Ni, phật tử và những người yêu mến đạo Phật; như trang sử rạng ngời của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Nam Mô Từ Lâm Tế Gia Phổ, Tứ thập nhất thế, Pháp húy thượng Nhựt hạ Bình, tự Trí Tịnh, hiệu Thiện Chánh, Nguyễn công Đại lão Hòa thượng Giác linh.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Ảnh: Giác Ngộ

Trong những pháp môn Phật dạy, tôi cả đời chuyên tâm nơi pháp môn Trì danh niệm Phật. Pháp tu niệm Phật có nhiều, trì niệm danh hiệu Phật là một trong những pháp niệm Phật. Đây là pháp môn dễ tu, dễ thực hành nhất, dễ thành tựu. Về chỗ thành tựu cũng như chỗ đạt được rất rõ ràng từng bước, từng nấc tiến, có thể diễn nói, có thể cắt nghĩa. Do cái rõ ràng mà người được nghe, người được biết, nghe cũng dễ mà biết đúng cũng dễ. Chỉ quan trọng là phải có lòng tin chân thật, chí nguyện vãng sanh chân thật và thực hành đúng pháp siêng năng. Được vậy, thì đã nắm vững ở pháp môn Niệm Phật. Nếu lúc tu hành có sai cũng dễ nhận biết, làm đúng mình cũng tự biết, khi được mình cũng tự biết.

KHAI THỊ CỦA HÒA THƯỢNG
THÍCH TRÍ TỊNH

● Hòa thượng **Thích Trí Tịnh**
(Đệ tử **Thích Pháp Đăng** thành kính ghi lại lời Khai thị của Hòa thượng, nhân Ngày Khánh tuế 17/7 Nhâm Thìn, tại chùa Vạn Đức)

Tôi nói thật với các huynh đệ, những gì sau khi tôi đã hiểu đã biết, lúc thực hành như thế nào, trải qua mấy mươi năm, các huynh đệ đôi khi thắc mắc: không biết Hòa thượng tu như vậy thành tựu được gì không? Có được mà chỉ được bước đầu tiên thôi.

Các huynh đệ tụng kinh A Di Đà, Đức Phật có nói, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân được nghe Đức Phật A Di Đà rồi chấp trì danh hiệu của Đức Phật đó, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày nhất tâm bất loạn thì người đó đến lúc lâm chung được Đức Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện ra trước mặt. Lúc ấy, do sức niệm của mình đã vững, lại có Phật và Thánh cùng đến tiếp đón nên tâm không điên đảo, được sanh về thế giới Tây phương Cực lạc.

Khi về cõi Cực lạc lấy hoa sen làm bào thai mà sanh ra, thọ hưởng về chánh báo là thân thể, được thân kim cang

bất hoại. Trong kinh nói, hoàn cảnh ở cõi đó rất rõ ràng, đất đai, nhà cửa, sự sinh hoạt đều rất trang nghiêm thanh tịnh, bảo đảm chắc chắn thành tựu quả vị Phật. Cho nên, vãng sanh Tịnh độ không phải chuyện tầm thường, phải được Đức Phật cùng Thánh chúng đến tiếp đón.

Vậy làm thế nào chúng ta được sanh về cõi Cực lạc? Trong kinh A Di Đà nói: *"Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy".* Chẳng dùng chút ít nghĩa là phải nhiều, nhiều thiện căn phước đức nhân duyên mới được sanh về. Nhưng muốn được nhiều phải làm sao? Theo lời Phật dạy, rất dễ hiểu, dễ thực hành, dễ được kết quả. Nghĩa là: Người nào nghe đến Đức Phật A Di Đà rồi chấp trì danh hiệu. Nghe đến nghĩa là chưa từng nghe biết cõi Cực lạc và Đức Phật A Di Đà, bây giờ mới được nghe biết danh hiệu của Ngài.

Bốn tiếng chấp trì danh hiệu thường thường không ai chú ý. Khó lắm! Lời trong kinh nói là lời Phật nói không phải chuyện thường, từ tiếng phải nắm cho rõ chứ không phải như phàm phu nói chuyện với nhau. Nếu không như vậy thì sẽ hiểu sai lệch, đã hiểu sai thì tu sai, tất nhiên không có chỗ thành tựu. Thế nào mới đúng ở nơi chấp trì danh hiệu? Chấp nghĩa là nắm, trì nghĩa là giữ, tức là trong tâm thường niệm Phật luôn luôn, chẳng phải như lúc mới tập niệm hoặc nửa tiếng hay một tiếng, hoặc một trăm câu nhưng lúc buông ra thì trong tâm không nhớ niệm Phật. Như vậy nghĩa của chấp trì là nắm luôn giữ kỹ, không lúc nào không có, lúc có lúc không thì chẳng phải.

Về sau các bậc cổ đức diễn tả bốn tiếng ấy như là:

1. Bất niệm tự niệm: Mình không nghĩ niệm nhưng trong tâm vẫn luôn tự niệm Phật.

2. Niệm lực tương tục: Niệm Phật có sức mạnh thường niệm luôn, không lúc nào hở dứt.

Nếu người nào tự thực hành thì sẽ tự biết. Từ chỗ được chấp trì danh hiệu là đạt bước đầu tiên về đạo lực trong Pháp môn Trì danh niệm Phật.

Tôi nói rõ cho các huynh đệ biết, điều này tôi cũng đã nói rồi. Từ trước đến giờ, tôi chuyên tu ở nơi pháp môn Niệm Phật, là pháp tu mà Phật dạy từ phàm phu tiến lên bậc Thánh. Về chỗ thành tựu, tôi chỉ được bốn tiếng như trong kinh đã nói là chấp trì danh hiệu. Từ bước đầu tiên này mới được những bước sau như tiến lên tam muội *(chánh định)* chẳng hạn. Đến bây giờ, tôi cũng chỉ được tầng bậc này thôi, phần ít nhất của Pháp môn Niệm Phật. Đời tôi năm nay đã 96 tuổi mà thọ dụng không hết. Thứ nhất: ngũ tạng, lục phủ trong thân không sanh bệnh. Có lần tôi vô bệnh viện để khám bệnh. Sau khi khám xong, bệnh viện làm giấy kết quả xét nghiệm về tâm, can, tỳ, phế, thận, máu huyết... họ tổng kết rằng: kiểm tra kỹ, tất cả đều bình thường. Kế nữa, có điều làm chứng cho mình biết, các vị đắc đạo lên bậc Thánh, cái ngủ không có, thùy miên tâm sở bị trí lực làm cho thế lực của nó yếu hẳn hoặc mất đi. Người bình thường, thùy miên tâm sở còn nguyên, hễ nằm nhắm mắt thì khởi lên ngủ mê, còn trằn trọc không ngủ là bị bệnh mất ngủ. Còn người được đạo, thùy miên tâm sở yếu hoặc không còn. Vì sao? Vì có trí lực chế phục. Như lâu rồi cho đến bây giờ, mấy tháng nay tôi không ngủ. Mấy chú thị giả nói: *"Con không ngủ một đêm thì ngày sau không làm gì được! Sư ông mấy tháng không ngủ tinh thần vẫn tỉnh sáng, còn phấn chấn mạnh hơn lúc trước kia".* Thỉnh thoảng tôi cũng ngủ nhưng ít lắm, đến đỗi chỉ khi có chiêm bao mới biết mình ngủ.

Trên đường đạo, mình biết rất rõ ràng chứ không phải mù mờ. Mù mờ nguy hiểm lắm! Chính mình không rõ để nhận biết, rồi tự viết thành sách. Người đọc tưởng rằng đúng, chẳng dè chỉ là phàm phu tự ý nói ra. Tôi thường nói, phải y cứ trong kinh làm chánh, gọi là Thánh giáo lượng. Trong kinh không nói, dù người có nói hoặc viết sách truyền bá thì chưa chắc chắn. Vì phàm phu vẫn phải phàm phu, chẳng thể phàm phu muốn thành Thánh liền thành Thánh.

Hồi xưa, tôi chuyên nắm giữ nơi pháp môn Niệm Phật là do có tâm ưa thích. Tâm ưa thích này, nghiệm lại là tập quán quen thuộc của mình nhiều đời nhiều kiếp chớ không phải mới đây. Kế đến, tôi nhận thấy pháp tu này chắc chắn, từ chỗ ứng dụng tu đến lúc được kết quả đều có mực thước rõ ràng. Chẳng hạn, lúc hạ thủ công phu Trì danh niệm Phật, bắt đầu thực hành cũng rõ ràng từ việc nghe tiếng Nam-mô A Di Đà Phật, chỉ có sáu chữ, dễ nhận, dễ biết, dễ nhớ. Nhưng niệm phải đúng pháp là thế nào? Lúc niệm Phật thì có âm thanh của câu Phật hiệu, nhưng tâm phải nhận rõ được tiếng niệm, chớ đừng miệng niệm mà tâm lại nghĩ việc khác. Ví dụ: miệng niệm Phật, trong tâm lại suy nghĩ xâu chìa khóa để đâu rồi? Như vậy là tu trật, đúng hay sai liền biết.

Niệm Phật đúng pháp là tâm tiếng hiệp khẩn nhau. Tiếng ở đâu thì tâm ở đó, tâm ở đâu thì tiếng ở đó. Niệm thầm hay ra tiếng đều phải vậy. Thế nên, lúc ứng dụng tu đúng hay không đúng tự mình dễ dàng phân biệt. Muốn niệm đúng pháp cũng khó lắm! Tâm phải theo tiếng rất khó! Khó kềm, khó nhiếp cho đến phải dùng xâu chuỗi, nhờ lần chuỗi để trói buộc cái tâm loạn tưởng lại, chứ không phải lần chuỗi thiệt lẹ hột này rồi đến hột khác.

Thuở trước, tôi tự tìm cách để niệm Phật. Lúc ngồi lại niệm Phật thầm, tôi định thời gian là một xâu chuỗi. Ban đầu niệm đủ ba câu Phật hiệu rồi lần một hột, nhưng ba câu Phật này phải chắc chắn, nếu nó xao lãng không rõ ràng thì bỏ, lại niệm ba câu khác. Sau đó, tiến lên năm câu lần một hột, rồi đến bảy câu lần một hột, sau rốt mười câu lần một hột. Nếu lúc niệm Phật mà có một chút xao lãng, tạp niệm xen vào thì mười câu đó bỏ, niệm mười câu khác. Nhiếp tâm không dễ dàng, phải chuyên cần tinh tấn, nắm cho thật vững chắc. Mình tu đúng thì chính mình được thành tựu, do đó phải cố gắng.

Lúc được Bất niệm tự niệm trong tâm biết rất rõ ràng như từ chỗ điểm A bước đến điểm B, được rồi thì nhất định không bao giờ mất, chắc thật không phải mờ mịt. Đến bây giờ, tôi chỉ được chỗ này thôi. Các huynh đệ đừng nghĩ rằng, các vị Thánh xuôi chân nằm ngủ ngáy khò khò như mình đâu, nghĩ vậy là sai. Tôi được một chút đó mà cái ngủ đã tự nhiên mất, nếu có thì chỉ thỉnh thoảng.

Các pháp môn khác cũng vậy, lúc còn phàm phu thì chưa có đạo lực, ở pháp Phật được chút gì thì gọi là đạo lực.

Đã có sức mạnh trên đường đạo ắt phải khác hẳn lúc chưa có. Tôi từng diễn đạt phương pháp niệm Phật qua bài kệ:

Nam-mô A Di Đà
Không gấp cũng không hườn
Tâm tiếng hiệp khẩn nhau
Thường niệm cho rành rõ.

Rành là câu tiếng rành rẽ. Rõ là phải rõ ràng. Lúc niệm Phật đừng ham nhiều rồi niệm phớt phớt, không cần nhiều nhưng phải thật rành rõ. Khi công phu nắm thiệt vững chỗ này. Kế đến là tâm tiếng hiệp khẩn nhau, tuy khó nhưng luôn luôn cố gắng, đừng để lúc niệm Phật tiếng một nơi, tâm một ngã. Đó là tu không đúng rồi, mà không đúng thì không thể được. Ví như anh thợ mộc muốn làm cái bàn, anh phải làm đúng phương pháp thì mới thành ra cái bàn. Do vậy, việc quan trọng trước nhất là phải tu đúng pháp. Trì danh niệm Phật mà tâm tiếng hiệp khẩn nhau gọi là tu đúng pháp, còn sai trật thì không được gì.

Muốn được như vậy, tôi đã dùng chuỗi để hạn định thời gian, lúc đến chỗ mười câu mới lần một hột phải mất mấy tiếng đồng hồ mới rồi một xâu chuỗi. Mỗi thời niệm Phật như vậy, ngồi khoanh chân niệm thầm phải mất hai tiếng đồng hồ. Tu hành phải chịu khó, phải bền bỉ thì mới có chỗ được. Lúc tôi niệm thầm mười tiếng lần một hột chuỗi, trong mười tiếng đó tới câu số tám hoặc số chín mà xao lãng thì bỏ không lần qua, bắt đầu từ một trở lại. Thế nhưng lúc thành tựu được chút gì trên đường đạo *(đạo lực)*, trong tâm an lạc khỏe lắm!

Tôi từng nghĩ, bản thân mình có làm cái gì, được cái gì, có làm có được, phải đến chỗ được cho thật vững vàng rồi mới đem cái mình đã từng làm, từng tu khuyên nhắc truyền dạy người khác. Nguy hiểm nhất là phàm phu tự ý nghĩ ra rồi viết thành sách, làm lầm người khác. Thế nên, đệ tử Phật phải lấy Thánh giáo lượng *(lời Phật dạy trong kinh điển)* làm mực thước để đo. Nếu đúng theo kinh thì chắc chắn tin theo, so lại mà chưa đúng thì cần kiểm tra suy xét cho kỹ. Nếu chưa được đạo đều gọi là phàm phu, tự ý nói thì không bảo đảm.

Mấy huynh đệ phải nhớ đừng nên bỏ phí thời gian. Về thiền tông, tôi cũng đọc nhiều bộ sách lớn như Thiền học tập thành, Thiền học đại thành. Nhiều người đọc đến đoạn ngài Triệu Châu khi có người đến tham học, ngài không chỉ dạy điều gì, chỉ kêu nói Uống trà đi! Người học lễ bái rồi lui ra. Đó là câu khai thị, nhưng người thường khó nhận khó hiểu, lại tưởng lầm rằng đã đắc thiền thì chỉ uống trà thôi!

Riêng về Pháp môn Niệm Phật là pháp dễ tu, có mực thước rõ ràng mà hành giả đều có thể nắm vững để thực hành. Một phương pháp lúc tu hành có từng bước thật rõ, tu đúng hay không đúng dễ nhận biết. Tôi xem nhiều kinh sách nhận thấy Pháp môn Niệm Phật dễ nắm vững, thực hành cũng dễ, khi chưa được cũng biết chưa được, khi được thì cũng biết đã được, thật rõ ràng!

Thời gian gần đây, tôi không thể lạy Phật nên mong các huynh đệ đừng lễ lạy tôi, chỉ xá là được rồi! Mong tất cả đều tinh tấn tu hành.

Tóm tắt: *Phật giáo Việt Nam (PGVN) thời kỳ đầu tồn tại dưới dạng sơn môn hệ phái. Sau ngày toàn quốc thống nhất 30/4/1975 giang sơn quy về một mối là tiền đề quan trọng cho việc hình thành tổ chức PGVN thống nhất trên toàn quốc. Tháng 11/1981, tại Hà Nội, 9 tổ chức và hệ phái Phật giáo trong cả nước họp đại hội lần thứ nhất khai sinh ra tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN). Đây là lần đầu tiên tất cả các Tăng Ni, Phật tử quy lại với nhau thành một mối. Tại đại hội này, Hòa thượng Thích Đức Nhuận đã được chư tôn đức cung kính suy tôn đảm nhận ngôi vị Pháp chủ.*

Buổi đầu thành lập, Giáo hội phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đứng trước muôn vàn khó khăn. Nhờ sự chèo chống của Hòa Thượng, GHPGVN đã vượt qua được những khó khăn ban đầu. Nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày viên tịch của Ngài, bài viết này sẽ đi sâu vào nghiên cứu tiến trình thành lập GHPGVN, cũng như chỉ ra vai trò của Hòa thượng đệ nhất pháp chủ Thích Đức Nhuận đối với sự hình thành GHPGVN.

1. Vài nét về quá trình thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Với PGVN, suốt chiều dài lịch sử, dường như đạo Phật chủ yếu tồn tại theo các tông phái. Tuy nhiên, qua những bước thăng trầm cùng những điều kiện khách quan của tiến trình vận động xã hội, tự bản thân PGVN cũng cần phải hiện đại hóa, và nhập thế. Nhu cầu thống nhất các tổ chức Phật giáo là sự đáp ứng yêu cầu thời đại. Mỗi lần thống nhất tổ chức PGVN đều dựa trên nền tảng những điều kiện xã hội nhất định.

Phong trào Chấn hưng Phật giáo diễn ra từ đầu thế kỷ XX, một trong những mục tiêu chung của phong trào là hướng tới sự đoàn kết, thống nhất các tông phái để có thể tiến hành tu học, duy trì và khuếch trương hoằng dương chánh pháp. Với những mục tiêu trên, các tổ chức, hội đoàn PGVN được hình thành.

Cuộc vận động thống nhất Phật giáo lần thứ nhất diễn ra vào năm 1951. Các tổ chức, hội đoàn Phật giáo được hình thành từ những năm đầu thế kỷ XX. Đến năm 1951, tư tưởng hình thành một tổ chức Phật giáo thống nhất trên toàn quốc đã xuất hiện. Sáu tổ chức Phật giáo quan trọng nhất thời kỳ đó tại ba miền là: Hội Việt Nam Phật giáo Bắc Việt, Tăng già Bắc Việt tại miền Bắc; Hội Việt Nam Phật giáo Trung Việt, Tăng già

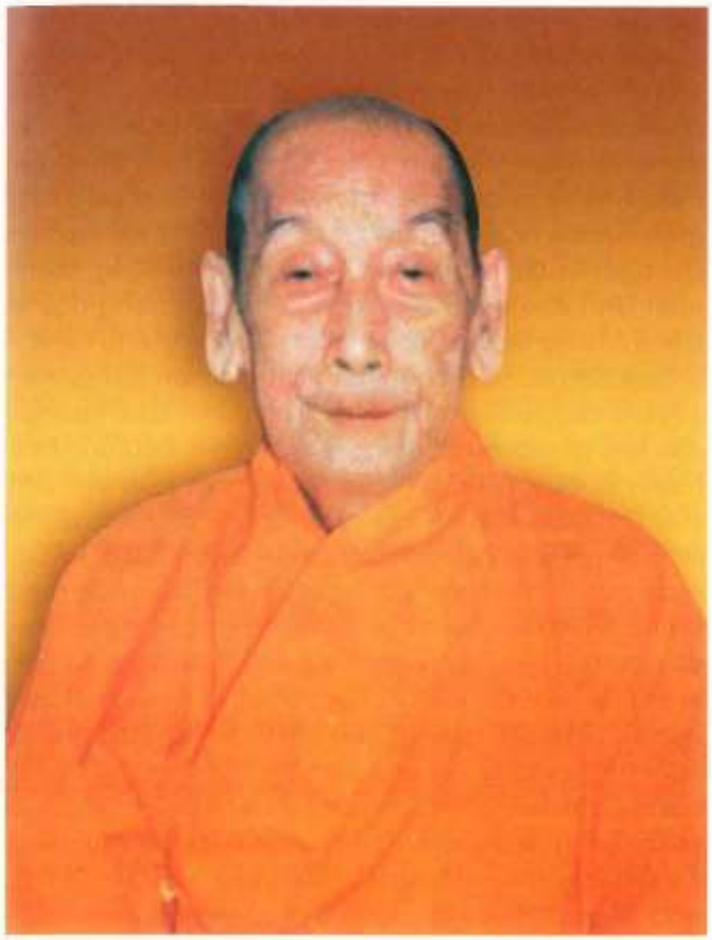

Ảnh: Giác Ngộ

HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC NHUẬN VÀ QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

● **Nguyễn Thị Minh Ngọc**
Phạm Quang Tùng

Trung Việt tại miền Trung; Hội Việt Nam Phật giáo Nam Việt, Tăng già Nam Việt tại miền Nam đã thống nhất bước tới hình thành một tổ chức Phật giáo toàn quốc. Theo lời hiệu triệu của các vị trưởng lão Hòa thượng của ba miền, một hội nghị Phật giáo toàn quốc gồm 51 đại biểu của sáu tổ chức Phật giáo đã nhóm họp tại chùa Từ Đàm, Huế để thống nhất Phật giáo vào ngày 6/5/1951. Tổ chức Phật giáo toàn quốc này có tên là Tổng hội Phật giáo Việt Nam, có điều lệ quy định các thành phần tổ chức và điều hành Phật giáo trong toàn quốc. Đây là một tiền đề quan trọng cho những bước phát triển của các giáo hội Phật giáo tiếp theo.

Cuộc vận động thống nhất Phật giáo lần thứ hai là ở các tỉnh thành phố phía Bắc. Cuộc vận động này bắt đầu từ tháng 9/1957 cho đến tháng 3/1958, Phật giáo các tỉnh phía Bắc tổ chức Đại hội đại biểu, với tổng số trên 200 đại biểu đại diện cho Phật giáo Bắc tông, Nam tông, Hoa tông và Phật giáo Khơmer Nam bộ tham dự. Tổ chức này được thành lập lấy tên là Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam, đặt trụ sở tại chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Hà Nội do HT Thích Trí Độ làm hội trưởng. Tuy nhiên, sự thống nhất này chỉ mang ý nghĩa thống nhất Phật giáo

của miền Bắc.

Cuộc vận động thống nhất Phật giáo lần thứ ba là cuộc vận động thống nhất Phật giáo năm 1964 tại miền Nam, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất (GHPGVNTN). Sự thành lập GHPGVNTN là hệ quả của cuộc đấu tranh năm 1963. Nét chính của bối cảnh xã hội hình thành nên tổ chức này là sự gia tăng chú ý của các lực lượng chính trị bên ngoài Phật giáo đối với các tổ chức Phật giáo. Cuộc đấu tranh của Phật giáo năm 1963 đã chứng tỏ Phật giáo đã trở thành một lực lượng xã hội mạnh mẽ. Thắng lợi của cuộc đấu tranh đã đặt ra vấn đề tham gia chính trường của Phật giáo cũng như vấn đề cần liên kết các tổ chức Phật giáo lại với nhau. Trong bối cảnh đó, ngày 31/12/1963, các tổ chức, hội đoàn Phật giáo họp tại chùa Xá Lợi thành lập GHPGVNTN và soạn thảo bản Hiến chương. GHPGVNTN vẫn chưa thực sự thống nhất theo đúng danh nghĩa của nó, vì mới chỉ thống nhất Phật giáo trong các vùng bị tạm chiếm và cũng chưa phải quy tụ được tất cả các hệ phái Phật giáo ở các tỉnh miền Nam.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất hai miền Nam Bắc. Thay đổi lớn về xã hội khiến những người theo Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo miền Nam, có nhiều hoang mang. Hoạt động của của các tổ chức, hệ phái Phật giáo trước đây bị dừng lại. Nhận định về tình hình Phật giáo thời kỳ này, TT Thích Giác Toàn, Thư ký Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương, nhận xét rằng: *"Từ năm 1975 đến năm 1980, trong khách quan của dòng lịch sử Phật giáo miền Nam, có nhiều tổ chức Giáo hội, hệ phái… nhưng không có một Giáo hội hay hệ phái nào (trừ Ban liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM) có tư cách pháp nhân trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Thời gian đó, tùy sự uyển chuyển của chư vị giáo phẩm có trách nhiệm mà từng Giáo hội hay hệ phái hoạt động nhiều hay ít."*

Trong hoàn cảnh đó, một số Tăng Ni hoàn tục, một số Tăng Ni bỏ nước ra đi, một số cố gắng bình tâm - phó mặc cho nhân duyên. Số còn lại nhiều hơn tích cực hội nhập vào các phong trào góp công xây dựng qua các tổ chức, đoàn thể, thành viên Mặt trận Tổ quốc. Tại các trường đại học, trung học phổ thông và cơ sở, Tăng Ni trẻ theo học không được mặc sắc phục hình thức tôn giáo vào học đường. Bối cảnh xã hội này đã gây nên lo âu lớn trong hàng giáo phẩm Phật giáo trong khi Hiến pháp và các văn bản pháp luật, pháp chế… Nhà nước ta đã khẳng định mọi công dân có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng đều được đối xử bình đẳng trước pháp luật.

Tuy hoạt động của các tổ chức Giáo hội, hệ phái Phật giáo cũ bị ngừng trệ, nhưng hai tổ chức Phật giáo đã được hình thành là Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP.HCM và Ban Vận động Thống nhất PGVN đã có nhiều cố gắng để xây dựng hình thức hoạt động mới đáp ứng điều kiện mới của đất nước.

Ngày 7/8/1975, tại chùa Xá Lợi, một Hội nghị Phật giáo với sự tham gia của đại diện 10 Giáo hội, hệ phái, tổ chức Phật giáo: GHPG Cổ truyền Việt Nam; GHPG Nguyên thủy Việt Nam; Giáo hội Khất sĩ Việt Nam; Giáo hội Thiên Thai Giáo Quán tông; Hội Phật học Nam Việt; GĐPT Việt Nam; Ni bộ Bắc tông Việt Nam; GHPGVN TN; GHPG Hoa tông tại Việt Nam; GHPG Mahanikaya tại Việt Nam được tiến hành.

Ngày 12/2/1980, Hội nghị Phật giáo cao cấp tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh, thành phần tham dự gồm các vị giáo phẩm lãnh đạo các Giáo hội, giáo phái, hệ phái Phật giáo trong cả nước. Hội nghị thảo luận tình hình Phật giáo nước nhà và đi đến nhất trí thống nhất Phật giáo toàn quốc. Thống nhất Phật giáo toàn quốc được xác lập trên các nguyên tắc: thống nhất ý chí và hành động; thống nhất lãnh đạo và tổ chức trên cơ sở tôn trọng duy trì truyền thống hệ phái, pháp môn, phương tiện tu hành.

Cuộc vận động thống nhất Phật giáo lần thứ tư năm 1981 là cuộc thống nhất Phật giáo mang tính trọn vẹn đầu tiên trên cả nước, thành lập GHPGVN. Bối cảnh hình thành tổ chức GHPGVN là sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ. Đỗ Quang Hưng cho rằng: *"chính cách mạng Việt Nam đã tạo ra sự giúp đỡ cho sự thống nhất Phật giáo"*. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước được thống nhất, thể theo nguyện vọng của các vị cao Tăng và toàn thể Tăng Ni, phật tử, đầu năm 1980, các vị giáo phẩm đại diện cho các tổ chức hệ phái lớn của Phật giáo họp tại TP Hồ Chí Minh để xem xét tình hình Phật giáo cả nước và thấy rằng: đất nước hòa bình, thống nhất là thời cơ thuận lợi cho việc thực hiện nguyện vọng thống nhất Phật giáo từ phong trào Chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX. Quyết định thành lập Ban vận động thống nhất Phật giáo để xúc tiến công cuộc vận động trong phạm vi cả nước đã được ban hành.

Sự hình thành GHPGVN là sự kiện mang tính tất yếu lịch sử. Đánh giá về thời điểm thống nhất Phật giáo năm 1981, Hòa thượng Thiện Siêu cho rằng: *"Nay cơ duyên đã đủ, cả nước thống nhất mọi mặt và đang tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội được Đảng, Chính phủ và Mặt trận giúp đỡ, hai năm qua Ban vận động Thống nhất Phật giáo đã tích cực hoạt động để có ngày hôm nay. Đây là một sự kiện có ý nghĩa rất trọng đại đối với tiến đồ Phật giáo"*

Sự ra đời của GHPGVN là tất yếu khách quan của lịch sử phát triển của PGVN. Thống nhất Phật giáo cả nước trong một GHPGVN là nguyện vọng thiết tha của đa số các vị giáo phẩm, Tăng Ni và phật tử Việt Nam không phân biệt sơn môn, pháp phái. Lịch sử PGVN trải qua hơn 2000 năm với 4 lần thống nhất. Lần thống nhất Phật giáo cả nước vào tháng 11/1981 là mốc quan trọng trong lịch sử PGVN.

GHPGVN từ khi thành lập được coi là tổ chức Phật giáo duy nhất đại diện cho PGVN trên phương diện đối nội và đối ngoại. Đây là lần đầu tiên PGVN có một tổ chức Giáo hội thống nhất trên toàn quốc với cơ cấu tổ chức hành chính hoàn chỉnh từ Trung ương tới địa phương. Sự ra đời của tổ chức GHPGVN đánh dấu tiến trình phát triển của PGVN phù hợp với điều kiện xã hội thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

2. Đóng góp của Hòa thượng Thích Đức Nhuận đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Hòa thượng Thích Đức Nhuận, pháp hiệu Thanh Thiệu, pháp danh Đức Huy, thế danh Phạm Đức Hạp, sinh năm Đinh Dậu (1897) tại thôn Quần Phương, xã Thanh Hải, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (nay là Nam Hà). Bố là

Phạm Công Tánh hiệu Thành Phù, mẹ là Lê Thị vụ. Hòa thượng là con thứ 6 trong gia đình có 8 anh chị em.

Gia đình Hòa thượng là gia đình có truyền thống Nho học. Bố Hòa thượng là một danh y đông dược, được sư tổ chùa Đồng Đắc, xã Đồng Hướng, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình mời sang chế thuốc phong cứu giúp dân làng. Hòa thượng bắt đầu đi học từ năm 7 tuổi. Nhưng vì thường theo cha tới chùa làm thuốc, Hòa thượng dần dần mến mộ chốn thiền môn thanh tịnh. Năm 15 tuổi, Hòa thượng xuất gia tại chùa Đồng Đắc. Ngài sơ tâm cầu pháp với sư tổ Thích Thanh Nghĩa, trụ trì chùa Đồng Đắc, thuộc dòng Tào Động, chùa Quảng Bá, Hà Nội.

Sau khi quy y, Ngài được cử đến chùa Thanh Nộn, huyện Kim Bảng, tỉnh Nam Hà học đạo với sư tổ Thích Thanh Ninh. Ngài được sư tổ đánh giá là người có đức hạnh, siêng năng, hiếu học. Năm 20 tuổi, Ngài được thụ cụ túc giới tại chùa Phúc Nhạc (Già Lê tự), tỉnh Ninh Bình.

Sau đó, Ngài tiếp tục theo học tại các chốn tổ lớn như: Đào Xuyên, Huyện Gia Lâm, Hà Nội do tổ Giám Thông Mệnh giảng dạy; Bằng, Thường Tín, Hà Nội và Sở, Đống Đa, Hà Nội do sư tổ Phan Trung Thứ thuyết pháp.

Năm 1940, sư tổ chùa Đồng Đắc viên tịch, Ngài về thừa kế trụ trì chùa Đồng Đắc. Với tâm huyết xây dựng đội ngũ tăng tài, Ngài cho thành lập 2 trường Phật học, một tại chùa Đồng Đắc *(xã Đồng Hướng, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình)* và một tại chùa Kỳ Lân *(thôn Đại Hữu, xã Văn Bổng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình)*.

Hòa thượng Thích Đức Nhuận là người coi trọng giới luật. Ngài luôn đề cao việc giữ nghiêm giới luật. Chính vì vậy, những năm 1950, Ngài được cử giữ chức Giám luật Phật giáo tỉnh Ninh Bình. Ngài cũng là tấm gương sáng cho tăng ni trên con đường tiến tu Tâm vô lậu học.

Từ năm 1955, Hòa thượng rời Ninh Bình về Hà Nội tham gia tổ chức và củng cố Giáo hội. Tại Hà Nội, Ngài được cử làm trụ trì các chùa Phổ Giác tự (chùa Tàu), Đống Đa và chùa Quán Sứ. Năm 1956, Ngài được bầu làm phó Ban Đại diện Phật giáo Thủ đô.

Phong trào Chấn hưng Phật giáo những năm 50 có ảnh hưởng đến Phật giáo khắp 3 miền. Thời kỳ này, các tổ chức, hội đoàn Phật giáo dần dần được thành lập. Không đứng ngoài xu thế đó, Hòa thượng Thích Đức Nhuận đã tham gia thành lập Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam *(ở miền Bắc)* và được bầu làm Phó Hội trưởng. Ngài đảm nhiệm chức vụ này liên tục qua bốn kỳ đại hội tới năm 1979.

Hòa thượng Thích Đức Nhuận là người chú trọng việc đào tạo tăng tài. Ngay khi Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam thành lập, Ngài đã chủ trương mở trường đào tạo. Năm 1969, Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam mở trường Tu học Phật pháp Trung ương tại chùa Quảng Bá, Hòa thượng được cử làm hiệu trưởng.

Sau ngày thống nhất đất nước 1975, hòa vào không khí chung của dân tộc, các Phật giáo cũng có mong muốn thống nhất về một mối. Ban vận động thống nhất Phật giáo được thành lập, Hòa thượng Thích Đức Nhuận, lúc bấy giờ là Quyền Hội trưởng Hội Phật giáo thống nhất tham gia trong ban Chứng Minh. Để tiện cho công tác vận động, Hòa thượng rời Hà nội vào Tp Hồ Chí Minh ở tại chùa Vĩnh Nghiêm. Sau nhiều nỗ lực, kết quả Phật giáo Việt nam lần đầu tiên được thống nhất trên toàn quốc.

Tháng 11/1981, Hội nghị đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam diễn ra tại Hà Nội thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trong hội nghị, toàn thể đại biểu nhất tâm cung thỉnh Hòa thượng Thích Đức Nhuận đảm nhận ngôi vị Pháp chủ. Sau 3 lần từ chối, trước nhiệt tâm của chư tôn đức, Hòa thượng đã nhận lãnh ngôi vị Pháp chủ và trở thành đệ nhất Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Ngay khi nhận lãnh trọng trách, Hòa thượng đã có những đề xuất với chính phủ những vấn đề trọng tâm định hướng sự phát triển của Phật giáo Việt Nam. Ngay trong hội nghị, Ngài đưa ra 3 đề nghị yêu cầu ghi vào Nghị quyết Đại hội.

Vấn đề trường Phật học: Trường Phật học được thiết lập trên cả 3 miền: Bắc, Trung, Nam. Tại Thủ đô Hà Nội được phép thiết lập một trường đại học Phật giáo. Tại thành phố Huế được phép thiết lập một trường Đại học Phật giáo. Tại thành phố Hồ Chí Minh được phép thiết lập một trường đại học Phật giáo. Ngoài ra, các tỉnh trong toàn quốc, mỗi tỉnh cũng đều được phép thành lập một Phật học viện, tùy theo khả năng nhu cầu mỗi tỉnh, nếu có thể làm được.

Vấn đề người thừa kế và làm việc trong chùa: Để có thể tiếp tục hành Đạo và làm các việc trong chùa, tôi xin đề nghị Chính phủ cho phép mỗi chùa được chính thức cư trú, tiêu chuẩn từ hai đến năm người tùy theo chùa lớn hay nhỏ mà quy định.

Vấn đề tín ngưỡng của tín đồ: Vấn đề tự do tín ngưỡng, tuy đã được Nhà nước đề ra sau khi nước nhà giành được quyền độc lập, nhưng được biết vẫn còn bị hạn chế ở nhiều địa phương nhất là ở thôn quê. Do đó, hôm nay, tiện dịp, tôi đề nghị Đại hội đạo đạt lên Chính phủ cho phép các tín đồ Phật giáo từ thành thị đến nông thôn được tự do tới chùa lễ Phật, nghe giảng giáo lý.

Những đề nghị của Hòa thượng đã được Chính phủ phê chuẩn. Dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Thích Đức Nhuận, trong ba nhiệm kỳ, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Ngay từ thời kỳ đầu, Hòa Thượng Thích Đức Nhuận đã chú trọng phát triển Phật giáo Việt Nam trên nhiều phương diện. Về vấn đề tăng sự, ngay từ khi thành lập, Ban Tăng sự đã có những hướng dẫn chỉ đạo thực hiện các quy định, nội quy, quy chế đối với Tăng Ni. Ban Tăng sự đã cùng Ban Nghi lễ tổ chức nhiều giới đàn thọ giới, truyền giới. Số lượng giới tử ngày càng đông, các giới đàn được tổ chức nghiêm túc, đúng theo quy định. Nhiều tỉnh, thành trong cả nước tổ chức Đại giới đàn đã có sự chú ý đến việc cho thọ giới theo nghi thức riêng giữa Bắc tông và Nam tông; đồng thời có sự quan tâm thích đáng đến nghi thức biệt truyền của Tăng Ni Khất sĩ trong việc khảo hạch giới tử về môn luật và nghi thức tụng niệm theo hệ phái, do Ban tổ chức gồm các thành phần giáo phẩm của hệ phái cùng chủ trì và thực hiện. Giai đoạn 1987-1992 đã có 38 giới đàn được tổ chức gồm 3.219 Tăng Ni được thọ giới, trong đó có 453 Tỳ kheo, 1.187 Tỳ kheo ni, 470 Thức xoa, 461 Sa di và 648 Sa di ni. Đây là sự thể hiện rõ

nét Phật giáo Việt Nam sau khi thống nhất trong ngôi nhà chung GHPGVN đã dần đi vào quy củ.

Về hoạt động hoằng pháp, ngay từ những nhiệm kỳ đầu tiên, sự nghiệp hoằng dương chính pháp đã được Giáo hội đặt làm trọng tâm hoạt động. Mặc dù Ban Hoằng pháp là tổ chức đảm nhận trọng trách hoằng pháp song hoạt động hoằng pháp có liên quan tới nhiều Ban, ngành khác như Ban Nghi lễ, Ban Văn hóa, Ban hướng dẫn phật tử, Ban Giáo dục Tăng Ni... Nội dung công việc chủ yếu là chọn lọc, soạn thảo những bài giảng tiêu biểu phổ biến trên toàn quốc, những bài giảng mang tính giáo dục tư tưởng cơ bản của Phật giáo ngày nay, xây dựng một nếp sống đạo lành mạnh đúng chính pháp... Tại các tỉnh, thành trong cả nước, công tác hoằng pháp được BTS quan tâm thông qua hoạt động thuyết giảng giáo lý thường xuyên với nội dung chọn lọc và phong phú. Bên cạnh việc phổ biến đọc và nghiên cứu các bài giáo lý do Trung ương và địa phương ban hành, nhiều tỉnh còn áp dụng linh động việc diễn giảng giáo lý vào cuộc sống hàng ngày của Tăng Ni, phật tử qua các buổi thọ bát quan trai hay các buổi cúng cầu an, cầu siêu...

Để sự nghiệp hoằng pháp được phát triển cần có đội ngũ giảng sư tốt, có trình độ. Công tác đào tạo giảng sư được đặt ra ngay từ đại hội II.

Về giáo dục, đào tạo tăng ni, GHPGVN từ khi thành lập đến nay rất chú trọng hoàn thiện và phát triển giáo dục Phật giáo. Đào tạo Phật giáo tiếp tục với các mô hình đào tạo đã có trước 1981. GHPGVN đã xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống trường Phật học trực thuộc giáo hội với cơ cấu tổ chức hành chính các cấp từ Trung ương tới địa phương.

Hệ thống các trường Phật học trực thuộc GHPGVN được phân thành các cấp học. Cao nhất là bậc đại học. Bậc đại học là hệ thống các trường Cao cấp Phật học, nay là hệ thống các Học viện Phật giáo. Trong nhiệm kỳ đầu tiên, hệ thống đào tạo bậc đại học Phật giáo có 1 trường Cao cấp Phật học Việt Nam tại Hà Nội. Nhiệm kỳ I (1981-1986), Trường Cao cấp Phật học Việt Nam tại Hà Nội đào tạo được 50 Tăng Ni sinh (cả nước). Nhiệm kỳ II, không chiêu sinh đào tạo khóa mới. Sang đến nhiệm kỳ III(1992-1997), Trường Cao cấp Phật học Việt Nam tại Hà Nội vẫn chỉ có 49 Tăng Ni sinh của khóa I, không chiêu sinh khóa II. Như vậy, cơ sở đào tạo trường Cao cấp Phật học Hà Nội suốt một thời gian dài không chiêu sinh. Trong giai đoạn này, cơ sở II tại TP Hồ Chí Minh được thiết lập và đã đào tạo khóa I: 59 Tăng Ni sinh, khóa II: 101 Tăng Ni sinh, khóa III: 234 Tăng Ni sinh. Tuy có sự gián đoạn, nhưng nếu xét trên tổng thể bối cảnh xã hội chung, đây là một thành tựu to lớn của GHPGVN trong đó Hòa thượng Thích Đức Nhuận có nhiều đóng góp quan trọng. Chính chủ trương đề cao giáo dục, đào tạo tăng tài ngay từ khi đảm nhiệm cương vị Pháp chủ của Hòa thượng, công tác giáo dục đạo tạo tăng tài dưới sự chỉ đạo của Hòa thượng trong hơn 10 năm đã đạt được những thành tựu như vậy và là nền tảng cơ sở vững chắc cho sự phát triển sau này.

Về giáo dục thanh thiếu niên phật tử, đây là một nhiệm vụ quan trọng của giáo dục Phật giáo. Hiện nay, giáo dục thanh thiếu niên Phật tử chỉ được thể hiện trong hệ thống giáo dục Gia đình Phật tử (GĐPT). Hệ thống giáo dục GĐPT là giáo dục đức dục trí dục. Với tư cách là một tổ chức tu học và rèn luyện đạo đức của thanh thiếu niên tín đồ Phật giáo, GĐPT luôn lấy giáo lý đạo Phật làm cốt lõi, làm nền tảng tư tưởng và đạo đức, nó có ảnh hưởng nhất định đến niềm tin của thanh thiếu niên tín đồ trong từng thời kỳ lịch sử nhất định. Nội dung giáo dục của GĐPT tập trung trên hai phương diện: *"đức dục"* và *"trí dục"* với nguyên tắc là *"Lý nhân duyên sinh"*, được áp dụng cho từng đối tượng, từng lứa tuổi, từng ngành *(ngành oanh, ngành vũ, ngành thiếu, ngành thanh...)*, xây dựng cho thanh thiếu niên một lối sống đạo đức, trí tuệ, kỹ năng. Nội dung này được thể hiện rõ trong chương trình học tập, rèn luyện, sinh hoạt của GĐPT từ việc học Phật, lễ Phật, văn nghệ thường thức đến các hoạt động thanh niên xã hội. Hoạt động của GĐPT đang ngày càng đi vào ổn định và tạo mội trường sinh hoạt lành mạnh cho thanh thiếu niên phật tử.

Về hoạt động hướng dẫn phật tử, do Ban Hướng dẫn Phật tử **(trước là Ban hướng dẫn nam nữ Cư sĩ Phật tử)** đảm trách, đồng thời kết hợp cùng các Ban: Ban Hoằng pháp, Ban Nghi lễ, Ban Văn hóa... Ban Hướng dẫn Phật tử là một trong những Ban được thành lập ngay từ khi thành lập Giáo hội và được ghi trong Hiến chương. Trong thời gian của nhiệm kỳ I, II, hoạt động hướng dẫn phật tử chú trọng vào hoạt động hướng dẫn cư sĩ thực hiện nếp sống đúng chính pháp, bảo tồn và phát huy truyền thống đạo đức của dân tộc. Nhiều Tỉnh, Thành hội Phật giáo đã mở các lớp học Phật pháp, tổ chức hội thi giáo lý, thọ Bát quan trai, khuyến khích Phật tử tham gia các ngày lễ truyền thống của Phật giáo và dân tộc; động viên Phật tử tham gia tổ chức những buổi diễn văn nghệ Phật giáo; đẩy mạnh phong trào học hỏi, nghiên cứu giáo lý qua các buổi sinh hoạt, hội thảo... phù hợp với mọi trình độ và lứa tuổi người cư sĩ.

Về giao lưu quốc tế, GHPGVN ngay từ thời kỳ đầu thành lập tiếp tục duy trì các hoạt động trước đây. Quan hệ quốc tế chủ yếu dựa trên 4 nội dung:

- Các hoạt động hợp tác quốc tế vì hòa bình.
- Các hoạt động hợp tác quốc tế trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục, bảo vệ môi trường và từ thiện xã hội.
- Các hoạt động vì tình hữu nghị quốc tế.
- Các hoạt động của GHPGVN đối với phật tử Việt kiều tại hải ngoại.

GHPGVN đã thực hiện rất tốt các hoạt động vì hòa bình. Qua các hoạt động này, GHPGVN ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong cộng đồng Phật giáo khu vực và thế giới.

Tóm lại, Có thể thấy, GHPGVN thời kỳ đầu thành lập trải qua muôn vàn khó khăn. Dưới sự chỉ đạo và dẫn dắt của Hòa thượng Thích Đức Nhuận, GHPGVN đã dần đi vào ổn định và đưa PGVN phát triển tiến hòa chung vào sự phát triển Phật giáo thế giới. Những thành tựu của GHPGVN trong những nhiệm kỳ đầu tiên với sự dẫn dắt của Hòa thượng đang được các thế hệ kế tiếp tiếp tục phát huy để Phật giáo Việt Nam tiếp tục đóng góp cho dân tộc, cho đất nước.

Thi pháp thơ Thiền

● TS **Thích Hạnh Tuệ**

Nói đến thơ Thiền là nói đến một hiện tượng văn học độc đáo, một bông hoa đẹp đẽ, kỳ diệu và có sức cuốn hút hấp dẫn kỳ lạ nhất trong vườn thơ ca. Thơ Thiền gắn với tư tưởng Thiền tông Phật giáo và mỹ học Thiền nên ngoài chất thơ ra nó còn có thêm một chất đặc trưng khác: chất Thiền. Nhờ chất này mà thơ Thiền mang một nét độc đáo, đặc sắc, góp phần làm cho thế giới thơ ca trở nên phong phú và hấp dẫn hơn.

Nghiên cứu thơ Thiền dưới góc độ thi pháp học là xem xét ở cấp độ hình thức nghệ thuật mang nội dung trong tính chỉnh thể, tính quan niệm. Nhờ thế, mới có thể nhận ra được chiều sâu của tầm vóc tư duy và cách thức phản ánh hiện thực *(vạn pháp)* của các thiền gia - thi nhân. Và cũng chỉ có như vậy, mới nhận thức được những đóng góp của thơ Thiền cho sự phát triển của văn học.

Văn tâm điêu long của Lưu Hiệp, pháp hiệu Tuệ Địa là một công trình lý luận văn học lớn nhất châu Á thời trung đại, được viết dưới ánh sáng của lý luận tư tưởng Thiền học Phật giáo hơn một nghìn năm trăm năm về trước. Công trình mang nội dung tư tưởng vĩ đại này có thể sánh ngang với Nghệ thuật thơ ca của Aristote thời cổ đại phương Tây, cách đây hai nghìn ba trăm năm. Có thể xem ***Văn tâm điêu long*** là tác phẩm đặt nền móng ban đầu mang tính định hướng để tìm hiểu thi pháp thơ Thiền.

Mặc dù, mới nhìn sẽ thấy thơ và Thiền rất khác xa nhau. Thiền là phương pháp tu tập, dùng để luyện cho tâm tập trung chuyên nhất, thuộc Phật giáo; Còn thơ dùng để bộc lộ cảm xúc, tâm trạng của con người đối với cuộc sống, thuộc văn học. Xét về nguồn gốc, thơ đã ra đời và rất thịnh hành trước khi Thiền đạo trở thành một tông phái của Phật giáo. Xét về cứu cánh, Thiền tông nhằm đến giác ngộ tự tính; Còn thơ dùng để chia sẻ tâm tình, truyền tải đạo lý. Tuy thơ và Thiền có nhiều chỗ dị biệt như vậy, nhưng đã có một sự thật hiển nhiên là từ giai đoạn khởi đầu với bài kệ bằng thể thơ ngũ ngôn tuyệt cú *"Thân thị bồ đề thụ..."* của Thần Tú đậm tư tưởng Thiền, rồi bài *"Bồ đề bổn vô thụ..."* của Huệ Năng cũng bằng thể thơ ngũ ngôn tuyệt cú thì lại là bài kệ - thơ mở đầu cho sự dung hợp tuyệt diệu giữa Thiền và thơ, chẳng khác nào như nước với sữa hoà quyện vào nhau. Chính sự dung hợp này đã là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên sự phát triển rực rỡ của thơ ca Trung Quốc thời Đường - Tống, thơ ca Việt Nam thời Lý - Trần. Nguyễn Hiếu Vấn đời Nam Tống đã lý giải sự dung hợp kỳ diệu này bằng một hình tượng sống động đầy chất thơ, mà sự lý giải ấy đã

Ảnh: Phùng Anh Tuấn

được hầu hết các thi hào, thi bá đời sau tán thành: *Thi vi thiền khách y hoa cẩm, Thiền thị thi gia thiết ngọc đao. (Thơ là chiếc áo thêu hoa của Thiền khách, Thiền là con dao gọt ngọc của nhà thơ)* [1]

Thiền như cơn gió nhẹ thổi vào vườn hoa thơ, làm cho những cánh hoa thơ ánh lên muôn hồng nghìn tía. Ở đây, các thiền sư - thi sĩ đã hoà chất Thiền với chất thơ vào làm một, để tạo nên chất bay bổng, phiêu diêu, lãng đãng, dạt dào cảm hứng, thấm đẫm ý vị sâu lắng, chẳng khác nào như ngàn hoa đang lung linh khoe sắc rực rỡ, toả hương ngào ngạt, nhờ gió thụ phấn, để tạo hạt, rồi trong tương lai không xa, hạt thành cây và lại tiếp tục trổ chồi đơm hoa. Ở Trung Hoa, các ông Hàn Câu, Lữ Bồn Trung là những người đã đem phương pháp tham Thiền để giảng dạy cho người học làm thơ. Họ còn làm ra bốn bài thơ chỉ rõ mục đích tham Thiền học thơ. Hãy đọc một trong những bài thơ ấy:

Học thi đương như sơ học Thiền, Vị ngộ thả biến tham chư phương.

Nhất triêu ngộ bãi chánh pháp nhãn, Tín thủ niêm xuất giá thành chương.

(Học thơ phải như mới học Thiền, Chưa ngộ phải tham vấn khắp nơi.

Một sáng ngộ được mắt chánh pháp, Những gì tay viết thảy văn chương) [2]

Tư tưởng Thiền ảnh hưởng rất lớn đến văn học. Sở dĩ thời Đường - Tống là thời kỳ vàng son nhất của thơ ca Trung Quốc, được tôn xưng là *"Thịnh Đường, long Tống"*, đã để lại cho nhân loại một khối lượng tác phẩm đồ sộ với hàng trăm tác gia nổi tiếng cùng nhiều tuyệt tác, chính là nhờ cảm thức Thiền trong thơ. Thời đó, rất nhiều tác gia tên tuổi đã dùng phương pháp tham Thiền để làm thơ hoặc chịu ảnh hưởng Thiền lý trong thơ như: thi Phật Vương Duy, Lý Bạch, Bạch Cư Dị, Liễu Tông Nguyên, Tô Đông Pha, Tô Triệt, Kiều Nhiên, Tư Không Đồ, Nghiêm Thương Lãng v.v.. Rất nhiều tác phẩm lý luận thi ca dựa trên nền tảng lý luận triết học tư tưởng Thiền như: ***Thương lãng thi thoại*** của Nghiêm Vũ, ***Thi thức*** của Thích Kiều Nhiên, ***Tùy viên thi thoại*** của Viên Mai v.v.. Thiền đã hoá thân thành phương thức sáng tạo và chiếm lĩnh nghệ thuật đã tạo nên một thời huy hoàng vô tiền khoáng hậu với những đặc trưng của thi ca thời này.

Ở Việt Nam, thơ Thiền Lý - Trần (thế kỷ X - XIV) là một bộ phận văn học đã cắm cái mốc mở đầu cho nền văn học viết Việt Nam. Nó có phong vị riêng, rất đặc trưng, dễ dàng khu biệt với thơ ca các giai đoạn khác. Ở đó, nó đã đề cập nhiều về con người, nhất là con người bản thể siêu việt, thể hiện quan niệm của các Thiền gia - thi sĩ thời Lý - Trần.

Con người vừa là đối tượng vừa là cứu cánh của văn học, là yếu tố trung tâm của thế giới nghệ thuật, góp phần bộc lộ quan niệm nghệ thuật về con người và thế giới của tác giả. Đây là một trong những vấn đề cốt lõi của sáng tạo nghệ thuật. Với thơ Thiền Lý - Trần, hình tượng con người được thể hiện thông qua cảm quan Thiền.

Đó là vô vị chân nhân tức con người thật không địa vị. Nói cách khác là con người trong tính bản thể. Con người này không phải là con người vật lý, con người tứ đại mà cũng không ngoài con người tứ đại. Biểu hiện của con người thật không địa vị này được các Thiền gia - thi sĩ biểu đạt với những danh xưng khác nhau. Đó là hình tượng nương sinh diện *(khuôn mặt mẹ)*, vô vị chân nhân *(con người thật không địa vị)* của Trần Thái Tông; là chân diện mục *(khuôn mặt thật)*, là đồng tử *(trẻ thơ)* của Tuệ Trung; là đông hoàng diện *(mặt chúa xuân)* của Trần Nhân Tông; là bản lai nhân *(người gốc xưa)* của Trần Minh Tông; là tự tại nhân *(người tự do)* của Hiện Quang v.v.. Thơ Thiền gắn với tư tưởng Thiền và mỹ học Thiền, nó thường tập trung bàn về những vấn đề liên quan đến bản thể luận và giải thoát luận. Vì thế, con người thật không địa vị vừa là đối tượng phản ánh, chiêm nghiệm, lại vừa là mục đích cứu cánh của các Thiền gia - thi sĩ.

Với Tuệ Trung Thượng sĩ, đó là hình tượng con người trí tuệ, bản lĩnh, tự tin ở năng lực và sức mạnh của mình, không ỷ lại hay nương tựa vào bất kỳ một thế lực nào khác. Tuệ Trung mở đầu bài kệ - thơ Thị chúng bằng: Hưu tầm Thiều Thất dữ Tào Khê *(Chớ tìm Thiều Thất với Tào Khê)*. Và kết thúc bằng: Mạc tầm Nam Bắc dữ Đông Tây *(Đừng tìm Nam Bắc với Đông Tây.)*[3]

Ở đây, Tuệ Trung đã dùng chữ *"Hưu"* là phủ định từ, mang nét nghĩa như lời khuyên bảo; còn *"Mạc"* lại có ý phủ định mạnh mẽ. Ý phủ định này được tăng dần lên theo ngữ điệu. Từ *"hưu"* đến *"mạc"*, từ những địa danh cụ thể, có giới hạn: Thiều Thất, Tào Khê cho đến không gian bao la rộng lớn: Nam, Bắc, Đông, Tây. Chính là để biểu đạt cái bản lĩnh, tự tin vô biên của con người trí tuệ.

Trong khi đó, Trần Minh Tông thì dùng từ *"hưu"*, *"phất"* ở thể trùng điệp để thể hiện sự tự tin vào bản lĩnh của chính mình trong bài Giới am ngâm:

Hưu hưu ngoại mịch khổ thi công, Phất phất tỵ khổng cổ kim đồng.

(Thôi thôi tìm ở ngoài vô ích, Phập phồng cánh mũi xưa nay chung.)[4]

Thế giới ngôn từ của thơ Thiền là thế giới ưu tiên cho những dạng câu phủ định, số lượng những bài thơ có dạng câu phủ định chiếm khoảng 60% trong toàn bộ tác phẩm thơ Thiền. Có lúc, nó được sử dụng nhiều lần ngay cả trong một bài thơ, như Trần Nhân Tông đã viết trong bài kệ kết thúc bài Cư trần lạc đạo phú:

Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch, Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền.

(Của báu đầy nhà thôi tìm kiếm, Gặp cảnh không tâm chớ hỏi Thiền.)[5]

Sở dĩ có hiện tượng này hẳn là do chức năng đặc trưng của thơ Thiền, bởi câu phủ định rất có hiệu quả trong việc truy bức, dồn ép người nghe, người học đạo vào tuyệt lộ của tư duy lý tính, tư duy lô gíc, để khai thông trí tuệ giác ngộ tiềm ẩn trong mỗi con người.

Con người trí tuệ ở đây còn thể hiện ở sự thông đời liễu đạo, am hiểu Phật - Đạo - Nho, dung thông Tam giáo, đem hết sức mình làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, góp phần an bang định quốc, tự tin vào mình, không nương tựa vào tha lực, cho dù đó là bậc đạo sư của họ như Quảng Nghiêm trong bài Thị tịch:

Nam nhi tự hữu xung thiên chí, Hưu hướng Như Lai hành xứ hành.

(Nam nhi tự có chí ngút trời, Đừng đi theo lối mòn của Như Lai.)[6]

Hiện lên trong thơ Thiền còn là con người tự tại với phong thái ung dung trầm tĩnh, tiêu diêu thanh thoát, hoà mình vào thiên nhiên vạn vật, sống trọn vẹn với thực tại, hết mình với cuộc sống. Họ không truy cầu quá khứ, không mơ tưởng hão huyền ở tương lai. Giá trị chân thực của cuộc sống dưới nhãn quan của thi sĩ Thiền không phải là những gì bí mật xa vời mà là ở ngay trước mắt, ngay trong sát na hiện thực tỉnh giác. Quan niệm *"Nhất thiết duy tâm tạo"* từ kinh Hoa Nghiêm đã tạo nên cảm quan và tư tưởng vô ngại cho các Thiền sư. Hãy hình dung phong thái của Hiện Quang trong bài Đạo:

Vô vi cư khoáng dã, Tiêu dao tự tại nhân.

(Vô vi sống đồng rộng, Người tự tại thung dung.)[7]

Đó còn là con người vô ngã vị tha thể hiện rất rõ trong thơ Thiền. Vô ngã là không chấp cái *"Ta"* và cái *"Của ta"*; Vị tha là vì chúng sinh, vì mọi người. Một phần biểu hiện cụ thể là những con người vừa có tấm lòng khoan dung độ lượng; vừa yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước; đem hết năng lực, trí tuệ của mình để phục vụ nhân dân, đất nước. Vô ngã nghĩa là không còn chấp ngã, không còn chấp pháp; tức không còn phân biệt cái này của ta, cái kia thuộc về ta; không còn lo lợi ích cho riêng mình, khư khư bám víu vào lòng ham muốn của ta. Vô ngã là giải thoát, là Niết Bàn, nó không mang ý nghĩa phủ nhận giá trị con người, xoá bỏ con người; không mang ý nghĩa phi nhân bản, mà chính là giải thoát con người ra khỏi tù ngục của sự cố chấp, thành kiến; giải phóng con người ra khỏi mọi thúc phược của mọi sự tác động từ ảnh hưởng bên ngoài, nhất là sự trói buộc tham dục và thành kiến của chính mình, hướng tới giá trị đích thực của con người tự do với ý nghĩa tuyệt đối. Con người vô ngã trước hết là con người tự do tuyệt đối, gần với trạng thái lãng quên kỳ diệu. Có lẽ ở trong trạng thái lãng quên đó, con người dễ dàng đạt đến cảnh giới *"Vô ngã"*. Trạng thái đó cũng là trạng thái thứ tám trong Thập mục ngưu đồ *"tương vong"* (cùng quên). Kinh nghiệm của trạng huống *"vật ngã câu vong"* (ta, vật đều quên) được Huyền Quang ghi lại trong bài Cúc hoa, số 3:

Vong thân vương thế dĩ đô vong, Toạ cửu tiêu nhiên nhất thập hương.

(Quên mình, quên đời, quên tất cả, Yên lặng ngồi lâu lạnh cả giường.)[8]

Lúc đó, con người và vạn vật hoà quyện vào nhau không còn hiện hữu sự tách bạch. Giây phút ấy, cái "tôi" phân biệt như đã tan vào trong vũ trụ vạn vật bao la, không còn bóng dáng. Con người ở đây như nhận thức được sự hữu hạn của cuộc đời, sự ngắn ngủi của cuộc sống với qui luật *"Hữu thành tất hữu hoại"* (Có thành tựu ắt có huỷ hoại). Hãy mở rộng tâm hồn đến vô biên hoà vào thể tính bao la của vũ trụ, hoá thân vào sum la vạn tượng, tồn tại mãi với thời gian.

Một trong những đặc trưng khu biệt thơ Thiền với những dòng thơ khác chính là ở cách sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật của thơ Thiền. Với quan niệm *"Ngôn ngữ đạo đoạn"*, lời nói ngôn từ hữu hạn ở đây không thể diễn tả trọn vẹn và đầy đủ cái chân lý vô cùng, thể hiện rõ nét quan điểm mỹ học phương Đông. Ngôn ngữ thông thường khó có thể diễn tả, thể hiện được trọn vẹn cái tĩnh mà động, thường mà biến, hư mà thật của vạn pháp. Ngôn ngữ thơ Thiền được dùng đạt đến đỉnh điểm của tính hàm súc, cô đúc. Mặc dù vậy, cái hiện ra qua bề mặt ngôn ngữ cũng chỉ là một phần nổi của tảng băng trôi, phần chính yếu, ngôn ngữ không thể diễn tả hết được chẳng khác nào như chín phần còn lại chìm dưới của tảng băng, ẩn tàng sau lớp từ ngữ. Cho nên ngôn ngữ thơ Thiền không có quá kỳ vọng diễn đạt toàn vẹn đối tượng mà cốt chỉ khơi gợi hướng tới chiếm lĩnh đối tượng. Đó là thứ ngôn ngữ siêu ý tại ngôn ngoại.

Hơn nữa, các Thiền sư - thi sĩ thường thấy rõ ràng là từ ý tưởng đến diễn đạt thành lời thơ còn có một khoảng cách vô hình. Đối với những tác gia thiên tài, hay các thi sĩ Thiền, cái khoảng cách vô hình từ ý tưởng đến ngôn từ chỉ có thể tiệm tiến dần đến số không chứ hoàn toàn không thể xoá bỏ hẳn. Đó là chưa nói bản thân ngôn ngữ vốn không thể nào thể hiện được một cách trọn vẹn đối tượng, nếu miễn cưỡng thì có lẽ sẽ không bao giờ tiếp cận chân lý đích thực. Những tuyệt tác của thi ca phương Đông thường là những tác phẩm dường như chưa hoàn tất, chưa đầy đủ, chưa kết thúc. Chính điều này, tạo nên sự lung linh mờ ảo, huyền bí với sức sống vô hạn, sức cuốn hút vô biên. Những tác phẩm ấy, không những khắc phục được sự nhàm chán mà còn tạo được sức kích thích lớn lao của sự hấp dẫn trong việc khám phá được sự kì diệu và bí ẩn của thi ca. Đúng như cách nói của nhà Phật: Mỗi người uống nước sẽ tự cảm nhận được sự nóng lạnh của nó; Ai ăn sẽ tự cảm nhận được mùi vị của món ăn, dù có diễn tả hay cách mấy cũng không nói hết được.

Ngôn ngữ thơ Thiền, bên cạnh những nét chung của ngôn ngữ nghệ thuật trung đại phương Đông, nó còn mang trong mình triết lý Thiền với sự uyên áo, kỳ bí và gợi mở giống như luồng nội lực đả thông kinh mạch, khai nguồn cho dòng thác trí tuệ vụt lên. Tính bất toàn của ngôn ngữ Thiền kích thích mãnh liệt sự tò mò và lòng ham hiểu biết chân lý, đó là cách thức giải phóng, khai thông những tiềm lực to lớn vô biên ẩn tàng trong sâu thẳm ở mỗi con người. Tính chất *"ý tại ngôn ngoại, huyền ngoại chi âm, cam dư chi vị"* ở đây không thể chỉ hiểu theo nghĩa lời ít ý sâu, có nhiều tầng ý nghĩa để đối tượng tiếp nhận, có thể lĩnh hội theo cơ chế của sự liên tưởng mà là lắm khi còn vượt ra ngoài khuôn sáo ngữ nghĩa thông thường của ngôn ngữ. Nói cách khác, thông điệp mà thơ Thiền phát ra không thể nào cảm nhận trọn vẹn bằng tư duy logic thông thường mà chỉ có thể đạt tới bằng phương pháp Thiền trực hội. Như có người hỏi: *"Ngôn ngữ đạo đoạn là thế nào?"* Thiền sư Viên Chiếu đáp:

Giốc hưởng tuỳ phong xuyên trúc đáo, Sơn nham đái nguyệt quá tường lai.

(Tiếng sừng theo gió xuyên rặng trúc, Vầng trăng vượt núi đến bên tường.)[9]

Hai câu thơ đầy hình ảnh sinh động này nếu dùng tư

duy lý tính, suy luận theo cấu trường liên tưởng thì sẽ dễ rơi vào suy diễn tư biện, không hiểu được ý của tác giả muốn thể hiện.

Đặc biệt là ngôn ngữ thơ Thiền được các thi gia xem như một *"Pháp"* bình đẳng với những pháp khác, vượt ra ngoài mọi qui ước về mặt ý nghĩa, tạo nên một thứ siêu ngôn ngữ. Bước đột phá này bổ túc cho sự bất toàn của ngôn ngữ trong việc phản ánh, biểu hiện, tái tạo hiện thực và chiều sâu vô tận của tâm hồn con người mà ngôn ngữ thông thường không thể nào biểu hiện được. Thứ siêu ngôn ngữ này còn mở rộng khả năng biểu hiện của ngôn ngữ đến mức vô giới hạn. Có như vậy mới đáp ứng được nhu cầu phản ánh và biểu hiện sự muôn màu muôn vẻ của cuộc sống và con người, mà chiều sâu tâm hồn con người là mảnh đất màu mỡ nhất. Tính gợi mở khai thông của ngôn ngữ thơ Thiền kích thích mạnh mẽ vào sự hoạt động tâm trí giúp độc giả ngộ ra chân lý. Điều này kích thích sự sáng tạo tự thân, khắc phục thái độ sáo mòn, theo vết, dọn sẵn.

Đọc thơ Thiền không phải chỉ đọc những gì ở ý nghĩa của ngôn ngữ thông thường mà là lĩnh hội trực tiếp thông điệp bằng cách *"lấy tâm hội tâm"*, không thông qua tư duy lôgic lý tính. Chỉ có như vậy mới có thể đọc được cách nói nghịch lý khác thường, phi lô gíc, không thể thấy được trong cuộc sống:

Dục tri đoạn đích ý, Thạch hổ giáo kim ngưu.
(Muốn biết ý nghĩa thật, Hổ đá cần dê vàng.)

Tuệ Trung, Thị đồ đệ[10]

Để trả lời câu hỏi: Thế nào là bản ý? Thiền sư Viên Chiếu đáp bằng hai câu thơ: Xuân chức như hoa cẩm, Thu lai diệp tự hoàng. *(Xuân dệt muôn hoa như gấm thêu, Thu sang ngàn lá tựa vàng gieo)*[11]. Những câu thơ giàu hình ảnh tuyệt mỹ này mới nghe tưởng chừng như chẳng ăn nhập gì với câu hỏi đặt ra. Có biểu đạt với ngôn ngữ phi lôgic như trên thì mới ngỏ hầu đập tan những cố chấp, vướng mắc của người học, nhằm khai thông trí tuệ chân thật của họ.

Một đặc trưng nữa của ngôn ngữ thơ Thiền là vô ngôn. Để biểu lộ, hiển bày chân tâm trong sáng, u huyền, tịch diệu, không màu không mùi, không hình không dáng, không vuông không tròn, hoặc diễn tả trạng huống giác ngộ, bừng vỡ chân lý, giây phút thăng hoa trí tuệ không gì hơn là vô ngôn. Cùng với Thiền ngữ *(siêu ngôn ngữ)*, vô ngôn sẽ bổ túc thêm cho sự bất toàn, bất cập của ngôn ngữ. Ngôn ngữ dù được sử dụng tuyệt vời đến đâu cũng mang một ý nghĩa giới hạn nhất định, vô ngôn đưa nó đến cõi vô hạn. Hãy lắng lòng cùng Trần Quang Triều hoà mình vào cảnh chiều hôm nơi ngôi chùa cổ trong bài Đề Gia Lâm tự:

... Xuân vân hoa dung bạc, Lâm u thiền vận trường.
Vũ thu thiên nhất bích, Trì tĩnh nguyệt phân lương.
Khách khứ tăng vô ngữ, Tùng hoa mãn địa hương.
(Xuân chảy hoa mỏng mảnh, Rừng thẳm ve ngân nga.
Mưa lạnh da trời biếc, Ao trong ánh trăng ngà.
Khách về tăng không nói, Thông rụng nức mùi hoa.)[12]

Lúc này, thật không một ngôn ngữ nào diễn tả hết được cái không gian trong sáng của cảnh. Cảnh vật thanh u, tĩnh lặng, không khí mát mẻ. Một sự thanh khiết vô biên tuyệt diệu của đất trời khiến cho con người thanh lọc hết mọi ưu tư phiền não, vướng mắc, để đạt tới sự yên bình thanh thản vô hạn. Trạng thái lặng yên không nói, hoà nhập tâm mình với vạn vật như trên, còn được Trần Nhân Tông bộc bạch trong bài Xuân cảnh:

Khách lai bất vấn nhân gian sự, Cộng ỷ lan can khán thuý vi.
(Khách đến không hỏi chuyện đời, Cùng tựa lan can ngắm màu xanh.)[13]

Bằng nghệ thuật ngôn ngữ vô ngôn, Thiền gia - thi sĩ đã mở ra một cấu trường cảm nhận vô biên giữa tác giả và người đọc. Mỹ học của thơ Thiền đã mang đến cho thơ ca giai đoạn này một luồng sinh khí tràn đầy sức sống với một thế giới cảm xúc mới lạ và rộng mở đến vô hạn.

Những thủ pháp nghệ thuật nhân hoá, thậm xưng, nhất là ẩn dụ chiếm khoảng 70% trên tổng số tác phẩm thơ Thiền thời Lý - Trần. Những thủ pháp nghệ thuật này được hầu hết các thi sĩ Thiền sử dụng nhiều đến mức trở thành ước lệ. Chữ gia trong câu thơ sau trong bài Đạo của Thường Chiếu dùng để chỉ cội nguồn, bản thể, tự tính của mỗi người:

Đại thiên sa giới ngoại, Hà xứ bất vi gia.
(Cả hà sa thế giới, Đâu chẳng phải là nhà.)[14]

Không gian vũ trụ là đặc trưng cảm nhận thế giới của con người thời trung đại. Không gian trong thơ Thiền trước hết là không gian trong tính bản thể của nó. Dưới tuệ nhãn của các Thiền sư, không gian cũng là một pháp, bản thể của nó không khác gì với bản thể của vũ trụ, trong đó có con người :

Đạo lữ bất tu thương vĩnh biệt, Viện tiền sơn thuỷ thị chân hình.
(Bạn đạo thôi hãy đừng thương xót, Non nước ngoài am ấy dáng xưa.)

Đoàn Văn Khâm, Văn Quảng Trí thiền sư[15]

Không gian trong thơ Thiền đã được tâm hoá nên nó được tái hiện bởi quan niệm một là tất cả, tất cả là một, như thiền sư Khánh Hỷ trả lời câu hỏi của Pháp Dung về phàm thánh khác nhau như thế nào?:

Càn khôn tận thị mao đầu thượng, Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung.
(Trời đất ở trên đầu một sợi lông, Mặt trăng, mặt trời đựng trong hạt cải.)

Khánh Hỷ, Đáp Pháp Dung phàm thánh chi vấn[16]

Không gian ấy không chỉ là không gian bao la rộng lớn, nó không giới hạn trong thái dương hệ của chúng ta mà còn mở rộng đến các cõi khác:

Tam giới mang mang tâm liễu liễu, Nguyệt hoa tây một nhật thăng đông.
(Ba cõi mênh mông lòng sáng rỡ, Trăng lặn phía tây, mọc đằng đông.)[17]

Hình tượng không gian bao la vô cùng vô tận thường được dụ cho Phật tính, là biểu trưng của bản thể vũ trụ. Chỉ có sự bao la vô biên của không gian mới là cái đắc giá cho các thi sĩ chọn làm biểu tượng ẩn dụ cho chân tâm viên giác tròn đầy.

Nếu như thế giới tồn tại trong không gian, thời gian

thực tại, thì thế giới nghệ thuật chỉ có thể tồn tại trong thời gian và không gian nghệ thuật. Thời gian nghệ thuật trong thơ không chỉ là quan niệm của tác giả về thời gian, mà còn là hình tượng thời gian sinh động, là sự cảm thụ, ý thức về thời gian như là hình thức nghệ thuật phản ánh hiện thực, lý giải con người. Thời gian luân hồi tuần hoàn theo chu kỳ được Mãn Giác thể hiện chỉ với bốn câu, hai mươi chữ mà đã khái quát toàn bộ qui luật sinh trụ dị diệt *(sinh ra, tồn tại, biến đổi, hoại diệt)* của vạn vật và qui luật sinh lão bịnh tử *(sinh, già, bịnh, chết)* của con người, bằng hình tượng sinh động trong bài kệ giàu chất thi ca :

Xuân khứ bách hoa lạc, Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục nhãn tiền quá, Lão tùng đầu thượng lai.
(Xuân đi trăm hoa rụng, Xuân đến trăm hoa cười,
Sự việc qua trước mắt, Trên đầu già đến rồi.)[18]

Tác giả đã vẽ ra vòng tuần hoàn liên miên bất tận bằng cách gợi lên hình tượng hoa rụng trước, hoa nở sau để dẫn ra những vòng đời tiếp theo của hoa. Các cặp ngữ động từ đối nhau: khứ - đáo; lạc - khai ; nhãn tiền quá - đầu thượng lai; và các từ được dùng trùng điệp: xuân, hoa như để chỉ ra qui luật này chẳng khác gì bánh xe luân hồi tuần hoàn mãi không dứt. Chữ bách được dùng lặp lại không chỉ là chỉ số trăm mà hàm ý vũ trụ vạn vật muôn loài kể cả con người, không loài nào thoát ra ngoài qui luật đó được. Hình ảnh mái tóc bạc là biểu tượng của dấu ấn thời gian hằng in trong tâm khảm của mọi người.

Thời gian qua nhanh, cuộc đời ngắn ngủi như băng dưới nắng, đuốc trước gió như trong mấy câu thơ sau của Trần Thái Tông:

Nhật xuất hoàn tương một, Thân phù hựu phục trầm.
(Mặt trời mọc rồi lặn, Thân nổi chìm luân hồi.)[19]

Thơ Thiền đề cập đến thời gian ngắn ngủi, chóng vánh nhằm cảnh tỉnh mọi người không nên chìm đắm trong mộng tưởng điên đảo mà phải nỗ lực chuyên cần tu tập, vượt ra ngoài mọi sự câu thúc của thời gian hữu hạn, để đạt tới cảnh giới siêu việt thời gian. Tức là hiểu thấu thời gian trong tính bản thể của nó. Nhìn thời gian trong bản chất của nó, không dài, không ngắn; không nhanh, không chậm; không đến, không đi; vô thuỷ vô chung; xem sát na và khoảnh khắc là mãi mãi. Đó chính là thời gian thực tướng được lọc qua cảm quan Thiền của các Thiền gia - thi sĩ. Lúc này, họ không còn phân biệt: năm ngoái, năm nay; đêm hôm trước, đêm hôm nay, như Tuệ Trung viết trong bài Đốn tỉnh:

Tạc dạ nguyệt minh kim dạ nguyệt, Tân niên hoa phát cố niên hoa.
(Đêm qua trăng sáng, trăng đêm nay, Năm mới hoa nở, hoa năm cũ.)[20]

Quan niệm về thời gian thực tướng là nét đặc trưng của nghệ thuật về thời gian trong thơ Thiền, khó có thể tìm thấy trong các bộ phận thơ ca khác.

Khoảnh khắc chợt tỉnh cũng tức là thời gian giao điểm giữa mê và ngộ, thời gian chuyển đổi lớn lao từ cái nhìn nhị nguyên đến cái nhìn triệt ngộ, khoảnh khắc đó tuy ngắn ngủi nhưng có ý nghĩa vô cùng to lớn :

Thụy khởi châm thanh vô mịch xứ, Mộc tê hoa thượng nguyệt lai sơ.
(Tỉnh giấc tiếng chày đâu chẳng biết, Trên cành hoa quế trăng mới lên).

Trần Nhân Tông, Nguyệt[21]

Thời gian trong thơ Thiền là thời gian hiện tại, không hoài cổ như thường thấy trong thơ Đường. Thời gian tĩnh giác trong phút giây hiện tại, không hoài niệm quá khứ, không mơ mộng tương lai. Đặc biệt, mùa thu và ban đêm thường được các thi nhân chọn làm hình tượng thời gian. Có lẽ cái không gian trong trẻo, tĩnh mịch của ban đêm vào mùa thu là thời khắc của sự hoà điệu giữa con người và vũ trụ, và là thời điểm thích hợp nhất để biểu hiện cái chân tâm Phật tính, cũng là lúc thuận lợi nhất cho sự bừng vỡ giác ngộ. Con người đứng trước không gian trong lặng của đất trời, muôn vạn phiền não vô minh như được rũ sạch, chẳng khác nào như mây đen nhờ gió cuốn đi, để hiện rõ mặt trời tự tính trong sáng thuần khiết vô biên.

Như vậy, để nghiên cứu một đối tượng văn học đậm tính ảo diệu, kỳ bí, uẩn súc, uyên áo và có lịch sử lâu đời như thơ Thiền, thì ngoài những phương pháp tiếp cận thông thường, có lẽ thi pháp học là một trong những cách tiếp cận hữu hiệu nhất. Hướng nghiên cứu thi pháp học để giải mã thơ Thiền phải chăng cần được vận dụng nhiều hơn nữa, mà bài viết này mới chỉ là những bước đi đầu tiên mà thôi.

CHÚ THÍCH

(1) Đỗ Tùng Bách, Thơ Thiền Đường - Tống, NXB Đồng Nai, 2000, tr 102.
(2) Đỗ Tùng Bách, Thơ Thiền Đường - Tống, NXB Đồng Nai, 2000, tr 349.
(3) Viện Văn học, Thơ văn Lý - Trần, tập 2, quyển thượng, NXB KHXH, HN, 1989, tr 231.
(4) Viện Văn học, Thơ văn Lý - Trần, tập 2, quyển thượng, NXB KHXH, HN, 1989, tr 231.
(5) Viện Văn học, Thơ văn Lý - Trần, tập 2, quyển thượng, NXB KHXH, HN, 1989, tr 504.
(6) Tổng tập văn học Việt Nam, tập 2, NXB KHXH, HN, tr 646.
(7) Tổng tập văn học Việt Nam, tập 2, NXB KHXH, HN, tr 656.
(8) Tổng tập văn học Việt Nam, tập 2, NXB KHXH, HN, tr 415.
(9) Tổng tập văn học Việt Nam, tập 2, NXB KHXH, HN, tr 595.
(10) Viện Văn học, Thơ văn Lý - Trần, tập 2, quyển thượng, NXB KHXH, HN, 1989, tr 245.
(11) Viện Văn học, Thơ văn Lý - Trần, tập 1, NXB KHXH, HN, 1989, tr 280.
(12) Viện Văn học, Thơ văn Lý - Trần, tập 2, quyển thượng, NXB KHXH, HN, 1989, tr 614.
(13) Viện Văn học, Thơ văn Lý - Trần, tập 2, quyển thượng, NXB KHXH, HN, 1989, tr 460.
(14) Tổng tập văn học Việt Nam, tập 2, NXB KHXH, HN, tr 649.
(15) Tổng tập văn học Việt Nam, tập 1, NXB KHXH, HN, tr 291.
(16) Tổng tập văn học Việt Nam, tập 2, NXB KHXH, HN, tr 691.
(17) Tổng tập văn học Việt Nam, tập 1, NXB KHXH, HN, tr 179.
(18) Tổng tập văn học Việt Nam, tập 2, NXB KHXH, HN, tr 610.
(19) Tổng tập văn học Việt Nam, tập 2, NXB KHXH, HN, tr 190.
(20) Viện Văn học, Thơ văn Lý - Trần, tập 2, quyển thượng, NXB KHXH, HN, 1989, tr 269.
(21) Viện Văn học, Thơ văn Lý - Trần, tập 2, quyển thượng, NXB KHXH, HN, 1989, tr 455.

Ảnh: **Hương Thanh**

ĐỨC PHẬT VỚI ĐIỂN TÍCH "DU QUÁN TỨ MÔN"

● **Pháp Vương Tử**

Khi nói đến điển tích *"Du quán tứ môn"* là người học Phật, tu Phật chúng ta nhớ ngay đến hình ảnh vô cùng tươi đẹp và hy hữu của vị Thái tử Tất-đạt-đa, con vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma-Da, khi chưa trở thành một Đức Phật.

Hôm ấy, trong một buổi nhàn du thời trai trẻ, Thái tử đã dời cung điện để thực hiện một cuộc dạo chơi ngoài cổng thành. Lần lượt Thái tử qua bốn cổng thành cùng đoàn hộ tống. Tại cổng thành phía Đông, Thái tử cùng đoàn tùy tùng thấy một người già tiều tụy, khốn khó *(Đông môn kiến lão)*. Tại cổng thành phía Nam, Thái tử cùng đoàn tùy tùng thấy một người bệnh tật đau đớn khổ sở *(Nam môn kiến bệnh)*. Tại cổng thành phía Tây, Thái tử cùng đoàn tùy tùng thấy một xác chết hôi thối, với dung nhan biến đổi dị thường *(Tây môn kiến tử nhân)*. Và khi tới cổng thành phía Bắc, Thái tử cùng đoàn tùy tùng thấy một Sa-môn khoan thai đi trên đường *(Bắc môn kiến Sa-môn)*. Vị Sa-môn ấy nói với Thái tử: Xuất gia tu hành có thể giải thoát Sinh, Lão, Bệnh, Tử. Thái tử liền nói với vị Sa-môn *"Đây là sự nghiệp lớn"*. Và từ đó ấp ủ ý niệm xuất gia. Cũng từ cuộc dạo chơi ấy, với những gì mắt thấy, tai nghe, Thái tử đã có được cái nhìn sâu sắc, cái nhìn trong suốt, lắng đọng như như; cái nhìn *"dấu mình"* vào sự vật, lặn vào sự vật; cái nhìn ấy không mổ xẻ, phân tích, không cần gọi tên, không cần xếp loại, đó là cái nhìn của cảm nghiệm, một cái nhìn *"thiền"* gọi là pháp quán. Pháp quán ấy hiển lộ cái *"thấy"* sâu thẳm về hiện thực cuộc sống sinh động đang là của chúng sinh vạn hữu. Đó chính là lòng từ bi - được xem như thành phần chủ yếu của trí tuệ, hiện rõ trong hình ảnh cứu cánh của Bồ Tát, một trong những đặc trưng căn bản của Phật giáo Đại thừa sau này.

Và theo câu chuyện đã dẫn, có thể xem sau chuyện dạo chơi qua bốn cổng thành lần ấy là một trong những tiền đề dẫn đến hành động chối bỏ lạc thú nhân gian, dời hoàng cung để đi tìm đạo giải thoát của vị Thái tử. Đó là sự từ bỏ vĩ đại.

Ngược dòng thời gian, Kinh Phật có ghi chép rõ nguyên nhân sâu xa về việc Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia: Thì ngay từ năm 14 tuổi, một lần Thái tử ra ngoại ô chơi nhìn thấy người nông dân nhọc nhằn cúi đầu cày ruộng, mồ hôi ướt đẫm dưới cái nắng gay gắt. Con bò đang cày ruộng, trên

cổ quàng sợi dây thừng to không ngừng bị quất roi đến rách da chảy máu; dưới đất ruộng cày bị sới lên là các côn trùng bị giết hại... Thái tử đã vô cùng đau xót, thương hại như kim chích qua tim, bất giác khởi tâm từ bi cảm ngộ sâu sắc trước sự tàn khốc của thế gian, của chúng sinh tàn hại lẫn nhau, quả là sự bi thảm của cuộc đời. Những nỗi trầm tư của Thái tử đã khiến vua cha là quốc vương Tịnh Phạn thấy rõ và vô cùng lo lắng khi nhớ đến lời tiên tri của đạo sư A-Tư-Đà lúc Thái tử mới đản sinh rằng: Thái tử sẽ trở thành vị vua Chuyển luân vương nếu tại gia; và nếu xuất gia Thái tử sẽ thành tựu Nhất thiết chủng trí, một vị Phật.

Ở Ấn độ thời bấy giờ có rất nhiều các giáo phái tôn giáo mà phần nhiều có xu hướng cực đoan, thần quyền; về chính trị thì phân chia đẳng cấp nhằm lấn át tranh đoạt nhau. Thế nên, Chuyển luân Thánh vương là kỳ vọng chính trị của dân chúng còn Phật là người hoàn toàn giác ngộ được thực tướng nhân sinh, đề cao việc giáo hóa chính pháp, bình đẳng và tự tại... Cũng vì thế, ngay từ nhỏ Thái tử đã được Tịnh Phạn Vương và Hoàng thất nuôi nấng dậy dỗ, giáo dục một cách toàn diện về cả văn chương và võ nghệ. Những thầy giỏi nhất trong xứ được triệu đến hoàng cung để dạy Thái tử khi Ngài mới 7 tuổi. Các môn học thế gian như Thanh Minh học *(ngôn ngữ và văn học)*. Công xảo minh *(công kỹ nghệ học)*; Y phương minh *(thầy thuốc)*; Nhân minh *(luận lý học)* và nội minh *(Đạo học)*. Về đạo học, Thái tử được dạy qua 4 sách Thánh Vệ Đà, là các sách Thánh của Bà la môn giáo. Đến năm 12 tuổi, Thái tử đã thông thạo 5 môn học trên và 4 sách Thánh Vệ - Đà. Năm 13 tuổi, Thái tử được học võ nghệ theo truyền thống dòng dõi đẳng cấp võ tướng Sát-đế-ly. Nhờ trí thông minh là sức khỏe phi thường nên Thái tử môn võ gì cũng giỏi. Tại một cuộc hội thi do triều đình tổ chức, Thái tử đã bắn một mũi tên xuyên 7 lớp trống đồng, trong khi người giỏi nhất cuộc thi cũng chỉ bắn xuyên thủng 3 lớp mà thôi...mặc dù vậy Tịnh Phạn Vương vẫn chưa dứt nỗi lo lắng mỗi khi chợt thấy Thái tử thể hiện nỗi ưu tư trên gương mặt nên đã rắp tâm cùng Hoàng thất lo đám cưới sớm cho Thái tử với Công chúa một nước láng giềng là Da- du-đà-la đồng lứa tuổi 16 với Thái tử. Và trong gần 13 năm sau ngày cưới, Thái tử sống một cuộc đời hạnh phúc trong nhung lụa và quyền uy của một bậc đế vương. Những việc làm đó của phụ vương nhằm ngăn cản tư tưởng xuất trần của Thái tử; bởi Ngài muốn đứa con yêu dấu của mình sẽ nối nghiệp, ở lại với ngai vàng.

Nhưng rồi, một ngày ... sau một cuộc dạo chơi qua 4 cổng thành. Đây là lần đầu tiên trong đời được tiếp xúc với những sự thật đen tối và đáng sợ ấy, Thái tử nghiệm thấy mình dù là con vua cũng không thể thoát khỏi cảnh già, đau và chết. Chỉ còn lại trong suy tư của Thái tử là hình ảnh siêu thoát của vị tu sĩ khoan thai đi trên đường hôm ấy đã giúp Ngài sớm thấy con đường giác ngộ, vĩnh viễn khắc phục mọi khổ đau và bất hạnh của đời người, con đường dẫn tới cõi Niết bàn bất tử. Và cũng từ sau cuộc dạo chơi ấy, Thái tử càng thêm quyết tâm xuất gia cầu đạo, tìm con đường cứu khổ cho muôn loài. Lâu đài, cung điện hợp với 4 mùa, các vũ công múa hát, đàn ca và .... Ngai vàng đã không còn là nơi thích hợp cho Thái tử nữa. Thái tử đã lên đường tìm đạo. Đây là sự từ bỏ vĩ đại duy nhất có một không hai trong lịch sử loài người. Bởi vì đó không phải là sự hy sinh từ bỏ của một người già đau ốm, một người nghèo, bệnh tật ngán ngẩm cuộc đời - mà là sự hy sinh từ bỏ của một vị Hoàng tử đang tuổi thanh xuân với đầy đủ quyền uy của bậc đế vương. Năm thái tử xuất gia, Ngài ở tuổi 29 *(có thuyết nói 19)*.

Trên một phương diện khác trong Kinh văn và Giáo điển được biết Đức Phật Thích ca Mâu ni chính là Bổ tát Hộ Minh; vị Bổ tát Nhất sinh bổ xứ tức chỉ sinh ra lần này nữa thôi. Ngài đã giã từ cảnh giới Đâu Xuất thiên, chính niệm tỉnh giác nhập vào mẫu thai hoàng hậu Ma-da. Hoàng hậu sống giữ giới, tiết hạnh, từ ái, tâm thường hoan hỷ, thân không bệnh, cho đến ngày hạ sinh với nhiều điềm lành khi Thái tử đản sinh đã đứng vững trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bảy bước có sen báu nâng gót, lọng trắng che trên. Ngài quay mặt nhìn mọi phương rồi lớn tiếng: Ta là bậc tối thượng ở trên đời, ta là bậc tối tôn ở trên đời... nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sinh ở trên đời này nữa. Vì thế Ngài chính là bậc Chư Thiên do hội đủ duyên lành mới nhập thai làm con người, vì thế luôn có các Thiên tử dõi theo phò tá mà Kinh *"Phật bổn tập hạnh"* có nói tới. Thái tử - mà sau này là Đức Phật của chúng đã được một vị Thiên tử tên là Tác Bình luôn hộ niệm. Kinh chép rằng: *"Lúc bấy giờ trên hư không có một vị Thiên tử tên là Tác Bình thấy Thái tử Tất-đạt-đa ở trong cung vua sợ Thái tử đắm say dục lạc bèn nói: Ta sẽ làm cho Thái tử có ý tưởng yếm ly, liền dùng thần lực khiến mọi âm nhạc du dương trong cung đều làm không thuận theo sự việc của năm dục. Tức là tuy có âm nhạc nhưng âm thanh đó không vương hình ảnh tục lụy, mà ngược lại chỉ làm âm thanh vi diện của Niết bàn. Thái tử khi nghe được những âm thanh ấy là tâm sinh giác ngộ, chỉ muốn ra ngoài thành du ngoạn. Rồi trong chuyến đi này, tới mỗi cổng thành, Thiên tử Tác Bình đều dùng sức thần thông khi thì hóa thành một người già tiều tụy, khi là người bệnh đau ốm khổ sở, khi lại hóa làm thây chết nằm trên giường, có người khiêng chôn cùng với thân thuộc vây quanh khóc lóc, và cuối cùng, khi Thái tử ra cửa thành phía Bắc, Thiên tử Tác Bình lại biến mình làm Sa-môn mặc y tăng, ôm bình bát, oai nghi chỉnh tề".*

Mặc dù bốn cổng thành mà Thái tử đi qua, vua Tịnh Phạn đã ra sắc lệnh trước đó, quét dọn sạch sẽ, không để người già, người bệnh, những thây chết... lai vãng. Nhưng rồi những nỗ lực cuối cùng ấy của vua cha đã không thể nào ngăn cản ý chí xuất trần, cầu đạo giải thoát của Thái tử Tất-đạt-đa. Và đó chính là điển tích *"Du quán tứ môn"* được căn cứ vào sự thật trong cuộc đời Đức Phật lịch sử của chúng ta.

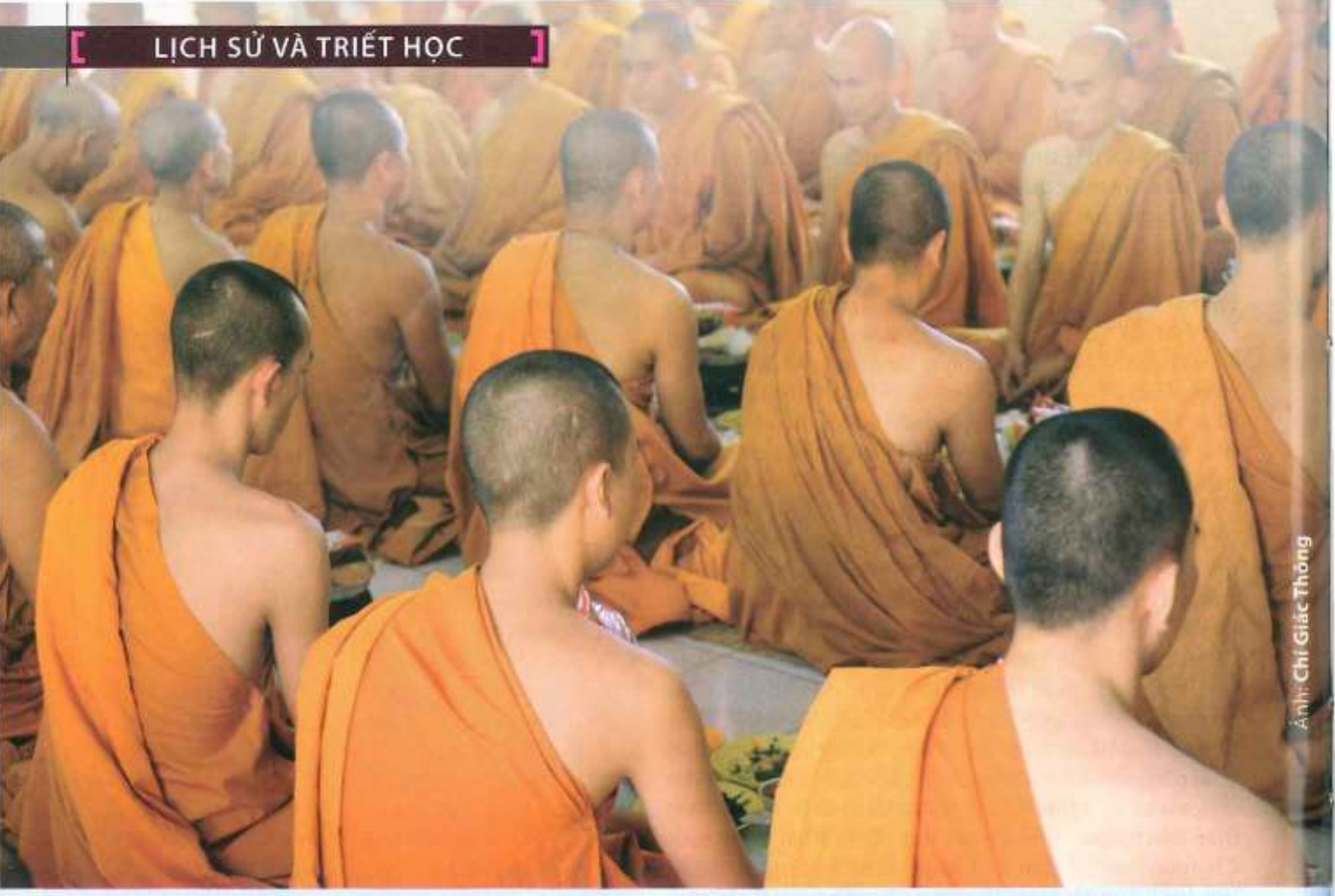

Ảnh: Chí Giác Thông

HỆ THỐNG TỔ CHỨC HỆ PHÁI KHẤT SĨ

● PGS. TS. **Nguyễn Hồng Dương**
Viện Nghiên cứu Tôn giáo

Hệ phái Khất sĩ ra đời năm 1944 tại Nam Bộ, đây là hệ phái do Tổ sư Minh Đăng Quang sáng lập. Tiêu chí mà hệ phái đặt ra là *"Nối truyền Thích ca chánh pháp"*, nâng cao về mặt tu tập và giải thoát, không phân chia Phật giáo theo Nam tông, Bắc tông. Sau một thời gian ra đời, hệ phái được nhiều người tìm hiểu, học hỏi, dần dần phát triển tín đồ, hệ phái ngày một vững mạnh.

Năm 1981, hệ phái khất sĩ gia nhập ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Bài viết tập trung đi vào một vấn đề có tính chất đặc thù của hệ phái khất sĩ đó là hệ thống tổ chức của hệ phái.

Có thể phân chia tổ chức của hệ phái thành ba thời kỳ.

Thời kỳ đầu (1944) đến khi Tổ sư qua đời (1954)
Thời kỳ từ 1954 đến 1981
Thời kỳ từ 1981 đến nay.

1.Thời kỳ đầu (1944) đến khi Tổ sư qua đời (1954)

Sau khi chứng đạt Vô thường, Khổ, Vô ngã, ngộ đạo với pháp lý *"Thuyền Bát Nhã"*, năm 1944, đức Tổ sư Minh Đăng Quang bắt đầu truyền đạo.

Năm 1947, Từ Huệ là người được Ngài thu nhận làm đệ tử đầu tiên, sau đó là một học trò nhỏ là Giác Chơn. Chùa Linh Biểu *(nay thuộc ấp 1, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang)* là nơi khai mở đạo.

Do hoạt động của hệ phái là khất thực, hóa duyên,

những người hành đạo buổi đầu sống đời sống du tăng *"không nhà cửa, chẳng vợ con gia đình quyến thuộc, không ở một nơi nào cố định, không bao giờ cất giữ tiền bạc ở trong người nên tổ chức giáo đoàn theo quy định của Tổ sư hình thành một đoàn du tăng khất sĩ"* Cấp tổ chức được tính theo con số du tăng:

Một tiểu giáo hội là 20 vị

Một trung giáo hội là 100 vị

Một đại giáo hội là 500 vị

Ban đầu đoàn du tăng khất sĩ lập một tiểu giáo hội. Đức Tổ sư vừa là bổn sư vừa là sư trưởng *(Trưởng đoàn)*. Trong quá trình du tăng hành đạo đi đến đâu một mặt giáo đoàn tổ chức truyền đạo, mặc khác giáo đoàn lo xây cất cơ sở thờ tự. Sau gần 10 năm, đoàn du tăng khất sĩ dưới sự hướng dẫn của Tổ sư hình thành được 27 ngôi tịnh xá.( )

Trước lúc thọ nạn, Tổ sư *"sắp đặt giao phó chức quyền chưởng quản giáo hội cho Thượng tọa Giác Chánh, người đệ tử tâm đắc"*.

2. Thời kỳ từ 1954 đến 1981

2.1. Thời kỳ từ 1954 đến 1975

Thượng tọa Giác Chánh với cương vị chưởng quản giáo hội tiếp tục dẫn đoàn du tăng đi hành đạo. Tài liệu của TT.Thích Giác Duyên cho biết: *"Trong lần ra miền Trung đầu tiên vào năm 1956, một số vị đại đệ tử của đức Tổ sư đã ở lại nơi đây để hành đạo và lập nên hai giáo đoàn, giáo đoàn 2 của Trưởng lão Giác Tánh, Giác Tịnh và giáo đoàn của Trưởng lão Giác An. Lần lượt sau đó, năm 1959 giáo đoàn Thượng tọa Pháp sư Giác Nhiên được thành lập, năm 1960 giáo đoàn của trưởng lão Giác Lý cũng hình thành, rồi năm 1962 Thượng tọa Giác Huệ lập nên giáo đoàn mới. Bên chư ni có các đoàn hành đạo như đoàn Ni trưởng Huỳnh Liên, đoàn Ni trưởng Ngân Liên, đoàn Ni trưởng Trí Liên…*

Sau khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập vào ngày 07/11/1981, chư tôn đức lãnh đạo các giáo đoàn đã ổn định tổ chức, thay đổi danh xưng là giáo đoàn I, giáo đoàn II, giáo đoàn III, giáo đoàn IV, giáo đoàn V, giáo đoàn VI".( )

Cần lưu ý là, mỗi giáo đoàn đều có một Trưởng lão đứng đầu, hoằng pháp ở một số tỉnh nhất định. Nếu như trước đây hoạt động hành đạo là du hóa dần dần bao gồm hai thành phần là Hành xứ và Trụ xứ. Đoàn hành xứ thực hiện hạnh nguyện du phương hóa nguyện. Đoàn Trụ xứ trụ trì tại các tịnh xá để tụ tập và điều hành Phật sự của giáo đoàn.

Đứng trước sự trưởng thành của Hệ phái, các vị Trưởng lão thấy cần thiết phải thiết lập một tổ chức giáo hội. Vì vậy năm 1964 ba Thượng tọa là Giác Nhiên, Giác Tường, Giác Nhu đứng ra xin phép thành lập **Giáo hội tăng già khất sĩ Việt Nam**. Sau một thời gian vận động và chờ đợi, mãi đến ngày 22/4/1966, Bộ Nội vụ, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa mới chấp nhận cho phép thành lập Giáo hội với bản Điều lệ 32 điều theo Nghị định số 405/BNV/KS cấp tại Sài Gòn. Bản Điều lệ 32 điều được *"Làm tại Gia định, ngày 18/12/1960"*( ). Phần Danh hiệu - Hội sở - Mục đích cho biết.

Giữa những người tu sĩ xuất gia thuộc Phật giáo Công nhận Bản điều lệ này, có thành lập một Hiệp hội tên là: Giáo hội tăng già khất sĩ Việt Nam *(Điều thứ nhất)*. Sở dĩ Hệ phái chỉ được công nhận là Hiệp hội vì vào thời điểm soạn thảo Điều lệ, Đạo dụ số 10, ngày 6/8/1950 dưới thời vua Bảo Đại vẫn còn hiệu lực. Theo Đạo dụ này, chỉ có Giáo hội Công giáo được công nhận là Giáo hội, các tôn giáo khác chỉ được xem xét công nhận là Hiệp hội.

Điều thứ hai: Giáo hội hoạt động vô thời hạn và trong phạm vi toàn quốc. Hội sở đặt tại Tịnh xá Trung tâm 98, đường Nguyễn Trung Trực, Gia Định.

Điều thứ ba: Giáo hội kết nạp Tu sĩ xuất gia không phân biệt chủng tộc, cư trú tại Việt Nam, thành một tổ chức hiệp nhất, theo đuổi mục đích: Tự giác, giác tha theo giáo lý của Đức Phật Thích Ca. Bằng phương pháp trì bình khất thực và dạy đạo hỗ trợ cho cư sĩ trên đường tu học.

Phần: Thành phần của Giáo hội, gồm 01 Điều, Điều thứ sáu: Giáo hội gồm có Tứ chúng, bất luận quốc tịch, bất luận hạng số, phân ra bốn hạng: Mỗi hội viên đều được giáo hội cấp cho một thẻ do Ban Trị sự lập ra, có thẻ này mới được dự phiên họp Đại hội.

Phần: Nhập hội - xuất hội và khai trừ gồm 11 Điều, trong đó từ Điều thứ mười đến Điều thứ mười bảy quy định về Ban Trị sự, quyền hạn chức năng của Ban và một số chức vị trong Ban.

Điều thứ mười: Ban Trị sự lo việc quản trị Giáo hội gồm có:

A) – Một tri sự trưởng

B) – Hai tri sự phó

C) – Một thư ký

D) – Một kiểm soát viên

E) – Một hay nhiều cố vấn

Điều thứ mười một: Nhân viên Ban Trị sự được chọn lựa trong số Hội viên thuộc hàng Tỳ kheo tăng và Tập sự Tỳ kheo, được ít nhất là 21 tuổi. Các nhân viên ấy do Đại hội bầu cử để làm việc trong ba năm. Theo số thăm tuyệt đối đa số, và có thể được luôn luôn tái cử. Trong trường hợp hai ứng cử viên đồng số thăm, thì người lớn tuổi đạo hơn là được quyền đắc cử.

…

Điều thứ mười ba: Trong thời kỳ sáng lập thì Ban khởi xướng tạm thời cai quản Giáo hội. Khi Điều lệ được chấp thuận rồi, Ban sáng lập sẽ nhóm Đại hội để cử Ban Trị sự thiệt thọ vào Lễ Tự tứ đương niên.

Điều thứ mười bốn: Tri sự trưởng chăm nom việc tu hành và để thi hành Điều lệ, mời nhóm các cuộc hội họp của Ban Tri sự và mời nhóm Đại hội khai mạc cũng như bế mạc. Các cuộc nhóm hội, khi số thăm trong các cuộc bỏ thăm chưa được ngã ngũ thì là thăm của Tri sự trưởng sẽ được thắng thế hơn. Tri sự trưởng thay mặt Giáo hội với nhà chức trách hay đối với tư nhân trong các trường hợp có dính dáng đến quyền lợi của Giáo hội.

Tri sự phó giúp đỡ Tri sự trưởng trong các công việc, thay thế Tri sự trưởng khi vắng mặt hay bận việc…

Điều thứ mười lăm: Thư ký lo việc lập biên bản, viết thông tư, giấy mời… trong khi nhóm họp và giữ các tài liệu, cũng như: quyển Danh bộ của Giáo hội, tên các hội viên.

Điều thứ mười sáu: Kiểm soát viên đặt dưới quyền Tri

sự trưởng, đảm nhiệm việc trật tự, về tổ chức các phiên nhóm họp Đại hội, lãnh việc kiểm soát trong lúc tuyển cử. Kiểm soát tài vật của Giáo hội.

Điều thứ mười bảy: Cố vấn giúp đỡ ý kiến xây dựng và chỉnh đốn trong hàng ngũ để nâng cao về mọi mặt từ đời sống vật chất lẫn tinh thần( ).

Về hệ thống tổ chức, Bản Điều lệ cho biết: Ngoài tổ chức Trung ương - Ban Trị sự( ), Hệ phái thành lập chi hội ở Tỉnh, quận, làng (*Điều thứ hai mươi sáu*). Cơ sở cuối cùng của Hệ phái là Tịnh xá, Am Cốc *(Điều thứ hai mươi mốt)*. Ngoài ra ở Trung ương đến các chi hội đều có Phân ban Hoằng pháp. Bảo đảm nhận việc đọc kinh, tụng kệ, thuyết pháp phóng thanh truyền bá Phật giáo *(Điều thứ hai mươi bảy)*. Đồng thời Ban Hoằng pháp còn có nhiệm vụ: Mở trường dạy học, mở các khóa huấn luyện về Phật pháp tại Trung ương cũng như các chi hội để giúp đỡ Phật tử những phương diện cần thiết về đời sống tinh thần *(Điều thứ hai mươi tám)*. Bản Điều lệ còn cho biết có Ban Kiểm duyệt báo chí, kinh kệ, thi văn muốn phổ thông Phật pháp.

Sau khi được Bộ Nội vụ công nhận bản Điều lệ, các ngày 4-5-6/5 /1966 Hệ phái Khất sĩ tiến hành Đại hội lần thứ nhất bầu ban Trị sự. Một ban Trị sự mới ra đời. Bao gồm:

Trị sự trưởng: Thích Giác Nhiên
Trị sự phó: Giác Tường
Trị sự phó: Giác Phúc
Tổng Thư ký: Giác Nhu
Phó Thư ký: Giác Hườn
Kiểm soát: Giác Thọ
Cố vấn: Giác Hiển

Theo TT.Thích Giác Duyên kỳ Đại hội này chưa phải là Đại hội toàn quốc. Nó *"có tính cách giải quyết vấn đề hợp pháp, hợp lý về mặt giấy phép thành lập Hội"*( ). Phải đợi đến nhiệm kỳ II (1970 - 1973) mới thực sự là Đại hội toàn quốc. Một biến cố xảy ra trong nhiệm kỳ này là các vị Trưởng đoàn lần lượt viên tịch. Đứng trước tình hình và nhiệm vụ mới, Đại hội III, một Đại hội khoáng đại được triệu tập ngày 4/9/1973. Lần đầu tiên sau hơn 15 năm chia nhau đi hành đạo, 5 giáo đoàn được dịp họp mặt đông đủ. Đại hội đề nghị cải tổ thành phần lãnh đạo trung ương gồm 2 Viện:

Viện chỉ đạo, gồm: 1 đức Tăng chủ, 2 phó Tăng chủ, 1 Chánh thư ký. Các vị này thuộc hàng Trưởng lão Đạo sư chứng minh tối cao.

Viện hành đạo gồm 1 Viện trưởng, 2 Phó Viện trưởng, 1 Tổng thư ký, 1 phó Tổng thư ký và một số các tổng vụ như: Tăng sự, Hoằng pháp, Cư sĩ, Xã hội v.v... cùng một Hội đồng cố vấn Trung ương gồm các Trưởng lão, Thượng tọa cao hạ trong giáo hội. Viện Hành đạo chịu trách nhiệm về đường lối hành đạo của Giáo hội, nhiệm kỳ của Viện là 5 năm (1973 - 1973). Đại hội cử ban Tu chỉnh Điều lệ. Một bản Điều lệ mới ra đời gồm 26 điều thay thế bản 32 điều. Tuy nhiên về mặt pháp lý do bản Điều lệ 32 điều vẫn còn hiệu lực nên những vấn đề cải tổ giáo hội theo tinh thần Hội nghị khoáng đại chưa được chấp nhận. Ban Trị sự cũ vẫn tiếp tục lưu nhiệm để duy trì giáo hội cho đến ngày 30/4/1975.

2.2. Thời kỳ từ 1975 - 1981

Mùa xuân năm 1975 đất nước thống nhất, hoạt động của Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam cũng bắt đầu bước sang trang mới với những thay đổi và hoạt động mới.

Về tổ chức: Tại Trung ương một Đại hội khoáng đại *(bất thường)* được tổ chức vào ngày 17/6/1975 với sự tham gia của đại biểu 5 giáo đoàn. Hội nghị tiến hành kiểm điểm tình hình Phật sự, kiện toàn Ban Trị sự Trung ương, tu chỉnh điều lệ kỳ II với 6 chương 27 điều.

Đây là đại hội duy nhất và sau cùng của Giáo hội. Sau đại hội các vị Trưởng lão, Thượng tọa trong hàng giáo phẩm Trung ương trước kia ở tịnh xá nào nay về trụ xứ tại Tịnh xá đó. Mọi sinh hoạt của giáo hội xem như đình chỉ. Các chư tăng cùng sống chung, lao động sản xuất và thực hành tôn giáo tại Tịnh xá. TT Thích Giác Duyên gọi đây là thời kỳ: Dĩ hòa vi quý; Dĩ nông vi thiền; Dĩ tâm vi Phật( ).

Về Giáo hội Khất sĩ Ni giới

Từ thời đức Tổ sư còn tại thế trong hàng ngũ xuất gia của Giáo hội, ngoài Tăng còn có Ni. Tác giả Thích Giác Duyên thống kê có tới 53 vị Ni xuất gia làm đệ tử thời đức Tổ sư. Những phụ nữ sau khi thọ giới Cụ túc *(Tỳ kheo ni)* đều có pháp danh với từ cuối là Liên, ví dụ Huỳnh Liên, Bạch Liên, Thanh Liên, Kim Liên...( ). Ni giới Khất sĩ ban đầu do đức Tổ sư chỉ đạo. Sau khi Ngài vắng bóng Ni trưởng Huỳnh Liên lãnh đạo Ni giới tiếp tục hành đạo.

Ni giới thấy cần thiết phải thành lập giáo hội riêng để thuận tiện trong hoạt động du hóa. Một ban vận động được thành lập với Bản Điều lệ gồm 30 Điều, làm tại Sài Gòn ngày 18/10/1957. Bản Điều lệ được Bộ Nội vụ, chính quyền Sài Gòn duyệt y theo Nghị định số 7/BNV/NA/P5. Trên cơ sở của Nghị định số 7, ngày 11/1/1958 Ni trưởng Huỳnh Liên đứng ra thành lập Giáo hội Ni giới Khất sĩ Việt Nam. Đây là giáo hội độc lập về mặt tổ chức và phát triển, có pháp nhân, pháp lý. Trụ sở của Giáo hội đặt tại tịnh xá Ngọc Phương *(nay là số 491/1 đường Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh)*.

Bản Điều lệ, phần Danh hiệu - Hội sở - Mục đích, Điều thứ nhất quy định: Giữa những người nữ tu xuất gia thuộc Phật giáo công nhận Bản Điều lệ này, có thành lập một Hiệp hội tên là: Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam, đặt dưới chế độ Dụ số 10, ngày 6/8/1950.

Như vậy, cũng như Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam theo Đạo Dụ số 10 ngày 6/8/1950 chỉ được xem là Hiệp hội.

Về Thành phần giáo hội, Điều thứ sáu quy định: Giáo hội gồm có hội viên là Ni cô, bất luận quốc tịch, bất luận hạn số, phân ra bốn hạng: tỳ kheo ni, tập sự tỳ kheo ni, sanidi và tập sự sadini.

Về tổ chức lãnh đạo cấp Trung ương của Ni giới giống như tăng giới. Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Trị sự trưởng, Trị sự phó, Thư ký, Kiểm soát viên, cố vấn của Ni giới giống như Điều lệ của Tăng giới đã trình bày ở phần trên. Về tổ chức địa phương, ở tỉnh lập chi hội. Các chi hội đều phải tuân theo Điều lệ của Giáo hội Ni giới nhưng có quyền tự trị về các công việc địa phương của chi hội *(Điều thứ hai mươi nhăm)*. Mỗi chi hội tỉnh có một Ban Trị sự Trung ương *(Điều thứ hai mươi sáu)*.

Ban Trị sự sáng lập gồm:

Tri sự trưởng: Bạch Liên
Tri sự phó: Thanh Liên
Thư ký: Thành Liên
Kiểm soát viên: Chơn Liên
Cố vấn: Tạng Liên.

Trên thực tế về mặt tổ chức của Ni giới cho thấy trong một số giáo đoàn Tăng có phân đoàn Ni giới như: Hai phân đoàn Ni giới trực thuộc Tăng đoàn IV, một phân đoàn Ni thuộc tăng đoàn III.

3. Thời kỳ từ 1981 đến nay

Năm 1981, Hệ phái Khất sĩ là một trong 9 tổ chức Phật giáo hợp nhất thành một tổ chức mới với tên gọi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam. *"Đoàn Đại biểu Khất sĩ tham dự hội nghị do Hòa thượng Thích Giác Nhu làm Trưởng đoàn, Hòa thượng Thích Giác Phúc (phó trưởng đoàn), Ni sư Thích Nữ Tố Liên (Thư ký đoàn) cùng một số thành viên"*. Từ đây Hệ phái Khất sĩ cùng với hai hệ phái Bắc tông và Nam tông là 3 hệ phái chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Sau khi gia nhập ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hệ phái Khất sĩ có điều kiện hơn để phát triển giáo hội về tổ chức, hoạt động nghi lễ và các hoạt động văn hóa - xã hội từ thiện. Về lĩnh vực tổ chức, đến năm 1982, Hệ phái Khất sĩ có thêm một giáo đoàn vốn do cố Hòa thượng Giác Huệ thành lập gia nhập hệ phái trở thành giáo đoàn VI. Một đoàn do cố Trưởng lão Từ Huệ lập năm 1950 hoạt động rải rác ở các tỉnh miền núi, miền Trung và Nam Bộ gia nhập Giáo đoàn IV vào tháng 7/2007.

Kể từ năm 1982, Hệ phái Khất sĩ có 6 giáo đoàn Tăng và 1 Đoàn Ni giới, riêng 3 phân đoàn Ni giới nằm trong Giáo đoàn III và IV.

Về Giáo đoàn Tăng đến năm 2012 trải qua 3 kỳ đại hội, theo đó là mô hình tổ chức ngày càng được củng cố.

Mô hình tổ chức Trung ương của Hệ phái *(nhiệm kỳ một 1991 - 1996)*

Ban Chứng minh
Ban Thường trực
[gồm Trưởng ban, phó Trưởng ban, Thư ký *(tổng thư ký, phó tổng thư ký)*, kiểm soát, các ủy viên]. Nhiệm kỳ này không có các tiểu ban.

Nhiệm kỳ hai *(07/09/2009)* có thêm 4 tiểu ban.
Tiểu ban Tăng sự
Tiểu ban Giáo dục
Tiểu ban Nghi lễ
Tiểu ban hướng dẫn cư sĩ

Nhiệm kỳ ba (02/09/2012) ngoài 4 tiểu ban trên có thêm Tiểu ban Hoằng pháp.

Như vậy đến nhiệm kỳ 3, hệ thống tổ chức Trung ương của Hệ phái Khất sĩ gồm: Ban Chứng minh, Ban Thường trực và 5 tiểu ban.( )

Về Giáo đoàn Ni

Như phần trên đề cập Giáo đoàn Ni giới của hệ phái Khất sĩ gồm có 1 Đoàn Ni giới và 3 phân đoàn Ni giới nằm trong Giáo đoàn III và IV. Trong đó Giáo đoàn IV có phân đoàn 1 và phân đoàn 2, Giáo đoàn 3 có phân đoàn III.

Về tổ chức mỗi phân đoàn có cách gọi khác nhau:

Với phân đoàn 3, nhiệm kỳ I (1981 - 1984), nhiệm kỳ II (1985-1989), nhiệm kỳ III (1990 -1994) gồm có các chức trưởng ban, phó ban, thư ký. Nhiệm kỳ IV hệ thống tổ chức có sự thay đổi gồm: Ban Quản sự, Ban Thư ký, Ban Giáo luật, Ban Hoằng pháp, Ban Thủ quỹ, Hội đồng Tỳ kheo Ni.

Với phân Đoàn 2 từ năm 1981 đến năm 2003, hệ thống tổ chức gồm Trưởng phân đoàn, Phó phân đoàn. Từ năm 2003 thêm các ban như: Ban Cố vấn, Ban Tăng sự, Kiểm soát, Từ thiện, Hội đồng Tỳ kheo Ni.

Do đặc thù, Giáo đoàn III có 2 phân đoàn Ni giới, mùa Vu lan 1998, dưới sự cố vấn chứng minh của Hòa thượng Thích Giác Ngộ, Ban Quản Chúng Ni được hình thành, mục đích: hợp nhất hai phân đoàn Ni (1 và 2) thành một tập thể thống nhất có lãnh đạo, nội quy sinh hoạt theo một hệ thống nhất định.

Tại nhiệm kỳ 1 (1998 - 2004) một hệ thống tổ chức Ni giới thuộc Giáo đoàn IV ra đời gồm:

Ban Chứng minh: Trưởng ban, Phó ban, Thư ký, Phó thư ký, Giám luật, Phó giám luật, Thủ quỹ, Ủy viên. Ngày 30/12/2003 thành lập Hội đồng Tỳ kheo Ni. Tổ chức nhiệm kỳ II (2004 - 2007) giống như nhiệm kỳ I, năm 2007 - 2009 Ban Quản chúng Ni đoàn IV lưu nhiệm. Nhiệm kỳ IV (2009 - 2012) có thêm Ban Tăng sự và một số đặc trách các phân ban.

Về tổ chức Ni giới: Phần trên bài viết đã trình bày về Giáo hội Khất sĩ Ni giới. Tổ chức được thành lập trên cơ sở Nghị định số 7/BNV/NA/P5. Hệ thống về cơ bản được duy trì cho đến hiện nay. Tổ chức Ni giới ngoài việc thực hiện các điều luật đã được quy định trong Giới bổn và 114 Điều Răn của Tổ sư Minh Đăng Quang, ngày 05/03/1992 dưới thời kỳ lãnh đạo của Ni trưởng Bạch Liên cho áp dụng Nội quy Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam. Bản Nội quy gồm 18 Điều *"nhằm mục đích làm cho Ni giới Khất sĩ Việt Nam ngày càng xứng đáng là một tập thể IV: "giới đức, trang nghiêm tu học, song hành, giữ vững giềng mối xưa, làm rạng danh Thày Tổ"*( ).

Đến thời điểm 2010, Giáo hội Ni giới của Hệ phái Khất sĩ trải qua 4 đời Ni trưởng.

Tính đến thời điểm năm 2010, Ni giới Hệ phái Khất sĩ thuộc Tổ đình Ngọc Phương hiện nay có 148 tịnh xá, 33 tịnh thất, 21 chùa và 1034 vị Ni chúng xuất gia tu học *(tính từ Sadini trở lên)*. Hằng năm đều có tổ chức khóa An cư Kiết hạ để chư Ni các miền tịnh xá tập trung về thọ học Kinh, Luật, Luận, thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức.

70 năm đã trôi qua kể từ khi Đức Tổ sư khai sáng ra Hệ phái dù trải qua những thăng trầm và dù gia nhập vào ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, về hệ thống tổ chức, một mặt, Hệ phái có đại biểu của mình vào Hội đồng chứng minh, Hội đồng Trị sự và một số ban ngành của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, mặt khác Hệ phái vẫn duy trì những nét đặc thù về hệ thống tổ chức. Đó chính là sự kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp mà đức Tổ sư đã dày công tạo dựng và các bậc Tôn đức lãnh đạo kế thừa./.

Hà Nội, tháng 01 năm 2014

Ảnh: **Minh Tâm**

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG ÂM HỒN CỦA CƯ DÂN NAM TRUNG BỘ

● Ths. **Phạm Tấn Thiên**

TÓM TẮT

Bên cạnh các loại hình tín ngưỡng, như: tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ Cá Ông, tín ngưỡng thờ Thành Hoàng, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên... vốn đã rất phổ biến trong đời sống của người dân nói chung thì tín ngưỡng thờ cúng âm hồn lại càng rất quan trọng với cư dân ven biển nam Trung bộ.

Khái lược về âm hồn

Trước hết, có thể gọi Thuyết vật linh *(Animism)* trong Văn hóa nguyên thủy của E.B. Tylor có vai trò như một viên gạch đầu tiên đặt nền móng cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về thế giới tâm linh, tôn giáo, tín ngưỡng, trong đó có tín ngưỡng thờ cúng âm hồn.

Lý thuyết vật linh cổ về sự sống đã giải thích được nhiều điều thuộc những trạng thái vật chất và tinh thần bằng lý thuyết về sự bay đi của toàn bộ linh hồn. Lý thuyết này chiếm một vị trí rất quan trọng và bền vững trong sinh hoạt của người hoang dã. Theo Tylor thì: *"niềm tin vào sự bay đi tạm thời của linh hồn được thấy trên toàn thế giới ở những nghi lễ của phù thủy, thầy cúng và thậm chí cả những người bói toán"* (E.B. Tylor, 2000, tr.524). Tylor còn mở rộng ra linh hồn của động vật, cây cối, đồ vật... Ma được phân loại thành ma hiền và ma dữ, từ đó sinh ra học thuyết ma ám, những câu thần chú, hiến tế, thuốc chống ma, học thuyết về bái giáo vật, thờ thú vật, thần thánh...

Có nhiều cách giải thích khác nhau về thuật ngữ âm hồn. Theo Việt Nam tự điển thì âm hồn có nghĩa là hồn người chết . Thờ linh hồn từ vua đến dân thường chết không có nơi thờ tự.

Theo Hán tự âm hồn là hồn người chết về cõi âm. Theo học thuyết nhân quả của nhà Phật, con người sau khi chết, phần hồn tùy theo nghiệp quả sẽ đầu thai theo lục đạo:

- Thiên: Cõi trời như Phật, Bồ Tát,...
- Người: Con người *(sang, hèn, giàu, nghèo, hạnh phúc, bất hạnh...)*.
- A tu la: Quỷ thần *(bậc ở trung gian)*.
- Súc sinh: súc vật như trâu, bò, ngựa, dê...
- Ma quỷ: loài quỷ đói thường ở nơi dơ bẩn, ẩm ướt.
- Địa ngục: nẻo về của kẻ ác *(cõi âm)*.

Còn theo Từ điển Văn hóa, phong tục cổ truyền Việt Nam, âm hồn là: *"hồn của người chết ở nơi cõi âm theo tưởng tượng, có thể quanh quẩn bên người thân còn sống"* (Nguyễn Như Ý - Chu Huy, 2011, tr. 17). Âm hồn cũng có thể là linh hồn của những người chết từ nơi khác trôi dạt về, không biết danh tính được người dân trong làng, vạn lo mai táng, chôn cất. Âm hồn còn là *"cộng đồng vong hồn gồm đủ loại từ vua quan đến thứ dân, từ giàu sang đến nghèo hèn, từ con người đến côn trùng thú vật"* (Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường, 1999, tr.138).

Như vậy, âm hồn là những người đã chết nhưng vì nhiều lý do khác nhau không có ai thừa nhận hoặc không ai biết đến. Họ có thể là một kẻ vô gia cư, không họ hàng thân thích. Họ có thể là ngư dân gặp bão bùng, tai nạn trên biển trôi dạt vào đất liền mà trên người không có một dòng địa chỉ liên lạc. Cũng có thể họ có gia đình, bà con, thân tộc nhưng trên bước đường lưu lạc mưu sinh, bất thình lình gặp tai ương bất trắc, bệnh tật bất ngờ, cọp tha, hổ vồ rồi lìa đời ở một nơi nào đó mà thân nhân chẳng được báo tin, vô tình trở thành những âm hồn cô độc... Từ những cách giải thích âm hồn đã nêu trên, chúng tôi định nghĩa thuật ngữ âm hồn như sau: Âm hồn là những linh hồn cô độc, chết vì nhiều lý do khác nhau chưa được siêu thoát, lang thang vất vưởng, không được thân nhân thờ cúng.

Tín ngưỡng thờ cúng âm hồn ở Việt Nam

Nói về tín ngưỡng thờ cúng âm hồn ở Việt Nam, nhà nghiên cứu Nguyễn Lang trong công trình Việt Nam Phật giáo Sử luận viết: Lễ siêu độ ngạ quỷ, cô hồn có nguồn gốc từ Ấn Độ được truyền sang và thịnh hành ở Trung Hoa vào đời Đường do ngài Bất Không Kim Cang (Amogha), còn gọi là Bất Không Tam Tạng, người Bắc Ấn Độ, một truyền nhân nổi tiếng của Mật giáo *(Kim Cang Thừa - Vajrayāna)* hoằng hóa.

Tuy nhiên, chúng ta chưa thấy tài liệu nào cho biết chính xác niên đại của nghi thức lễ siêu độ ngạ quỷ cô hồn có ở Việt Nam từ khi nào. Theo tác giả Nguyễn Lang thì lễ siêu độ cô hồn đã được phổ biến rộng rãi ở đời Trần. Sách Đại Việt Sử ký toàn thư chép, phép thí thực này du nhập vào Đại Việt vào năm 1302 do một đạo sĩ tên Hứa Tôn Đạo.

Năm 1320, Pháp Loa tổ chức trai đàn chẩn tế ở chùa Phổ Ninh trong cung để cầu cho Thượng hoàng Trần Anh Tông sống lâu thêm. Trong những trai đàn lớn, nghi thức chẩn tế được dùng là nghi thức Du Già Khoa Nghi, đầy những ấn quyết và thần chú.

Trong thiền môn, thời khóa tụng niệm buổi chiều thường có một nghi thức thí thực cô hồn ngắn, gọi là Mông Sơn thí thực văn. Cả hai nghi thức đều mang nặng màu sắc Mật giáo (Nguyễn Lang, 1974, tr.412).

Theo Đại Nam nhất thống chí, phần về tỉnh Quảng Bình, Nghệ An thì: *"về việc tế âm hồn, năm 1449 lập đến tế âm hồn không ai thờ cúng. Đến năm 1464 mới định lễ vật thịt rượu tế âm hồn, chia làm ba bực thượng, trung, hạ đều theo như lễ vật tế bách thần, hàng năm sai quan phủ đặt tế lễ ba mùa (xuân, hạ, thu), làm thành lệ"* (Nguyễn Duy Hinh, 1996, tr. 75). Còn Phan Huy Chú thì nhận định: *"Lễ này có từ đầu nhà Lê, về sau vẫn làm theo, không đổi"* (Phan Huy Chú, 1992, tr. 143).

Tục cúng cháo thí thường tổ chức tại các đình chùa cho những cô hồn chết đường chết chợ, những người chết oan, chết mất xác ngoài chiến trận, hoặc những người chết mất xác trên biển, không ai biết tên tuổi để cúng giỗ hàng năm. Khi thực hiện nghi lễ này, người ta cho rằng các cô hồn uống tử sẽ đến nhận chén cháo cho no bụng ấm lòng, và để hưởng ơn *"xá tội vong nhân"* cho mau chóng được đầu thai sang kiếp khác.

Việc thờ cúng âm hồn ngoài cộng đồng bên cạnh nguyên nhân không có người thân thờ tự thì theo quan niệm dân gian, đối tượng này cũng có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến cuộc sống của người dân. Việc cúng bái xuất phát từ tâm lý sợ hãi, mong âm hồn đừng quấy phá công việc làm ăn, buôn bán và tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của mình. Ngoài ra, tín ngưỡng thờ cúng âm hồn còn là một hình thức cầu an, cầu mùa, cầu mong xứ sở, xóm làng được bình yên.

Vì vậy, tín ngưỡng này có ý nghĩa nhân văn cao cả, đó là sự cảm thông sâu sắc giữa người sống với người đã chết và còn là sự tri ân đối với các bậc tiền bối đã có công giữ gìn cho làng xóm bình yên, đã có công khai phá và xây dựng làng mạc, ruộng đồng. Có nhiều hình thức thờ cúng âm hồn khác nhau, có loại cúng nhưng không thờ thường phổ biến ở gia đình, cá nhân. Có loại cúng có cơ sở thờ tự *(nghĩa tự)* thường phổ biến ở cộng đồng làng, xã *(đặc biệt phổ biến ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ)*.

Tư tưởng Lão giáo trong tín ngưỡng thờ cúng âm hồn

Tuy có sự hỗn dung tam giáo trong hệ tư tưởng, song thực tế, chúng ta có thể khu biệt các quan niệm ứng xử khác nhau trong tín ngưỡng thờ cúng âm hồn. Nhìn chung, chất lượng của mối quan hệ giữa người sống với âm hồn được quy vào việc thực hành tế tự, thờ cúng. Theo đó, vong hồn cô độc theo quan niệm dân gian, do không có người tế tự, cúng kiếng nên bị bỏ đói khát, lạnh lẽo thường phải lang thang vẩn vơ, gieo rắc tai họa cho con người trần thế, đặc biệt là các vong hồn uổng tử vốn còn nhiều sân hận nên trở thành đám *"ôn hồn dịch lệ"* hại đời. Đó là các đối tượng mà pháp sư, phù thủy Lão giáo phải giải trừ bằng bùa, chú, pháp thuật. Ở các vùng ven biển Nam Trung Bộ,

theo lời kể của các cụ cao niên, trước đây tập tục này rất phổ biến, vai trò của thầy pháp rất quan trọng trong việc giải trừ tà ma, ôn dịch. Nhưng hiện nay đã mất, hoặc còn thì cũng đã mờ nhạt và lược bỏ đi nhiều khâu phức tạp. Nó chỉ còn được thể hiện rõ ở một vài lễ hội lớn như Lễ hội Miếu Bà Yên Phú, Tư Nghĩa (Quảng Ngãi), bên cạnh việc tổ chức cúng tế các nữ thần, các vị thần phối thờ, người dân còn cúng tế âm hồn. Sau lễ tế, họ còn làm lễ thả thuyền tống ôn và phóng đăng trên sông Cổ Lũy - Phú Thọ, hoặc trong Lễ Khao lế thế lính Hoàng Sa ở đảo Lý Sơn, với vai trò của pháp sư thực hành nghi lễ. Tuy nhiên, ở một số địa phương khác, nghi thức này vẫn còn được thấy phổ biến, như trong lễ Tống ôn/Tống gió/ Tống tiễn cô hồn *"xuống tàu"* bằng bè chuối thả trôi sông sau lễ Kỳ yên của đình làng Nam Bộ [Huỳnh Ngọc Trảng 2011: 276], hay tục tống ôn, một nghi lễ nằm trong diễn trình lễ tế Âm linh của hầu hết các làng biển Quảng Nam - Đà Nẵng, còn gọi là *"tống cói hạ kỳ"* hay *"tống ôn đưa khách"*.

Tư tưởng Phật giáo trong tín ngưỡng thờ cúng âm hồn

Theo tư tưởng Phật giáo, công việc cúng âm hồn thuộc các vị xuất gia tại chùa Bắc tông và tiến hành thực hiện vào buổi chiều mỗi ngày. Cúng cầu siêu cho âm hồn ngoài được tổ chức chính tại các chùa, còn lại thường cúng tại gia, không được tổ chức cúng tập thể như ở các làng quê ven biển Nam Trung Bộ. Theo thuyết nhà Phật, có ba điều cần nắm vững trước khi tiến hành lễ Mông Sơn thí thực.

Thứ nhất, đối tượng của nghi thức này là các hương linh chưa được siêu thoát sau khi trút hơi thở cuối cùng trên cõi trần thế. Trong đó có sáu nguyên nhân cơ bản, và để lễ cầu siêu có kết quả các nhà sư phải tập trung vào những nguyên nhân đó để giúp hương linh được siêu thoát:

- Hận thù trong chiến tranh mà cái chết thình linh xảy ra thì làm cho mối thù hận ấy tăng thêm, chết trong hận thù như vậy khó siêu thoát.

- Chết bất đắc kỳ tử, bao gồm các loại chết *"ngang xương"*, chết *"lãng xẹt"* khi nghiệp chưa hết, tuổi thọ chưa hết như: chết thiên tai, động đất, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh, tai nạn giao thông...

- Các loại chết tự tử, tìm đến cái chết khi con người đứng trước những nghịch cảnh, rơi vào tuyệt vọng dẫn đến trầm cảm nặng và nghĩ rằng cái chết là phương tiện duy nhất để giải thoát khổ đau.

- Chết trong nỗi oan ức, người ta chỉ còn cách chọn cái chết để thanh minh cho sự trong sạch của mình.

- Chết trong tình yêu quyến luyến, da diết không buông. Khi chồng hoặc vợ mất đi, người còn lại vội vàng tái hôn trong vòng 1 năm để tạo ra một khoảng thời gian an toàn cho việc siêu thoát của người đã từng đầu ấp tay gối.

- Sự tiếc nuối tài sản, sự nghiệp, vị trí xã hội, danh dự.

Thứ hai, trong Kinh điển Đại thừa, sáu đối tượng chết như trên thường có nhu cầu ăn uống vào giờ chiều tối. Nhưng có một điều cần nhận thức rõ là các hương linh không ăn như con người trần thế mà chỉ thưởng thức hương vị dâng cúng của người còn sống đối với người đã chết, thể hiện lòng tôn kính, tiếc nhớ dành cho hương linh. Hương linh không có miệng để đưa thực phẩm vào, không có cổ để nuốt, bao tử để chứa, hệ tiêu hóa để tiêu hóa. Tuy nhiên, dựa vào lễ vật dâng cúng như cơm, cháo, hương, đèn..., ý niệm về sự no đủ xuất hiện với họ. Chính vì vậy, trong nghi thức dâng cúng, phẩm vật rất đơn giản. Cần hiểu rõ nhu cầu đói khát của hương linh khác với con người, để chúng ta không quá bận tâm cúng các món người chết thích khi còn sống. Vì cúng như vậy không những không có giá trị, mà còn tốn kém.

Thứ ba, theo quan điểm Phật giáo, toàn bộ nhận thức của hương linh chỉ đơn giản là cảm nhận bằng cái tâm. Vậy nên, những người tham gia cúng âm hồn, cô hồn vào buổi chiều tối, quan trọng nhất là năng lực hoán tưởng và hành trì. Vì vậy, khi tiến hành cúng hoặc cầu siêu cần tập trung cao độ vào đối tượng thờ cúng, tránh phân tâm dẫn đến cúng kiếng và cầu siêu không còn ý nghĩa, âm hồn không cảm nhận được.

Ở xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa (Quảng Ngãi) có lễ hội chùa Ông - Thu Xà rất nổi tiếng. Trước khi bước vào lễ chính tế Quan Công, ban tế tự chùa Ông còn tổ chức đăng đàn chẩn tế ngoài sân rất long trọng với nhiều lễ vật nhưng toàn là lễ vật chay tịnh như cháo trắng, trái cây, gạo, muối... để cúng âm hồn.

Cũng cần phải nói thêm rằng, lễ Vu Lan và lễ cúng âm hồn là hai lễ cúng hoàn toàn khác nhau của Phật giáo, với hai tích hoàn toàn khác nhau dù được cử hành trong cùng một ngày rằm tháng Bảy. Một đằng thì liên quan đến chuyện tôn giả Mục Kiền Liên cứu mẹ khỏi chốn địa ngục, một đằng lại liên quan đến chuyện tôn giả Anan thực hiện nghi thức bố thí cho các loài ngạ quỷ. Một đằng là để cầu siêu cho cha mẹ và ông bà bảy đời, một đằng là để bố thí cho những vong hồn không ai thờ cúng. Một đằng là báo hiếu, một đằng là làm phước. Sự khác nhau giữa hai bên là điều hiển nhiên. Tuy vậy, vẫn có nhiều người còn lẫn lộn giữa hai lễ thức. Chẳng hạn như nhận định của nhà nghiên cứu văn hóa Nguyễn Duy Hinh, khi học giả này cho rằng: *"Ngày rằm tháng 7 vốn là lễ Vu Lan của Phật giáo ghi nhớ việc báo hiếu của Mục Kiền Liên nhờ Phật cứu mẹ ra khỏi địa ngục. Nhưng người Việt đã chuyển hóa thành ngày tế cô hồn"* [Nguyễn Duy Hinh 2007: 532].

Tư tưởng Nho giáo trong tín ngưỡng thờ cúng âm hồn

Một điểm khác, theo quan điểm *"thượng tôn nhân nghĩa"* của Nho giáo về việc thờ cúng âm hồn, hình thức tế nghĩa trủng - nghĩa tự phổ biến ở hầu khắp các làng quê Nam Trung Bộ. Đối với Nho giáo, việc thờ cúng tổ tiên là một chuẩn mực chính yếu của đạo hiếu. Do vậy, các âm hồn cô độc, tức người quá vãng không có con cháu nối dõi thờ tự *(mồ mả không được tu bổ, sửa sang, hàng năm không được cúng giỗ)* là những trường hợp bất hạnh, vô phúc. Vậy nên, để thể hiện lòng nhân nghĩa, các làng xóm phải lập sở nghĩa trủng, nghĩa tự *(hoặc am âm hồn, miếu âm linh)* để thờ cúng các đối tượng đó như một thiết chế văn hóa địa phương và hàng năm, vào trước dịp cúng thần ở đình làng, vào rằm tháng Giêng, hoặc phổ biến nhất là vào dịp Thanh Minh, cư dân ven biển Nam Trung Bộ đều tiến hành

lễ tế nghĩa trủng, nghĩa tự *(giẫy cỏ, vun đất cho các nấm mộ hoang và bày lễ vật cúng tế theo nghi thức tế lễ của Nho giáo: trống, chiêng, dâng lễ vật, đọc văn tế...)*. Ngoài ý nghĩa đạo đức, việc cúng lễ cho các âm hồn cô độc cũng nhằm hướng chúng vào việc phục vụ lợi ích cộng đồng, biến chúng thành lực lượng siêu nhiên có tác dụng bảo hộ trật tự của làng xóm, khu vực làm ăn sinh sống.

Và, theo nhận định chủ quan của chúng tôi, nếu như mục đích cuối cùng của lễ xá tội vong nhân trong tư tưởng Phật giáo là giúp cho âm hồn, vong linh được siêu thoát về miền cực lạc, không còn ở chốn dương gian để hại người, hại đời, thì tín ngưỡng thờ cúng âm hồn trong dân gian, đặc biệt là của cư dân ven biển vùng Nam Trung Bộ, dường như là chấp nhận sự tồn tại của những thế lực âm hồn này song hành trong cuộc sống của họ. Cúng bái một mặt là để tỏ lòng thành kính, tình yêu thương, trân trọng *"thập loại chúng sinh"*, bên cạnh đó là cầu xin các thế lực âm hồn phù hộ độ trì cho cuộc sống của người dân được ấm no, đủ đầy. Như vậy, có thể nói, việc thờ cúng âm hồn ngoài cộng đồng làng xóm tại các nghĩa trủng, nghĩa tự của cư dân sinh sống dọc ven biển Nam Trung Bộ chịu ảnh hưởng lớn từ triết lý tư tưởng Nho giáo, thấm đượm tư tưởng nhân nghĩa, hiếu hòa.

"Đã biết anh hùng vô định cốt, gặp vận này đất Việt trời Nam. Nhưng mà đồng loại vẫn thương tâm, thảm cho kẻ mồ hoang cỏ loạn. Nay xin điện một diên trà quả, dưới nhường tuyền hoặc thấu cho chăng, tạm dùng đôi ngọn hương đăng, lòng dân sĩ xin soi đến đó".

Văn tế Âm Linh tự – An Vĩnh, Lý Sơn, Quảng Ngãi.

Kết luận

Tóm lại, xuất phát từ các tín niệm khác nhau về âm hồn, người dân có cách cúng tế các đối tượng này đa dạng với những hình thức diễn xướng và thực hành nghi lễ phong phú. Ở đó, nếu hình thức nghi lễ Lão giáo nhằm chức năng giải trừ, tống ôn thì hình thức tế lễ ở các nghĩa trủng, nghĩa tự theo tư tưởng Nho giáo lại có chức năng giáo hóa, đề cao đạo lý nhân nghĩa không chỉ giới hạn trong quan hệ giữa người với người mà còn giữa người sống và người đã chết, xác lập một công ước giữa quá khứ và hiện tại. Riêng Phật giáo, các nghi lễ cúng tế âm hồn, vong hồn luôn nhằm đến sự cứu cánh, giải thoát.

Qua những tập tục cúng tế trình bày ở trên, chúng ta thấy hình thức tín ngưỡng thờ cúng âm hồn là một tổng thể được hình thành dựa trên những giáo thuyết khác nhau trong hệ thống tín ngưỡng từ xưa. Và, dù hiểu trên góc độ nào, tín ngưỡng dân gian vẫn là một hình thái ý thức xã hội, một nhu cầu cần thiết của xã hội, hay nói cách khác, tín ngưỡng dân gian vẫn là nguồn gốc của giá trị đạo đức, niềm an ủi, sự nâng đỡ về tâm lý cho con người. Điều này được thể hiện rất rõ trong tín ngưỡng thờ cúng âm hồn của cư dân vùng ven biển Nam Trung Bộ. Ở nhiều nơi, lễ vật cúng tế âm hồn tại các nghĩa tự rất đa dạng, bởi mỗi gia đình, tùy theo điều kiện kinh tế mà đồ cúng lễ khác nhau, có thể là một một rổ khoai lang, một nồi bắp luộc, một mâm bánh ít lá gai hoặc bánh lá dong, vài đòn bánh tét, bánh nổ, bánh thuẩn... Lễ vật không câu nệ sang hèn, có gì cúng nấy, miễn là có tấm lòng thành kính dâng lên chư vị tôn thần và âm linh. Về việc bày biện lễ vật cũng không quá câu nệ, phép tắc, có bát đĩa thì lễ vật được bày biện lên bát đĩa, còn không có bát đĩa thì lấy lá đa, lá chuối, lá dong... làm vật dụng bày biện thay thế vẫn được. Sau khi hiến tế cho thần linh và âm hồn thì tất cả mọi người trong làng, xóm đều được bình đẳng trong việc thừa hưởng tất cả các lễ vật đã được dâng cúng. Từ đó, tính dân chủ, bình đẳng được thiết lập thật sự qua một hình thức tín ngưỡng dân gian. Không quá ràng buộc vào những khuôn khổ, phép tắc thường thấy như trong các tôn giáo.

Và như vậy, trong tín ngưỡng thờ cúng âm hồn của cư dân ven biển Nam Trung Bộ, cho dù có sự đan cài, gắn bó, hòa trộn giữa tín ngưỡng dân gian với một số tôn giáo du nhập từ bên ngoài như Nho - Phật - Lão, nhưng trên hết, văn hóa truyền thống của người Việt; văn hóa làng xã hay cụ thể hơn là tín ngưỡng dân gian vẫn là cái cốt lõi trong tục thờ cúng âm hồn của cư dân ven biển nói riêng, của người Việt Nam nói chung. Bởi, dù chịu ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo hay Lão giáo thì đều xuất phát từ truyền thống tốt đẹp của dân tộc: lòng yêu thương con người, trọng tình nghĩa. Công việc thờ cúng âm hồn là công việc chung, tự nguyện, không có sự ép buộc, mỗi một cá nhân tham gia cúng lễ tại miếu âm linh, sở nghĩa tự, nghĩa trủng cảm thấy vui, cảm thấy có ích vì những việc mình đã làm, đó vừa là trách nhiệm vừa là vinh dự của cả cộng đồng. Nhờ thế, tín ngưỡng thờ cúng âm hồn càng thêm được củng cố chặt chẽ hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. E.B.Tylor. 2000. Văn hóa nguyên thủy. Hà Nội: Nxb Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, 1044 tr.

2. Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường - Hồ Tường. 1993. Đình Nam Bộ - Tín ngưỡng và nghi lễ. TP.HCM: Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 309 tr.

3. Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường. 1999. Đình Nam Bộ xưa và nay. Biên Hòa: Nxb Đồng Nai, 313 tr.

4. Nguyễn Duy Hinh. 1996. Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội, 255 tr.

5. Nguyễn Duy Hinh. 2007. Tâm linh Việt Nam. Hà Nội: Nxb Từ điển Bách Khoa, 558 tr.

6. Nguyễn Lang. 1974. Việt Nam Phật giáo Sử luận. Sài Gòn: Nxb Lá Bối, 466 tr.

7. Nguyễn Minh San. 1998. Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam. Hà Nội: Nxb Văn hóa Dân tộc, 392 tr.

8. Nguyễn Như Ý - Chu Huy. 2011. Từ điển văn hoá, phong tục cổ truyền Việt Nam. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam, 439 tr.

9. Nguyễn Xuân Hương. 2009. Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng. Hà Nội: Nxb Từ điển Bách khoa & Viện văn hóa, 425 tr.

10. Nhiều tác giả. 2011. Sài Gòn sau màn bụi. Hà Nội: Nxb Hội Nhà văn, 309 tr.

11. Phan Huy Chú. 1992. Lịch triều hiến chương loại chí. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội, 414 tr.

Ảnh: **Chí Giác Thông**

NGUỒN GỐC LỊCH SỬ, RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỊNH ĐỘ TÔNG

● Cư sĩ **Nguyễn Thanh Hoa**

Tịnh độ tông còn gọi là Tịnh thổ tông hay Liên tông do cao tăng Huệ Viễn người Trung Quốc sáng lập. Ngài Huệ Viễn là người đời nhà Tấn, sinh năm 334, mất năm 416. Ông là người họ Cổ, nguyên quán xứ Lâu Phiền, ở Nhạn Môn, thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Trong quá trình tu tập, ông đã mấy lần thấy một vị Phật Di Đà, với hào quang phản chiếu khắp hư không, khắp trong những ánh viên quang ấy hóa hiện vô số những vị Phật, mỗi vị Phật đều có Ngài là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đứng hai bên.

Sư Huệ Viễn cho rằng sau này là thời mạt pháp, chúng sinh khó lòng tự lực tu hành; tu niệm Phật và nhờ tha lực của Phật A Di Đà là một phương pháp *"dễ dãi"* nhất để tiến tới giải thoát.

Tịnh độ tông có ba bộ kinh chính là:

1. Kinh A Di Đà
2. Kinh Vô Lượng Thọ
3. Kinh Quán Vô Lượng Thọ

Mục đích của Tịnh độ tông là tin tưởng và nguyện sinh về Tây phương Cực Lạc của vị Phật A Di Đà làm Giáo chủ. Phép tu cao nhất của Tịnh độ là tự coi thể tính của mình là A Di Đà. Và nếu quán được linh ảnh của Di Đà là bằng chứng chắc chắn nhất sẽ được sinh về cõi Tịnh thổ Cực Lạc của Ngài.

Năm 402, Huệ Viễn thành lập Bạch Liên Xã, tụ tập tăng sĩ cùng cư sĩ đứng trước tượng Phật A Di Đà phát nguyện sinh về Tây phương Cực lạc. Bạch Liên Xã quy tụ hơn ba ngàn người, trong đó có 123 vị được tôn là hiền nhân.

Trong 123 vị hiền nhân này, lại có 18 bậc thượng thủ gọi là Đông Lâm Thập Bát Đại Hiền, gồm các tổ sư như sau:

1. Huệ Viễn Đại sư.
2. Huệ Vĩnh Pháp sư.
3. Huệ Trì Pháp sư.
4. Đạo Sinh Pháp sư.
5. Phật-đà-da-xá (sa. buddhayaśas) Tôn giả.
6. Phật-đà-bạt-đà-la (sa. buddhabhadra) Tôn giả.
7. Huệ Duệ Pháp sư.
8. Đàm Thuận Pháp sư.
9. Đạo Kính Pháp sư.
10. Đàm Hằng Pháp sư.
11. Đạo Bính Pháp sư.
12. Đàm Tiên Pháp sư.
13. Danh sĩ Lưu Di Dân.
14. Danh sĩ Lôi Thứ Tôn.
15. Danh sĩ Tôn Bính.
16. Danh sĩ Vương Dã.
17. Danh sĩ Vương Thuyên.
18. Danh sĩ Châu Tục Chi.

Chính vì vậy, Sư Huệ Viễn được coi là sơ Tổ của tông phái Tịnh độ với phương pháp tu hành là niệm tên Phật A Di Đà. Mục đích của việc niệm A Di Đà là chế ngự tâm và hành giả có thể thấy được A Di Đà cùng hai vị Bồ tát Quan Thế Âm và Đại Thế Chí và biết trước giờ chết của mình.

Ngoài việc tập trung vào phương pháp tu hành và xiển dương môn phái của mình, Sư Huệ Viễn cũng lưu tâm vào những pháp môn khác.

Dựa trên kinh điển, ông đã suy luận và viết ra một số tác phẩm. Trong số sách của ông viết, có những quyển sau:

1. Biện Tâm Thức luận
2. Du Lô Sơn thi
3. Du Sơn ký
4. Đại Thừa Đại Nghĩa Chương (3 quyển).
5. Đại Trí Độ Luận Yếu Lược (20 quyển).
6. Lô Sơn Lược ký
7. Minh Báo Ứng luận
8. Pháp Tính luận
9. Phật Ảnh tán
10. Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận
11. Sa Môn Đản Phục luận
12. Thích Tam Báo luận

Ngoài ra, ông còn viết nhiều văn thư biện luận về Phật pháp với Sư Cưu Ma La Thập, cùng các ông Lưu Di Dân, Đới An và một số vị khác.

Cuối cuộc đời ông, vào ngày 30/7, năm Nghĩa Hy thứ 12, sau khi ngồi tịnh, mở mắt thấy Phật Di Đà thị hiện khắp hư không, với hai bên tả hữu là Quán Thế Âm cùng Đại Thế Chí. Ngài nói với ông rằng: *"Ta dùng sức bản nguyện tới đây an ủi ông, sau bảy ngày ông sẽ được sinh về Tịnh độ."*

Ngày hôm sau, ông bắt đầu bị cảm. Trong thời gian ông bệnh, Chư tăng khuyên ông dùng thuốc rượu, nhưng ông từ chối. Tới ngày cuối cùng của cuộc đời, vì ông mệt, Chư tăng bảo ông dùng nước cơm gạo, ông nói quá ngọ nên không ăn. Các vị tăng lại bảo ông dùng mật để lấy sức, sư bảo mọi người tra luật xem có được ăn mật không. Khi mọi người chưa tra xong, ông không làm chủ được và đã viên tịch. Đó là ngày 6/8 năm Bính Thìn, niên hiệu Nghĩa Hy thứ 12, thọ 82 tuổi.

Sau này Đàm Loan *(Sinh năm 476, mất năm 542)* là người đã xiển dương và tích cực phát triển tông Tịnh độ.

Ảnh: **Chí Giác Thông**

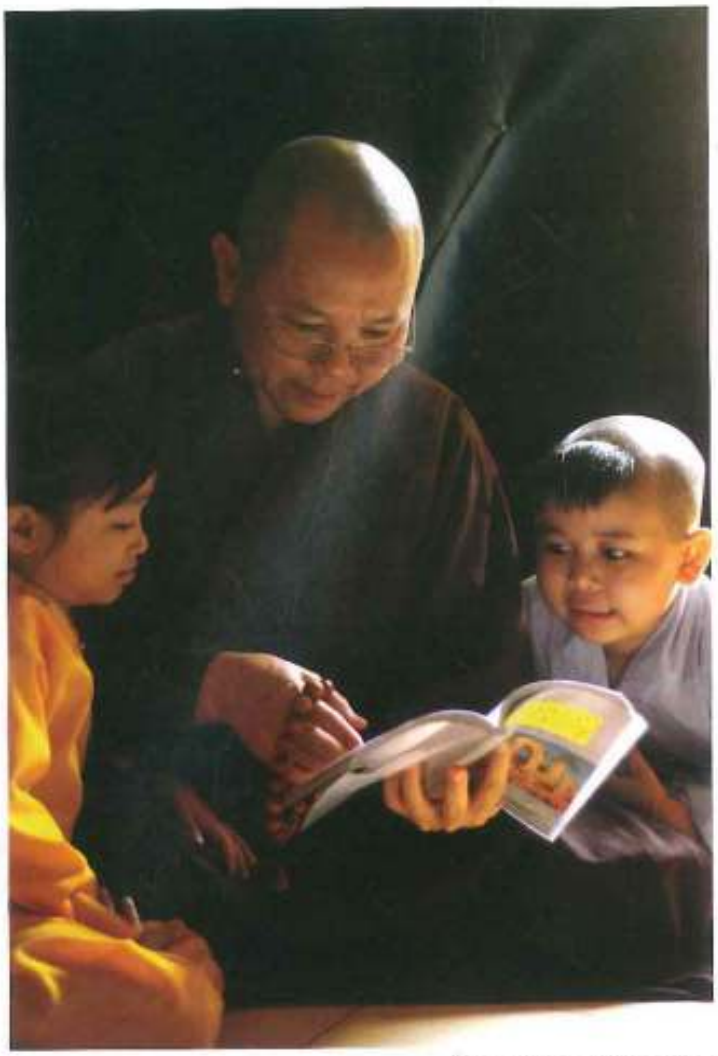

Ảnh: **Thích Giác Thông**

Ngày nay Tịnh độ tông là tông phái phổ biến nhất tại Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản và Đài Loan.

Nhật Bản thời kỳ đó cũng là một đất nước chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi văn hóa và tôn giáo Trung Quốc: Viên Nhân (793 - 864), là một người đã thấm sâu tư tưởng và văn hóa của đạo Phật Trung Quốc trong thời kỳ ông học ở đất nước này. Ông đã tích cực truyền bá Tịnh độ tông cùng Thiên thai tông và Mật tông vào Nhật Bản.

Thừa kế và phát huy những tư tưởng văn hóa này và nổi danh trong những thời kỳ đầu hoằng dương Tịnh độ là Không Dã Thượng Nhân (903 - 972), và Nguyên Tín (942 - 1017). Không Dã Thượng Nhân với niềm tin tín ngưỡng A Di Đà đã nhảy múa ca hát về A Di Đà giữa chợ theo nhịp gõ chiếc bình bát cầm trên tay. Chính vì điều này, người ta gọi ông là Thị Thánh, tức là thánh ở chợ. Trong thời gian này, việc niệm Phật là một yếu tố chính của những tông phái tu hành tại Nhật, đặc biệt là Chân ngôn tông và Thiên thai tông.

Nhưng người có công lớn nhất trong việc đưa Tịnh độ trở thành một tông phái chính là Pháp Nhiên (1133 - 1212). Thế kỷ thứ XII, Pháp Nhiên chính thức thành lập tông phái Tịnh độ. Ông đã truyền bá, thuyết phục và thu hút được đông đảo quần chúng; gây dựng tông này trong phạm vi sâu rộng và trở thành một trường phái vô cùng lớn mạnh. Phong trào tu tịnh độ trở thành một trào lưu rộng lớn và là một phần chính trong việc tu hành ở Nhật. Ông quá đề cao giáo lý của mình nên bị các đối thủ tranh chấp, dèm pha và cuối cùng bị đày ra vùng hoang vu cô tịch năm ông 74 tuổi.

Sau này một cao tăng thuộc tông phái Thiên thai là Lương Nhẫn, đã nổi danh trong việc tín ngưỡng và tán tụng đức A-di-đà trong những bài hát. Ông ra sức truyền bá pháp môn Tịnh độ với phương pháp niệm Phật. Ông cho rằng niệm Phật sẽ được dung thông: *"Dung thông niệm Phật"*. Có nghĩa là nếu một người nào đó niệm Phật thì tất cả những người khác xung quanh cũng được hưởng lây công đức. Thậm chí không chỉ những người xung quanh mà tất cả mọi chúng sinh đều được hưởng phần công đức này.

Và ngược lại, ai cũng có phần công đức của mình trong việc trì danh, niệm Phật. Những giáo lý của ông về vấn đề này đã thuyết phục và thu hút được nhiều người trong vương triều. Và sau này, khi ông đã tịch, các đệ tử của ông đã kế thừa những lý luận và giáo điều của ông và phát triển bằng cách tích cực truyền bá. Những giáo lý ấy vẫn được áp dụng cho tới ngày hôm nay.

Một Cao tăng trên núi Tỉ Duệ *(Trung tâm của các trường phái tín ngưỡng A Di Đà là Nguyên Tín)* với niềm tin chắc rằng cõi Cực Lạc của A Di Đà là một cõi thoát ly sự sinh tử. Ông biết được tâm lý sợ khổ đau và thích được an nhàn của người dân, nên đã cho ra đời cuốn Vãng sinh yếu tập, nói về niềm tin A Di Đà và truyền bá phương pháp tu tập.

Cuốn sách này của ông viết về những cảnh địa ngục khổ đau và lợi ích của việc niệm Phật. Tác phẩm này cùng tư tưởng của ông đã tác động và ảnh hưởng sâu rộng đến truyền thống tín ngưỡng A Di Đà tại Nhật Bản. Ngoài việc viết sách truyền bá giáo lý của mình, ông còn cho tạc tượng và sử dụng những bức tranh ảnh để truyền bá tông phong của mình cho những người ít học.

Tông phái Tịnh độ chính thức được hình thành với thời kỳ của Pháp Nhiên. Pháp Nhiên đã làm một cuộc cách mạng trong việc truyền bá và phát triển Tịnh độ tông với trào lưu rộng lớn. Ông cho rằng con người không thể tự lực tu hành vào thời mạt pháp.

Chỉ có tha lực của ngài A Di Đà Phật mới giúp cho con người dễ dàng tu tập. Và sinh về cảnh giới của Ngài là được an lạc trong cõi cực lạc và được giải thoát.

Tông phái Tịnh độ chính thức được hình thành với thời kỳ của Pháp Nhiên. Pháp Nhiên đã làm một cuộc cách mạng trong việc truyền bá và phát triển Tịnh độ tông với trào lưu rộng lớn. Ông cho rằng con người không thể tự lực tu hành vào thời mạt pháp. Chỉ có tha lực của Ngài A Di Đà Phật mới giúp cho con người *"dễ dàng"* tu tập. Và sinh về cảnh giới của Ngài là được an lạc trong cõi cực lạc và được giải thoát.

Tịnh độ tông bây giờ vẫn được lưu truyền và được áp dụng, thực hành rộng rãi ở các nước Á Đông, trong đó nổi bật vẫn là những nước có nguồn gốc hình thành và phát triển tông phái này, đó là Trung Quốc và Nhật Bản. Ngoài ra còn có những người tu hành ở các nước khác như Đài Loan, Việt Nam và một số nước Á Châu khác.

Ảnh: Thích Giác Thông

● Đức Minh

Vào thời kỳ đầu của Phật giáo Phát triển, yếu tố tha lực *(lực khác ngoài lực của tự thân, tự lực, như Phật lực, Bồ tát lực v.v..)* được đề cập đến đầu tiên trong kinh Na Tiên Tỳ kheo *(Kinh Na Tiên Tỳ kheo xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ I Tây lịch. Bản kinh này được truyền sang Tích Lan và các nước Nam phương Phật giáo với tên gọi là Milindapanhà. Di Lan Đà vấn kinh, thuộc văn hệ Pàli).* Sau đó bản kinh được truyền sang Trung Hoa và dịch sang chữ Hán khi Phật giáo du nhập vào Trung Hoa chưa bao lâu, bản hiện lưu hành có tên là *Na Tiên Tỳ kheo kinh.*

KHỞI NGUYÊN TƯ TƯỞNG

TỊNH ĐỘ VÀ THA LỰC

Nội dung kinh Na Tiên Tỳ kheo *(Nagasena)* là giáo nghĩa của Phật giáo Nguyên thủy, tuy nhiên kinh có đề cập đến vấn đề tha lực, nên được xem là tư tưởng chuyển tiếp giữa thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy *(từ thời Đức Phật còn tại thế cho đến sau khi Phật Niết bàn 100 năm)* và Phật giáo Phát triển *(khoảng từ đầu thế kỷ thứ III đến cuối thế kỷ thứ VIII Tây lịch).*

Sau Na Tiên Tỳ kheo kinh còn nhiều bản kinh của Phật giáo Phát triển đề cập đến cảnh giới của chư Phật *(các cõi Tịnh độ)* và tha lực mà hành giả tu tập có được nhờ dựa vào tín tâm, công phu tu tập và nguyện lực của mình *(tự lực).* Nhờ chí nguyện của hành giả tương ứng với bản nguyện của chư Phật, nhờ tự lực kết hợp với tha lực *(sự hộ trì, tiếp dẫn của chư Phật)*, hành giả có thể vãng sinh về cõi Tịnh độ của chư Phật.

Vào khoảng cuối thế kỷ thứ II Tây lịch, sau khi Phật giáo truyền vào Trung Hoa chưa bao lâu *(Phật giáo đến Trung Hoa vào khoảng thế kỷ thứ I Tây lịch)*, có Đại sư Chi Lâu Ca Sấm *(Lokasema 147-?)*, còn gọi là Chi Sấm, người nước Đại Nhục Chi đến kinh thành Lạc Dương nhà Đông Hán *(Hậu Hán 25 - 220)*, khoảng từ năm 178 - 189 tham gia vào công việc phiên dịch kinh điển, đã dịch nhiều bản kinh thuộc hệ Bản Duyên, Bát Nhã, Hoa Nghiêm và hệ Bảo Tích, trong đó có bản dịch A Súc Phật Quốc kinh *(2 quyển)*, Phật Thuyết Ban Chu Tam Muội kinh *(1 quyển)* và Ban Chu Tam Muội kinh *(3 quyển).* Với hai bản dịch Phật Thuyết Ban Chu Tam Muội kinh và Ban Chu Tam Muội kinh, Đại sư Chi Lâu Ca Sấm được xem là người đầu tiên phổ biến tư tưởng niệm Phật A Di Đà và thế giới Tây phương Cực Lạc, làm cơ sở cho tín ngưỡng Tịnh độ sau này *(Theo Phật Quang Đại từ điển, 1988, tr.1416B-C).*

Đến đời Tào Ngụy (220 - 265 T.L), Đại sư Khương Tăng Khải *(Samghavarman)* dịch kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ *(2 quyển)*; Đời Ngô Tôn Quyền *(222 - 280)* cư sĩ Chi

Khiêm dịch bộ Đại A Di Đà kinh; Đời Hậu Tần (384 - 417), Pháp sư Cưu Ma La Thập *(Kumàrajiva 344 - 413)* dịch Phật Thuyết A Di Đà kinh *(1 quyển)*, còn gọi là tiểu kinh A Di Đà, kinh Tiểu bổn A Di Đà; Đời Lưu Tống (420 - 478), Đại sư Cương Lương Da Xá *(Kàlayàsas, 383 - 442)* dịch Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ kinh *(1 quyển)*; Đời Tuyên Võ Đế (499 - 515), ngài Bồ Đề Lưu Chi *(Bodhiruci, ? - 527)* dịch Vãng Sinh Tịnh Độ luận *(tức Vô Lượng Thọ kinh luận, 1 quyển do ngài Thế Thân trước tác)* v.v..

Trên là một số kinh về tư tưởng Cực Lạc Tịnh độ và Đức Phật A Di Đà ở phương Tây được dịch từ Phạn văn sang Hán văn sau khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa.

Ở Ấn Độ vào thời đại của ngài Long Thọ *(thế kỷ thứ III Tây lịch)* đã phổ biến ba dòng tư tưởng về vãng sinh Tịnh độ: Thứ nhất là cầu sinh về cõi trời Đâu Suất, nơi Bồ tát Nhất sinh bổ xứ là Di Lặc *(Maitreya - Từ Thị)* đang giáo hóa chúng sinh; Thứ hai là cầu sinh về cõi Tịnh độ Diệu Hỷ của Đức Phật A Sơ *(Aksobhya - Bất Động Phật)* ở phương Đông; Thứ ba là cầu sinh về cõi Tịnh độ Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà *(Amitabha, Amitayus Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ)* ở phương Tây.

Tư tưởng tha lực trong kinh Na Tiên Tỳ kheo:

Tư tưởng Phật lực trong kinh Na Tiên Tỳ kheo được xem là khởi nguyên tư tưởng tha lực trong giáo nghĩa các kinh của Phật giáo Phát triển sau này. Ở đây chúng ta cũng nên xem qua tư tưởng tha lực mà kinh Na Tiên Tỳ kheo đề cập đến như thế nào.

Nội dung kinh Na Tiên Tỳ kheo ghi lại những lời vấn đáp giữa Tỳ kheo A la hán Na Tiên *(Nàgasena - người Trung Ấn, có nơi nói Tây Bắc Ấn Độ, vào khoảng nửa cuối thế kỷ thứ II trước Tây lịch)* và vua Di Lan Đà *(Milinda)* tại thủ đô Sa Yết La *(Sàkalà, cũng viết là Sàgala)* thuộc vùng thượng lưu Ngũ Hà. Trong phần nói về *"Nhân ít, quả nhiều"*, vua Di Lan Đà hỏi Tỳ kheo Na Tiên như sau: *"Bạch Đại đức, các sa môn trong hàng ngũ của Đại đức bảo rằng những kẻ có quá khứ không tốt, đã từng làm ác, nhưng đến khi lâm chung biết nghĩ tưởng đến Phật thì được sinh lên các cõi trời. Quả thật trẫm không tin được điều đó"*.

Tỳ kheo Na Tiên hỏi ngược lại nhà vua: *"Giả sử có kẻ cầm một hòn đá nhỏ ném xuống nước, hòn đá ấy nổi hay chìm?"*

Thưa chìm.

Bây giờ, có kẻ đem một trăm hòn đá lớn chất vào một chiếc ghe lớn đủ sức chở hàng ngàn tảng đá lớn thì trăm hòn đá ấy có chìm không?

Thưa không?

Đá không chìm là nhờ ghe chở. Cũng giống như thế, người làm ác khi chết biết tưởng nhớ đến Phật, được Phật lực nâng đỡ nên không đọa vào địa ngục mà lại sinh lên các cõi trời. Hễ ai tin Phật và tưởng nhớ đến Phật thì khi lâm chung đều được Phật tiếp độ *(Kinh Na Tiên Tỳ kheo, Cao Hữu Đính soạn thuật, Tỉnh hội Phật giáo Thừa Thiên-Huế ấn hành, 1996)*.

Nếu người học Phật không hiểu rõ bản ý kinh, qua mẩu đối thoại trên có thể dẫn đến sự ngộ nhận: Một người cho dù không sống đời sống đạo đức, chẳng tu tập gì, chẳng tạo công đức phước báo gì, thậm chí làm ác *(nghiệp bất thiện)*, nhưng trước khi chết nhớ đến Phật, nghĩ tưởng đến Phật, sẽ được Phật lực nâng đỡ, chẳng những người đó không đọa vào cảnh khổ, địa ngục, mà còn được sinh lên cõi trời. Như thế thì chỉ cần có Phật lực hộ trì, tiếp dẫn là được, còn cần chi kinh giáo, cần chi tu tập, rèn tâm dưỡng tính. Chắc chắn là không phải vậy. Chúng ta phải xét kỹ mới thấy được ý nghĩa thâm sâu của lời kinh dạy để có niềm tin và sự thực hành đúng đắn. Đức Phật đã dày công thuyết giảng mấy mươi nghìn bài kinh, điều đó cho thấy việc tu hành không đơn giản. Đức Phật cho biết chúng sinh có rất nhiều căn cơ trình độ, có rất nhiều "bệnh" *(có chúng sinh có nhiều bụi trong mắt, có chúng sinh ít bụi trong mắt, các chúng sinh không giống như nhau)*, cho nên không có một loại thuốc duy nhất dành cho mọi chúng sinh và trị tất cả bệnh. Về phương diện tu tập, chúng ta hãy thử đặt vấn đề. Liệu một người không thường nghĩ đến điều thiện, không thường làm việc thiện, không từng niệm Phật, tưởng nhớ Phật, lại còn làm việc ác, quá khứ tạo nghiệp bất thiện, khi đến giờ phút lâm chung, tâm người đó có thể bình an không? Người đó có dễ dàng nhớ tưởng đến Phật không? *(hay chỉ nhớ đến những việc xấu, việc ác đã làm?)*.

Theo thuyết Cận tử nghiệp thì thật sự có những người đến giờ phút lâm chung họ thay đổi ý niệm. Có người cả đời làm nhiều việc lành, nhưng trong giờ phút lâm chung lại sinh tâm hối tiếc, hoặc sinh tâm sân hận, nghĩ đến điều ác; Có người cả đời làm ác, nhưng trong giờ phút lâm chung lại phát khởi tâm lành, nghĩ tưởng điều lành, nghĩ tưởng đến Phật. Những trường hợp trước lúc lâm chung sinh tâm ăn năn sám hối sẽ giảm được phần nào tội nghiệp; nếu khi ấy nhớ tưởng đến Phật, Pháp, Tăng, nhớ đến các thiện pháp thì có thể sinh về cõi lành. Có những trường hợp người sắp lâm chung nhớ đến Phật, niệm Phật do đã có lúc nào đó trong quá khứ gần hoặc lâu xa, họ đã từng gieo nhân duyên lành với Phật pháp, cho nên chủng tử thiện *(hạt giống lành)* sinh khởi.

Khi ấy, tùy theo Cận tử nghiệp thiện hay ác mà họ tái sinh về cõi lành hay dữ. Tuy nhiên việc đó không có nghĩa là trong tương lai họ sẽ không thọ lãnh quả báo của những nghiệp bất thiện mà họ đã tạo ra trong quá khứ.

Vì thế cần phải tu dưỡng đạo đức, rèn luyện tâm trí, cả cuộc đời phải là những ngày tháng sống tốt, chăm tạo nghiệp lành, tránh tạo nghiệp bất thiện; Phải thường nhớ tưởng đến hình ảnh của Đức Phật và những công đức, hạnh nguyện của Ngài, phải noi theo gương sáng đó và tu tập theo giáo pháp mà Ngài đã chỉ dạy.

Các kinh về Tịnh độ đều dạy không chỉ có niệm Phật, quán tưởng Đức Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc Tịnh độ, mà còn dạy hành giả thọ trì Tam quy, Ngũ giới, hành Thập thiện, phát Bồ đề tâm, nghiên cứu kinh điển, học tập giáo pháp, tu tạo các công đức phước lành như hộ trì Tam Bảo, hoằng truyền Chánh pháp, cúng dường, từ thiện-bố thí, phóng sinh v.v.. Tha lực, lực gia trì, hộ niệm của chư Phật chỉ có khi có sự tinh tấn, nỗ lực hành trì, tu tập của hành giả. Bất cứ lúc nào hành giả có sự tu tập, tâm tưởng nhớ đến Phật, đến giáo pháp, đến các bậc tu hành, noi theo hạnh nguyện của chư Phật, thì khi ấy hành giả có được lực gia trì, có được sự hộ niệm của chư Phật.

Ảnh: Thích Giác Thông

THIỀN CHÁNH NIỆM VÀ NÃO BỘ

● **Hồng Quang**

"Con người thường trở thành cái mà họ muốn. Nếu tôi cứ nghĩ rằng tôi không thể làm được điều ấy, thì chắc chắn rút cuộc tôi sẽ không làm được gì. Trái lại nếu tôi tin, tôi có thể làm thì sớm muộn gì tôi cũng sẽ thành tựu như ý muốn".
Thánh Ghandi *

Những lực sĩ, kịch sĩ, nghệ sĩ, thương gia, lãnh đạo tôn giáo…muốn thành tựu và nổi danh họ không thể thiếu một điều then chốt, đó là sức mạnh của ý chí tích cực *"the power of positive thinking"*.

Đủ thứ kỹ nghệ ngày càng phát triển thì, cũng không thiếu những cơn bệnh trầm kha thiếu thuốc chữa mà nguyên nhân chính là do căng thẳng, lo âu, phiền muộn, sợ hãi, trầm cảm…, làm cho con người sống thiếu hạnh phúc, thiếu an lạc, bệnh hoạn, mau già và chết sớm.

Vấn nạn nầy có thể giải quyết, nếu con người biết sử dụng Thiền để thay đổi tư duy từ những ý nghĩ tiêu cực thành tích cực.

Những lớp tiềm thức trong tâm của chúng ta *(subconscious layers of our mind)* đang bị đè nén bởi căng thẳng, bởi tham sân si..., nên mạnh dạn quyết chí đem Thiền để đẩy chúng ra khỏi, tái lập một cuộc sống lâu dài hơn, có hạnh phúc hơn, khỏe mạnh hơn, thông minh hơn và đẹp hơn, mà chỉ cần một ngày vài chục phút ngồi thiền. Chúng ta còn gì để do dự chăng?

Dưới đây là 8 điều ngạc nhiên về sự vận hành của não bộ mà người hành thiền nên biết.

1. Căng thẳng làm mất trí nhớ

Thí nghiệm trên những con chuột cho thấy con nào bị căng thẳng lâu dài thì vùng hải mã của con đó bị teo lại. Vùng hải mã là nơi tập trung toàn bộ trí nhớ. Vấn đề được bàn cãi là phải chăng sau bị chấn thương rối loạn căng thẳng thì vùng hải mã bị teo lại. Và phải chăng người nào có vùng hải mã nhỏ hơn thì có chiều hướng bị chứng chấn thương rối loạn căng thẳng *(It has been debated whether post-traumatic stress disorder (PTSD) can actually shrink the hippocampus, or whether people with naturally smaller hippocampuses are just more prone to PTSD).*

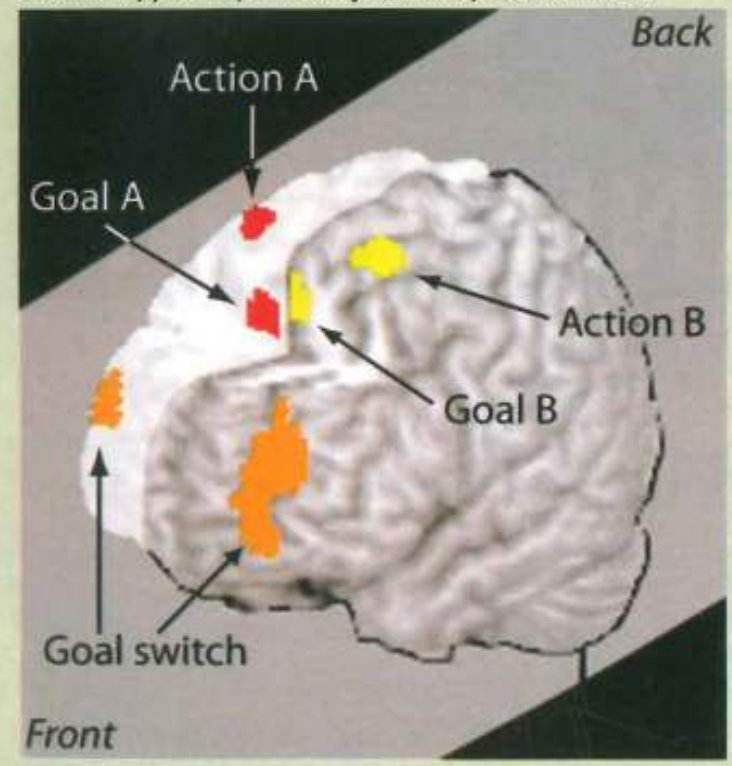

Ảnh: **Đỗ hoạ**

2. Não bộ không thể làm nhiều việc cùng một lúc

Từ lâu, con người nghĩ rằng cùng một lúc bộ não có thể làm được nhiều việc, nhưng thí nghiệm cho thấy, đó là điều không thể có *(multitasking is actually impossible).*

Làm hoặc nghĩ nhiều việc cùng một lúc, não bộ hoạt động lui tới giữa các công việc ấy, chứ không phải não bộ vận hành tất cả các việc cùng một lúc *(we're quickly switching back and forth between different tasks rather than doing them at the same time).*

Đó là một trong nhiều lý do giải thích tại sao ăn cơm trong chánh niện, thiền hành trong chánh niệm thay vì vừa ăn vừa đọc báo, vừa thiền hành vừa nói chuyện hoặc suy nghĩ lung tung...

Thí dụ: Chúng ta làm hai nhiệm vụ A và B cùng một lúc. Ta thấy não bộ không *"giải quyết"* hai việc cùng thời. Thay vào đó nó chạy tới chay lui một cách *"đau khổ"*, và sử dụng năng lượng quan trọng của não cho việc di chuyển tới lui này. Lúc não bộ vận hành một việc, thùy não phía trước đóng vai trò lớn. Thí dụ, lúc chúng ta cần quả cam. Thùy não vùng trước trán, bên trong, báo cho các phần còn lại của não bộ để tay chúng ta đưa về phía dĩa cam, và tâm *(mind)* biết ta sẽ có được quả cam hay không. Cùng lúc, nếu ta lại muốn ly nước ngọt, thì não bộ tự động phân làm hai nhiệm vụ, và mỗi nửa bán cầu não tự hoạt động riêng rẽ. Tình trạng này làm não bộ bị yếu, khó hoàn thành nhiệm vụ cần có, vì nguồn năng lực bị chia làm hai.

Nếu ý nghĩ thứ ba cùng lúc xuất hiện, như ta cần trái chuối. Não bộ có khả năng quên một trong ba suy nghĩ cùng lúc, và chúng sẽ tạo ra sự nhầm lẫn tai hại gấp ba lần so với khi hai nhiệm vụ mà não làm việc cùng thời.

3. Giấc ngủ trưa cải tiến hiệu năng não bộ

Chúng ta biết, giấc ngủ rất quan trọng cho bộ não, giấc ngủ trưa *(naps)* cũng thế:

Làm gia tăng trí nhớ: Thí nghiệm trí nhớ trên hai nhóm người bằng cách cho họ học thuộc lòng một số vấn đề được in trên các tấm thẻ *(cards)*. Họ được nghỉ 40 phút. Một nhóm ngủ, nhóm kia thức. Sau đó, họ được thí nghiệm trở lại. Nhóm ngủ 40 phút có điểm thí nghiệm cao hơn, trung bình 80%. Còn nhóm kia chỉ được 60% trung bình cho mỗi người.

Thí nghiệm cho thấy, lúc những điều học thuộc lòng, trước tiên được chứa trong vùng hải mã của não, có thể dễ bị "vỡ" *(fragile)* và dễ bị quên *(forgotten)*, đặc biệt là lúc não bộ bị buộc nhớ thêm một số vấn đề khác.

Lúc ngủ trưa, những điều đã nhớ dường như được đẩy vào vùng vỏ não mới *(neocortex)*, các ký ức được chứa an toàn hơn, không bị mất *(overwrite)*.

4. Thị giác vượt trên các giác quan khác

(Your vision trumps all other senses)

Mặc dù thuộc một trong năm giác quan, nhưng thị giác trội hơn tất cả các giác quan còn lại. Nghe một mẩu thông tin, ba ngày sau chỉ nhớ được 10 %. Nhưng thấy một tấm hình thì nhớ được 65 %. Lúc đọc một bản văn, não bộ phải định dạng nhiều hình nhỏ bé của các chữ để có thể hiểu mà đọc. Và như thế sẽ làm mất thì giờ...

5. Hướng nội và hướng ngoại

Những người hướng nội và hướng ngoại là do các tế bào thần kinh trong bộ não của họ quấn lại với nhau một cách khác biệt. Như vậy họ khác nhau không phải vì người hướng ngoại ưa đi ra ngoài để giao tiếp, còn người hướng nội thì tánh tình e thẹn, mà do sự:

- Khác nhau trong bộ não:
- Khác nhau về di truyền,
- Khác nhau về sự tiếp nhận sự tưởng thưởng.

Ví dụ: bộ não phản ứng một cách mạnh mẽ khi đánh bạc ăn. Một phần là do di truyền phần khác là do hệ dopamine *(có chức năng thúc đẩy hoạt động)*.

Khi họ đánh bạc ăn *(hay một trò chơi ăn thua nào đó)*, nhóm người hướng ngoại có nhiều hoạt động trong hai vùng não quan trọng: hạch hạnh nhân*(amygdala)* và các nhân liền kế nhau *(neucleus accumbens)*.

Các nhân liền kế nhau nầy là một phần của hệ dopamine ảnh hưởng đến việc học hỏi của chúng ta. Hệ thống dopamine động viên chúng ta tìm kiếm những niềm vui.

Nơi người hướng ngoại thì hệ này thúc đẩy họ tìm những thứ mới mẻ, chấp nhận rủi ro và thích thú với những điều lạ hoặc kinh ngạc nhiều hơn là những người hướng nội. Hạch hạnh nhân xử lý các cảm giác đến từ bên ngoài làm cho người hướng ngoại cảm thấy bị kích động. Nếu điều này xảy ra cho người hướng nội thì họ chịu không nổi, nên họ không làm như người hướng ngoại.

Nhiều cuộc nghiên cứu cho thấy, sự khác biệt giữa người hướng nội và hướng ngoại xử lý các kích thích từ bên ngoài. Nơi người hướng ngoại, con đường tiếp nhận kích thích *(cảm giác)* từ mắt, tai, mũi và lưỡi, ngắn hơn so với người hướng nội. Con đường tiếp nhận này dài hơn và phức tạp hơn liên quan đến các phần trong não như trí nhớ, hoạch định và giải quyết các vấn đề.

6. Thích những người có đôi chút nhầm lẫn.

Ông Kevan Lee giải thích, người không bao giờ phạm lỗi sẽ có ít người chú ý hơn người thỉnh thoảng phạm lỗi. Sai lầm đôi chút tạo cho người khác chú ý đến chúng ta. Con người, ít nhiều, thường có lỗi, và đó như là một bản tính của người.

Nhà tâm lý học Elliot Aronson thí nghiệm xem điều nhận xét trên có đúng không, bằng cách kêu gọi những người tham dự nghe đoạn băng thu các câu trả lời của một câu đố. Chọn đoạn thu băng gồm cả tiếng của một người gõ trên téch cà phê. Các người tham dự cuộc thí nghiệm được yêu cầu cho điểm thích ai. Nhóm người làm đổ café có điểm cao hơn. Điều đó cho thấy, chúng ta có khuynh hướng không thích con người quá hoàn toàn, mà thích những người có đôi chút lỡ lầm.

7. Vận động thể lực có thể tái phối trí não bộ và gia tăng mãnh lực ý chí *(Exercise can reorganize the brain and boost your willpower)*.

Thân và tâm liên đới với nhau là điều dĩ nhiên. Hạnh phúc và luyện tập cơ thể cũng thế.

Liên tục tập thể dục *(A lifetime of exercise)* làm cho nhận thức bén nhạy, nhớ dai, lý luận giỏi, tập trung chú ý tốt và giải quyết những vấn đề nhanh chóng.

Lúc vận động, não bộ nhận biết giống như lúc bị căng thẳng, nhịp đập của tim gia tăng. Để đối đầu với hiện trạng nầy, cơ thể tiết ra chất protein có tên BDNF *(brain-derived neurotrophic factor)*. Cùng lúc, chất endorphins trong não bộ cũng được tiết ra.

Chất này làm êm dịu sự khó chịu, chận đứng cơn đau, ngay cả làm cho ta cảm thấy hưng phấn *(euphoria)*, nhà nghiên cứu McGovern viết như thế.

8. Thiền có thể tái tạo não bộ tốt hơn.

Tác giả bài báo viết, tôi cứ tưởng Thiền chỉ giúp tôi gia tăng sự chú ý và có sự an lạc suốt ngày, nhưng không phải chỉ có thế, Thiền mang đến cả khối lợi ích. Sau đây là vài thí dụ:

Ít bị âu phiền: Điều nầy rất thích thú. Thiền nhiều, âu phiền ít *(The more we meditate, the less anxiety we have)*. Vì lúc chúng ta Thiền thì những con đường tiếp nối các giây thần kinh bị mất *(we're actually loosening the connections of particular neural pathways)*. Nghe có vẻ tai hại, nhưng không. Vì giữa phía trước vỏ não là vùng chuyển tải *"me center"* các thông tin liên hệ và những kinh nghiệm của chúng ta. Thông thường, những con đường chuyển giây thần kinh từ sự nhạy bén của cơ thể và những trung tâm sợ hãi của não bộ đến vùng *"me center"* rất mạnh.

Lúc có biến cố như sợ hãi hoặc giận hờn thì vùng này kích hoạt mạnh làm cho chúng ta sợ hãi và cảm thấy đang bị tấn công. Lúc ngồi thiền được 20 phút, thì sự giao tiếp của giây thần kinh bị yếu. Có nghĩa là chúng ta không phản ứng mạnh đối với các cảm xúc trong vùng *"me center"*. ***Nhiều sáng tạo (More Creativity):*** Một thí nghiệm tại Đại học Leiden University, Netherlands cho thấy, Thiền chú ý tập trung *(focused-attention meditation)* không có dấu hiệu làm gia tăng sự sáng tạo. Trái lại, Thiền buông thư *(open-monitoring meditation)* có dấu hiệu gia tăng.

Trí nhớ tốt hơn (Better Memory): Bà Catherine Kerr, một thí nghiệm viên tại Martinos Center, tìm thấy những người thực hành Thiền Chánh niệm *(mindful meditation)* thì não bộ tự điều chỉnh loại bỏ những thứ làm lãng trí và gia tăng óc sáng tạo so với những người không thiền *(screens out distractions and increase their productivity)*. Thiền, còn làm tăng gia lòng từ bi, giảm căng thẳng, cải tiến kỹ năng nhớ và ngay cả tăng gia trí thông minh *(Meditation has also been linked to increasing compassion, decreasing stress, improving memory skills and even increasing the amount of gray matter in the brain)*.

TÓM LƯỢC

Bài viết tuy ngắn, nhưng cho chúng ta một hình ảnh rất ích lợi và khá cụ thể về, sự vận hành của não bộ liên đới đến luyện tập thể lực và Thiền quán.

Qua đó, một lần nữa, chúng ta thấy tâm tạo tác, tâm chủ động, vạn pháp đều do tâm như lời Phật dạy.

Nếu tâm an, thân lạc thì hạnh phúc sẽ nằm trong tầm tay với. Mà Thiền có thể chuyển đổi tâm. Do đó, Thiền có thể thay đổi thân và thay đổi cuộc sống của chúng ta từ sầu bi khổ lụy, căng thẳng giận hờn thành con người an lạc, hạnh phúc, ít tật bệnh, đẹp và thông minh hơn. Xã hội là tập hợp của những đơn vị cá nhân. Nếu mỗi một cá nhân tốt đẹp khỏe mạnh thì xã hội sẽ được chuyển hóa, thăng hoa và phú cường.

Thiền là thức ăn là nguồn sống của nhân loại. Mỗi ngày giành vài chục phút để thưởng thức sự diệu dụng của Thiền. Mong tất cả dõng mãnh tin tấn thực tập.

ẢNH HƯỞNG GIÁO LÝ PHẬT GIÁO QUA CA DAO - TỤC NGỮ

● **Vũ Thị Hạnh Trang**
Cao học chuyên ngành Văn hoá học
Khoá 2012-2014

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trải qua hơn 2000 năm du nhập và phát triển, Phật giáo đã có sự ảnh hưởng sâu rộng trong các lĩnh vực của đời sống, trong đó có nền văn hóa, văn học dân gian người Việt. Một bộ phận của nền văn học ấy là ca dao - tục ngữ đã thấm đượm tinh thần từ bi của nhà Phật, về giáo lý nhân quả, quan niệm về chữ *"duyên"*, về hạnh phúc khổ đau cùng lối suy nghĩ trọng cái tâm – cái thực chất thuần khiết bên trong hơn là những hình thức thể hiện bên ngoài. Những câu ca dao - tục ngữ này không chỉ làm phong phú thêm kho tàng văn học dân gian nước nhà mà còn là một trong những cách truyền bá giáo lý đạo Phật hiệu quả, dễ thấm thấu đối với đại đa số bộ phận người bình dân, qua đó Phật giáo ngày càng hòa quyện với văn hóa dân tộc, góp phần làm lợi lạc cho đạo và cho đời.

2. ẢNH HƯỞNG GIÁO LÝ PHẬT GIÁO QUA CA DAO - TỤC NGỮ

2.1. Phản ánh thuyết nhân quả

Học thuyết nhân quả của Phật giáo đã được người Việt

Ảnh: **Bùi Hưng**

tiếp nhận theo tư duy nhân quả. Nỗ lực làm những hành động thiện lành sẽ thu được kết quả tốt đẹp về sau, còn làm những chuyện xấu xa độc ác thì chắc chắn sẽ gặp chuyện không may mắn. Sự biểu hiện quan niệm này được tìm thấy rộng khắp trong tục ngữ, ca dao. Chẳng hạn, về tục ngữ có những câu:

- *Ở hậu gặp hậu, ở bạc gặp bạc.*
- *Ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ.*
- *Ác giả ác báo, hại nhân nhân hại.*
- *Ác giả ác báo, thiện giả thiện lai.*
- *Ai ăn mặn nấy khát nước.*
- *Ai ăn trầu thì nấy đỏ môi.*
- *Cấy ác thì gặt ác.*
- *Gieo gió, gặt bão.*
- *Làm phúc được phúc, làm ơn được ơn.*

Quan niệm *"ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ"* cũng được diễn giải chi tiết hơn qua ca dao:

Ở hiền thì lại gặp lành
Những người nhân đức trời dành phúc cho.
Ở hiền thì lại gặp lành
Nhược bằng ở dữ, tan tành cái con.
Ở hiền thì lại gặp lành
Ở ác gặp dữ tan tành như tro.
Ở hiền thì lại gặp lành,
Hễ ai ở ác tội dành vào thân.

Ở đây ta thấy không hề có sự hiện diện của yếu tố nhân duyên như quy luật nhân - duyên - nhân - quả của giáo lý đạo Phật. Từ nhân đến quả phải có đủ duyên thì sự việc mới xảy ra, nhưng trong ca dao - tục ngữ người Việt đã đi thẳng vào tiến trình nhân - quả như một hệ quả.

Điều này phản ánh tâm thức tôn giáo người Việt không hề thiên về những yếu tố siêu hình, những giáo lý cao siêu mang tính học thuật mà chủ yếu tiếp nhận những bài học giáo lý đã được đơn giản hóa, dễ thuộc, dễ nhớ và dễ áp dụng vào cuộc sống.

2.2. Quan niệm về hạnh phúc và khổ đau trong kiếp sống nhân sinh

Quan niệm về chữ *"phúc"* của người Việt thiên về suy nghĩ những ai có phúc sẽ có được cuộc sống thuận lợi và dễ dàng hơn, còn người nào không có phúc hoặc không đủ phúc thì mọi việc trong đời người đó sẽ gặp nhiều trắc trở, thất bại, không đạt được nhiều thành tựu.

- *Có phúc có phần, vô phúc vô phần.*
- *Có phúc thì hóa, vô phúc thì đọa.*
- *Có phúc thì mới có phần*
- *Người nào vô phúc sạch không lầu lầu.*

Vì phần đông con người chúng ta thường có khuynh hướng đồng nhất hạnh phúc với sự giàu sang và sung túc, nên tập trung gieo cái nhân làm phúc cũng chỉ để hướng đến cái quả là được giàu.

Có thể bắt gặp điều này trong một số câu tục ngữ mang ảnh hưởng Phật giáo, khi thuyết nhân quả của nhà Phật đã được người dân ứng dụng vào cuộc sống một cách trực tiếp và giản đơn:

- Làm phúc cũng như được giàu/Làm phúc như làm giàu.

Tuy vậy, hạnh phúc trong cõi đời này không phải là cái tồn tại vĩnh hằng, nó vô thường, tạm bợ:

- Phú quý như phù vân.

Có lúc đứng trên đỉnh vinh quang, nhưng cũng có ngày rớt xuống vực thẳm. Vinh và nhục, giàu và nghèo, sang và hèn, phúc và họa thay nhau xoay vần con người trong cõi tạm, có đó rồi mất đó, khiến đôi lúc họ cũng phải thốt lên một câu ai oán cho kiếp sống nhân sinh nhiều trắc trở không lường trước được:

Cuộc đời như cảnh phù du,
Sớm còn tối mất, công phu nhọc nhằn.

Họ nhận ra cái lẽ của cuộc đời như một chu kỳ xoay chuyển luân hồi, có lên cao thì có xuống thấp, có khi thịnh vượng thì cũng có lúc suy tàn, mang đậm triết lý nhân sinh của nhà Phật: *"Hữu thạnh hữu suy"*.

Nỗi đau khổ của con người hiện diện ngay chính lúc họ đã tái sinh trong cuộc đời này, mang thân của một chúng sinh cùng với nghiệp báo riêng của mỗi người. Quan niệm của đạo Phật hễ có thân là có nỗi khổ hiện hữu cũng đã được thể hiện qua một số câu tục ngữ:

- *Có thân có khổ.*
- *Có thân phải khổ về thân.*

Và để giảm bớt nỗi khổ đau cho chúng sinh, "thiểu dục tri túc" cũng là một trong những phương pháp cần được thực tập thường xuyên.

- Tham thì thâm, Phật đã bảo thẳm rằng chớ có tham.

Tham đắm vật dục đưa lại những phiền não vô tận. Khi khởi tâm tham muốn sẽ nảy sinh nỗi thèm khát, dằn vặt, tìm mọi cách để có được cái mình muốn, đôi khi bất chấp đạo đức. Nếu đã như vậy mà vẫn không đạt được mục đích thì sẽ sinh tâm sân hận.

Mối quan hệ nhân - quả *"tham thì thâm"* nếu chưa thể hiện ra cái quả xấu khi chúng sinh có hành động bất chính thì cũng thể hiện cái quả báo hiện tiền là tinh thần luôn bất an, bức bối, không có lấy một phút giây thanh thản, an lạc.

2.3. Tinh thần từ bi của nhà Phật

Sự từ bi của những người con nhà Phật nằm ở chỗ luôn mở lòng với tất cả chúng sinh, ngay cả với những người từng hiềm khích, hãm hại, ganh ghét ta, gây cho ta nỗi khó chịu bực dọc - những người được cho là có ân oán nợ nần với ta trong vô lượng kiếp, thường được gọi nôm na là *"oan gia"*.

Phật dạy:

Hận thù diệt hận thù
Điều này không có được,
Từ bi diệt hận thù
Là định luật ngàn thu.

(Kinh Pháp Cú 5)

Khi quan niệm này đi vào trong tục ngữ, nó vẫn mang đậm tinh thần từ bi của Phật giáo: *"Oan gia nên mở không nên kết"*. Bên cạnh đó, tấm lòng thương yêu chúng sinh đến quên bản thân mình cũng là một cách thể hiện triết lý Vô ngã của người con Phật.

Ở đời thà chịu thiệt mình
Chớ đừng tàn hiếp vì ta hại người.

Chấp nhận thiệt thòi về phía bản thân chứ không *"ăn*

miếng trả miếng", không vì cái lợi hay danh dự bản thân mà làm chuyện tổn hại cho người chính là một nét đáng quý trong nhân cách người phật tử.

2.4. Những quan niệm về lối sống đúng với chữ "tâm" trong đạo Phật

- *Phật tại Tâm.*
- *Chân Tâm tức Phật.*

Đạo Phật quan trọng chữ *"tâm"* cái thực thể tinh thần thuần khiết bên trong chứ không phải cái hình thức tu hành hào nhoáng bên ngoài. Ai có thể sống được với chân tâm trong sáng, giác ngộ hằng hữu của mình, người đó chính là Phật.

Nghĩ như Phật, nói như Phật, hành động cũng như Phật, thì mới đích thực là Phật. Còn những ai *"Khẩu xà tâm Phật"* hoặc tệ hơn là *"Khẩu Phật tâm xà"* thì vẫn chỉ là những *"phàm phu"*, những *"chúng sinh"* còn nặng nghiệp, còn rất nhiều khiếm khuyết phải chỉnh sửa mới có thể tiến bước trên con đường tu hành làm lợi lạc cho chính bản thân và cuộc đời. Bởi vì trọng cái *"tâm"* như vậy nên dân gian mới có câu: *"Chiếc áo không làm nên thầy tu"* và trong ca dao - tục ngữ mới có lời phê phán đến những kẻ chỉ chăm chăm tu hành hời hợt ngoài mặt, chỉ lo thể hiện để lấy danh mà không soi xét lại những bất ổn trong tâm địa và cách sống của chính mình:

Ở ăn chẳng lành, đọc kinh phải tội.
Dẫu bà lắm gạo nhiều tiền
Bà chẳng ở hiền cúng cũng như không.

Mặt khác, đạo Phật cũng chỉ ra rằng trong mỗi chúng sinh có sẵn khả năng giác ngộ, chính là:

Trong nhà sẵn báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh vô tâm, hỏi chi thiền?
(Cư trần lạc đạo - Trần Nhân Tông)

Viên minh châu trong chéo áo của kẻ cùng tử - một ẩn dụ trong kinh Pháp Hoa chỉ ra rằng chúng sinh và Phật bình đẳng như nhau ở bản chất thanh tịnh và khả năng giác ngộ sẵn có, có điều Phật thì sống với viên minh châu - chân tâm đó, còn chúng sinh thì bị vọng tưởng lôi kéo đến nỗi không nhận ra được tính giác nơi mình. Ta có thể bắt gặp ẩn ý của giáo lý cao siêu và mầu nhiệm ấy qua câu tục ngữ: *"Bụt trong nhà chẳng thiêng, cầu Thích Ca ngoài đường"*.

Trong dân gian, nó thường được hiểu giản đơn là thói quen đi cầu cạnh người ngoài mà coi thường và bỏ quên người nhà, người quen của mình. Dù sao, quay lại với chính nội tâm và những gì thân quen với chúng ta, bắt đầu tu từ những thứ nhỏ nhặt xung quanh mình cũng là một cách tu thiết thực, hơn là rong ruổi tìm cầu những ảo vọng bên ngoài.

2.5. Ảnh hưởng của một số đặc trưng khác của Phật giáo trong ca dao - tục ngữ

Dấu ấn Phật giáo thể hiện trong ca dao - tục ngữ bao gồm những đặc trưng mang màu sắc Phật giáo như: vấn đề ăn chay, quan niệm về luân hồi và kiếp sau, quan niệm về chữ *"duyên"*, quan niệm về Phật và ma, quan niệm về sự tu hành.

Về quan niệm luân hồi - kiếp sau, có một số câu ca dao - tục ngữ sau:

Ai ơi, hãy ở cho lành, kiếp này chẳng gặp để dành kiếp sau.
Làm ác kiếp sau chịu tội.

Điều đó chứng tỏ giáo lý nhân quả và luân hồi đã cắm rễ sâu bền trong tâm trí người dân, với mục đích khuyên răn con người hãy nghĩ đến kiếp sau mà ngay cuộc sống hiện đời này hãy ăn ở cho thiện lành, tránh làm việc ác, tức là hành động theo tinh thần *"ẩn ác dương thiện"* của nhà Phật mới có thể hướng đến một quả báo tốt đẹp về sau. Mặt khác, trong vòng luân hồi bất tận này, nhân quả không hề sai chạy. Nếu một người đã gây nhân ác thì chắc chắn trong thể tránh khỏi quả báo xấu. Đôi khi chưa kịp trả quả đã gây thêm nhiều nghiệp và cứ phải tái sinh để trả món nợ ân oán, gây nên cảnh: *"Oan oan tương báo"*.

Trên cơ sở đó, gặp gỡ nhiều người, có nhiều vợ hay nhân tình chưa chắc là một điều hạnh phúc, khi mà những người ấy có thể là oan gia nhiều đời nhiều kiếp với chúng ta:

Lắm nhân duyên, nhiều điều phiền não.
Lắm vợ nhiều oan gia.

Về luật lệ ăn chay trong nhà Phật *(nhất là đối với Phật giáo Bắc truyền)* cũng có một số ảnh hưởng nhất định và rộng rãi đối với người dân, ví dụ tập tục ăn chay vào các ngày rằm, mùng một, một số ngày vía, ăn chay kỳ hay chay trường. Riêng đối với tục ngữ có câu: *"Ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối"*. Dĩ nhiên ăn mặn - ăn chay và nói ngay - nói dối không liên hệ nhiều đến nhau, chúng tôi cho rằng đó chỉ là một cách nói cho có vần với ý nghĩa đề cao sự trung thực, nhưng dù sao nó cũng thể hiện sức ảnh hưởng nhất định của đạo Phật trong tâm thức dân gian. Đối với quan niệm về chữ *"duyên"*, giáo lý nhà Phật cho rằng vạn vật trên thế giới hiện tượng này đều hình thành và vận động trên nguyên tắc *"muôn trùng duyên khởi"*, nghĩa là các nhân duyên dày đặc sắp xếp cho mọi thứ diễn ra theo đúng nhân - quả của nó. Đạo Phật xem trọng nhân duyên. Phật là bậc giác ngộ vĩ đại với đạo lực không thể nghĩ bàn và lòng từ bi rộng lớn sâu thẳm, nhưng Phật cũng có *"tam bất năng"*:

1. Bất năng tức diệt định nghiệp. *(Không thể ngay lập tức diệt được định nghiệp)*
2. Bất năng hóa độ vô duyên chúng sanh. *(Không thể hóa độ chúng sanh không có duyên với Phật)*
3. Bất năng độ tận chúng sanh giới. *(Dù Phật có thể độ vô số chúng sanh nhưng cũng không thể độ tận hết toàn bộ thế giới chúng sanh)* Trong tục ngữ người Việt cũng nhắc đến yếu tố nhân duyên hóa độ chúng sanh này: *"Phật thường độ hữu duyên"*.

Bên cạnh đó, điều quan trọng đối với một nhà sư đi hoằng pháp là khả năng thích nghi linh hoạt để giáo hóa chúng sinh. Cái hành xử rất "duyên" của một vị *"sứ giả Như Lai"* chính là vậy: *"Đáo xứ tùy duyên"*.

Nhưng một điều cần lưu ý, rằng cái *"tùy duyên"* của đạo Phật là *"tùy duyên bất biến"* chứ không phải nhu nhược để chúng sinh sai sử rồi đánh mất sơ tâm và ý nguyện ban

Ảnh: **Phùng Hoàng Anh**

đầu của mình, tùy duyên đến nỗi đánh mất chính mình và hòa tan hoàn toàn thì không phải cái *"tùy duyên"* sáng suốt và có trí tuệ trong nhà Phật.

Về quan niệm Phật - ma, dấu ấn của hai hình ảnh đối lập này thể hiện trong một số câu tục ngữ như: *"Phật không thèm ăn mày ma"* thường được dùng với ý chỉ người cao sang không cần cạnh người hèn kém. Hoặc: *"Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy"* dùng để chỉ khả năng thích nghi linh hoạt đối với từng đối tượng hoặc hoàn cảnh, nhưng đồng thời cũng chỉ ra 2 hình ảnh cho 2 mặt đối lập: thánh thiện - quỷ quyệt, thiện - ác, tốt - xấu. Hình ảnh đạo Phật nói chung và Đức Phật nói riêng đã trở thành biểu tượng của cái thiện và cái tuệ toàn bích trong văn hóa Việt Nam. Bên cạnh đó, câu tục ngữ: *"Đạo cao năm thước thì ma cao một trượng"* có điểm tương đồng rất lớn với câu nói: *"Phật cao một thước, ma cao một trượng"* trong nhà Phật nhằm cảnh báo rằng những vọng tưởng xấu ác, nghiệp lực sâu dày, các thế lực nội ma, ngoại ma thường xuyên quấy phá người tu hành để cản trở họ trên bước đường tìm đến sự giác ngộ.

Quan điểm này được biến thể trong câu tục ngữ *"đạo cao năm thước thì ma cao một trượng"* với ý chỉ những điều xấu xa thường có khuynh hướng lấn át những giá trị đạo đức tốt đẹp. Về vấn đề tu hành, ông bà ta xưa có câu:

Lênh đênh qua cửa Thần Phù,
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm.

Thần Phù là cửa biển thuộc Thanh Hóa, thuyền bè qua lại nơi đây thường xuyên gặp nguy hiểm. Do vậy mới có quan niệm rằng đến cửa này những ai *"khéo tu"* thì sẽ thoát được, còn *"vụng tu"* thì sẽ gặp nạn. Dưới góc nhìn Phật giáo, khéo tu hay vụng tu chính là ở vấn đề nhân quả phước báu. Những người từng làm việc thiện lành trong kiếp này hoặc các kiếp trước, tức đã sẵn có một phước báu nhất định hoặc được chư Thiên, thần thánh phù trợ để vượt qua được những hiểm nạn, họ luôn có lợi thế hơn những người không có hoặc có rất ít phước báu. Câu tục ngữ này nêu lên một nhận định về cửa biển Thần Phù đầy nguy hiểm, nhưng đồng thời cũng phản ánh dấu ấn Phật giáo trong suy nghĩ của người dân Việt Nam.

Bên cạnh đó, khi quan niệm về chuyện tu hành, dân gian cũng cho rằng: *"Dữ tu hành hơn lành kẻ cướp"*. Điều này có nghĩa là người tu hành tuy hung dữ nhưng vẫn hơn một kẻ cướp hiền lành. Theo quan niệm Phật giáo, khi đã gieo một hạt giống bất kỳ thì nó chắc chắn sẽ trổ quả, nhưng quả như thế nào còn tùy vào điều kiện nhân duyên. Người đã phát nguyện đi tu nhưng còn lưu giữ những tập khí xấu đã có từ trước, nhưng họ cũng đã kịp gieo một hạt giống lành vào trong tâm thức và làm chuyển nghiệp của chính mình. Trong quá trình tu hành họ sẽ có sự chỉnh sửa dần dần để tự hoàn thiện mình. Điều đó sẽ tốt hơn là làm một kẻ cướp, tuy tâm tính hiền lành nhưng nghiệp trộm cướp - lấy của không cho lại rất xấu, chắc chắn sẽ dẫn đến quả báo không tốt, có thể đọa lạc.

3. LỜI KẾT

Dấu ấn Phật giáo trong ca dao - tục ngữ người Việt phản ánh sự gắn bó mật thiết giữa đạo Phật và văn hóa bản địa. Qua bộ lọc văn hóa dân gian, những giáo lý kinh điển của nhà Phật như thuyết nhân quả, luân hồi, quan niệm về chữ tâm, chữ duyên, về hạnh phúc - khổ đau cùng tinh thần từ bi vô ngã đã được truyền bá sâu rộng trong nhân dân theo một phong cách thích hợp và dễ thẩm thấu đối với đại đa số người bình dân Việt Nam.

Đó là cái *"đáo xứ tùy duyên"* mềm mỏng, linh hoạt, là sự uyển chuyển đầy từ tâm trong sứ mệnh hoằng pháp lợi sinh của đạo Phật. Tuy tùy duyên nhưng là bất biến, những bài học thấm đẫm tinh thần Phật pháp vừa trở nên dễ hiểu dễ nhớ lại vừa giữ vững được bản chất trí tuệ của đạo khi nhìn nhận cuộc sống vô thường *"hữu thịnh hữu suy"*, nỗi khổ của kiếp nhân sinh *"hữu thân hữu khổ"* cùng quan niệm nhân quả *"ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ"*.

Hạt giống trí huệ sáng suốt và lòng từ bi vô tận của đạo Phật khi du nhập vào Việt Nam đã gặp gỡ mảnh đất thuần hậu khoan dung trong tiếp biến văn hóa của nhân dân, hấp thụ tinh hoa ở đó để nảy mầm thành một cây xanh văn hóa Phật giáo mang đậm phong cách Việt Nam, cắm gốc rễ sâu dày và phát triển bền vững theo thời gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Cừ, Tục ngữ Việt Nam, Nxb. Văn học, HN, 2008.

2. Nguyễn Xuân Kính (chủ biên) - Nguyễn Thúy Loan - Phan Lan Hương - Nguyễn Luân, Kho tàng tục ngữ người Việt - tập 1 và tập 2, Nxb. Văn hóa Thông tin, HN, 2012.

3. Nguyễn Xuân Kính (chủ biên) - Nguyễn Thúy Loan - Phan Lan Hương - Nguyễn Luân, Kho tàng ca dao người Việt - tập 1 và tập 2, Nxb. Văn hóa Thông tin, HN, 2012.

Ảnh: Diệu Âm

và bốc thuốc cho bệnh nhân

TỪ THIỆN XÃ HỘI TÔN GIÁO
NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

● **Nguyễn Thị Minh Ngọc**
Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
Hoà thượng **Thích Gia Quang**
Phó Chủ tịch HĐTS - GHPGVN

TÓM TẮT

Từ thiện là một hoạt động được các tôn giáo đề cao trong những năm gần đây. Có thể thấy, đây là hoạt động không thể thiếu của mọi tôn giáo. Hoạt động từ thiện xã hội của tôn giáo rất đa dạng với nhiều loại hình và cấp độ khác nhau. Thực tế là hoạt động từ thiện xã hội của tôn giáo ở góc độ nhất định đã góp phần chia sẻ gánh nặng giải quyết vấn đề xã hội với Nhà nước. Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực, hoạt động từ thiện xã hội của tôn giáo hiện vẫn còn nhiều bất cập. Vậy làm thế nào để hoạt động này có thể phát huy hết những yếu tố tích cực của nó, đóng góp được nhiều hơn cho xã hội? Để làm được điều đó cần sự hỗ trợ của các cấp chính quyền và cần có hành lang pháp lý phù hợp. Bài viết này bên cạnh điểm xuyết vài nét về thực trạng hoạt động từ thiện xã hội của các tôn giáo tại Việt nam hiện nay, chúng tôi muốn được đề cập tới những vấn đề đặt ra cho công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động này.

I. VÀI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN XÃ HỘI CỦA CÁC TÔN GIÁO TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

Những năm gần đây, đời sống xã hội có nhiều chuyển biến nên các tôn giáo có nhiều thay đổi để phù hợp thực tiễn, bộc lộ rõ xu hướng thế tục hoá hướng vào phục vụ đời. Xu hướng thế tục hoá hay là nhập thế đang diễn ra mạnh mẽ không chỉ trong các tôn giáo tại Việt Nam mà trên khắp thế giới. Ở Việt Nam xu thế này đã diễn ra từ lâu song chỉ bộc lộ rõ trong những năm gần đây đặc biệt là qua hoạt động từ thiện xã hội. Hiện các tôn giáo nói chung được Đảng- Nhà nước tạo điều kiện hoạt động thuận lợi. Nhiều chính sách được Đảng- Nhà nước ban hành nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của người dân như Nghị quyết Hội nghị lần thứ VII của Ban chấp hành trung ương Đảng khoá IX, Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo ban hành năm 2004. Trong bối cảnh đó các hoạt động từ thiện xã hội của các tổ chức, cá nhân tôn giáo làm đời sống tôn giáo càng trở nên sôi động. Những năm qua, hoạt động từ thiện xã hội của các tôn giáo được thực hiện chủ yếu theo hai hình thức: hoạt động thường xuyên và hoạt động không thường xuyên.

1.1. Các tổ chức từ thiện tôn giáo

1.1.1. Hệ thống khám chữa bệnh (bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám)

Phật giáo có hệ thống Tuệ Tĩnh đường. Kế thừa và phát huy truyền thống của Đại lương y Thiền sư Tuệ Tĩnh, thực hiện chủ trương của Trung ương GHPG Việt Nam, hệ thống Tuệ Tĩnh Đường được thành lập khắp cả nước nhằm *"phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật"*. Tuệ Tĩnh Đường khám chữa bệnh miễn phí cho đồng bào bằng phương pháp y học dân tộc và y học hiện đại.

Theo số liệu của Ban Từ thiện Xã hội Trung ương GHPGVN, nhiệm kỳ III của Giáo hội, toàn quốc có 25 Tuệ Tĩnh đường, 655 phòng thuốc chẩn trị y học dân tộc hoạt động có hiệu quả đã khám và phát thuốc trị giá trên 9 tỷ đồng. Nổi bật nhất là lớp học Y học cổ truyền của Thành hội Phật giáo TP. Hà Nội, các Tuệ Tĩnh đường chùa Pháp Hoa, Tịnh xá Trung Tâm TP Hồ Chí Minh, chùa Diệu Đế - Thừa Thiên Huế, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Cà Mau, Pháp Hoa - Đồng Nai, Bình Dương, Vĩnh Long, Long An, Tiền Giang, Ninh Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu, Quảng Nam, Đà Nẵng... . Nhiệm kỳ IV, toàn quốc có 126 Tuệ Tĩnh đường, 115 phòng thuốc chẩn trị y học đã khám, chữa bệnh và phát thuốc với tổng trị giá trên 9 tỷ đồng. Nhiệm kỳ V, trên toàn quốc, số lượng Tuệ Tĩnh đường và các phòng thuốc không thay đổi nhưng tổng trị giá khám, chữa bệnh và phát thuốc lên tới 35 tỷ đồng. Trong đó, hệ thống Tuệ Tĩnh đường tỉnh Đồng Nai đạt 11.921.956.000 đồng; TP Hồ Chí Minh đạt trên 6 tỷ đồng, Thừa Thiên - Huế đạt 3.852.337.920 đồng. Phòng khám chữa bệnh đa phần là phòng khám đông y. Một số là phòng khám đông tây y kết hợp.

Ban Từ thiện Xã hội Trung ương thuộc GHPGVN đã đào tạo 250 Tăng Ni có trình độ Sơ cấp y tế và 98 Lương y Tuệ Tĩnh đường để tăng cường hiệu quả hoạt động về y tế nhằm chia sẻ gánh nặng cho xã hội và nhân dân trên tinh thần từ bi, trí tuệ của đạo Phật.

Hoạt động y tế qua hệ thống các phòng thuốc nam phước thiện của Tịnh Độ cư sĩ Phật hội Việt Nam (TĐCSPGVN) là hoạt động quan trọng nhất và cũng là hoạt động từ thiện xã hội chủ yếu của tôn giáo này. Trong tình hình kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, hệ thống phòng thuốc nam phước thiện của TĐCSPGVN đã góp phần chia sẻ gánh nặng về khám chữa bệnh cho xã hội và Nhà nước. Các phòng thuốc nam phước thiện của TĐCSPHVN ngày càng được bà con tín nhiệm hơn.

Hoạt động thuốc nam của TĐCSPHVN bắt nguồn từ quan niệm: tu hành chân chính, muốn thành chánh quả phải có Phước túc – Huệ túc, phải tịnh đủ tam nghiệp, ý tu, ý hành thì ý tịnh; khẩu tu khẩu hành thì khẩu tịnh; thân tu thân hành thì thân tịnh. Con người có hai phần quan trọng như nhau là Tâm và Thân, cho nên đối với người bệnh, trước hết không phải đem Phật pháp đến với họ, mà phải đem đến cho họ những phương thuốc thần diệu của một nền y đạo thật sự để xoa bớt nỗi đau thể xác, loại trừ căn bệnh rồi dần dần hướng họ tu hành theo Phật pháp.

Với tôn chỉ Phước huệ song tu, người Tịnh độ *"tu phước"* chủ yếu là dùng y đạo *(nam dược)* để chữa bệnh cho người, là kết quả của điều lành, những việc phước thiện, giúp đỡ người đời bớt khổ thêm vui. Như thế là thực hiện đúng hướng chủ nghĩa từ bi của đức Phật, mục đích là đưa con người trở về gốc lành của bản tánh, góp phần xương minh và phát triển nền y học cổ truyền Việt Nam. Phương tiện tu phước chủ yếu là các phòng thuốc nam phước thiện bên cạnh nơi thờ tự và tu học.

Từ Cà Mau đến Nha Trang, hiện TĐCSPHVN có 206 hội quán và cũng là 206 phòng thuốc nam phước thiện. Để các phòng thuốc nam hoạt động hiệu quả và đạt chất lượng tốt, TĐCSPHVN luôn quan tâm tới việc đào tạo các y bác sĩ có trình độ. Giáo hội hiện có 3 trung tâm đào tạo nhân lực cho các phòng thuốc nam tại TP Hồ Chí Minh, Long An và Cà Mau. Giáo hội luôn động viên các em y sĩ y sinh nên trau dồi thêm văn hóa, thi vào các trường trung cấp y dược các tỉnh để sau này có đủ điều kiện xin mở phòng thuốc cho giáo hội theo điều kiện của Bộ, Sở Y tế.

Theo báo cáo của Ủy ban Bác ái xã hội - Caritas Việt Nam, hiện Công giáo có 100 trạm xá, phòng phát thuốc, bệnh viện. 25 cơ sở cho người mắc bệnh phong .

1.1.2. Hệ thống nhà dưỡng lão

Chăm lo cho người già đặc biệt là những người già cô đơn không nơi nương tựa là một trong những hoạt động từ thiện xã hội quan trọng của các Giáo hội. Đây là một vấn đề nhức nhối trong các xã hội hiện đại khi tuổi thọ trung bình ngày càng được nâng cao. Nhiều nước trên thế giới, hệ thống nhà dưỡng lão của Nhà nước và tư nhân rất phát triển đáp ứng nhu cầu thời đại. Ở Việt Nam hệ thống các nhà dưỡng lão gần như không phát huy được vai trò của mình đáp ứng nhu cầu người già. Trước nhu cầu xã hội ngày một tăng cao, hệ thống nhà dưỡng lão của các tôn giáo đã kịp thời đáp ứng yêu cầu xã hội. Hệ thống này đã góp phần giảm bớt gánh nặng xã hội cho Nhà nước.

Về Phật giáo, hiện toàn quốc có trên 20 cơ sở nhà dưỡng lão, nuôi dưỡng trên 1.000 cụ già. Tại TP Hồ Chí Minh có các nhà dưỡng lão thuộc các chùa Pháp Quang,

Pháp Lâm, quận 8; Kỳ Quang 2, quận Gò Vấp; Diệu Pháp, quận Bình Thạnh; Hoằng Pháp huyện Hóc Môn... nuôi dưỡng trên 500 cụ. Thừa Thiên - Huế có nhà dưỡng lão Tịnh Đức (60 cụ); Diệu Viên (25 cụ)... Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi và người cao tuổi cô đơn Bồ Đề tỉnh Bình Dương vừa thành lập và đang đi vào hoạt động. Một số chùa tuy không thành lập nhà dưỡng lão nhưng vẫn đón nhận, chăm sóc các cụ già có nhu cầu nương thân cửa Phật như chùa Bồ Đề, Gia Lâm, Hà Nội. Công giáo hiện có 149 nhà cho người khuyết tật, cô nhi, dưỡng lão.

1.1.3. Cơ sở dạy nghề:

Để có cuộc sống ổn định về vật chất, một số tôn giáo đã có chỉ đạo tổ chức các lớp đạo tào nghề.

Về Phật giáo, BTS Tỉnh, Thành hội đã tổ chức nhiều trường, lớp dạy nghề miễn phí cho con em GĐPT, gia đình lao động nghèo, người khuyết tật. Hiện có khoảng 10 trường dạy nghề trên toàn quốc gồm các nghề may, điện gia dụng, tin học, sửa xe, cắt tóc... Tiêu biểu, cơ sở tại chùa Tây Linh, Huế do Ni sư Thích Nữ Như Minh đảm trách và cơ sở tại chùa Long Thọ, Huế do Ni sư Thích Nữ Minh Tánh đảm trách. Mỗi năm có hai khoá học, mỗi khoá học 6 tháng. Mỗi khoá có từ 130-160 em. Tính từ ngày thành lập đến nay, hai cơ sở này đã có gần 1.000 em theo học với các nghề thêu, đan, may, vi tính văn phòng. Sau khi tốt nghiệp, tuỳ theo nghề các em được giới thiệu làm việc tại các công ty may ở thành phố Hồ Chí Minh, dệt Thuỷ Dương, xí nghiệp thêu ở Huế hoặc nhận hàng làm gia công tại nhà.

Tại chùa Kỳ Quang II, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, cơ sở từ thiện xã hội chùa Kỳ Quang có hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề. Theo báo cáo tổng kết năm 2008, ngày 27/6/2008, cơ sở đã tổ chức lễ tốt nghiệp khóa III (2006 -2008) lớp dạy nghề massage - bấm huyệt theo kỹ thuật Nhật Bản cho các học viên khiếm thị. Trong dịp hè, cơ sở kết hợp với Viện Y Dược học tổ chức lớp dạy massage bấm huyệt sơ cấp cho các em khiếm thị. Đây là khóa học thứ 6 mà cơ sở đã tổ chức cho các em. Số lượng học viên đăng ký tham gia học tập là 60 em, bao gồm các học viên tại cơ sở và một số học viên ở các tỉnh thành lân cận.

Công giáo hiện có 39 trung tâm dạy nghề.

1.1.4. Các lớp mẫu giáo, lớp học tình thương:

Lớp mẫu giáo tình thương góp phần chung tay giải quyết gánh nặng xã hội cho nhà nước trong việc đào tạo, giáo dục thế hệ trẻ. Hiện các cơ sở của Nhà nước đứng trước thực trạng chưa đáp ứng đủ nhu cầu xã hội. Một bộ phận người nghèo, trẻ mồ côi nhờ những lớp học này được cấp sách đến trường. Đây cũng là một hình thức áp dụng giáo lý tôn giáo vào giải quyết vấn đề xã hội.

Về Phật giáo, thống kê chưa được chính xác nhưng tính đến năm 1997, cả nước có 196 lớp học tình thương, 116 cơ sở nuôi trẻ mẫu giáo bán trú, trẻ mồ côi và khuyết tật với trên 6 000 em. Đến năm 2002, số lớp học tình thương đã tăng lên 1.500 lớp. Cả nước hiện có trên 1.000 lớp học tình thương với trên 20 000 em. Tuy nhiên, lực lượng giáo viên chuyên môn do Tăng Ni, Phật tử đảm trách còn hạn chế. Ban Từ thiện Xã hội Trung ương GHPGVN đã tổ chức khóa bồi dưỡng nuôi dạy trẻ cho 92 Tăng Ni, phật tử học viên.

Trong tình hình đời sống kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, các gia đình nghèo có con em đến độ tuổi đến trường nhưng không đủ kinh phí cho các em theo học tại các trường công lập và tư thục thì các lớp học tình thương là sự lựa chọn phù hợp của các bậc phụ huynh. Chùa Kỳ Quang II, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh là một địa chỉ nhiều năm nay tổ chức các lớp học tình thương cho các cháu. Trong năm 2008-2009 chùa tiếp tục duy trì hoạt động và mở được 06 lớp học cấp I với tổng số 119 học sinh.

Trên địa bàn toàn tỉnh Thừa Thiên - Huế có 212 lớp, gồm 6.107 cháu đang theo học với 336 giáo viên và 74 nhân viên đảm trách trong đó có 155 lớp gồm 4.422 cháu bán trú. Ở TP Huế có một số trường có cơ sở trường lớp khang trang, bề thế như trường mầm non Quảng Tế, trường mầm non Phước Vân, trường mầm non Hồng Đức, trường mầm non Diệu Đế, trường mầm non Ngự Bình, trường mầm non Phò Quang, trường mầm non Diệu Nghiêm. Trong số này, có các trường được Phòng Giáo dục, UBND thành phố Huế khen thưởng *"Trường tiên tiến"* như trường mầm non Quảng Tế, trường mầm non Phước Vân.

Công giáo 1025 nhà trẻ, mẫu giáo, lớp học tình thương và 7 trường cấp I *(giáo phận Long Xuyên)* do các tu sĩ phụ trách. So với 2008, tăng thêm 164 cơ sở. Đặc biệt ở giáo phận Bùi Chu có 150 trung tâm đào tạo Văn hóa, Thái Bình có 60, Ban Mê Thuột có 4, Hà Nội có 2, Bắc Ninh có 1, Hưng Hóa có 1, Đà Nẵng có 1, TP Hồ Chí Minh có 1, Đà Lạt có 1, và Long Xuyên có 1.

1.1.5. Trung tâm tư vấn, nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS

Với tinh thần nhập thế, Phật giáo tham gia giải quyết nhiều vấn đề xã hội. Góp phần cùng toàn nhân loại ngăn chặn bệnh dịch thế kỷ HIV/AIDS và xoa dịu nỗi đau của những người không may bị nhiễm căn bệnh thế kỷ này, PGVN thành lập nhiều cơ sở nuôi người nhiễm HIV/AIDS cũng như thành lập các trung tâm tư vấn HIV/AIDS.

Tại Hà Nội, chùa Pháp Vân, quận Hoàng Mai, chùa Bồ Đề, quận Gia Lâm là những trung tâm nuôi dưỡng chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS. Trung tâm tư vấn HIV Hương sen của ĐĐ Thích Thanh Huân chùa Pháp Vân, quận Hoàng Mai là một trong những trung tâm tư vấn và nuôi dưỡng người nhiễm HIV sớm nhất tại các chùa. Chùa Bồ Đề, Gia Lâm, Hà Nội, do sư Thích Đàm Lan, hiện là nơi nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu nhỏ bị nhiễm HIV/AIDS.

Học viện PGVN tại TP. Hồ Chí Minh là một trong những địa chỉ trung tâm tư vấn HIV/AIDS có nhiều nội dung hoạt động với hiệu quả cao. Đây là mô hình của một trung tâm tư vấn HIV/AIDS có nguồn tài trợ từ nước ngoài. Hoạt động chính của Trung tâm là tư vấn đối với người nhiễm HIV/AIDS và cộng đồng để giúp người bị nhiễm bệnh hiểu được căn bệnh của mình giúp họ hòa nhập cộng đồng. Về phía cộng đồng, hoạt động tư vấn truyền thông của Trung tâm nhằm chống lại sự kỳ thị đối với người bị nhiễm HIV/AIDS của các thành viên trong cộng đồng.

1.2. Các hoạt động cứu trợ khác

Bằng tinh thần từ bi cứu khổ của đạo Phật, BTS các Tỉnh, Thành hội Phật giáo và Tăng Ni Phật tử các nước dưới sự chỉ đạo của Giáo hội đã nỗ lực vận động tài chính, vật phẩm cứu trợ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ xây dựng nhà

tình nghĩa, ủng hộ nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, trợ cấp học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, xây dựng đường xá, bắc cầu; hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa như mở trường học, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ các chiến sĩ biên phòng, hải đảo, thăm hỏi và động viên hỗ trợ các thương binh, bệnh binh, bệnh nhân nghèo khó tại các bệnh viện, trại phong, trại tâm thần, nhà dưỡng lão, ủng hộ quỹ bảo thọ, trợ cấp học bổng cho các học sinh, sinh viên nghèo hiếu học. Theo TT Thích Quảng Tùng, Trưởng ban Từ thiện Xã hội Trung ương, "qua 27 năm, công tác từ thiện của Giáo hội đã thực hiện hơn 950 tỷ đồng, riêng năm 2006 xây 295 nhà đại đoàn kết, tặng 24.500kg gạo, mổ mắt 8.400 ca, xây 15 cầu, tặng 254 xe lăn, 57 xe lắc cho người tàn tật, đào 163 giếng nước... với tổng giá trị là 141 tỷ 640 triệu đồng."

Công giáo, từ 10/2009 - 10/2010 đã thực hiện các hoạt động cứu trợ sau: Hoạt động được dành nhiều kinh phí nhất là hoạt động dành cho các nạn nhân thiên tai. Tổng số tiền 13.174.936.015đ. Hoạt động trợ giúp những người khuyết tật tổng số tiền: 319.960.018đ; hoạt động cho trương trình HIV/AIDS: 1.729.049.710đ; hoạt động giáo dục và đào tạo để trợ giúp cho các học sinh, sinh viên nghèo, các bà mẹ đơn thân và người nghèo trong trường hợp khẩn cấp: 3.927.217.792đ

II. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KIẾN NGHỊ

Trên phương diện tôn giáo, các hoạt động từ thiện xã hội của các tôn giáo phù hợp với giáo lý của tôn giáo. Với Phật giáo - đạo Phật là đạo của từ bi, luôn đem lại niềm vui và cứu vớt khổ đau cho chúng sanh, do đó tôn giáo luôn vận dụng Đạo pháp để phục vụ Dân tộc, phục vụ nhân sinh. Trên tinh thần đó, xưa đến nay các tôn giáo đã tham gia vào các công tác từ thiện xã hội một cách thiết thực thể hiện tinh thần đạo pháp và dân tộc. Tuy nhiên xét ở một bình diện khác về mặt xã hội, các hoạt động từ thiện xã hội của các tôn giáo có ảnh hưởng rất đáng kể trong đời sống xã hội, do đó các hoạt động đó không thể không bị điều chỉnh bởi pháp luật và sự quản lý của các ngành chức năng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước như Giáo dục, Y tế, Lao động Thương binh xã hội... Ở đây, theo đánh giá của các ngành chức năng và dư luận xã hội, các hoạt động từ thiện xã hội của tôn giáo có nhiều mặt tích cực. Đối với y tế: hệ thống phòng khám chữa bệnh của các tôn giáo như Tuệ Tĩnh Đường Phật giáo, phòng thuốc nam phước thiện của Tịnh Độ cư sĩ phật hội Việt Nam, hệ thống các phòng khám chữa bệnh Kito giáo đã góp phần tăng cường lực lượng y tế địa phương để chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ cho người dân trên địa bàn; các cơ sở đã góp phần làm giảm bớt gánh nặng cho y tế Nhà nước trong nhu cầu chăm sóc sức khoẻ người dân ngày càng cao, đặc biệt đối với những đối tượng dân nghèo, những trẻ em bị khuyết tật *(bại não, bại liệt, chậm phát triển tinh thần)* cần phục hồi chức năng và những người nhiễm HIV/AIDS cần chăm sóc tư vấn.

Hàng năm bình quân các cơ sở đã khám được hàng chục ngàn người, phục hồi chức năng cho hàng chục trẻ bị khuyết tật...với chi phí cho điều trị miễn phí hàng trăm triệu đồng *(kể cả nội viện và ngoại viện)*. Các hoạt động ngoại viện tại các vùng nghèo khó, vùng sâu, vùng xa đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế để phát hiện sớm các bệnh tật, giảm dần sự quá tải trong các cơ sở y tế Nhà nước. Qua các hoạt động khám chữa bệnh nhân đạo, các cơ sở ngày càng tạo nên sự gắn bó giữa người thầy thuốc với cộng đồng, giữa đạo lý với đạo đời vừa mang ý nghĩa nhân văn, vừa mang tính xã hội hoá cao về công tác y tế thông qua sự huy động các nguồn lực đóng góp cho công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ của người dân trên địa bàn tỉnh.

Đối với giáo dục: trong điều kiện hiện nay khi việc đầu tư kinh phí của Nhà nước để xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị và trả lương cho đội ngũ giáo viên đối với ngành học mầm non còn hạn chế, việc thực hiện công tác xã hội hoá đối với ngành học mầm non trong đó có sự tham gia của các tôn giáo là một việc làm hết sức cần thiết và có ý nghĩa trong việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp trường lớp và bổ sung các trang thiết bị nhằm phục vụ tốt cho việc chăm sóc và giáo dục các cháu. Việc các tôn giáo mở các lớp mầm non đặc biệt là mở ở những vùng sâu, vùng xa, vùng có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn đã góp phần giải quyết về số lượng các cháu được đến trường mầm non, đáp ứng nhu cầu của phụ huynh, tăng tỷ lệ cháu mầm non ra lớp.

Đối với các cơ sở bảo trợ xã hội và cơ sở dạy nghề: tại các cơ sở bảo trợ xã hội, các cháu được nuôi dưỡng tốt, nguồn kinh phí nuôi dưỡng các cháu của các cơ sở khá ổn định, mức nuôi dưỡng các cháu bằng hoặc cao hơn mức ở các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước, có cơ sở còn có khả năng tự mua, cấp bảo hiểm y tế cho các cháu đang đi học. Nhìn chung, các cơ sở bảo trợ xã hội của các tôn giáo thành lập đều hoạt động khá tốt, các cháu được nuôi dưỡng trong môi trường lành mạnh về vật chất cũng như tinh thần, có nhiều cháu đã trưởng thành trở thành công dân tốt, hoà nhập cộng đồng. Các cơ sở dạy nghề *(may dân dụng và công nghiệp, tin học, thêu ren...)* do tôn giáo mở đã thu hút một số lượng đông đảo các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn tham gia học. Trong đó, có nhiều học viên sau khi học nghề xong đã trở thành những tay nghề xuất sắc, làm ra được những sản phẩm có giá trị. Có thể nói các cơ sở bảo trợ xã hội và cơ sở dạy nghề do tôn giáo mở đã góp phần cùng với Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề an sinh xã hội và đặc biệt góp phần giảm chi ngân sách Nhà nước.

Tóm lại, công tác từ thiện xã hội của các tôn giáo qua các mặt hoạt động như giáo dục, y tế, chăm sóc người già, trẻ em, mở trường dạy nghề, cứu tế an sinh đã có những tác dụng tích cực và hiệu quả rất lớn trong xã hội. Các hoạt động này là một sự đóng góp cho xã hội đồng thời là một sự hưởng ứng thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xoá đói giảm nghèo, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xã hội hoá giáo dục, y tế. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, trong góc độ quản lý Nhà nước của các ngành chức năng, hoạt động từ thiện xã hội của tôn giáo vẫn còn những mặt tồn tại . Đối với các cơ sở khám chữa bệnh: một số cơ sở trong quá trình hoạt động chưa thực hiện tốt các qui định chuyên môn trong công tác khống chế nhiễm khuẩn, sử dụng thuốc an toàn

và báo cáo hoạt động định kỳ; nguồn thuốc để phục vụ cấp phát thuốc điều trị miễn phí của các cơ sở phần lớn do các tổ chức nhân đạo nước ngoài và thân nhân ở trong nước gửi về từ nhiều nguồn gốc khác nhau, cho nên có một số thuốc không đảm bảo chất lượng thuốc *(hạn dùng)* và không đúng qui chế về dược; trong công tác khám chữa bệnh ngoại viện nhất là khi có các đoàn nhân đạo nước ngoài đến khám chữa bệnh ở các vùng sâu, vùng xa, các cơ sở chưa có sự phối hợp chặt chẽ với Chính quyền, các ban ngành địa phương để thực hiện nhằm đảm bảo về mặt an ninh. Đối với các trường lớp mầm non: cơ sở vật chất của một số trường chưa đảm bảo đúng qui chế mà ngành qui định, một số trường nhận số lượng cháu quá qui định so với điều lệ trường mầm non; một số nơi, đội ngũ từ chủ trường, hiệu trưởng đến giáo viên chưa đạt yêu cầu theo qui chế. Đối với các cơ sở dạy nghề: còn phân tán, nhỏ bé về qui mô, nghèo nàn về cơ sở vật chất, trang thiết bị chủ yếu là đào tạo các ngành nghề ngắn hạn, đào tạo các ngành nghề giản đơn; chất lượng giáo viên hạn chế về trình độ kĩ thuật nghiệp vụ và sư phạm. Nhìn chung các cơ sở đào tạo nghề của tôn giáo chưa có khả năng đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề để đủ sức cạnh tranh trên thị trường lao động.

Hoạt động từ thiện xã hội của các tôn giáo mặc dù còn những tồn tại song những mặt mạnh đối với các tôn giáo trong công tác từ thiện xã hội cần phải đáng lưu ý và ghi nhận: đối với tôn giáo, với trí tuệ, đạo tâm và đạo lực vốn có của các chức sắc tôn giáo, họ làm việc bằng tinh thần tự nguyện, nhiệt tình mong muốn đem lại niềm vui cho đồng bào hay nói cách khác chức sắc tôn giáo luôn đồng nguyện phụng sự sát cánh cùng đời sống nhân dân bằng tất cả tâm và lực vốn có của mình. Thứ hai các nhà chức sắc, nhà tu hành luôn nghiêm trì giới luật cũng như luôn tuân thủ pháp luật hiện hành của Nhà nước nên không có lòng tham cầu vụ lợi riêng tư, tất cả những gì quyên góp được từ các tổ chức từ thiện, các nhà hảo tâm và từ trong nhân dân quay trở lại phục vụ nhân dân theo phương châm *"xem như là cơ quan có chức năng trung chuyển, xin của người giàu có để chia sẻ với người nghèo khổ"*. Thứ ba do tôn giáo có ảnh hưởng rất lớn trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người dân nên các hoạt động từ thiện xã hội của tôn giáo được người dân đồng tình ủng hộ và tiếp đón nhiệt tình.

Với những thuận lợi có được của các tôn giáo, tin chắc rằng nếu có sự nhìn nhận đúng đắn từ phía Chính quyền các cấp, các ngành, các đoàn thể xã hội về các hoạt động từ thiện xã hội của tôn giáo, công tác từ thiện xã hội của tôn giáo sẽ được phát huy và đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội. Để kết thúc bài tham luận này, chúng tôi xin nêu lên một số kiến nghị và đề xuất như sau:

1.Đối với giáo hội:

Các Giáo hội tỉnh cần tổ chức tổng kết, đánh giá về công tác từ thiện xã hội của giáo hội trong vòng 10 năm trở lại đây, qua đó nêu lên những mặt làm được và những mặt chưa làm được. Theo đó, trong phương hướng hoạt động, giáo hội cần xem xét và chấn chỉnh lại các mặt về công tác lãnh đạo - tổ chức thực hiện, nội dung hoạt động từ thiện xã hội, cụ thể:

- Việc tiếp nhận các nguồn tiền, hàng do các cá nhân, tổ chức tài trợ không nên để bị phân tán mà cần tập trung về một đầu mối.

- Những chương trình từ thiện xã hội như cứu tế an sinh tuy là cần thiết nhưng không nên đầu tư quá nhiều kinh phí cho chương trình mà nên chăng cần có những dự án có tính khoa học hơn, tập trung hơn, mang tính dài hơi hơn như dự án giúp dân xây dựng cầu đường, giếng nước, trường trạm, nhà cửa cho người nghèo sẽ thiết thực và ý nghĩa lớn lao hơn, để lại được nhiều dấu ấn hơn.

- Đối với các hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, đề nghị các cơ sở từ thiện xã hội của giáo hội thường xuyên tranh thủ sự chỉ đạo của các ngành chức năng *(Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Lao động Thương binh và Xã hội...)* để được hướng dẫn và giúp đỡ về mặt chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội theo đúng qui định của pháp luật.

2. Đối với Đảng và Nhà nước:

+ Tiếp tục nghiên cứu để có sự đổi mới hơn nữa các chủ trương, chính sách của Đảng đối với các hoạt động từ thiện xã hội của các tôn giáo đặc biệt là chủ trương xã hội hóa giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội. Theo đó, việc thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo, cần cho phép các tổ chức, cá nhân tôn giáo thành lập bệnh viện, trạm xá, trường học, nhà nghỉ...

+ Nhà nước thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về vấn đề từ thiện xã hội của các tôn giáo thành những văn bản qui phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho các cá nhân, tổ chức tôn giáo được hoạt động thuận lợi trong lĩnh vực từ thiện xã hội.

+ Đối với Chính quyền và các ban ngành chức năng ở địa phương:

- Tổ chức thăm hỏi, động viên, tặng quà cho các cơ sở từ thiện xã hội của giáo hội nhân các ngày lễ lớn như Phật đản, Noen, Vu lan, Thành đạo và tết cổ truyền dân tộc.

- Các cơ quan thông tấn, báo chí ở địa phương và trung ương cần mở chuyên mục, đưa tin về các hoạt động từ thiện xã hội, gương người tốt, việc tốt của các cá nhân, tổ chức tôn giáo.

- Chính quyền địa phương giúp đỡ và hướng dẫn cho các chức sắc, cá nhân tôn giáo trong việc thực hiện các chương trình cứu tế an sinh.

- Những nơi nào tôn giáo có nhu cầu giao đất để xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác từ thiện xã hội, Nhà nước cần xem xét giao đất theo đúng trình tự và thủ tục qui định của pháp luật. Trong các yếu tố để xem xét, cần căn cứ tình hình thực tế của địa phương, nhu cầu của nhân dân trong các hoạt động giáo dục, y tế...

- Các ngành chức năng *(Giáo dục, Y tế, Lao động Thương binh Xã hội)* thường xuyên tăng cường công tác QLNN đối với các hoạt động từ thiện xã hội nhất là ở tại các cơ sở từ thiện xã hội của tôn giáo. Trong công tác quản lý cần có kế hoạch giúp đỡ và hướng dẫn các cơ sở này về các mặt: đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, y Bác sĩ; nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, chất lượng khám chữa bệnh, chất lượng đào tạo nghề tại các cơ sở dạy nghề; xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị.

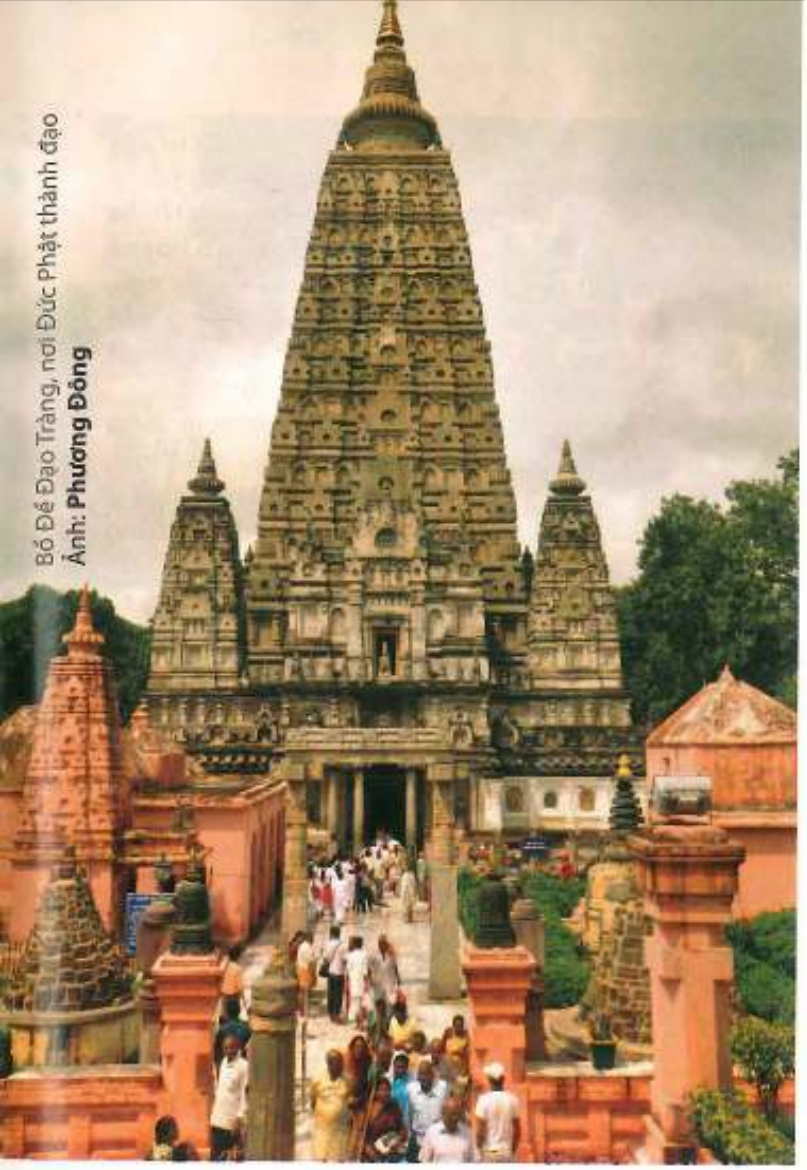

Bồ Đề Đạo Tràng, nơi Đức Phật thành đạo
Ảnh: **Phương Đông**

ĐỨC PHẬT THÀNH ĐẠO
Đem lại cuộc sống an lạc cho nhân loại

● Thượng toạ. **Thích Tâm Hoan**
Trụ trì Tổ đình Hồng Phúc Hòe Nhai - Hà Nội

Hàng năm cứ vào ngày 8 tháng 12 âm lịch, Tăng Ni và Phật tử Phật giáo Bắc truyền lại long trọng tổ chức đại lễ kỷ niệm ngày đức Phật Thích Ca Mâu Ni - Đấng Giáo chủ cõi Sa Bà thành đạo.

Cách đây hơn 2600 năm, trên thế gian này đã xuất hiện một bậc vĩ nhân giác ngộ toàn vẹn dưới cội cây Bồ Đề. Kỷ niệm ngày thành đạo, chúng ta cùng nhau tưởng nhớ lại sự kiện trọng đại này của Đức Bổn Sư.

Ngày đức Thế Tôn thành đạo mang lại niềm khích lệ vô lượng, vô biên cho Chư Thiên và loài người. Sự giác ngộ vẹn toàn của Đức Phật đã tạo một niềm tin trong sáng, vững chắc vào Tam Bảo cho Tăng Ni và phật tử, nó giúp cho chúng ta tự tin vào chính mình trong quá trình tu tập, hóa giải đau khổ, tìm đến con đường an lạc, giải thoát.

Đức Phật thành đạo cũng phải trải qua vô lượng a tăng tỳ kiếp, tinh tiến tu tập, hành Bồ Tát Đạo, diệt trừ nội ma, ngoại chướng. Nội ma chính là phiền não, khổ đau, kiến hoặc, tư hoặc; là nguyên nhân dẫn đến sinh tử luân hồi. Ngoại chướng chính là nói đến chướng duyên bên ngoài, đó là sự cám dỗ của ngũ dục thế gian. Tất cả những thứ đó được kết thúc sau 49 ngày thiền định dưới cây đại thụ Bồ Đề. Ngài đã thực sự giác ngộ, giải thoát hoàn toàn, không còn bị sinh tử luân hồi trói buộc, an nhiên tự tại trong mọi hoàn cảnh.

Sau khi chứng được quả vị Vô Thượng Bồ Đề, đức Phật đã quyết định chuyển vận bánh xe chính pháp. Trong suốt hơn 40 năm thuyết pháp độ sinh, đức Phật như một vị lương y đại tài, tùy theo căn cơ, trình độ của chúng sinh mà nói ra vô lượng các pháp môn tu. Pháp môn tuy nhiều nhưng không ngoài mục đích chuyển mê khai ngộ cho tất cả chúng sinh. Vì mê là gốc khổ, ngộ là gốc vui, chuyển mê khai ngộ là chuyển đổi tâm mê lầm thành tâm giác ngộ, đem lại cuộc sống an vui cho nhân loại.

Đức Phật đã cho chúng ta thấy rõ mê là gốc khổ, nó đã làm chu chúng sinh phải sống trong phiền não khổ đau, sinh tử luân hồi lục đạo, tự trói chặt thân ngũ uẩn giả tạm của mình bằng sợi dây vô minh tham ái. Vì thế trong kinh Bát Đại Nhân Giác, Đức Phật dạy rằng:

"Điều thứ hai phải nên giác ngộ
Ham muốn nhiều, lụy khổ càng sâu
Nhọc nhằn sinh tử bấy lâu
Đều do tham dục dẫn đầu gây nên".

Khổ đau chính là do chúng ta tự tạo ra thì cũng chính chúng ta phải nỗ lực tinh tiến tu tập để diệt trừ nó đi. Tự mình triệt phá vô minh tự mình dập tắt tâm tham dục, không ai có thể làm thay chúng ta được.

Trải qua nhiều kiếp hành Bồ Tát đạo cho đến khi thành Phật, Đức Thế Tôn luôn dùng tâm từ bi bình đẳng để giáo hóa chúng sinh, coi kẻ oán cũng như người thân; vượt qua mọi rào cản tâm thương ghét, tự tại trước nghịch cảnh và thuận duyên. Trong kinh Bát Đại Nhân Giác, đức Phật cũng dạy rằng:

"Lập nguyện lớn cầu vô thượng đạo
Hạnh kiên trì hoài bão độ sinh
Dù bao chướng ngại tu hành
Vẫn không lay chuyển hạnh lành từ bi"

Đức Phật khi thuyết pháp độ sinh không phải lúc nào cũng thuận duyên, có khi ngài cũng gặp những nghịch cảnh do lòng đố kỵ của ngoại đạo tà giáo, hay lòng ganh ghét của nội thân quyến thuộc gây ra: như chàng Vô Não, người anh họ Đề Bà Đạt Đa… Nhưng ngài vẫn sống với tâm chân thường, thanh tịnh, tự tại không hề giao động trước nghịch cảnh. Với tâm từ bi và trí tuệ sáng suốt, Ngài đã khéo léo chuyển hóa những nghịch cảnh thành thuận duyên, đưa chúng sinh trở về với chính pháp.

Thời đức Phật còn tại thế, có một hôm đức Phật cùng với Tăng đoàn đến thuyết pháp ở một làng ngoại đạo. Thay vì đón tiếp cung nghinh, họ kéo nhau ra xua đuổi chửi mắng đức Phật và Tăng đoàn. Trước hoàn cảnh đó, tâm ngài vẫn an nhiên bất động như vàng ròng gặp lửa vẫn giữ nguyên màu sắc. Thế mới biết:

"Chưa gặp lửa vàng thau một sắc
Gặp lửa rồi hai chất khác nhau
Vàng thì trước cũng như sau
Con thau thì lại sắc màu đổi thay"

Tâm Phật được ví như vàng, dù ở hoàn cảnh nào cũng không hề thay đổi màu sắc. Khác với tâm của chúng sinh là tâm vô thường, luôn thay đổi theo ngoại cảnh.

Trước những hành động vô lễ của ngoại đạo đối với đức Phật và Tăng đoàn như thế, ngài A nan không hài lòng, liền bạch với đức Phật nên đi làng khác giáo hóa. Đức Phật hỏi ngài A Nan: Nếu Như Lai và Tăng Đoàn đến làng khác, họ cũng có những hành động giống như thế thì đi đâu? Ngài A Nan bạch rằng: Thầy trò chúng ta lại đi nơi khác. Đức Phật mỉm cười nói với A Nan rằng: Không được. Như Lai thị hiện ra đời là để cứu khổ ban vui cho chúng sinh, nơi này tâm họ còn u mê, chưa hiểu ta, vì thế Như Lai cần phải trụ lại ở đây để thuyết pháp giáo hóa họ tu tập. Đức phật dạy đại chúng: Làm công việc lợi tha, giúp đỡ chúng sanh cần phải có tâm kiên nhẫn:

"Phát tâm lớn chịu thay đau khổ
Hạnh đại thừa rộng độ quần sinh
Khiến cho tất cả hữu tình
Đồng lên bờ giác thanh bình an vui"

Đức Phật thành đạo đã minh chứng cho chúng ta thấy rằng: Mỗi chúng sinhd đều có Phật tính. Như Ngài đã từng tuyên bố: Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành. Bằng chứng cụ thể nhất là những đệ tự của Ngài từ những dòng dõi quý tộc cho đến những người căn tính ám độn như ông Bàn Đặc, thấp hén như Ưu Ba Li - thợ cắt tóc, tàn ác như Vô Não… dưới sự cảm hóa và hướng dẫn tu tập của đức Phật, họ đều được giác ngộ, giải thoát. Điều này chứng minh cho tất cả chúng sinh đều có Phật tính và đều có khả năng giác ngộ, giải thoát như nhau, nếu hành trì, tu tập đúng với chính Pháp.

Trong quá trình tu tập, mỗi chúng ta nên tâm niệm một điều rằng: để đi đến con đường giác ngộ giải thoát, tiến đến quả vị Phật là một nhiệm vụ khó khăn nhất ở thời mạt pháp đối với mỗi con người. Thuận duyên cũng nhiều nhưng nghịch duyên cũng không phải là ít. Khi gặp thuận duyên, điều kiện tu tập tốt, chúng ta phải cố gắng tinh tiến, không giải đãi, đắm nhiễm vào những lời khen, tán thán mà sinh tâm kiêu mạn, làm mất hết công đức tu tập bấy lâu. Khi tâm đã tiếp nhận những lời khen thì khi gặp những nghịch cảnh: người khác chê bai, bài xích, nói xấu, chúng ta dễ sinh tâm buồn phiền, đau khổ, sống trong vòng đối đãi, đây là đầu mối của sinh tử luân hồi. Cho nên phải biết:

"Nghe chê mà vội giận ngay
Thì lời sàm báng dễ hay lọt vào
Nghe khen lại vội mừng sao
Là mồi kẻ nịnh ngọt ngào đưa hơi"

Người tu hành phải luôn nhìn thẳng vào sự thật, xem lại chính mình khi có lỗi, tu tập không đúng với chính pháp, được người khác nhìn thấy chỉ bày thì không có gì phải buồn phiền, sẵn sàng đón nhận để sửa chữa, và chính họ là những bậc thiện hữu tri thức của chúng ta. Còn nếu như lời nói của họ vì tâm ganh ghét, đố kỵ, ích kỷ thì chúng ta coi đây như là một sự thử thách xem mình tu tập kiên nhẫn đến đâu. Con đường rải đá tuy gồ ghề, khi đi nó làm cho chân chúng ta bị đau, nhưng mỗi bước đi nó sẽ vững chắc hơn, không làm chúng ta bị sa ngã.

Người xưa đã nói:

"Làm nên sự nghiệp lẫy lừng
Phần nhiều trong lúc khốn cùng mà ra
Những kẻ đắc chí kiêu sa
Là cơ thất bại khó mà thành công"

Trong kinh đức Phật cũng dạy rằng: *"Người nào chịu đựng được những cảnh thuận nghịch của cuộc đời, mà tâm vẫn bình thường, bình tĩnh thản nhiên, an vui tự tại thì người đó là một vị Phật trong tương lai"*. Đây là ý nghĩa hết sức sâu sắc, vi diệu của Đạo Phật.

Kỷ niệm ngày Đức Phật Thành Đạo là dịp để mỗi người con Phật chúng ta tưởng nhớ đến công đức cao dày của Đức Thế Tôn. Ngài là người đã khai sáng ra con đường bất tử, vô sinh cho chư thiên và loài người. Sự an lạc giải thoát luôn hiện hữu bên cạnh mỗi chúng ta, nếu như chúng ta hành trì, t tập đúng theo lời Phật dạt, giữ gìn giới luật, áp dụng cho mình một pháp môn tu phù hợp với căn cơ, trình độ thì chắc chắn chúng ta sẽ có một cuộc sống an vui, sớm đi đến lộ trình giác ngộ giải thoát.

Ảnh: **Diệu Hoà**

Sư trưởng Giáo huấn tri ân

● **Diệu Hòa**

Ngôi chùa Phật giáo chính là mái trường dạy con người lối sống lương thiện, hy sinh cống hiến, dạy con người đạo đức chân thực. Người Việt Nam cần lắm những ngôi chùa và những phong tục thờ tự để hướng con người về cõi thiện, bớt tính ác, nhờ vậy tâm hồn con người không còn cằn cỗi nghèo nàn, sống hướng về cội nguồn với nhiều kỷ niệm. Bởi vậy nên từ ngàn đời đến nay, từ nông thôn đến thành thị trên mọi vùng miền dải đất chữ S đều có:

" Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của Tổ tông"

Ngôi chùa quê con là nơi nuôi dưỡng đức tin và sơ tâm Bồ đề trong con, kể từ sự ra đi của ông ngoại cách đây 3 năm. Từ đó đến nay, dù có đi nhiều chùa, lòng con vẫn luôn nhớ về ngôi chùa làng cổ kính mộc mạc của làng Quang Ốc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, ở đó có người Thầy đầu tiên mà con được học hỏi, để rồi hạt giống Bồ đề được gieo vào tâm con.

Ba năm trước, sống nơi thành thị nhiều niềm vui, con chưa quan tâm đến đạo Phật. Cho đến một ngày mưa gió lạnh thấu xương 27/1 âm lịch 2011, ông con đột ngột từ trần ở quê nhà Hà Nam do tuổi cao sức yếu. Sự ra đi đột ngột của ông đã khiến gia đình con gần như kiệt quệ vì hụt hẫng và đau buồn, trong lúc tang gia bối rối, cả nhà chỉ biết ôm nhau khóc. Sư thầy Thích Đàm Hải chỉ đạo mọi người tiến hành cho ông nhập quan, tụng kinh niệm Phật cầu siêu, không những vậy, Thầy ngồi bên bà an ủi đấy ân cần và chân thành rằng: *"Cụ bà đừng khóc nhiều quá, cụ bà nên giữ gìn sức khỏe vì trời đang rất lạnh, cụ bà là chỗ dựa tinh thần duy nhất đối với con cháu hiện giờ. Cụ ông không vì bệnh khổ mà ra đi một cách nhẹ nhàng không đau đớn, không tiếc nuối trần gian như vậy gọi là chết tiên. Bởi con người bình thường không tránh khỏi quy luật lão bệnh tử. Cụ ông đang đi từ cuộc sống bình thường đến cõi Tiên hưởng phúc, bà nên nguôi ngoai mà cầu phúc cho ông"*. Những lời trấn an đó của Thầy, mãi sau này học giáo lý, con mới biết đó là bố thí vô úy, nghĩa là an ủi động viên khi người khác buồn, vỗ về trấn an khi người lo lắng.

Nhà chùa từ bi lo việc tang lễ của tất cả dân làng dĩ nhiên không mong đợi báo đáp, Thầy không nhận tịnh tài cúng dàng của gia đình. Lúc con trẻ ngây ngô dâng quả cam cúng Thầy, thầy cười hỷ xả và nhận để con trẻ được phước. Mãi đến sau này học giáo lý, con hiểu rằng con người sau khi qua đời cần lắm sự hóa độ, cầu siêu, trợ niệm của các sư thầy, để có thể thoát khỏi đọa lạc tam đồ địa ngục, ngã quỷ, súc sinh. Ông ngoại con sinh thời từng mang tri thức giúp đỡ bao thế hệ tuổi trẻ gây dựng đất nước, và cư xử tốt đẹp hiền hòa trong cuộc sống, ông xứng đáng được hóa sinh lên cõi Trời hưởng phúc báu; vậy nên những giây phút cận tử nghiệp được thầy cứu độ bằng công đức bố thí vô úy đối với tang gia bối rối là cả một phúc lành.

Trong 49 ngày con ở quê để thọ tang ông, Thầy đã gieo vào tâm con hạt giống của sơ tâm Bồ đề, bởi những ngày tháng ấy con cảm kích và ngưỡng mộ màu áo nâu sòng dung dị luôn gần gũi đệ tử, Thầy thi thoảng ghé vào nhà bác họ đang là đệ tử Phật tại gia để thăm hỏi và chỉ dạy cho chúng con, con chưa quên được cảm xúc bất ngờ được vấn an thầy đôi lần ở nhà bác. Bác họ con từ một người nóng nảy đã được đức độ của Thầy cảm hóa thành một Phật tử vui tính, hiền hòa.

Trong 49 ngày, nỗi đau cách biệt người thân vẫn còn

Ảnh: **Diệu Hoà**

đau nhói lòng gia đình con, Thầy vẫn tranh thủ thời gian rảnh đến thăm hỏi và động viên mọi người. Sự hiện diện của Thầy đến cùng đức độ tu hành thanh tịnh đã làm không khí trong nhà tự nhiên nhẹ nhõm, an lạc một cách kì diệu. Hồi đó tâm trí con còn non nớt, nên lúc trước được thầy dạy, tuy lúc ấy chưa hiểu rõ lắm, nhưng đến giờ con ngày càng thấm nhuần hơn những lời dạy sâu sắc đó: "Hiền - Ngu" sẽ được vui vẻ, bình yên:

Ta ngu ta cứ cười khì
Không tranh, không hại, không gì vấn vương
Ta ngu tỏa rộng tình thương
Ta không tham chấp gạt lường điêu toa
Ta ngu ta sống thật ta
Ta không biết sống ba hoa dối lừa
Ta ngu luôn học hỏi thưa
Ta không ngã mạn nói bừa nói ngông
Ta ngu tâm ta trống không
Ta không mưu tính nên lòng thảnh thơi
Ta ngu ta cứ mỉm cười
Tâm ta rộng mở rạng ngời bình an
Ta ngu ta chẳng mơ màng
Ta đi thong thả nhẹ nhàng thong dong
Ta ngu ta có tấm lòng
Ta không tiền của sáng trong tâm mình
Ta ngu ta sống chân tình
Ta không dua nịnh để thành tiểu nhân
Ta ngu tâm trí sáng trong
Từ bi hỷ xả trong lòng mênh mông
Ta ngu thoát khổ luân trầm
Không còn trôi nổi lông bông sáu đường
Ta ngu sống đạo chân thường
Tín tâm tâm sáng ngát hương diệu kì
Bạn ơi bạn hãy ngu đi
Ngu rồi bạn sống thảnh thơi
Ngu rồi bạn sống rạng ngời bình an"

Để ngu được như thế, con cần phải tự quán mình chỉ như một tấm giẻ chùi chân, người ta muốn dẫm đạp dày xéo lên mình cũng hoan hỷ, miễn sao chân người ta được sạch. Thầy đã bằng thân giáo và khẩu giáo để sách tấn con tu hạnh Nhẫn nhục rồi phát triển lòng từ. Vì thầy không những không nề hà Phật sự đa đoan để hóa độ dân làng sống tốt hơn, mà còn trải qua hơn 20 năm đồng hành cùng người dân *"bán mặt cho đất, bán lưng cho trời"* trên ruộng đồng. Đó là tâm nguyện tự lợi - lợi tha của Thầy, thầy muốn tự sống độc lập bằng những hạt thóc do chính mình một nắng hai sương làm ra; không chỉ vậy, dường như Thầy cũng muốn sát cánh cùng các bác nông dân trong nghiệp nhà nông, để họ hiểu nhà Phật luôn đồng cảm với sự vất vả của họ:

"Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần"

Hồi còn ngây ngô, con nhận thấy Thầy sống giản dị, thanh bạch mà vẫn có nụ cười an lạc thường trực trên nét mặt, không hiểu vì sao con đã liên tưởng ngay đến hạnh Bồ tát, vậy nên con đã lên chùa kính dâng Thầy cuốn sách viết về Bồ Tát Quán Thế Âm, *"Vì con thấy Thầy giống như Bồ tát vậy"*, Thầy chỉ cười và vỗ nhẹ lên má con *"Này thì Bồ...tát này!!!"*

Thời gian thọ tang 49 ngày ông ngoại sắp qua đi, con sẽ phải trở lại thành phố để quay về với công việc bộn bề. Cũng lúc ấy, đức tin và sơ tâm Bồ Đề của thanh niên trẻ đang trong sáng nhất. Con thỉnh thầy dạy con *"Làm thế nào để con đi tu được như Thầy"*. Thầy khuyên con một cách thẳng thắn không phải suy nghĩ rằng con nên vào Nam để đi tu, chùa nào cũng có Phật cả, song một người có tính cách như con nên bay ra vào Nam mới lên cao được, phải tự lập hoàn toàn với người quen thân thích mới tu tiến được".

"Mặt trăng có thể nóng lên, mặt trời có thể lạnh lại, lời dạy của Như Lai không bao giờ sai". Đi tu mà kham nhẫn được như Thầy là quý lắm, bởi vậy Thầy là Ni giới mà Thầy cũng là Tăng Bảo - đại diện cho Phật Bảo và là một thể thống nhất của Ba ngôi Báu đáng kính:

"Pháp của Phật khai nguồn tuệ giác
Ánh hòa quang rạng tỏa Bồ đề
Ân điển Thầy truyền pháp Như Lai
Cứu nhân loại thoát vòng tham ái"

Ảnh: **Diệu Hoà**

ĐÓ LÀ MẸ

● **Lê Đàn**

Truyện kể rằng: ở thành Vi-nhút nước Cộng Hoà Líp-va thuộc miền tây lãnh thổ Liên Xô cũ có một nơi gọi là Núi-Lâu-Đài. Trên đỉnh núi có một toà thành cổ và một cái tháp, từ lâu nay được dùng làm viện bảo tàng Vi-nhút.

Cách đây lâu lắm rồi, công trình xây trên tháp đã làm xong. Đó là một tài sản vô giá của dân tộc, cần phải được giữ gìn. Người chỉ huy vùng đất lúc bấy giờ là Đại hầu tước Ghê-đi-xin, ông cho mời các tu sĩ ở trong lâu đài tháp đến hỏi ý kiến cần phải làm gì để bảo vệ lâu đài này không rơi vào tay quân giặc. Theo phong tục từ xa xưa, mỗi miền đất có một vị thần cai quản, cần phải làm theo ý muốn của thần để thần không nổi giận mà bỏ đi. Các nữ tu sĩ trả lời: *"Muốn thế thì các bà mẹ hãy mang đứa con trai duy nhất đến tế thần để thần cảnh gác bảo vệ cho".*

Tục *"tế thần"* khiến nhiều bà mẹ phải bế con đến lâu đài tháp bỏ con xuống hang sâu rồi dùng đá lấp kín lại. Ngày ấy có một bà mẹ bế con đến nơi tế lễ, bà đặt con xuống đáy hang rồi quay lên. Thủ tục dâng lễ bắt đầu. Cậu bé ngoan ngoãn nhìn mọi người và nói: *"Cháu xin được thưa với Ngài hầu tước và các vị nữ tu một điều"*. Mọi người bằng lòng. Cậu bé nói: *"Cháu muốn được hỏi: Cái gì nhẹ nhất, cái gì ngọt ngào nhất và cái gì rắn nhất trên đời này?"*.

Các tu sĩ trả lời: nhẹ nhất là bông hồng, ngọt nhất là mật và rắn nhất là sắt; nhưng cậu bé lắc đầu. Hầu tước hỏi: *"Vậy đó là cái gì?"*. Cậu bé đứng dậy thưa: *"Dạ!... nhẹ nhất là đứa con được bồng trên tay mẹ, ngọt nhất là bầu sữa mẹ và rắn nhất là trái tim yêu tổ quốc của mẹ".*

Lời nói thông minh tràn đầy tình yêu thương của đứa con đối với mẹ đã làm rung động trái tim của tất cả mọi người có mặt trong buổi lễ tế thần. Ngài Đại hầu tước bước lên quả quyết tuyên bố với mọi người như một chiếu chỉ có giá trị ngay lập tức: *"Em bé nói đúng! Em không thể bị chết như thế này! Toàn dân sẽ bảo vệ được Vi-nhút nhờ các bà mẹ. Ta yêu cầu xoá bỏ tục lệ vô lý này"*

(Theo Truyện Cổ Nước Cộng Hoà Líp-va)

BÀI HỌC ĐẠO LÝ:

Nhờ có mẹ, những đứa con sẽ có tất cả. Đứa con yêu quý mẹ đã mang nặng đẻ đau, bồng ẵm dưỡng nuôi khôn lớn.

Công ơn của mẹ không gì sánh nổi. Vậy mà đối với mẹ, đứa con được bồng trên tay là nhẹ nhất hơn cả bông hồng. Mẹ cho con bầu sữa ngọt ngào nhất, nếu đem các loại sữa khác để cho con chọn lựa thì bầu sữa mẹ vẫn là sự lựa chọn số một của con. Mẹ hy sinh tất cả cho đứa con yêu quý nhất trên đời, trái tim của mẹ bao dung độ lượng cho dù con có lỗi lầm. Vậy mà trái tim của mẹ dành cho tổ quốc được đứa con trai thành Vi-nhút cho là rắn hơn cả sắt thép, vì khi đất nước cần mẹ sẵn sàng hiến dâng đứa con trai duy nhất tế cho thần linh để đổi lấy sự bình an cho tổ quốc.

Xoá bỏ đi tục lệ vô ích rất là khó. Vì sự xác tín tâm linh đã ăn sâu vào gốc rễ đức tin của mọi người từ lâu thành lệ rồi. Thành Vi-nhút quả thật may mắn có được những bà mẹ và những người con trai tuyệt vời. Câu hỏi và câu trả lời thông minh của một cậu bé đã giúp cho mọi người nhận ra sự sai lầm, xoá bỏ đi cái tục lệ vô lý trước sự reo hò vui mừng của thần dân thành Vi-nhút.

Bài học về mẹ có lẽ không bao giờ cũ đối với mỗi chúng ta, cho dù chúng ta còn mẹ hay không còn mẹ trên đời. Đọc đi đọc lại lời của người con trai bé nhỏ tội nghiệp kia chúng ta thấy thương mẹ vô cùng vì vị ngọt ngào nhất của dòng sữa mẹ vẫn đang tuần hoàn trong huyết quản của mỗi chúng ta.

DẤU CHÂN

Thằng bé nói: *"Chị ơi! Em không thể leo lên ngọn đồi này. Chắc em phải ở lại dưới chân ngọn đồi này suốt đời, thật là quá tệ!"*

Chị nó bảo: *"Thật tội nghiệp! Nhưng em xem này, chị tìm ra một trò chơi vui lắm! Em hãy bước đi và em thấy dấu chân của em in trên mặt đất. Đây này, dấu chân của chị đây này. Cứ vậy mà làm đi em. Nào, giờ hãy cố lên, em sẽ thấy mình làm được ngay thôi".*

Thằng bé bắt đầu bước và nó reo lên: *"A được rồi, chị ơi!"*

Thấy chưa! Chị nó nói: *"Cứ trông chị mà cố nữa lên. Chị nặng hơn nên bước chân chị sâu hơn. Có thế thôi em ạ, cố nữa lên!"*

Giờ bước chân em cũng mạnh hơn rồi! Thằng bé la lên: *"Nhìn này, chị! Một bước, một bước, một bước, chúng cũng sâu như chị".*

Chị nó bảo: *"Vậy thì tốt quá, giờ thì đến lượt chị nha.*

Trông chị này!"

Hai chị em tiếp tục bước từng bước một, cùng so sánh bước chân của nhau, rồi cười vang. Chốc chốc thằng bé lại nhìn lên:

Chị ơi, đến chừng nào chúng ta mới tới được đỉnh đồi?

Chị nó bảo: *"Tới ngay bây giờ em ạ!"*

(Kể theo Laura E. Richards)

BÀI HỌC ĐẠO LÝ

Con chim non khi đủ lông đủ cánh thì phải học bay, học kiếm ăn. Đứng trên tổ, chim non dang đôi cánh yếu mềm nhìn ra bầu trời cao rộng, nếu không được chim bố mẹ huấn luyện cho thì làm sao chim non có thể chập chững tung bay những bước đầu tiên vào cuộc đời. Khởi đầu cho cuộc sống tự lập về sau.

Em bé trong câu chuyện không khác chi chú chim non. Em bé cũng phải trải qua cái cảm giác lo âu khi lần đầu tiên muốn leo lên ngọn đồi cao để khám phá thế giới rộng lớn đang chào đón bé phía trước. Bé chưa có đủ tự tin vào khả năng của mình, bé cũng đang rất cần sự giúp đỡ của chị dìu dắt bé đặt những dấu chân đầu tiên của bé in trên con đường dốc.

Đối với em bé, để vượt qua con đường dốc leo lên đỉnh đồi, rất là khó! Đỉnh đồi là cái đích mà em bé ao ước đặt chân đến, cho nên trong mỗi bước chân của bé đều mang một tâm trạng nôn nóng bất an. Chị đã hiểu được điều đó, cho nên chị đã bày ra một trò chơi rất hay: In từng dấu chân trên đường. Mỗi bước chân sẽ in một dấu chân trên đường như ghi một dấu ấn hạnh phúc. Mỗi bước chân là đã về đã tới, không còn nôn nóng, không còn mong cầu, vì mỗi bước chân là một cái đích đến. Hai chị em đều sống thật sâu sắc trong hạnh phúc khi thấy một dấu chân, một dấu chân, rồi từng dấu chân mình in trên con đường thật đẹp.

Con đường lên tới đỉnh đồi tuy còn xa, nhưng nếu đi với bước chân vững vàng, đi với cái tâm yên ổn, thì đường xa đâu còn quan trọng nữa, như những bước thong dong chẳng quản ngại đường xa..

Chị dắt tay em lên ngọn đồi sim tím buổi chiều có nắng vàng. Chị ngã em nâng, em ngã chị nâng. Chị em lúc nào cũng giúp đỡ nhau. Lần đầu tiên chỉ đơn giản giúp nhau leo lên ngọn đồi. Sau này sẽ giúp nhau vượt qua những khó khăn trên đường đời.

TÌNH ANH EM

Vào thời vua Salomon, có hai anh em nhà kia thu hoạch lúa trên cánh đồng thuộc vùng Zion. Một đêm vào lúc không có trăng, người anh lấy một ít lúa trong phần lúa của mình, bó lại thành bó bỏ qua ruộng của người em, trong lòng tự nhủ: *"Em ta có đến bảy đứa con, phải nuôi nhiều miệng ăn, ta chia phần của ta cho em"*. Rồi anh ta đi về nhà của mình.

Sáng hôm sau, người em đi gặt thấy mình thu hoạch được nhiều lúa hơn số tính toán của mình, nên anh ta đem số lúa dư sang ruộng người anh, trong lòng cũng tự nhủ: *"Anh của ta sống có một mình không ai đỡ đần. Thôi ta chia bớt lúa cho anh ấy"*.

Khi mặt trời mọc, cả hai anh em đều ngạc nhiên thấy mình có nhiều lúa hơn trước.

Đêm sau, họ lại mang trả lúa cho nhau nhưng vẫn thấy kho lúa của mình không hề suy suyển. Nhưng qua đêm thứ ba, cả hai đụng đầu nhau khi cùng mang lúa qua cho nhau. Cả hai anh em đã ôm lấy nhau mà khóc, vui mừng vì thấy lòng tốt của nhau.

Vua Salomon xúc động khi nghe câu chuyện về lòng yêu thương của hai anh em. Vua đã ban thưởng cho hai anh em và cho tạc tượng họ ngay trên ngôi làng họ đã sống và thể hiện tình anh em cao đẹp ấy để làm gương tốt cho mọi người.

(Theo sách: Truyện cổ Đông Tây của nhiều tác giả)

BÀI HỌC ĐẠO LÝ

Tình cảm anh em cũng là thứ tình cảm cao quý được người xưa ví von qua câu ca dao: *"Anh em là đạo cánh tay"*.

Tay áo đứt có thể nối lại được, còn cánh tay một khi đã dứt lìa thì khó có thể hàn gắn. Ý người xưa muốn nói đến tình anh em rất là cao quý. Hãy nâng niu, anh nhường em nhịn thì trong ấm ngoài êm, trên thuận dưới hoà.

Bài học *"Bó đũa"* từ thuở còn thơ không ai là không biết, anh em uống chung bầu sữa mẹ, cùng lớn khôn trong một mái ấm gia đình đồng cam cọng khổ, vui buồn có nhau thì không có lý gì mà không thương nhau.Tuy nhiên trong cuộc sống vẫn còn có người mê muội vì lòng tham mà quên đi tình anh em ruột thịt như người anh trong câu chuyện cổ tích cây khế. Tội nghiệp cho các vị đó vì họ chưa tin vào hậu quả của túi sáu gang là gì? Một sự cô đơn khủng khiếp của những người anh em quên tình máu mủ khi họ phát hiện ra bên cạnh họ toàn là những người bạn không thật lòng, họ chỉ đến với nhau vì vật chất tiền bạc, tình cảm chỉ là thứ yếu.

Chúng ta, những người con Phật luôn tưới tẩm nhân lành, biết quý trọng tình cảm gia đình, trong đó có tình anh em là thứ tình rất cao quý, xin nguyện noi theo hạnh từ bi và vị tha của Đức Thế Tôn để cho tình máu mủ huynh đệ mãi mãi trường tồn và cao đẹp.

Nhẫn được an vui

● Tâm Như

Lời dẫn: Đức Phật dạy: *"Chúng ta ở thế giới này, gọi là thế giới Ta - Bà"*. Ta - Bà dịch là *"Kham nhẫn"*. Ý nghĩa nói người ở thế giới này là kham nhẫn chịu nhiều đau khổ. Chúng ta kham nhẫn chịu nhiều đau khổ những gì? Có rất nhiều đau khổ như hoàn cảnh môi trường bão lụt, động đất, thiên tai, sạt lở. Khí hậu có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, lạnh rét, nóng bức. Thân người có các nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết. Tinh thần có vui buồn, mừng giận, thương yêu phải chia lìa, oán ghét phải luôn gặp mặt, mong cầu không được. Chúng ta phải nhẫn chịu những điều đau khổ như vậy, gọi là thế giới Ta - Bà. Nếu chúng ta không nhẫn chịu được? Là tự mình hủy diệt *(Tự sát)*; hoặc oán trời trách người, làm những điều ác sát, đạo dâm; thậm chí tạo các ác nghiệp để trốn tránh đau khổ. Người nào biết được khổ mà tạo thêm khổ thì càng khổ thêm.

Truyện kể: Ngày xưa có một con cáo và một con nai cùng ở trong rừng dưới một gốc cây cổ thụ. Một hôm, vì gió mạnh làm gãy cành rớt xuống trúng ngay lưng chúng nó.Con nai nghĩ ở trong rừng gió thổi mạnh làm cho cây gãy là chuyện bình thường. Nhưng con cáo chịu không được. Nó dự định rời đi chỗ khác. Khi nó sắp đi, con nai khuyên: *"Anh cáo ơi! Cây cổ thụ này chẳng những chắn gió, che mưa cho chúng ta mà còn cung cấp cho chúng ta trái cây thơm ngọt. Vì sao anh muốn rời đi nơi khác?"*

Con cáo đáp: *"Không! Tôi không chịu đựng nổi, anh cho ở đây tốt thì cứ ở đi. Tạm biệt anh"*.

Nó cong đuôi chạt không quay đầu lại.

Con cáo đến một nơi đồng trống, ban ngày thời tiết rất nóng bức, đến ban đêm thì rất lạnh và rét; nó cảm thấy lúc lạnh, lúc nóng rất khó chịu. Ở được vài ngày nó lại chịu không nổi rồi đi tiếp. Khi nó sắp đi, một con nai khác đến khuyên: *"Này anh cáo! Tại sao anh lại phải đi? Mặc dù ở đây thời tiết thay đổi thất thường nhưng chúng ta sống yên ổn không có cọp sói, chẳng tốt hay sao? Thế gian này làm sao có chuyện hoàn hảo được. Nếu anh đi nơi khác cũng sẽ gặp chuyện không vừa ý. Anh hãy nghe tôi an tâm ở lại đây nhé"*.

Con cáo đáp: *"Không! Ở đây lúc lạnh lúc nóng tôi không chịu đựng nổi"*.

Nó đến vùng rừng núi cây xanh bạt ngàn. Nơi đây khí hậu rất dễ chịu, phong cảnh rất đẹp. Được vài ngày nó lại cho rằng nơi đây cũng không phải là nơi lý tưởng. Bởi vì ở đây có sư tử rất hung dữ, cũng có cả chó sói nham hiểm. Tuy nhiên vì tham phong cảnh đẹp nó vẫn chần chừ ở lại. Một hôm, nó vừa ra ngoài tìm thức ăn liền bị chó sói tóm ăn thịt. Đến phút cuối cùng nó chợt hối hận không chịu nghe lời bạn khuyên nên ngày nay nó mới có kết quả bi thảm như thế.

BÀI HỌC ĐẠO LÝ:

Làm người chẳng có ai hoàn hảo, hoàn cảnh cũng chẳng có nơi nào tốt đẹp trọn vẹn, đây gọi là thế giới Ta - Bà. Thời tiết có lúc lạnh lúc nóng. Chúng ta sinh ra ở đây, tất nhiên phải thích ứng khí hậu và cuộc sống ở đây. Mỗi dân tộc đều có cách sống riêng của họ, tập quán là sống tự nhiên, chúng ta chịu khổ hay hưởng hạnh phúc nhiều ít đều có nghiệp nhân từ quá khứ. Mỗi người đều có cá tính riêng, hiểu biết, ưa thích và thói quen cuộc sống đều không giống nhau, biết nhường nhịn lẫn nhau, phải tùy thuận theo người khác thì mới có thể sống chung với nhau được. Làm người ai cũng có hy vọng nhưng tương lai của mỗi người thành tựu thì khác nhau. Do vì mọi người luôn muốn người khác bất cứ việc gì cũng nghe theo mình, nên có xảy ra chuyện thị phi tranh cãi.

Lầm người ai cũng có tham, sân, si và cũng có những đức tính lương thiện từ, bi, hỉ, xả, tính nào nhiều thì trở thành thói quen tính ấy. Lục tổ Huệ Năng dạy:

Xưa nay không một vật
Nơi nào dính bụi bặm

Bản tính vốn thanh tịnh thì dính bụi bặm nơi nào? Chỉ vì chúng ta nhiễm thói xấu lâu ngày, đã là tiêm nhiễm thì không phải tự tính, không phải chân thật. Mọi người đều có thể sửa đổi tính xấu trở thành tính tốt, chỉ là mình có chịu làm hay không mà thôi. Cổ đức dạy: *"Giang sơn dễ đổi, tính người khó sửa"*. Vì nguyên nhân tập khí nặng nề, nhưng không phải là không sửa được. Nếu chúng ta có trí tuệ, nỗ lực tu hành sửa đổi thì tính nết gì cũng thay đổi được. Chúng ta sửa đổi thói xấu thì mới ra khỏi sáu đường sinh tử. Cho nên thói xấu không là cố định, cũng không phải không sửa được. Chúng ta cần dựa theo trí huệ để nhìn thấy rõ phá trừ, phải nỗ lực tu hành. Khi ấy thiên hạ thái bình, thoát khỏi luân hồi, được tự tại.

Chuyển họa thành phúc

● Diệu Hòa

Lời dẫn: *"Họa phúc không đến cửa, chỉ có người tự mời; quả báo thiện ác như bóng theo hình".* Họa và phúc ở thế gian không có thời gian nhất định cũng không nhất định chiếu cố người nào. Chỉ cần chúng ta thấy tâm người thiện hay ác mà xác định; hoặc xem hành vi của người làm việc thiện hay ác mà kết luận. Cho nên nói báo ứng thiện ác như bóng theo hình. Báo ứng thiện ác có nhân đời trước mà chiêu cảm, cũng có duyên thiện ác đời này mà chuyển họa thành phúc. Do đó thế gian có thiện tri thức hướng dẫn chúng sinh tu học Phật đạo, hoặc hướng đến thiện đạo. Nhưng cũng có ác tri thức dùng lời đường mật, đe dọa, dụ dỗ mọi người đi vào tà đạo, dẫn người vào ba đường ác. Có người theo thiện, nói điều thiện, khuyên người làm thiện. Nhưng cũng có người gặp nghịch cảnh, nghịch duyên mà làm thiện làm ác. Có người học Phật gặp môi trường hoàn cảnh đầy đủ tốt đẹp, tinh tấn tu hành thuận lợi. Nhưng cũng có người thích lối sống buông thả; hoặc đắm nhiễm trong năm dục sống phóng túng, chẳng chịu nỗ lực tu hành. Cho dù họ gặp nghịch cảnh hay thuận cảnh nhưng nếu có người bỗng đến hủy nhục mắng chửi, hoặc xem thường, hoặc gây tranh cãi làm kích động ý chí của họ, làm cho họ quay đầu lại, tinh tiến tu hành, phấn đấu vươn lên thành tựu đạo nghiệp, sự nghiệp; đây chính là nghịch tăng thiện duyên. Thế gian có rất nhiều nguyên nhân âm mưu hãm hại người khác, nhưng họ chuyển họa thành phúc cũng rất nhiều.

Truyện kể: Xưa kia có một người phụ nữ trung niên rất xinh đẹp, nhưng lại có thói quen sống buông thả, lẳng lơ. Ả có nhân tình bên ngoài nên chẳng thể hài lòng về người chồng của mình. Ả nghĩ ra rất nhiều thủ đoạn muốn hãm hại chồng mình, nhưng chưa có cơ hội để ra tay.

Một hôm, thời cơ đã đến, vì chồng ả được nhà vua cử đi sứ đến nước khác. Ả liền làm 5 cái bánh có tẩm thuốc độc, giả bộ buồn rầu nói: *"Thưa tướng công! Lần này chàng đi sứ ra nước ngoài, thiếp lo cho chàng đi đường sẽ đói, nên thiếp làm năm cái bánh này, chàng hãy mang theo khi đói lấy ra dùng"*. Người chồng nói: *"Hiền thê! Ta cảm ơn nàng vô cùng. Ta rất quý trọng chiếc bánh này nên sẽ luôn mang theo bên mình"*.

Sáng hôm sau, anh ta lên đường. Khi đi đến vùng biên giới thì mặt trời đã lặn xuống núi, lại không có nhà trọ để nghỉ chân nên anh ta đành phải nghỉ dưới gốc cây. Vì sợ thú dữ nên trèo lên cây ngồi nghỉ. Lúc đó, muốn lấy bánh vợ đã chuẩn bị đem ra ăn thì phát hiện bỏ quên túi xách dưới gốc cây. Anh ta định trèo xuống lấy bánh thì có năm tên cướp đang đi tới. Năm tên này lấy trộm được rất nhiều châu báu và ngựa giỏi của vua nước láng giềng.

Năm tên cướp đi đường xa vừa mệt vừa đói. Bỗng chúng phát hiện ra một túi xách dưới gốc cây liền vội mở ra. Bên trong ngoài y phục còn có 5 cáu bánh. Bọn chúng liền chia nhau mỗi thằng một cái. Không ngờ, bánh có tẩm chất độc cực mạnh, chưa qua một phút, cả năm tên kêu la lăn lộn rồi chết ngay tại chỗ.

Sứ giả ở trên cây nhìn thấy năm tên cướp vô cùng sợ hãi không dám nhúc nhích. Đợi mãi đến khi tới sáng thì anh thấy năm tên đã chết từ khi nào. Sứ giả thấy rất nhiều châu báu và ngựa giỏi và nghĩ chắc bọn cướp lấy từ trong cung vua, nên gom hết châu báu đặt trên lưng con ngựa chở đến nước láng giềng. Anh đi được nửa đường thì nhìn thấy phía trước có một toán binh lính cưỡi ngựa rầm rộ. Đoán chắc đó là binh lính của nhà vua nên anh muốn đến gặp vua để trình bày rõ sự việc về số châu báu và ngựa giỏi. Nhà vua đưa anh về cung hỏi: *"Ngươi là người nước nào? Được số châu báu này ở đâu?"* Anh ta thưa: *"Tâu bệ hạ! Thần ở nước đó vâng lệnh nhà vua đi đến sứ nước ngài, giữa đường..."*

Nhà vua nghe sứ giả trình bày sự việc vô cùng cảm động, nên ban cho anh ta rất nhiều châu báu, lại phong làm quan. Nhưng những cận thần hầu cận nhà vua lâu năm rất ghét anh ta. Một hôm có đại thần đến thưa: *"Tâu bệ hạ! Gần đây có một con thú dữ, thường đến xóm làng phá hoại dân lành. Xin bệ hạ hãy cử sứ giả nước ngoài đến giết thú dữ là hợp lý nhất. Thần không biết ý của vua thế nào"*.

Vua nói: *"Rất tốt. Trẫm đồng ý"*.

Do đó, nhà vua cử sứ giả đi vào rừng sâu diệt trừ thú dữ. Anh ta vừa đi vào rừng thì thú dữ xuất hiện. Anh ta vội leo tuốt lên ngọn cây. Con thú ngẩng đầu lên há miệng gầm vang khu rừng. Anh quá sợ hãi run cầm cập, kiếm đeo bên hông bỗng rớt xuống, trúng ngay miệng con thú. Nó đau đớn, lăn lộn, gầm rú một hồi rồi chết. Sứ giả này lại lập công lớn được nhà vua ban thưởng, vinh quang trở về nước.

BÀI HỌC ĐẠO LÝ

Câu chuyện này, sứ giả trải qua hai sự cố lại hợp tình hợp lý. Chúng ta cũng có thể nói người trung hậu hiền lành, nhất định chuyển họa thành phúc. Họa phúc ở thế gian theo nhau, trong họa có phúc trong phúc có họa. Người tâm ngay thẳng có thể chuyển họa thành phúc. Kẻ gian xảo biết có chuyển họa thành phúc không?

Ảnh: ST

Cảm hứng THIỀN PHẬT trong thơ Quách Tấn

● ThS. **Nguyễn Công Thanh Dung**

Tóm tắt: Quách Tấn là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ Mới, chuyên sáng tác theo thể thơ Đường luật nhưng lại thể hiện một bút pháp nghệ thuật mới, diễn đạt những cảm xúc mới. Nếu trong thơ ông trước 1945 không viết về Thiền về Phật thì sau năm 1954, cảm hứng này lại thể hiện đậm nét trong thơ của ông. Bài viết bước đầu sẽ tìm hiểu cảm hứng Thiền Phật trong thơ Quách Tấn.

Quách Tấn (1910 - 1992), tự là Đăng Đạo, hiệu Trường Xuyên, còn có bút hiệu Định Phong, Cổ Bàn Nhân, Thi Nại Thị, Lão giữ vườn. Ông là nhà thơ thời tiền chiến, cùng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Yến Lan lập nhóm Bàn Thành tứ hữu *(Bốn người bạn ở thành Đồ Bàn)* ở Bình Định. Ông sinh ra tại thôn Trường Định, huyện Bình Khê *(nay là xã Bình Hoà, huyện Tây Sơn)*, tỉnh Bình Định, từ năm 1935 đến cuối đời ông chọn Nha trang làm quê hương thứ hai. Quách Tấn Tấn tập làm thơ từ lúc học lớp đệ nhất niên trường Quy Nhơn. Lúc ra trường ông đã thông thạo các thể thơ, nhưng chính thức bước vào làng văn thơ từ năm 1932. Năm 1933, ông đã có thơ đăng trên An Nam tạp chí, Phụ nữ tân văn, Tiếng dân và Tiểu thuyết thứ bảy… Ông từng được nhà thơ Tản Đà khen khi bình bài Đến thăm vườn cũ cảm tác của ông. Tản Đà viết: Nói về bên tình thì rất lâm ly mà nói về bên tài cũng đến thế là hay. Ông là nhà thơ một đời thuỷ chung với thơ cách luật như lại được các nhà thơ Mới thời tiền chiến mở cửa đón nhận, được xếp vào ngồi chiếu trên của thi đàn bấy giờ.

Nếu trong thơ của Quách Tấn xuất bản trước năm 1945 như tập Một tấm lòng (1939), Mùa cổ điển (1941) thì nhà thơ lại không viết về Thiền, về Phật mà cảm hứng Thiền Phật được nhà thơ thể hiện nhiều nhất trong những tập thơ sau này như: Đọng bóng chiều (1965), Mộng Ngân Sơn (1966), Giọt trăng (1973).

Cùng thời với Quách Tấn có nhà thơ J.Leiba (Lê Văn Bái) với bài Bến giác mang cảm hứng Thiền - Phật và ít nhiều có pha chất Lão - Trang. Nhà thơ xem cuộc đời là hư ảo, là *"phù thế"*, nên nhà thơ hơi bi quan, muốn xa lánh cõi đời. Tác giả đã dùng nhiều từ ngữ nhà Phật để diễn đạt ý tưởng trên:

Phù thế đã nhiều duyên nghiệp quá!
Lệ lòng mong cạn chốn am Không.
Cửa Thiền một đóng duyên trần dứt,
Quên hết người quen chốn bụi hồng.

Riêng Quách Tấn, nói như nhà nghiên cứu Trần Phong Giao thì *"thơ Quách Tấn càng về sau đã "thấy", đã "nhập" vào Thiền, đã "cảm dưỡng hào khí của Thiền tông Việt Nam"* [Quách Giao (sưu tầm) (1994), Quách Tấn qua cái nhìn phê bình văn học, Nxb Trẻ, TP. HCM, tr.287-296].

1. Nhìn thiên nhiên qua cảm quan Thiền đạo

Quách Tấn là một Phật tử thuần thành, ông thường nghiền ngẫm, nghiên cứu kinh Phật, nên thơ của ông ít nhiều cũng mang cảm quan triết lý nhà Phật và mang cả cảm hứng đạo học. Điều này được thể hiện qua những vần thơ viết về thiên nhiên của ông. Thiên nhiên được nhìn qua cảm quan Thiền đạo.

Trong mối quan hệ qua lại giữa thi nhân và thiên nhiên, tính tương hỗ từ thể xác qua trí tuệ đến tâm linh đã phơi bày một cách tích cực và không mâu thuẫn. Quách Tấn không chỉ nhìn ngắm thiên nhiên với con mắt thẩm mỹ mà còn với cả con mắt triết lý và tâm linh. Ta có cảm tưởng Quách Tấn đã hòa quyện cùng thiên nhiên, khăng khít trong mối quan hệ giữa tiểu ngã và đại ngã để làm thành khối đồng nhất, mà thiên nhiên là tiền đề, là điều kiện để khởi động từng phút, từng giây, từng sát na cảm xúc của thi sĩ, hỗ trợ thi sĩ ý thức được sự có mặt của ngũ quan *(ngũ căn)* và những tính năng của nó, mà thuật ngữ của nhà Phật gọi là *"nhãn thức, nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, ý thức"*. Thiên nhiên xung quanh ta là hiện thân của đất, nước, không khí, năng lượng mặt trời, của sự vận hành tháng năm, với thời gian vô tận. Sự hòa nhập của nó cũng là hòa nhập vào suối nguồn của sự sống.

Cụ thể hơn, với một vỏ sò khô, Quách Tấn cũng gởi vào nó hơi thở, hồn thơm của một sức sống thơ dạt dào. Nhìn vỏ sò khô, một thực thể chết, Quách Tấn lại nghe tiếng reo vang vọng của biển khơi. Có sự sống, cái chết nào lại chẳng liên quan đến môi trường sống với thế giới đồng hiện hữu? Hiện thể của vỏ sò hoặc con sò đâu thể thiếu vắng biển khơi. Tiểu ngã và đại ngã tương duyên với nhau:

Vỏ sò khô ấp ủ,
Niềm băng tuyết đêm sương.
Muôn xa bờ bến cũ,
Vang vọng sóng trùng dương.

(Ấp ủ)

Và mỗi khi tiểu ngã và đại ngã tương quan, tương duyên với nhau thì mỗi động tác đều gây sự chuyển động dây chuyền. Một cái búng chân nhảy của con cào cào màu xanh cũng đủ khiến bầu trời buổi chiều thu rung chuyển:

Nước ngoạn trời long lanh,
Con cào cào áo xanh.
Bờ cao búng chân nhảy,
Mây chiều thu rung rinh.

(Búng chân)

Đây là nhận thức triết lý, đúng hơn là đạo lý của Quách Tấn. Nó bắt nguồn từ sự thấm nhuần đạo Phật. Trong thế giới tương quan tương duyên và cả tương tác nữa, thì đâu đâu cũng mang tính động thái và tính tiến trình. Tất cả đều tác động qua lại, đều vận chuyển, nghĩa là không diễn ra theo một chiều mang tính định mệnh, mang tính *"Sáng thế"*. Tính tương quan, tương duyên quyết định cho sự sinh diệt cũng như hình ảnh, màu sắc của thiên nhiên cũng quyết định tính vô biên, vô thường và vô ngã của nó. Thơ văn của Quách Tấn đã giúp người viết những dòng chữ này hiểu sâu thêm nhận thức ấy. Trong hoàn cảnh cuộc sống có sự đổi thay ào ạt từng phút từng giờ, hiếm có người nào ung dung, thong dong như Quách Tấn, bởi nhà thơ luôn giữ lòng tự tại trước thực tế thay đổi theo thời gian. Có sự tĩnh tại đó là nhờ thi sĩ đã nghiệm ra, đã trực cảm được cái lẽ *"Là mộng cũng là chân"* để lượng hương xuân ngào ngạt mãi trong lòng:

Mười hai mùa lá rụng,
Đây mùa hương nở xuân.
Theo duyên lòng chẳng đổi,
Là mộng cũng là chân.

(Nở xuân)

Mộng huyễn và chân thật xét đến cùng, có chung một bản thể. Nó là hai mặt của một thực tại, bởi *"Tâm pháp nhất như"*, *"Vạn vật nhất thể"*. Nhà thơ đồng nhất mộng và chân là nhờ nhận thức được chân lý ấy. Chính vì nhà thơ tĩnh tâm trước thực tại, nên đã chấm dứt mọi bay nhảy, mọi tìm kiếm, đi và đến để như *"Chim dừng cánh biệt ly"* (Mơ Đạo), để không còn hỏi *"Cảnh hay lòng?"* và để nhận thức được rằng *"Lòng với cảnh không chia"* (Quán trọ đêm thu) và:

Mây nước hằng tự tại,
Vàng đá chẳng vô tri.

Thiên nhiên trong thơ Quách Tấn mang đậm chất thanh tịnh và sung mãn nét đẹp tâm linh trong sự *"Ẩn ánh côi từ bi"*, nhờ thế mà thi nhân dường như đã chứng nghiệm được *"Hương gió thoảng liên trì"* (Mơ Đạo) dù chỉ trong một sát na, một cái nháy mắt, một chút gió thoảng qua!

Tư tưởng Đạo Phật thấm nhuần trong con người Quách Tấn. Vì thế trước khi từ giã cõi đời, nhà thơ dặn dò con cháu nhớ khắc trên bia mộ:

Nghìn xưa không còn nữa,
Nghìn sau rồi cũng không.
Phảng phất bờ trăng rạng,
Hương Ưu đàm trổ bông.

(Thoáng hiện)

Tồn tại và hủy diệt, sắc và không, hữu và vô đều cùng bản thể, nhất như. Nghìn xưa không còn là thực tại. Quá khứ nghìn năm sau sẽ không còn; và tương lai nghìn năm sau dù chưa hiện hữu cũng chẳng tồn tại. Tất cả đều là Không. Giác ngộ và thấu hiểu được chữ Không trong tư tưởng triết học nhà Phật là cả những chuỗi thời gian chiêm nghiệm, nghiền ngẫm, suy tư. Không ở đây chẳng phải là sự đối đãi, đối lập giữa *"có"* và *"không"*, *"hữu"* và *"vô"* mà là cái Không vượt lên trên. Đó là chân không diệu hữu. Dường như Quách Tấn đã nghiệm ra được điều đó. Ông không giữ chặt cái đã qua, cũng không sống với cái chưa có thực, không để cho những gì của quá khứ và tương lai chen vào phút giây đang hít thở, thì lúc đó vắng trăng rạng cũng cho *"thấy"* cả hương Ưu đàm. Hoa Ưu đàm là hoa Giác ngộ, theo kinh Phật, mấy nghìn năm mới nở hoa một lần. Dĩ nhiên hoa này không xuất hiện trong cuộc sống ồn ã vang dội trong loa phát thanh và rộn ràng xe cộ, cũng không xuất hiện ở nơi đâu đâu, khi con người tấp nập bay nhảy, tìm kiếm, đi và đến... Người ta chỉ gặp nó khi lòng mình thật sự lặng lẽ, thanh tĩnh.

Cũng như thiền sư Vạn Hạnh đời Lý, Quách Tấn đã xem *"Thân như bóng chớp có rồi không"*. Ông thường nói đùa rằng đời tôi có tứ thú và tam vô. Tứ thú là: *Có tiền in sách đẹp,/Gặp bạn sẵn thơ hay./Giấc tỉnh hồi chuông sớm,/Võng*

trưa giấc ngủ ngày. Còn tam vô là: Không biết hút thuốc, không chơi cờ bạc và không đi xe đạp.

2. Hình ảnh tiếng chuông chùa

Tiếng chuông chùa đối với thi nhân như một kỷ vật thiêng liêng từng chôn sâu trong tiềm thức của ông, nên mỗi lần trông thấy cảnh núi non chùa chiền thì nó bỗng dưng trỗi dậy:

Núi Nhạn chuông ngân trời bảng lảng,
Đầm Ô sen nở gió thơm tho.

Không những lắm lúc ngắm cảnh thiên nhiên, tiếng chuông chùa làm ông chú ý, mà mỗi khi chợt tỉnh giấc nồng, tiếng chuông cũng hiện đến:

Mây nước nhuốm phong trần,
Nơi đâu tình cố nhân.
Những đêm buồn tỉnh giấc,
Chùa cũ tiếng chuông ngân.

Nhờ nghe tiếng chuông chùa ngân vang mà khách hành hương trút hết mọi nỗi ưu phiền, như Chu Mạnh Trinh đã viết: *"Lạ cho vừa bén mùi thiền,/ Mà trăm não với ngàn phiền sạch không"*. Hay: *"Thoảng bên tai một tiếng chày kình,/Khách tang hải giật mình trong giấc mộng"* (Hương Sơn phong cảnh ca).

Không khác gì cảm nhận của họ Chu, Quách Tấn cũng mô tả trạng thái tâm hồn mình khi đến viếng một cảnh chùa quen thuộc: *"Người đến viếng cảnh chùa, lòng không rửa mà trong, thân không cánh mà nhẹ, ngồi tựa bóng cây đón mát, tưởng chừng mình đã xa lánh hẳn cõi trần tục."*

[Quách Tấn, Nước non Bình Định, Nam Cường xuất bản, SG, 1968; Nxb Thanh Niên tái bản 1999.]

Thoảng đâu đây như có tiếng gió ru hồn lữ khách:

Gió ru hồn mộng thiu thiu,
Chuông chùa rơi rụng bóng chiều đầy non.

Và thi sĩ tiếp: *"Nếu không có tiếng chuông hay mộng thì mộng còn mãi chìm trong bóng mây rán, hoặc làm con cò vương hương bay lờ lững trong hồ sen yên tịnh."*

Cứ thế, thời gian trôi đi và bóng tịch dương dần dà đổ xuống với tiếng chuông chùa cổ thân yêu:

Mây tạnh non cao đọng nắng chiều,
Tiếng chuông chùa cũ vọng cô liêu.
Thêm nhiều lá rụng cây quần quại,
Đã vắng người sang bến nhẩy triều.

Thế rồi, ngày lại ngày trong sự tất bật của cuộc sống đời thường, nhưng mỗi khi nhìn thấy cảnh chùa thì âm vang tiếng chuông lại ngân nga tựa hồ bất tận:

Chùa ẩn non mây trắng,
Bóng in hồ liễu xanh.
Mai chiều chuông đã tạnh,
Vòng sóng còn long lanh.

(Tiếng ngân)

Đây là hình ảnh thiên nhiên đầy tình tự, là khoảng trời xanh tinh khiết còn lại trong đôi mắt long lanh của một nhà thơ trong cảnh xế chiều của đời mình.

3. Một đạo tâm dào dạt

Có lần tôi đi theo ba tôi đến thăm nhà thơ, nghe ông tâm sự: *"Gia đình tôi theo đạo Phật, và tôi chịu ảnh hưởng tư tưởng Thiền trong Phật giáo"*. Và trong khi đàm đạo, ông thường nhắc đến ngọn đồi Trại Thủy, nơi tọa lạc của Phật học viện Nha trang, một trung tâm đào tạo Tăng tài trong giai đoạn cận hiện đại. Từ đó mới biết hồi ấy, Hòa thượng Thích Trí Thủ đàm nhiệm Giám viện Phật học viện lại là chỗ tương giao tâm đắc với thi sĩ, vì thế, một hôm lên thăm chùa, nhân ngẫu hứng thi sĩ đã cảm tác một bài ngũ ngôn, để tặng Hòa thượng:

Trăng lên đồi Trại Thủy,
Chuông khua ngời âm ba.
Bồi hồi mây khóa viện,
Sân Bồ đề sương sa.

Ngoài ra, ngôi chùa Kim Liên tại Diên Khánh cũng là nơi lưu lại dấu chân của thi nhân. Một hôm đến viếng cảnh chùa, thấy Thượng tọa viện chủ tiếp đón khách tham quan niềm nở, ông liền làm bài thơ để lại lưu niệm:

Dặm hồng dìu dịu nắng,
Theo hứng viếng làng tu.
Ngụm nước đầm chơn vị,
Im lìm sen nở thu.

Người xưa từng nói: *"Nhân giả nhạo sơn; trí giả nhạo thủy."* (Người nhân ưa cảnh núi rừng; người trí ưa nơi sông nước). Phải chăng vì vậy mà các cảnh chùa tiêu biểu cho đạo từ bi nhân ái - thường được xây cất trên các đồi núi? Thậm chí có những ngôi danh lam quanh năm mây phủ xa xôi chập chờn trông có vẻ tiêu dao thoát tục:

Cây chen đá chất chập chùng,
Biển giăng dưới núi, chùa lồng trong mây.
Bụi đời không bợn mảy may,
Chút thân rộng tháng dài ngày thảnh thơi.

Phải chăng kiếp sống nhân sinh chập chờn như ảo mộng? Con người luôn luôn chơi vơi giữa dòng trường lưu bất tận, khiến đôi lúc nhà thơ chợt hứng cất tiếng gọi đò vang cả hư không:

Đời nửa khói mây chìm bóng mộng,
Gọi đò một tiếng lạnh hư không."

Ta nghe được dư âm của thiền sư Không Lộ đời Lý còn phảng phất đâu đây:

Hữu thì trực thướng cô phong đính,
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.

(Ngôn hoài)

(Có khi xông thẳng lên đầu núi,
Một tiếng kêu vang lạnh cả trời.)

[Thơ văn Lý - Trần, tập 1]

Không những chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của các thiền sư - điều mà thi sĩ đã khẳng định - ông còn thâm nhập cốt lõi của kinh Duy Ma Cật:

Ngày qua chẳm chậm vách kim thinh,
Cảnh giới Duy Ma mình với mình.
Hoa rải tờ thơ hương lành lạnh,
Trăng cài nhánh mộng bóng xanh xanh.

Có lần ông thổ lộ cái ý vừa nêu: *"Cây thiết mộc lan nở hoa lần này là lần thứ hai (tháng 12-1992). Lần trước nở tôi 79 tuổi (1989). Hai nhánh lan đã lên cao như hai cây sào, hoa nở trắng trên đọt, hương bay chập chờn theo gió, nghe lũ cháu reo mừng. Tôi tưởng chừng như hoa của thiên nữ từ trong vách Phương trượng của Duy Ma Cật bung ra rải*

xuống hạ giới vậy"

[Quách Tấn (1999), Bóng ngày qua (Đời văn chương), Nxb Hội Nhà văn, HN].

Điều này chứng tỏ càng về già nhà thơ càng đến gần cõi Đạo, như nhà văn Trần Phong Giao nhận xét: *"Tới lúc về già, ta thấy khí vị Thiền lung linh bàng bạc trong thơ Quách Tấn, nhất là trong nhiều bài in trong hai tập Mộng Ngân Sơn và Giọt trăng".*

Một hôm vào lúc xế chiều, Quách Tấn lên chùa Hải Đức *(ở Nha Trang)* thăm một người bạn vong niên *(tương truyền là thầy Nguyên Tánh)*. Mặc dù tuổi tác chênh lệch nhau, nhưng hai tâm hồn như cùng chung một giai điệu:

Áo giũ ngày sương gió,
Lên chùa thăm cố nhân.
Non nghiêng thềm bóng xế,
Lịu địu bóng nhàn vân.

Phong cách ấy quả thực có khác với thế nhân trong những lúc thù tạc vãng lai. Người đời đến và đi trong âm thanh và tốc độ của thời đại cơ khí, ồn ào và vội vã... Nhưng thời đại của nhà thơ là thời đại ẩn tình trầm lặng của một đám mây lơ lửng, lồng trong bóng núi nghiêng nghiêng. Người đời rồi cũng có lúc *"Giũ áo phong sương trên gác trọ"* để ngồi lại chiêm nghiệm chính mình, như thi sĩ đã làm:

Khép cửa phiền ba lại,
Vườn quê nắng sưởi tình.
Thanh bình lòng giếng ngọt,
Chim hót ngọc âm thanh.

Để thấy rõ hơn chân dung của Quách Tấn, chúng ta có thể nghe ý kiến của Phạm Công Thiện, một người bạn tâm giao của thi sĩ đã viết trong bài *"Trách nhiệm của tuổi trẻ Việt Nam với Quách Tấn"*: *"Quách Tấn là một Phật tử trọn vẹn, đã thu tóm tất cả những bài thơ mộng của Phật giáo vào trong cuộc đời trầm lặng của mình. Quách Tấn đã đi ngược lại tất cả phong trào thời thượng... Ông xứng đáng là kẻ nối dòng của các vị thiền sư: Vạn Hạnh, Không Lộ, Ngộ Ấn, và tất cả những thiền sư thi sĩ đã nuôi dưỡng linh hồn của cả một dân tộc, linh hồn của Lý Thường Kiệt đánh Tống và Trần Hưng Đạo đánh Nguyên."*

[Quách Giao (sưu tầm) (1994), Quách Tấn qua cái nhìn phê bình văn học, Nxb Trẻ, TP. HCM.]

Phải chăng vì được nuôi dưỡng trong không khí tâm linh của các thiền sư thi sĩ quá khứ mà *"Quách Tấn luôn luôn giữ phong độ của kẻ mang hào khí ngút ngàn? Mỗi hàng, mỗi câu đều thể hiện sáng sủa, uy nghiêm mà tràn ngập thi ca, khiến cho người đọc lòng không rửa mà trong, thân không cánh mà nhẹ. Tất cả con người Quách Tấn là thi ca, là tiếng báo hiệu của một sự tựu thành"* như lời nhà văn Nguyễn Thái đã viết trong bài Quách Tấn: quê hương và thơ được tuyển in trong tập Quách Tấn qua cái nhìn phê bình văn học do con trai nhà thơ là Quách Giao (sưu tầm), Nxb Trẻ, TP. HCM, 1994.

Ảnh: ST

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huy Cận - Hà Minh Đức chủ biên (1997), Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thi ca (60 năm phong trào Thơ Mới), Nxb Giáo dục, tb lần thứ nhất, HN.

2. Phan Cự Đệ (1982), Phong trào Thơ Mới, Nxb Khoa học Xã hội, HN.

3. Lam Giang (1970), Hồn thơ nước Việt, Nxb Sống Mới, SG.

4. Quách Giao (sưu tầm) (1994), Quách Tấn qua cái nhìn phê bình văn học, Nxb Trẻ, TP. HCM.

5. Nguyễn Tấn Long, Nguyễn Hữu Trọng (1969), Việt Nam thi nhân tiền chiến, Nxb Sống Mới, SG.

6. Nguyễn Tấn Long, Phan Canh (1970), Các khuynh hướng thi ca tiền chiến, Nxb Sống Mới, SG.

7. Bùi Văn Nguyên - Hà Minh Đức (1971), Thơ ca Việt Nam (Hình thức và Thể loại), Nxb Khoa học Xã hội, HN.

8. Lê Triều Phương, Phan Hồng Châu, Quách Tùng Phong (2002), Hương thơ Quách Tấn, Nxb Hội Nhà văn, HN.

9. Trần Hữu Tá, Nguyễn Thành Thi, Đoàn Lê Giang (chủ biên) (2013), Nhìn lại Thơ Mới và văn xuôi Tự Lực văn đoàn, Nxb Thanh niên, TP.HCM.

10. Quách Tấn (1939), Một tấm lòng, Nhà in Thuỵ Ký, Hàng Trống, HN.

11. Quách Tấn (1941), Mùa cổ điển, Nhà in Thuỵ Ký, Hàng Trống, HN.

12. Quách Tấn (1960), Mùa cổ điển, Nxb Tân Việt, SG, tái bản lần thứ 1.

13. Quách Tấn (1965), Đọng bóng chiều, in tại Paris (không ghi nơi xuất bản).

14. Quách Tấn (1966), Mộng Ngân Sơn, Hoa Nắng, Paris.

15. Quách Tấn (1973), Giọt trăng, Thi Vũ giới thiệu, Nxb Rừng Trúc, Paris.

16. Quách Tấn (1998), Thi pháp thơ Đường, Nxb Trẻ, TP. HCM.

17. Quách Tấn (1999), Trăng hoàng hôn, Nxb Trẻ, TP. HCM.

18. Quách Tấn (1999), Bóng ngày qua (Đời văn chương), Nxb Hội Nhà văn, HN.

19. Quách Tấn (2000), Bóng ngày qua (Bàn Thành tứ hữu), Nxb Văn nghệ, TP. HCM.

20. Quách Tấn (2000), Trường Xuyên thi thoại, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học và Nxb Văn nghệ Tp. HCM.

21. Hoài Thanh - Hoài Chân (1998), Thi nhân Việt Nam, in lần đầu 1941, Nxb Văn học, tái bản lần thứ 14, HN.

22. Nguyễn Vỹ (1970), Văn thi sĩ tiền chiến, Sống Mới, SG.

Ảnh: **Đạo Quang**

Hiện thân

● **Vĩnh Thông**

"Tôi, hay chúng ta, bất kỳ ai cũng có thể là hiện thân cho sự tốt lành và ấm áp"

Mọi người đã về từ rất lâu rồi. Cái sân còn trơ mấy lá vàng khô khốc, thỉnh thoảng có tiếng chổi loạt xoạt phát ra từ các cô, các chị đang quét sân. Vắng người, vậy mà bạn lại hình dung ra cả một rừng người đang ngồi trước mặt, giống như vừa cách đây mấy tiếng đồng hồ. Trong đám đông đó, có đôi mắt của cụ bà gần tám mươi tuổi.

Mọi người không biết tên bà, không biết bà từ đâu đến. Lần gặp gỡ bà cụ hôm nay cũng có lẽ cũng là lần duy nhất trong đời. Bà khập khững đi cùng cây cậy trên con đường đất ngoằn ngoèo, chen giữa dòng người đông đảo để vào tịnh xá từ rất sớm.

Dáng đi ấy đã không còn vững chãi, cứ bước những bước chân thật chậm, thật nhẹ, đôi chân run run như muốn khuỵu. Bà chọn cho mình một chỗ ngồi ở hàng ghế đầu tiên và lặng lẽ chờ đợi.

Hôm ấy, tịnh xá có buổi phát quà từ thiện.

Giờ điểm tâm, những phần thức ăn được phát ra. Bà xin cho mình một tô bún chay. Bàn tay bà run run bưng tô bún vàng rượm, nóng hôi hổi, ấm nồng như tình thương của mọi người hôm nay dành cho bà. Một lúc lâu sau, khi bạn đang loay hoay sắp xếp chỗ ngồi cho các cụ ông, cụ bà khác đến sau, thì bà cụ ấy gọi bạn lại. Đôi tròng mắt đục ngầu đã sũng ướt từ lúc nào, đỏ hoe. Vẫn lại là bàn tay run run bưng tô bún chìa ra trước mặt. Giọng nói già nua bật lên từng yếu ớt: *"Cho bà xin cái bọc đem về, bà mệt quá, ăn không nổi nữa"*. Kế bên có mấy tiếng xì xào *"Bà bị huyết áp"*. Cái tô như sắp không còn có thể vững vàng trên đôi tay gầy guộc ấy nữa.

Buổi phát quà được tiến hành. Vẫn đôi mắt đỏ hoe giàn giụa nước ấy, vẫn khuôn mặt rúm ró nhăn nhúm ấy, bà cụ khập khiễng từng bước đến bàn phát quà. Bà cũng như những cụ ông, cụ bà khác, đã nhận được rất nhiều phần quà từ những người hảo tâm. Có lẽ, đó là những hạnh phúc quý giá cuối đời của bà. Những món quà trên tay bà càng ngày càng chất đầy. Làm lòng những người trẻ làm tình nguyện viên trong buổi phát quà ấy cũng đầy theo những ấm áp.

Tay xách nách mang bước ra khỏi tịnh xá, bà vẫn không quên mang theo bọc bún còn ấm ấm, bà vẫn mang nó theo bên mình suốt lúc nhận quà cho đến khi bước ra về. Bà ra về rồi, những phần quà và bọc bún ấy cũng đã theo bà về nhà, có lẽ, trong đời bà, để có được những món ăn như thế khó khăn và quý giá biết dường nào.

Hình như ánh mắt ấy, khuôn mặt ấy, đôi tay ấy, đã theo bạn rất lâu khi đó, và rất lâu sau này.

Phút ấy, bất chợt bạn lại nghĩ đến tôn nhan của Đức Từ Phụ, Ngài luôn nhắm mắt và luôn mỉm cười.

Buổi phát quà từ thiện quá đông. Bàn ghế, chỗ ngồi, quà tặng, thức ăn đều được sắp xếp sẵn. Nhưng ai có thể sắp xếp sẵn được số phận những mảnh đời?

Có một câu nói từng đọc, giờ không nhớ rõ tác giả, xin phép được ghi lại: *"Tôi, hay chúng ta, bất kỳ ai cũng có thể là hiện thân cho sự tốt lành và ấm áp"*.

Có phải hôm nay, bà cụ với đôi mắt giàn giụa nước kia cũng chính là hiện thân cho sự tốt lành và ấm áp mà cuộc sống đã mang đến?

Hương Sen

Yến Nhi

Hương sen ngan ngát sân chùa
Câu kinh, tiếng mõ như vừa đâu đây
Thượng tuần trăng gác hiên Tây
Cửa thiền ăm ắp thấp đầy hương sen

Sen thiền

Lặn sâu vào đất, thu về
Bùn đen, ngó trắng, ao quê, Sen Thiền
Ri đồng ríu rít bờ hiên
Ve ran, Sen rộ, cửa thiền ngát hương

Tâm bồ đề

Hoa Hạnh Lựu

Đã bao ngày thiền định
Dưới gốc cây bồ đề
Đã bao đời tu tập
Lần ra khỏi bến mê

Người chuyển cỗ xe pháp
Lăn bánh giữa trần gian
Thắp ngọn đuốc trí tuệ
Xây cuộc sống bằng an

Người về nơi bến giác
Lung linh cõi niết bàn
Tâm bồ đề ở lại
Tỏa sáng khắp nhân gian

Dang tay giúp đỡ

Bảo Hồng Liên

Ở giữa trần gian giữa thế gian
Bao người vẫn sống kiếp lầm than
Giang tay cứu đỡ tình nhân loại
Là mở đường lên cõi niết bàn.

Cầu nguyện

Quen sống từ bi dạ thảnh thơi
Câu kinh mang nặng nghĩa thương đời
Lên chùa cầu nguyện cho nhân loại
Nhìn phía đài sen Phật mỉm cười

Ảnh: **Hứa Bình**

Phật Đản Ca

Lời : Lê Đàn
Nhạc : Lê Đàn - Ngọc Dũng

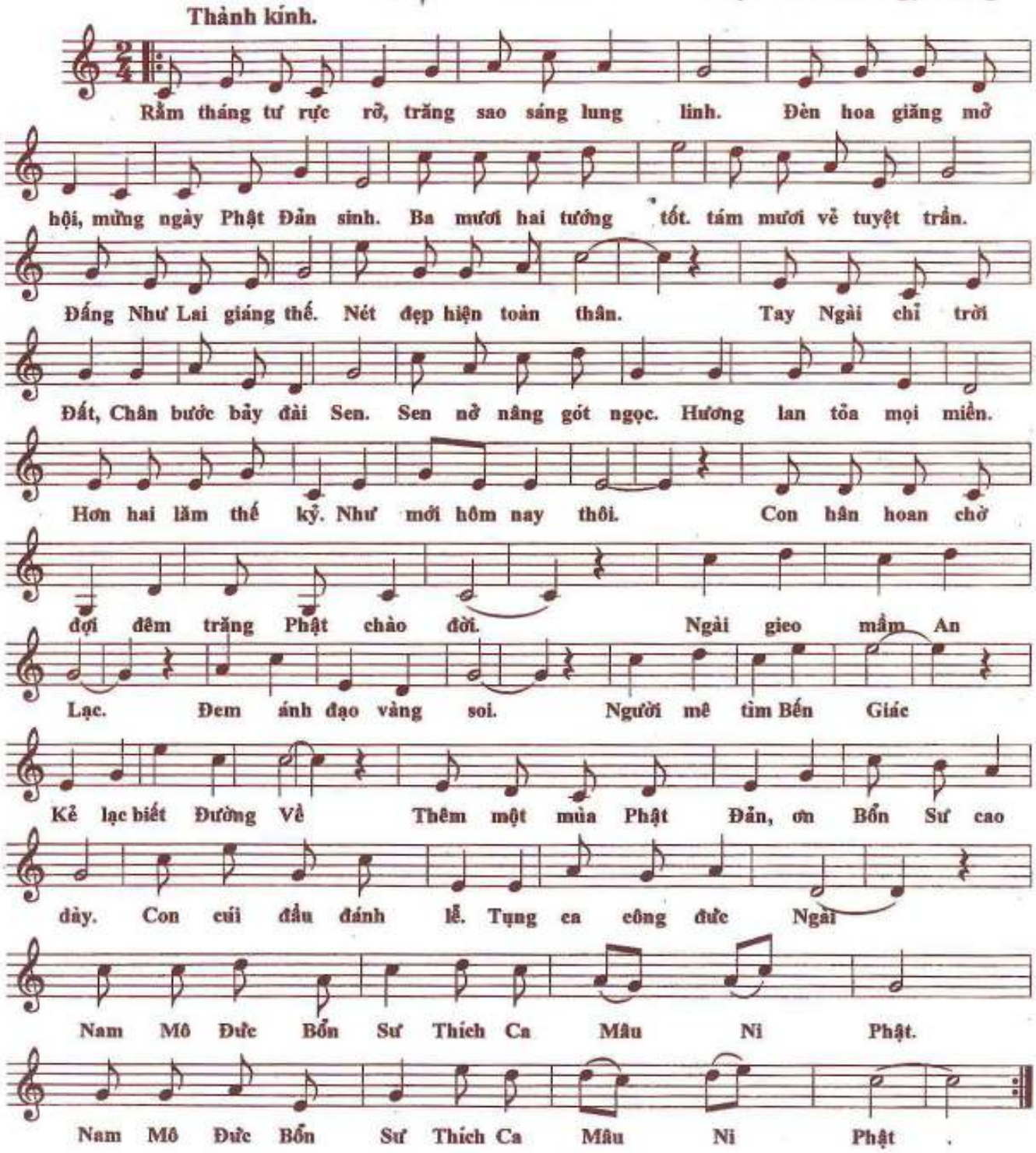

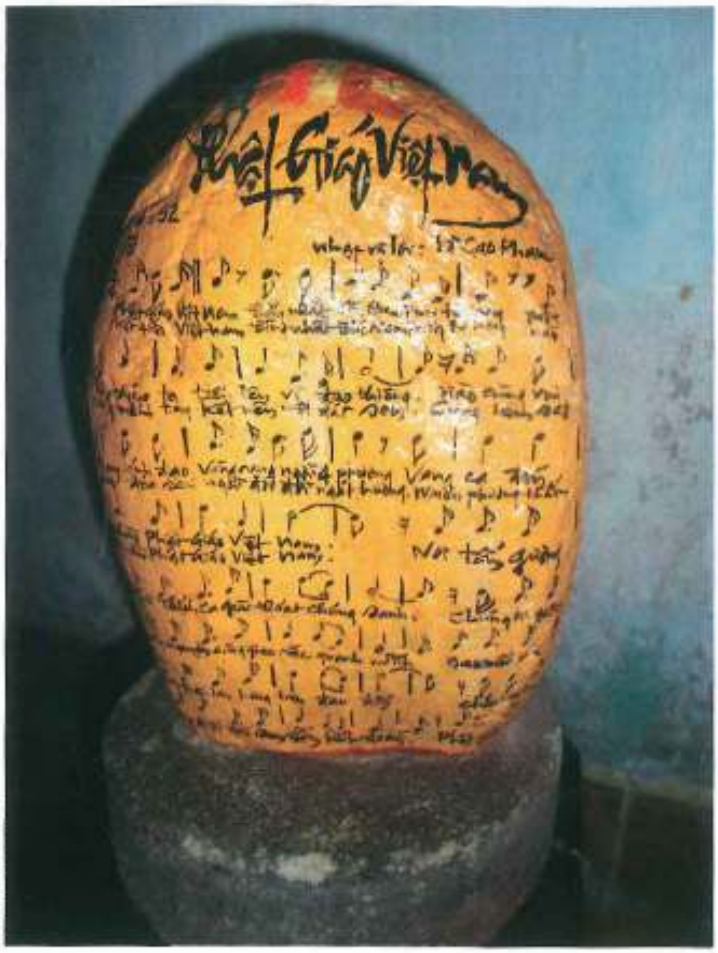

Ảnh: Lê Đàn

VIẾT LÀ MỘT CÁCH TU TẬP

● Lê Đàn

Đứa cháu họ của tôi đang là sinh viên năm thứ ba đại học sư phạm thì bị bệnh đành phải giã từ ước mơ trở thành cô giáo. Những đợt điều trị dài ngày trong bệnh viện tưởng chừng như không qua khỏi, nhưng bên cạnh cháu luôn có mẹ, một bà mẹ Phật tử tuyệt vời, bà chỉ có một cách duy nhất là niệm Phật gia hộ cho con bà vượt qua được căn bệnh hiểm nghèo, cháu nhìn mắt mẹ ánh lên niềm hy vọng làm cho cháu an tâm hơn. Cháu cũng niệm Phật, có thêm vị thuốc niệm Phật trợ lực làm cho cháu cảm thấy bớt đau hơn, bớt buồn hơn. Sức khỏe của cháu càng ngày càng khá lên, tuy không đạt tới mức mười, nhưng mức trung bình thì cũng đã quá diễm phúc cho cháu lắm rồi.

Nhà chỉ có hai mẹ con thôi, bố cháu mất từ khi cháu mới mười tháng tuổi, mẹ cháu là một bà mẹ hiền ở vậy buôn bán tảo tần thờ chồng nuôi con, ban ngày khó nhọc kiếm tiền, nhưng không quên thời kinh tối. Mẹ dắt theo con cùng tu tập, bà mua kinh sách cho cháu đọc để làm khuây mỗi ngày khi bà vắng nhà. Cháu rất cô đơn nên muốn giải bày, ngoài mẹ ra, cháu giải bày nỗi lòng mình trên trang giấy đầy kín cả cuốn sổ tay dày mấy trăm trang, cháu cảm thấy nhẹ người, vì mỗi lần viết là cháu chọn chỗ ngồi giữa sàn đối diện với tôn tượng Bồ Tát Quán Thế Âm ngay phòng thờ, cháu cảm thấy những nỗi u uẩn của cháu đã được mẹ Quán Thế Âm lắng nghe.

Tôi đến thăm cháu thường xuyên vì nhà cháu và nhà tôi ở gần nhau, mọi lần không thấy cháu nói gì về viết văn, lần này cháu đưa cho tôi một xấp giấy viết tay gồm có tùy bút và cả thơ lục bát nữa. Hóa ra lâu nay cháu cũng mày mò tập tành viết lách, những bài viết tập sự có rất nhiều chất liệu từ bi, nhưng cách diễn đạt đối với một người không chuyên thường hay mắc phải đó là dài dòng, không biết cách cô đọng. Tôi rất mừng vì trong cháu có tố chất thơ văn. Còn kỹ thuật viết thì không khó. Tôi có lời khen ngợi động viên khiến cháu vui lắm! Tôi đã trải qua cái thời kỳ khó khăn đầu tiên khi cầm bút, nếu như có ai đó góp ý cho mình thì quý lắm, cho nên tôi đã tận tình giúp đỡ cháu những gì có thể. Và cháu cũng đã đồng ý với tôi rằng mình là người con Phật thì *"Viết cũng là một cách tu tập rất tốt"*, vì muốn viết được một bài văn hoặc một bài báo cho ra trò, thì trước tiên mình phải có vốn liếng kiến thức làm nền tảng, vốn liếng kiến thức đọc được từ kinh sách, từ những trải nghiệm cuộc sống, giống như một người đầu bếp phải có vật liệu phong phú mới có thể chế biến được món ngon vừa ý, giống như con tằm phải ăn lá dâu non mới nhả ra được sợi tơ vàng óng ánh.

Có một lần chuyện trò với một nhà báo trẻ tài năng, bút lực của anh rất dồi dào, tôi hỏi anh làm sao mà anh viết được nhiều bài như vậy? Câu trả lời rất hay của anh rằng nhà báo như là người thư ký ghi chép những gì mình thấy và nghe hằng ngày. Nếu có cái nhìn sâu mà nhà Phật gọi là quán chiếu thì từ một chi tiết rất nhỏ xảy ra trong cuộc sống, mình cũng có thể viết được dưới lăng kính của một người học Phật.

Bác cháu tôi, một già một trẻ, chỉ là người viết không chuyên, có vẻ như đồng cảm với nhau trong câu chuyện viết lách, cùng với mục đích viết là để tu tập, có sự hiểu biết nhiều sẽ không bị tri giác sai lầm. Tôi hy vọng cháu tôi sẽ có nhiều bài viết đem lại lợi lạc cho chính mình và cho người đọc. Đọc và viết là một cách tu tập rất cần thiết cho người học Phật, nhưng bác cháu tôi không quên thời kinh tối nay.

SƯU TẦM TRỌN BỘ TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Nếu bạn muốn sưu tầm trọn bộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học xin vui lòng liên hệ với tòa soạn. Đặc biệt chỉ với 165.000đ bạn đã có trọn bộ cả năm được đóng thành một cuốn sách bìa cứng thật sang trọng. Hãy để **TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC TRỌN BỘ** năm 2012 - 2013 trên giá sách nhà bạn: vừa thuận tiện cho việc lưu trữ, vừa dễ dàng để bạn tra cứu khi cần.

20 bạn đọc đầu tiên đăng ký mua sách trọn bộ năm 2012 - 2013 sẽ được tặng 01 phần quà của Tạp chí. Bạn đọc Hà Nội xin mời đến mua tại tòa soạn, bạn đọc ngoài Hà Nội vui lòng liên hệ với chúng tôi qua số: 04 - 3. 9 423 887 để biết thêm chi tiết về cước phí bưu điện.

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐẶT MUA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NĂM 2014

Kính mời: Quý chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, độc giả đăng ký mua Tạp chí Nghiên cứu Phật Học năm 2013

☐ Số 1 Xuân 2014 (tháng 1+2), phát hành ngày 15/01/2014	Giá 30.000đ
☐ Số 2 (tháng 3+4), phát hành ngày 15/03/2014	Giá 25.000đ
☐ Số 3 Mừng Phật đản (tháng 5+6), phát hành ngày 15/5/2014	Giá 30.000đ
☐ Số 4 (tháng 7+8), phát hành ngày 15/07/2014	Giá 25.000đ
☐ Số 5 (tháng 9+10), phát hành ngày 15/09/2014	Giá 30.000đ
☐ Số 6 (tháng 11+12), phát hành ngày 15/11/2014	Giá 25.000đ
☐ Tạp chí cả năm (6 số)	Giá 165.000đ
☐ Cước gửi tạp chí về tận nhà *(theo nhu cầu)*	Giá 50.000đ

Để được giao báo tại nhà độc giả ngoài Hà Nội vui lòng đặt báo tại bưu điện gần nhà bạn nhất. Mã số đặt **Tạp chí Nghiên cứu Phật học** qua bưu điện *(Công ty Phát hành Báo chí Trung ương)* là C356. Độc giả Hà Nội muốn giao báo tại nhà vui lòng trả thêm cước phí chuyển phát.

Mọi thông tin về việc đặt mua báo, chi phí chuyển phát xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ:

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội * Điện thoại: 04 - 3 9 423 887

Tài khoản: Phân viện Nghiên cứu Phật học

Sở giao dịch 1 - Ngân hàng Công Thương Việt Nam * Số tài khoản: 102010000032825

THƯ KẾT NỐI

Đón đọc và ủng hộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Kính bạch các bậc chư tôn thiền đức, quý tăng, ni, phật tử!
Kính gửi quý bạn đọc gần xa, các đạo hữu và những người yêu mến đạo Phật!

Tạp chí Nghiên cứu Phật học (NCPH) ra đời tính đến nay đã tròn 24 năm. Tạp chí là ấn phẩm báo chí của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, và là một trong những cơ quan báo chí chính thức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam được Bộ VH - TT *(nay là Bộ TT & TT)* cấp Giấy phép báo chí.

Hơn 10 năm qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã giao cho Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội thực hiện việc xuất bản định kỳ Tạp chí. Tổng biên tập Tạp chí là Hòa thượng Thích Gia Quang - Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, kiêm Trưởng Ban Thông tin Truyền thông T.Ư GHPGVN, Viện trưởng Phân viện NCPHVN tại Hà Nội.

Tính đến nay, sau 24 năm xuất bản, Tạp chí đã phát hành được 124 số Tạp chí. Tạp chí NCPH hiện tại phát hành 2 tháng/1 số, trong năm 2013 Tạp chí đã phát hành được 06 số, in giấy couche, 4 màu, kích thước 20 x 28 cm, 84 trang.

Tạp chí có các chuyên mục, chuyên trang như: Giáo lý, Lịch sử và Triết học,Trao đổi...là những chuyên đề chuyên sâu nhằm giúp các quý tăng ni, học giả nghiên cứu, trao đổi và cùng nhau phổ biến tri thức Phật pháp.

Bên cạnh đó, những trang mục Phật giáo với đời sống, Văn hóa nghệ thuật Phật giáo, Suy ngẫm, Pháp thoại... là nhịp cầu nối giữa Phật giáo với đời sống, chú trọng truyền tải các thông tin phật học ứng dụng.

Để Tạp chí NCPH ngày một phát triển, Tạp chí rất mong nhận được sự cổ vũ, động viên, ủng hộ của quý tăng ni phật tử, quý học giả, bạn đọc xa gần bằng các hình thức sau:

- Tham gia gửi tin, bài, ảnh cộng tác
- Đặt mua Tạp chí và cùng chung tay quảng bá Tạp chí tới đông đảo bạn đọc
- Ủng hộ phát hành và công đức phát hành Tạp chí
- Tham gia Quảng cáo
- Ủng hộ tịnh tài giúp Tạp chí ổn định về Tài chính.

Hiện tại mỗi số phát hành, Tạp chí còn lỗ khoảng 50 triệu đồng, mỗi năm 6 số. Do vậy, nguồn kinh phí để in ấn và phát hành Tạp chí hết sức khó khăn.

Tạp chí NCPH thực hành giáo lý theo tinh thần hộ trì và xiển dương Phật Pháp, đăng tải các thông tin nghiên cứu chuyên sâu theo các chuyên đề cụ thể; đem lại lợi lạc quần sinh sẽ trân trọng ghi dấu thiện tâm của tất cả những người con Phật.

Dù một chút tịnh tài, một chút công sức nhưng với tâm thệ nguyện rộng lớn, công đức của tất cả sẽ hòa chung trong đại nguyện cùng hướng tới ngôi nhà chung Phật Pháp thường hằng.

Các khoản ủng hộ sẽ được cập nhật và đăng chi tiết trên các số báo và trên mạng Internet, mọi chi phí đều dành cho việc in ấn và phát hành Tạp chí.

1. Mọi sự ủng hộ tịnh tài của quý vị xin gửi về Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 73 chùa Quán Sứ, Quán sứ, Hà Nội. Số Tài khoản: 102010000032825; Sở giao dịch 1, Ngân hàng công thương Việt Nam

Trưởng ban Biên tập: Cư sĩ Giới Minh,
email: tapchincph@gmail.com, ĐT: 0913317752

2. Sự cộng tác bài vở xin liên hệ: Biên tập viên Chân Như
Địa chỉ email: phathocvietnam@gmail.com,
Điện thoại: 0977693286.

3. Liên hệ quảng cáo: Phật tử Phùng Anh Tuấn - pháp danh: Đạo Quang
Địa chỉ email: phunganhtuan18@gmail.com,
Điện thoại : 0962278617

4. Liên hệ ấn tống kinh: Phật tử Trần Thị Thanh Hà - Pháp danh Bảo Ngọc
Địa chỉ Email: thanhha@tuebichuaquansu.com
Điện thoại: 0919881641

5. Liên hệ phát hành: Phật tử Phạm Hồng Lựu - pháp danh Bảo Hồng Liên
ĐT: 0975.568.649

Xin trân trọng cảm tạ và sự động viên, đồng hành của tất cả quý vị!
Nguyện ánh sáng Chư Phật mười phương gia hộ cho quý vị thân tâm an lạc, phật sự viên thành.
Nam mô Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

KHÁNH HÒA: LỄ GIỖ QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG

Ảnh: **NHK**

10/3 Giáp Ngọ (9/4/2014), UBND tỉnh Khánh Hòa đã long trọng tổ chức Lễ giỗ Quốc tổ Hùng Vương, tại đền Hùng Vương số 173 đường Ngô Gia Tự, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đến dự lễ và dâng hương, có sự quang lâm của HT. Thích Quảng Thiện, Phó Trưởng Ban Trị sự, HT Thích Nguyên Quang, Phó Trưởng Ban Trị sự, cùng chư Tôn đức Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Khánh Hòa và các quan chức: ông Nguyễn Tấn Tuân - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa; ông Lê Xuân Thân - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa, lãnh đạo tỉnh, tp. Nha Trang, các sở, ban, ngành, các cơ quan quân đội, các trường viện cùng hàng ngàn đồng bào, phật tử, sinh viên, học sinh, tham dự.

Vào ngày lễ trọng này trên cả nước, nhiều tỉnh thành cũng đã kết hợp với Ban trị sự GHPGVN tổ chức Quốc tổ theo nghi thức truyền thống của dân tộc như: Lễ cáo yết giỗ tổ, Nam quan tế cổ truyền, Nữ quan tế cổ truyền, lễ cầu nguyện quốc thái dân an, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc, cầu siêu chiến sĩ trận vong, đồng bào tử nạn, cầu âm siêu dương thái...

TP. HCM : TỔ CHỨC LỄ HỘI TẾT CỔ TRUYỀN CAMPUCHIA - LÀO - MYANMAR - THÁI LAN

Lễ hội diễn ra vào ngày 12/03 Giáp Ngọ (11/04/2014) tại hội trường Hội Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị (Quận 1), do GHPGVN TP. Hồ Chí Minh - ban PG Quốc Tế phối hợp Hội Liên Hiệp Các Tổ Chức Hữu Nghị chủ trì.

Việt Nam - Campuchia - Lào - Myanmar - Thái Lan là các nước láng giềng anh em gần gũi trong cộng đồng Asean, trên tinh thần đó, nhân dân năm nước đã kề vai sát cánh trong

Ảnh: **AP**

sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Với tiêu chí phấn đấu: *"hòa bình - ổn định - hợp tác và phát triển thịnh vượng"* tiến đến một cộng đồng Asean vào năm 2015.

Tết Chol-cham-thmay là nét đặc trưng của nhân dân Campuchia, Bunpimap của nhândân Lào, Thing Yang của nhân dân Myanmar, Trut Song kran của nhân dân Thái Lan - thông qua việc tái hiện phong tục tập quán của ngày tết cổ truyền như: Tắm Phật, té nước, cột chỉ tay. Qua đó, chúng ta làm quen với những nghi lễ thiêng liêng, thưởng thức bài ca lời hát và những điệu múa mang đậm nét truyền thống quốc giáo.

HÀ NỘI: NINH BÌNH, GẤP RÚT CHUẨN BỊ CHO ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN LHQ 2014

Ngày 16/03 (15/04/2014), tại Hội trường tỉnh Ninh Bình đã diễn ra cuộc họp báo cáo tình hình kết quả hướng dẫn tạo điều kiện để GHPGVN tổ chức Đại lễ Phật đản LHQ 2014 trên địa bàn tỉnh.

Cuộc họp với sự tham dự về phía Giáo hội có HT. Thích Thanh Nhiễu - Phó chủ tịch TT. HĐTS GHPGVN - Chủ tịch Ủy ban Tổ chức Đại lễ Vesak LHQ 2014; TT. Thích Đức Thiện - Tổng Thư ký BTC Đại lễ Vesak LHQ 2014; TT. Thích Nhật Từ - Phó Tổng Thư ký BTC; ĐĐ. Thích Minh Quang - Chánh Thư ký BTS GHPGVN tỉnh Ninh Bình.

Về phía lãnh đạo T.Ư có ông Phạm Dũng, Thứ trưởng Bộ nội vụ - Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ - Tổ trưởng tổ công tác liên ngành của Chính phủ giúp đỡ tổ chức Vessak 2014; ông Bùi Hữu Dược, Vụ trưởng vụ Phật giáo Ban tôn giáo Chính phủ.

Lãnh đạo tỉnh có ông Bùi Văn Thắng, Phó bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình; ông Lê Văn Dung, Phó chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình cùng lãnh đạo các sở ban ngành tỉnh Ninh Bình cùng về tham dự.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ban Tôn giáo Chính phủ, UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác của tỉnh do đồng chí Phó chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng. Tổ công tác đã họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Tổ, ban hành kết hoạch của Tỉnh và giao nhiệm

Ảnh: **AP**

vụ cho các ngành chức năng, địa phương có liên quan triển khai các mặt công tác hỗ trợ Giáo hội đồng thời triển khai tuyên truyền cho nhân dân trong tỉnh hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung của Đại lễ Vesak: chỉ đạo doanh nghiệp đẩy nhanh tiến

độ thi công các hạng mục công trình phục vụ Đại lễ; có Tờ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ kinh phí đảm bảo cho hoạt động của các ngành, địa phương của Tỉnh.

Bên cạnh đó việc thành lập các tiểu ban An Ninh, chuẩn bị cơ sở vật chất cũng được gấp rút thực hiện và hoàn thành. 9h30 sáng, tại hội trường chùa Quán Sứ, buổi tập huấn đầu tiên dành cho tình nguyện viên Vesak LHQ 2014 đã diễn ra, với sự tham dự của 850 tình nguyện viên đến từ các trường đại học, trong thành phố Hà Nội, được BTC chọn qua phỏng vấn, trong đó 665 tình nguyện viên chính thức được chọn tập huấn trong Đội giao tế lễ tân.

Ngày tập huấn đầu tiên dành cho TNV Vesak LHQ có sự quang lâm và

Ảnh: **NHK**

hướng dẫn của Đại Đức Thích Quang Thạnh, Phó Ban kiêm Chánh thư ký Ban Phật giáo Quốc tế, cùng anh Vũ Minh Lý, Giám đốc Trung tâm tình nguyện quốc gia, và sự hỗ trợ của đại diện Ban Hướng dẫn Phật tử TW và đại diện TW Đoàn Thanh niên. Ngày tập huấn đầu tiên chú trọng vào việc chia sẻ cùng các TNV về ý nghĩa của Đại lễ, về vai trò của các TNV đối với Đại lễ, về nội quy các TNV cần nắm rõ để phục vụ Đại lễ tốt nhất, sau đó, Đại Đức cùng anh Minh Lý dành hơn một tiếng đồng hồ để giải đáp các thắc mắc của các bạn TNV.

Chương trình tập huấn này nhằm thống nhất về thông tin, chú trọng phổ biến trách nhiệm, quyền lợi và nội quy, phép tắc tối thiểu dành cho các TNV khi tiếp xúc với phái đoàn quốc tế. Các TNV sẽ là một trong những nhịp cầu nối quan trọng về việc quảng bá về hình ảnh con người, đất nước Việt Nam đến bạn bè thế giới nên công việc này càng phải được chuẩn bị kỹ càng và nghiêm túc

Chế độ dành cho tình nguyện viên: Các TNV được ăn chay theo các quý Thầy, đây là một thiện duyên để các bạn thực tập thói quen ăn uống tốt cho sức khỏe, bên cạnh đó, BTC sẽ thu xếp ổn thỏa về chỗ nghỉ ngơi và sau đó được cấp giấy chứng nhận tình nguyện viên. Trung tâm tình nguyện Quốc gia phối hợp cùng TW GHPGVN sẽ cấp giấy chứng nhận cho công đức các TNV đã đóng góp vào sự thành công của Đại lễ. Ngoài ra, các bạn còn được BTC phát tặng mỗi bạn 3 chiếc áo đồng phục Vesak.

CHUYẾN VIẾNG THĂM LẦN THỨ V CỦA ĐỨC PHÁP VƯƠNG GYALWANG DRUKPA VÀ TĂNG ĐOÀN TRUYỀN THỪA DRUKPA ĐẾN VIỆT NAM.

Bắt đầu từ ngày 4/4/2014, Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa cùng tăng đoàn đã đến Việt Nam theo lời thỉnh mời. Với thông điệp *"Yêu thương trong hành động"* vì một thế giới hòa bình, hòa hợp và an lạc, qua 21 ngày, từ ngày 4 đến 21/4/2014 Ngài cùng Tăng đoàn Phật giáo Ấn Độ Truyền thừa Drukpa sẽ cử hành Pháp hội quán đỉnh cộng đồng, cầu nguyện quốc thái dân an, cầu siêu độ, chia sẻ Phật Pháp tại Hà Nội, Vĩnh Phúc, Tp. HCM và một số tỉnh thành khác.

Ngày 5/4, tại Văn Miếu Quốc Tử Giám, mở đầu chuyến thăm, Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa, bậc thầy giác ngộ tâm linh quốc tế đã cùng lãnh đạo Hội nhà văn Việt Nam, lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Nội cắt băng khai mạc triển lãm ảnh Yêu thương trong hành động. Triển lãm giới thiệu 137 tác

Ảnh: **NHK**

phẩm ảnh và bộ tranh đá quý về cuộc đời tâm nguyện, các hoạt động thiện hạnh, những thời khắp đẹp và cảm động trên hành trình hoằng dương Phật pháp của ngài.

Trong khuôn khổ triển lãm, Đức Pháp vương cũng đã có buổi tọa đàm với các nhà văn, các phật tử về tinh thần *"yêu thương trong hành động"*

Sáng ngày 6/4, Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa cùng Nhiếp Chính Vương Drukpa Thuksey Rinpoche và Tăng đoàn quang lâm chùa Quang Ân, *(Thanh Trì, Hà Nội)* cử hành Đại Pháp hội quán đỉnh cộng đồng Phật Dược sư, cầu nguyện quốc thái dân an. Đây là hoạt động Phật sự chính thức đầu tiên trong khuôn khổ chuyến viếng thăm Việt nam của Ngài và Tăng đoàn

Sáng ngày 16/04/2014 tại Liên hiệp Hội Văn học Nghệ thuật TP. HCM *(81 Trần Quốc Thảo, P.7, Q.3)* cũng đã diễn ra buổi tọa đàm giới thiệu sách Giác Ngộ Mỗi Ngày và triển lãm ảnh *"Yêu thương trong hành động"*.

Tác phẩm Giác ngộ mỗi ngày là cuốn Pháp bảo được rất nhiều độc giả trên thế giới đón nhận như một chìa khóa an lạc hạnh phúc ngay trong hiện tại, sách có ba phần như sau: *"Hành trình siêu việt; Tiến bước trên hành trình của bạn; Vượt qua chướng ngại trên đường tu tập"*.

Thời gian ở Việt Nam, Đức Pháp Vương cùng Tăng đoàn đã mang đến thông điệp hòa bình, trí tuệ, tình yêu thương và ban trải lòng bi mẫn vô hạn.

BTV *Tổng hợp*

HÀN QUỐC: ẤN ĐỘ TẶNG HÀN QUỐC MỘT CÂY NON CỦA CÂY BỒ ĐỀ LINH THIÊNG

Đại sứ Ấn Độ tại Hàn quốc (đứng giữa) và cây non của cây bồ đề linh thiêng
Photo: **IANS**

Hàn quốc, nước có gần ¼ của dân số 50 triệu người là Phật tử, đã nhận được một cây non của cây bồ đề linh thiêng ở Bồ đề Đạo tràng, Ấn Độ. Cây non này do Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh tặng Tổng thống Hàn quốc Park Geun-hye, như là một cử chỉ đặc biệt của tình hữu nghị và thiện chí của Ấn Độ khi bà sang thăm Ấn Độ vào tháng 1/2014.

Cây non đã được tiếp nhận tại phi trường Seoul, Hàn quốc, vào ngày 7/3/2014 với sự hiện diện của một số quan chức của 2 nước.

Cây non sẽ tạm thời được đặt tại Vườn ươm Quốc gia Hàn quốc, sau đó sẽ chuyển đến nơi trồng chính thức tại một ngôi chùa nổi tiếng của đất nước này để Phật tử chiêm bái. Cây cũng được xem là biểu tượng mạnh mẽ của mối quan hệ hữu nghị và thân thiết của 2 dân tộc Ấn-Hàn.

(Indian Express - March 8, 2014)

MÃ LAI: CẢNH SÁT THAM GIA CÙNG PHẬT TỬ LỄ CẦU NGUYỆN CHO MÁY BAY MẤT TÍCH MH370

Cuộc cầu nguyện được tổ chức tại Chùa Mahindarama ở Jalan Kampar, George Town.
Photo: **Daily Mirror**

George Town, Penang , hang 100 Phật tử bao gồm cả cảnh sát đã cầu nguyện cho sự an toàn của hành khách và phi hành đoàn của chiếc MH370 xấu số thuộc hãng Hàng không Mã Lai, vốn bị mất tích từ thứ Bảy tuần trước.

Sư trưởng của chùa là Thượng tọa E Indarama chủ trì lễ cầu nguyện đã cùng các tín đồ tụng niệm.

Cheong Koon Kock, Chỉ huy phó của Cảnh sát Đặc biệt Penang, dẫn đầu 56 cảnh sát viên và nhân viên cùng cầu nguyện với công chúng. Ông nói cảnh sát tham dự lễ cầu nguyện để cho thấy rằng họ cùng tất cả người Mã Lai hy vọng và cầu nguyện cho điều tốt đẹp nhất trong thời điểm thử thách này của quốc gia.

(Buddhist Door - March 13, 2014)

ẤN ĐỘ: HAI BAN HỘI PHẬT GIÁO TỔ CHỨC TRẠI Y TẾ MIỄN PHÍ CHO NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG

Hiệp hội Phật Quang Quốc tế *(Đài Loan)* và Ban quản trị Tịnh xá A Nan Phật *(Ấn Độ)* đã tổ chức một trại y tế tại Mahendra Hills *(Secunderbad, bang Andhra Pradesh)* cho những người không có đủ khả năng để được chăm sóc y tế.

Hai tổ chức này đang cùng làm việc để cung cấp dịch vụ nhân đạo cho người dân Ấn Độ. Trong số các hình thức khác nhau của công tác xã hội, 2 nhóm đã phối hợp tổ chức một trại y tế miễn phí tại Tịnh xá A Nan Phật ở Secunderabad vào ngày 12/3/2014.

Trại làm việc từ 9.30 am đến 2.00 pm, tư vấn và xét nghiệm, phát thuốc miễn phí cho bệnh nhân nghèo và thiếu thốn.

Trại y tế miễn phí này rất cần thiết trong việc tạo ra nhận thức công cộng về tầm quan trọng của sức khỏe tốt. Nó cũng mang các tổ chức Phật giáo vào ánh sáng của Phật giáo Dấn thân, một phong trào vốn lấy hành động làm trọng tâm của tâm linh.

(Buddhist Door - March 17, 2014)

TÍCH LAN: TRƯỜNG ĐẠO PHÁP CHỦ NHẬT: ÁNH SÁNG DẪN ĐƯỜNG CHO TRẺ EM

Các Trường Đạo pháp Chủ nhật được thành lập tại Tích Lan trong cuộc cách mạng tôn giáo vào năm1880.

Ngày nay mỗi tu viện Phật giáo của Tích Lan đều có trường Đạo pháp, với số học sinh theo học lên đến hàng trăm, đôi khi hàng nghìn em trong một trường.

Các trường Đạo pháp Chủ nhật cũng là những cơ sở giáo dục miễn phí giống như các trường công lập tại đất nước này. Chúng là nền tảng cho trẻ phát triển đạo đức và tiếp thu sự hướng dẫn tinh thần. Trẻ cũng được dạy về thiền định, phụng sự cộng đồng, hành hương, cúng dường v.v.

Kết quả tích cực của sự thành lập các Trường Đạo pháp Chủ nhật ở Tích Lan này cũng đã thuyết phục Phật tử tại các nước khác trên thế giới trong việc thành lập những trường tương tự. Hiện nay nhiều nước châu Á, châu Mỹ và châu Âu đã tiến hành lập ra các Trường Đạo pháp Chủ nhật.

(Buddhist Door - March 21, 2014)

NHẬT BẢN: TRIỂN LÃM "CHÙA HORYUJI - LỄ CẦU NGUYỆN VÀ TRANH TƯỢNG"

Tokyo, Nhật Bản - Để cầu nguyện cho sự hồi phục từ thảm họa sóng thần 2011, một cuộc triển lãm lớn về các bảo vật của chùa Horyuji sẽ được tổ chức tại Bảo tàng Nghệ thuật của trường Đại học Nghệ thuật Tokyo từ 26/4 đến 22/6/2014.

Triển lãm *"Chùa Horyuji - Lễ cầu nguyện và Tranh tượng"* sẽ trưng bày những bảo vật quan trọng của chùa,

vốn được tạo tác vào thế kỷ thứ 7 tại tỉnh Nara ngày nay.

Sẽ có khoảng 40 tranh, tác phẩm điêu khắc và các loại vải nhuộm có niên đại từ thời Asuka (592-710) đến thời Kamakura (1192-1333) được triển lãm tại Tokyo. Trong số đó có 2 bảo vật quốc gia là tượng Đa Văn Thiên Vương và Cát Tường Thiên.

Thành lập vào giữa thế kỷ thứ 6, chùa Horyuji lưu giữ nhiều tác phẩm mỹ thuật, điêu khắc và thủ công tiêu biểu cho thời kỳ đầu của nghệ thuật Phật giáo ở Nhật. Chùa trở thành Di sản Thế giới UNESCO đầu tiên của Nhật Bản vào năm 1993.

(Japanese Buddhism in the News - March 23, 2014)

ANH QUỐC: LỄ KỶ NIỆM 150 NĂM NGÀY SINH CỦA ANAGARIKA DHARMAPALA, NGƯỜI SÁNG LẬP TỊNH XÁ PHẬT GIÁO LUÂN ĐÔN

Tịnh xá Phật giáo Luân Đôn đã lên kế hoạch cho các chương trình để kỷ niệm 150 năm ngày sinh của Anagarika Dharmapala, người sáng lập chùa này.

Anagarika Dharmapala là người tiên phong trong sự phục hưng Phật giáo tại Ấn Độ sau khi tôn giáo này hầu như bị tuyệt diệt trong nhiều thế kỷ. Và ông là Phật tử đầu tiên trong thời hiện đại đã giảng Đạo pháp tại 3 châu lục là châu Á, Bắc Mỹ và châu Âu.

Năm 1926, ông mở Tịnh xá Phật giáo Luân Đôn, là ngôi chùa Phật giáo Nguyên thủy đầu tiên được thành lập bên ngoài châu Á.

Ông sinh ngày 17/9/1864. Và năm nay lễ kỷ niệm ngày sinh thứ 150 của nhà phục hưng Phật giáo tôn quý này sẽ được Tịnh xá Phật giáo Luân Đôn tổ chức trong một tuần - từ ngày 13 đến 20/9/2014.

Ngoài ra, Anagarika Dharmapala sẽ là chủ đề của lễ trao giải thưởng hàng năm của Trường Đạo pháp Tịnh xá Phật giáo Luân Đôn, được tổ chức vào ngày 30/3/2014.

(Tipitaka Network - March 28, 2014)

CANADA: LỄ VESAK VÀ CÁC LỄ HỘI DI SẢN Á CHÂU TẠI TÒA THỊ CHÍNH OTTAWA VÀO NGÀY 4/5/2014

Qua những nỗ lực và sự hợp tác của các nhóm liên văn hóa khác nhau, Lễ Vesak và các lễ hội Tháng Di sản Á châu sẽ được tham dự rộng rãi bởi cộng đồng Ottawa. Các lễ kỷ niệm cũng sẽ có lễ tụng niệm cho Hòa bình Thế giới của Tăng đoàn, trình diễn văn hóa và trưng bày nghệ thuật từ các cộng đồng châu Á đa dạng của Ottawa.

Đây là cơ hội duy nhất cho Ottawa để tham gia vào các lễ hội đa văn hóa của Di sản Á châu và đánh dấu Ngày Đại lễ Phật đản - kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh, giác ngộ và nhập Niết bàn.

Một nét nổi bật của ngày đặc biệt này là sự trưng bày 7 trong số những tượng đẹp nhất thế giới của Đấng Giác ngộ, Đức Phật, để kỷ niệm thông điệp hòa bình của Ngài.

(Buddhist Door - April 1, 2014)

THÁI LAN: SA DI DUY TRÌ TRUYỀN THỐNG TRONG KỲ NGHỈ HỌC

Với năm học 2013-2014 của bậc tiểu học Thái, hiện nay có hàng trăm nghìn thiếu niên trên cả nước dùng thời gian nghỉ học dài giữa 2 năm học để đi tu trong một giai đoạn ngắn, như một sa di, để đạt được một sự hiểu biết giáo lý nhà Phật tốt hơn và sống theo Thập giới.

Là một phần của sự nhập môn tu hành, các sa di được dẫn đi khất thực bởi các tăng sĩ lớn tuổi từ chùa mà các em theo tu học. Cư dân trên các con đường mà các sa di đi qua sẽ được báo trước để bảo đảm việc chuẩn bị đầy đủ vật phẩm cúng dường.

Đi chân trần dọc theo các đường phố và đường quê theo cách của các thầy, các sa di luôn được tiếp đón và mang đến cho người Thái cao tuổi và những gánh nặng thế tục của họ niềm hy vọng và nguồn cảm hứng cho tương lai, cũng như một sự kết nối rõ ràng với một truyền thống lâu đời.

(Tipitaka Network - April 4, 2014)

HOA KỲ: TRIỂN LÃM CÁC TÁC PHẨM ĐIÊU KHẮC THỜI KỲ ĐẦU CỦA PHẬT GIÁO TRUNG HOA

Tượng đầu của một Bồ tát bằng cẩm thạch thời Đông Ngụy/Bắc Tề (năm 535-577)
Photo: **Crystal Castle**

New York, Hoa Kỳ - Phòng triển lãm Mỹ thuật Throckmorton tổ chức triển lãm 31 tác phẩm điêu khắc thời kỳ đầu của Phật giáo Trung Hoa.

Trong số này có nhiều tượng bị chôn vùi qua nhiều thế kỷ. Chúng đã được nghiên cứu kỹ bởi các học giả Trung quốc, với hình ảnh và phân tích trong một danh mục kèm theo dưới sự hướng dẫn của các Tiến sĩ Qing Chang và Elizabeth Childs-Johnson.

Nhóm tượng thu thập được trong 12 năm qua này cho thấy sự đa dạng của các tác phẩm điêu khắc Trung Hoa từ thời Bắc Ngụy cho đếncác triều Đường và Tống – từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ 12. Tất cả các tượng của triển lãm cho thấy sự kiên nhẫn và kỹ năng của các nghệ nhân Trung Hoa, cho phép so sánh sự thay đổi hình ảnh của Phật giáo và chư Thần Phật trong văn hóa Trung Hoa.

(WSI - April 11, 2014)

PHƯƠNG DANH CÚNG DÀNG

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	TỊNH TÀI
1	Trần Thị Mỹ	Số 84 Quán Sứ - Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	120.000
2	Trần Giang Hà	Tổ Thiện Chính - Quán Sứ	85.000
3	Tố Cát Tường	Chùa Quán Sứ (Hoàng Thị Quyên)	1.000.000
4	Hà Văn Thắng	Tổ Thiện Chính - Chùa Quán Sứ	200.000
5	Lê Thị Vui	Tổ Thiện Chính - Chùa Quán Sứ	100.000
6	Nguyễn Thị Chiến	Tổ Thiện Chính - Chùa Quán Sứ	100.000
7	Lý Thị Dân	Tổ Thiện Chính - Chùa Quán Sứ	200.000
8	Nguyễn Thị Huệ	Tổ Thiện Chính - Chùa Quán Sứ	100.000
9	Nguyễn Thị Thanh (Dần)	Tổ Thiện Chính - Chùa Quán Sứ	200.000
10	Nguyễn Thị Lan	Số nhà 240A tổ 35 Phường Quang Trung, TP Thái Nguyên	200.000
11	Nguyễn Thị Nga	Thôn Phùng Khoang, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Tp.Hà Nội	100.000
12	Lê Mạnh Thắng	Số nhà 15 ngõ 169 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội	2.000.000

Tạp chí xin chân thành cảm ơn Chư Tôn Đức Tăng Ni và Quý vị phật tử đã hảo tâm ủng hộ hoạt động của Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội. Hoằng pháp lợi sinh là phật sự trọng đại và lâu dài.
Kính mong được sự giúp đỡ thường xuyên của Quý vị để Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội hoàn thành phật sự.
Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát tác đại chứng minh.

PHÂN VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI

Ảnh: Tuấn Anh

VINCOM CITY TOWERS

"Where all the famous brands meet"

ADD:
191 Ba Trieu Str.,
Hai Ba Trung Dist., Hanoi
Tel: (84-4) 974 2899
Fax: (84-4) 974 2868
http://www.vincomjsc.com

VINCOM CITY TOWERS
Hanoi's most modern prestigious shopping comp ex with up to date fashion exce ent food and great entertainment

GREAT SHOPPING
Internationa & famous Brands
Good warranties and services
Coo and fresh environment with fu y air conditioning system

FOOD COMPLEX
Great restaurants Variety of Asian and Western food

MODERN CINEMA COMPLEX
(Openning 26th Apri 2006)
8 most modern cinemas

GAMES WORLD
A SAFE PLACE
TO LEAVE YOUR KIDS
(Legend Garden)
Fun and re axing choice of games

AVG TRUYỀN HÌNH AN VIÊN

TỐT MÀ TIẾT KIỆM

Giá dịch vụ
33.000đ - 66.000đ - 88.000đ/1 tháng

Không mất tín hiệu khi trời mưa

Thuyết minh, lồng tiếng kênh nước ngoài

CƯỚC PHÍ RẺ NHẤT

Giải pháp chia được nhiều tivi

Truyền hình không dây di chuyển được mọi nơi

Ăng-ten nhỏ gọn dễ lắp đặt

Hơn 100 kênh siêu nét
với đầy đủ các kênh giải trí

www.truyenhinhanvien.vn

Hotline: 1900 1900